

HSK 3.0 NEW STANDARD • CẤP ĐỘ 2 (SƠ CẤP)

SỔ TAY TỔNG HỢP TỪ VỰNG HSK 2 (3.0)

Trọn bộ 750 từ vựng HSK 2 chuẩn mới 3.0, mở rộng vốn từ giao tiếp đời sống hiện đại, âm Hán Việt hoa 100% và ví dụ ngữ cảnh sinh động.

**100% Đầy Đủ 750 Từ Vựng HSK 2 (3.0)**

Sắp xếp khoa học kèm phiên âm, từ loại & câu ví dụ

**Âm Hán Việt Viết Hoa Chuẩn Mực**

Kích hoạt phản xạ từ vựng qua tiếng mẹ đẻ

**Tích Hợp QR Code Tương Tác**

Quét mã nghe phát âm chuẩn & luyện tập online

⚡ KHÔNG GIAN HỌC TRỰC TUYẾN**Quét Mã QR Để Học & Nghe Phát Âm**

Dùng camera điện thoại quét mã QR để mở ngay kho từ vựng trực tuyến trên FoxHSK: Nghe phát âm giọng Bắc Kinh, tập viết từng nét bút và làm bài trắc nghiệm.

<https://foxhsk.com/vocabulary?standard=3.0&level=2> →





☆ CẤU TRÚC 1 THẺ TỪ VỰNG CHUẨN TRÊN FOXHSK

Áp dụng chuẩn UI V3 đồng bộ toàn hệ thống

HSK 2 (3.0)

Trợ từ

#001

啊

a

À

今天的天气真好啊！我们一起去公园散步吧。

Jīntiān de tiānqì zhēn hǎo a! Wǒmen yìqǐ qù gōngyuán sànsàn bù ba.

Thời tiết hôm nay đẹp thật đấy! Chúng mình cùng ra công viên đi dạo nhé.

9 nét

HÁN VIỆT A

1 Cấp độ & Từ loại: Xác định phân loại ngữ pháp (Động từ, Danh từ, Phó từ...) để đặt câu đúng ngữ cảnh.

3 Pinyin Đỏ Nổi Bật: Đầy đủ dấu thanh điệu giúp phát âm chuẩn xác ngữ âm phổ thông.

5 Câu Ví Dụ Thực Tế: Ứng dụng từ vựng vào ngữ cảnh câu thực tế, tách riêng 3 dòng rõ ràng: Chữ Hán, Pinyin và bản dịch tiếng Việt.

2 Chữ Hán Tiêu Chuẩn: Kiểu chữ Noto Serif SC rõ ràng, hiển thị đúng từng nét bút chuẩn thi HSK.

4 Nghĩa Tiếng Việt: Bản dịch tự nhiên, chuẩn văn phong tiếng Việt hiện đại.

6 Hán Việt (VIẾT HOA 100%): Chia khóa vàng giúp người Việt hiểu sâu gốc từ, mở rộng vốn từ vựng cấp số nhân!



1. Đòn Bẩy Âm Hán Việt

Tiếng Việt có hơn 70% từ mượn gốc Hán. Học chữ Hán kết hợp âm Hán Việt giúp bạn thuộc từ trong 5 giây mà không cần học vẹt!



2. Ôn Tập Ngắt Quãng SRS

Áp dụng nguyên lý đường cong quên lãng Ebbinghaus: Ôn lại sau 1 ngày, 3 ngày, 7 ngày và 14 ngày trên website FoxHSK với thuật toán SRS.



3. Quét QR Luyện Nghe Nói

Mỗi trang tài liệu đều có mã QR dẫn trực tiếp về bài học trực tuyến để bạn nghe giọng đọc chuẩn và luyện trắc nghiệm phản xạ.

THỐNG KÊ PHÂN BỐ TỪ LOẠI TÀI LIỆU HSK 2 (3.0)

Tổng cộng: 750 từ vựng

435

Danh từ

157

Động từ

68

Tính từ

14

Đại từ

15

Số & Lượng từ

61

Từ loại khác



HSK 2 (3.0)

Trợ từ

#001

啊
 a

À

今天的天气真好啊！我们一起去公园散散步吧。

Jīntiān de tiānqì zhēn hǎo a! Wǒmen yìqǐ qù gōngyuán sǎnsǎn bù ba.

Thời tiết hôm nay đẹp thật đấy! Chúng mình cùng ra công viên đi dạo nhé.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: A

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#002

爱情
 ài qíng

tình yêu

他们相濡以沫走过风风雨雨，用一生的相守诠释了真挚美好的爱情。

Tā men xiāng rú yǐ mò zǒu guò fēng fēng yǔ yǔ, yòng yì shēng de xiāng shǒu quán shì le zhēn zhì měi hǎo de ài qíng.

Họ cùng nhau vượt qua bao thăng trầm sóng gió, dùng sự gắn kết cả cuộc đời để mình chứng cho một tình yêu chân thành đẹp đẽ.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: ÁI TÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#003

爱人
 ài rén

vợ / chồng, người bạn đời, người thương

他和爱人在科研攻关道路上志同道合、携手并进，共同为国家重大工程贡献力量。

Tā hé ài rén zài kē yán guān dào lù shàng zhì tóng dào hé, xié shǒu bìng jìn, gòng tóng wèi guó jiǎ zhòng dà gōng chéng gòng xiàn lì lìàng.

Anh ấy và người bạn đời vợ mình trên con đường nghiên cứu khoa học vượt khó cùng chung chí hướng, chung tay tiến bước, cùng cống hiến sức lực cho công trình trọng đại của đất nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: ÁI NHÂN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#004

安静
 ān jìng

yên tĩnh

阅览室里非常安静，大家都在专心地查阅学术文献。

Yuèlǎnshì lǐ fēicháng ānjìng, dàjiā dōu zài zhuānxīn de chānyuè xuéshù wénxiàn.

Trong phòng đọc sách rất đỗi yên tĩnh, mọi người đều đang chăm chú tra cứu tài liệu học thuật.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: AN TĨNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#005

安全
 ān quán

an toàn

在面对复杂的挑战时，保持安全的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí ān quán de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái an toàn đặc biệt quan trọng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: AN TOÀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#006

白色
 báisè

màu trắng, sắc trắng

冬雪过后，巍峨的长城披上了一层银装素裹的白色盛装，显得格外雄伟壮丽。

Dōng xuě guò hòu, wēi é de cháng chéng pī shàng le yì céng yín zhuāng sù guāo de bái sè shèng zhuāng, xiǎn de gé wài xióng wēi zhuàng lì.

Sau trận tuyết mùa đông, Vạn Lý Trường Thành sừng sững khoác lên mình tấm áo màu trắng tinh khôi như dải lụa bạc, trông vô cùng hùng vĩ và tráng lệ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BẠCH SẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#007

班长
 bānzhǎng

lớp trưởng, trưởng nhóm

班长不仅学习成绩名列前茅，而且热心服务集体，深得老师和同学们的信任。

Bānzhǎng bù jǐn xué xí chéng jì míng liè qián máo, ér qiè rè xīn fú wù jí tǐ, shēn dé lǎo shī hé tóng xué men de xìn rèn.

Lớp trưởng không chỉ có thành tích học tập luôn đứng trong top đầu, mà còn nhiệt tình phục vụ tập thể, nhận được sự tin tưởng sâu sắc của thầy cô và các bạn học sinh.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: BAN TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#008

办
 bàn

làm

老师鼓励大家积极办，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 11 nét

HÁN VIỆT: BIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#009

办法
 bàn fǎ

biện pháp, cách thức

别着急，大家一起商量，肯定能想出解决的办法。

Bié zhāojí, dàjiā yìqǐ shāngliang, kěndìng néng xiǎng chū jiějué de bànfǎ.

Đừng vội lo, mọi người cùng bàn bạc thì chắc chắn sẽ tìm ra cách giải quyết thôi.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: BIỆN PHÁP



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#010

办公室

bàn gōng shì

văn phòng

王经理现在正在办公室里和重要客户商谈合作方案。

Wáng jīnglǐ xiànzài zhèngzài bàngōngshì lǐ hé zhòngyào kèhù shāngtán hézuò fāng'àn.

Giám đốc Vương hiện đang ở trong văn phòng bàn bạc phươg án hợp tác với khách hàng quan trọng.

35 nét

HÁN VIỆT: BIỆN CÔNG THẤT

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#011

半夜

bànyè

nửa đêm, đêm khuya

虽然已是半夜时分，科研攻关团队依然在实验室里专注地记录着最新实验数据。

Suī rán yǐ shì bàn yè shí fēn, kē yán gōng guān tuán duì yǐ rán zài shí yàn shì lǐ zhuān zhù dì jì lù zhe zuì xīn shí yàn shù jù.

Dẫu đã là thời điểm nửa đêm khuya, nhóm xung kích nghiên cứu khoa học vẫn đang chăm chú ghi chép những số liệu thực nghiệm mới nhất trong phòng thí nghiệm.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁN DẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#012

帮助

bāng zhù

giúp đỡ

谢谢你的帮助。

Xièxiè nǐ de bāngzhù.

Cảm ơn sự giúp đỡ của bạn.

18 nét

HÁN VIỆT: BANG TRỢ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#013

饱

bǎo

no bụng

今天中午的饭菜太合胃口了，我已经吃得非常饱了。

Jīntiān zhōngwǔ de fàncai tài hé wèikǒu le, wǒ yǐjīng chī de fēicháng bǎo le.

Bữa cơm trưa hôm nay vừa miệng quá, mình đã ăn no căng cả bụng rồi.

12 nét

HÁN VIỆT: BẢO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#014

报名

bào míng

đăng ký, ghi danh

有意向参加今年秋季汉语水平六级考试的同学请抓紧时间在网上报名。

Yǒu yì xiàng cān jiā jīn nián qiū jì hàn yǔ shuǐ píng liù jí kǎo shì de tóng xué qǐng zhuān jǐn shí jiān zài wǎng shàng bào míng.

Các bạn học sinh có nguyện vọng dự thi kỳ thi HSK 6 vào mùa thu năm nay xin vui lòng khẩn trương đăng ký trực tuyến.

26 nét

HÁN VIỆT: BÁO DANH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#015

报纸

bào zhǐ

báo, tờ báo

爸爸在看报纸。

Bàba zài kàn bàozhǐ.

Bố đang đọc báo.

22 nét

HÁN VIỆT: BÁO CHỈ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#016

北方

běi fāng

phía bắc, miền bắc

中国的北方冬天寒冷干燥，经常会迎来鹅毛大雪。

Zhōngguó de běifāng dōngtiān hánlěng gānzào, jīngcháng huí yíng lái é máo dà xuě.

Mùa đông ở miền bắc Trung Quốc lạnh và khô, thường xuyên đón những đợt tuyết rơi dày đặc.

22 nét

HÁN VIỆT: BẮC PHƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#017

背

bèi

cõng, vác, đeo lưng; học thuộc lòng; lưng

小时候每天清晨，爷爷都会耐心地教我背诵经典的唐诗宋词。

Xiǎo shí hòu měi tiān qīng chén, yé yé dū huì nài xīn dì jiào wǒ bèi sòng jīng diǎn de táng shī sòng cí.

Hồi còn nhỏ mỗi buổi sớm mai, ông nội đều kiên nhẫn dạy tôi học thuộc lòng những bài thơ Đường, từ Tống kinh điển.

10 nét

HÁN VIỆT: BỐI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#018

比如

bǐ rú

ví dụ, chẳng hạn như

坚持健康的生活习惯能够有效预防许多慢性疾病，比如早睡早起、清淡饮食以及每天坚持适度散步。

Jiān chí jiàn kāng de shēng huó xí guān néng gòu yǒu xiào yù fáng xǔ duō màn xìng jí bìng, bǐ rú zǎo shuì zǎo qǐ, qīng dàn yǐn shí yǐ jí měi tiān jiān chí shì dù sǎn bù.

Duy trì những thói quen sinh hoạt lành mạnh có thể phòng ngừa hiệu quả nhiều căn bệnh mạn tính, chẳng hạn như ngủ sớm dậy sớm, ăn uống thanh đạm và mỗi ngày đi bộ vừa sức.

22 nét

HÁN VIỆT: TỶ NHƯ



HSK 2 (3.0)

Liên từ / Cụm từ

#019

比如说

bǐrúshuō

ví dụ như, chẳng hạn như

中国有许多著名的传统节日，比如说春节、中秋节和端午节，都承载着深厚的文化内涵。

Zhōng guó yǒu xǔ duō zhù míng de chuán tǒng jié rì, bǐ rú shuō chūn jié, zhōng qiū jié hé duān wǔ jié, dōu chéng zài zhe shēn hòu de wén huà nèi hán.

Trung Quốc có rất nhiều ngày lễ tết truyền thống nổi tiếng, ví dụ như chẳng hạn như Tết Nguyên Đán, Tết Trung Thu và Tết Đoan Ngọ, đều mang trong mình hàm nghĩa văn hóa sâu sắc.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: TỶ NHƯ THUẾT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#020

笔

bǐ

cây bút

老师鼓励大家积极笔，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí bǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực cây bút, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BÚT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#021

笔记

bǐjì

ghi chép, sổ ghi chép, vở ghi bài

他每天都会把老师讲授的重点语法和生词工整地记在这本学习笔记本上。

Tā měi tiān dū huì bǎ lǎo shī jiǎng shòu de zhòng diǎn yǔ fǎ hé shēng cí gōng zhěng dì jì zài zhè běn xué xí bǐ jì shàng.

Anh ấy mỗi ngày đều ghi chép ngay ngắn những ngữ pháp trọng điểm và từ mới do thầy giáo giảng giải vào cuốn sổ ghi chép học tập này.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: BÚT KÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#022

笔记本

bǐjìběn

máy tính xách tay, sổ tay ghi chép

他习惯在上课时随手打开便携式笔记本电脑记录教授讲解的核心要点。

Tā xí guān zài shàng kè shí suí shǒu dǎ kāi biàn shì biān qì bǐ jì běn lǎo jì lù jiǎo shòu jiǎng jiě de hé xīn yào diǎn.

Anh ấy có thói quen trong giờ học tiện tay mở chiếc laptop gọn nhẹ ra ghi chép lại các ý cốt lõi mà giáo sư giảng giải.

📖 30 nét

HÁN VIỆT: BÚT KÝ BẢN

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#023

必须

bìxū

phải

想要学好一门外语，我们必须每天坚持听说读写全面练习。

Xiǎng yào xué hǎo yì mén wài yǔ, wǒ men bì xū měi tiān jiān chí tīng shuō dú xiě quán miàn liànxí.

Muốn học giỏi một ngoại ngữ, chúng ta nhất định phải kiên trì luyện tập toàn diện nghe nói đọc viết mỗi ngày.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TẤT TU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#024

边

biān

bên

老师鼓励大家积极边，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí biān, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực bên, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: BIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#025

变

biàn

thay đổi, biến đổi, hóa thành

随着生态环境综合治理的推进，昔日的荒山秃岭如今变成了绿树成荫的生态公园。

Suí zhe shēng tài huán jīng zōng hé zhì lǐ de tuī jìn, xī rì de huāng shān tú líng rú jīn biàn chéng le lǜ shù chéng yīn de shēng tài gōng yuán.

Cùng với việc thúc đẩy quản lý tổng hợp môi trường sinh thái, những ngọn đồi trọc núi hoang ngày xưa nay đã thay đổi biến đổi thành công viên sinh thái rợp bóng cây xanh.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: BIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#026

变成

biànchéng

trở thành, biến thành, hóa thành

通过几代科研人员的接续奋斗，这片曾经的不毛之地已经变成了万亩现代高产良田。

Tōng guò jǐ dài kē yán rén yuán de jiē xù fèn dòu, zhè piàn céng jīng de bù máo zhī dì yǐ jīng biàn chéng le wàn mù xiān dài gāo chǎn liáng tián.

Thông qua sự phấn đấu tiếp nối của nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu khoa học, mảnh đất từng cằn cỗi hoang vu này đã biến thành trở thành vựa mầu ruộng phì nhiêu năng suất cao hiện đại.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: BIẾN THÀNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#027

便宜

piányi

giá rẻ

这里的苹果很便宜。

Zhè lǐ de píng guǒ hěn piányi.

Táo ở đây rất rẻ.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TIỆN NGHỊ



**HSK 2
(3.0)**

Lượng từ / Tính từ /
Phó từ

#028

遍

biàn

lần, lượt (từ đầu đến cuối); khắp

为了确保学术论文的数据准确无误，他把所有核心实验步骤反复核对了三遍。

Wèi le què bǎo xué shù lùn wén de shù jù zhǔn què wú wù, tā bǎ suǒ yǒu hé xīn shí yàn bù zhòng fān fù hé duì le sān biàn.

Để bảo đảm số liệu của luận văn học thuật chuẩn xác không có sai sót, anh ấy đã kiểm tra đối chiếu lặp đi lặp lại tất cả các bước thực nghiệm cốt lõi suốt ba lần lượt.

10 nét

HÁN VIỆT: **BIẾN**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#029

表

biǎo

đồng hồ; bảng biểu, danh sách
biểu mẫu

在进入考场前，请各位考生认真核对准考证信息，并填写好个人健康申报表。

Zài jìn rù kǎo chǎng qián, qǐng gè wèi kǎo shēng rèn zhēn hé duì zhǔn kǎo zhèng xìn xī, bìng tián xiě hǎo gè rén jiàn kāng shēn bào biǎo.

Trước khi bước vào phòng thi, xin các thí sinh hãy kiểm tra đối chiếu kỹ thông tin trên thẻ dự thi và điền đầy đủ vào bảng biểu phiếu khai báo sức khỏe cá nhân.

12 nét

HÁN VIỆT: **BIỂU**

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#030

不错

búcuò

khá tốt, đúng đắn, không tồi

这篇关于人工智能前沿发展的调研报告结构严谨、论据充分，写得相当不错。

Zhè piān guān yú rén gōng zhì néng qián yán fā zhǎn de diào yán bào gào jié gòu yán jìn, lùn jù chōng fèn, xiě dé xiāng dāng bù cuò.

Bản báo cáo khảo sát về sự phát triển tiên phong của trí tuệ nhân tạo này có kết cấu chặt chẽ, luận cứ đầy đủ xác đáng, được viết khá tốt không tồi.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT THÁC**

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#031

不但

bù dàn

không những, không chỉ

这部优秀的科幻小说不但故事情节引人入胜，而且蕴含着深邃的人性哲学思考。

Zhè bù yōu xiù de kē huàn xiǎo shuō bù dàn gù shì qíng jié yǐn rén rù shèng, ér qiě yùn hán zhe shēn suì de rén xìng zhé xué sī kǎo.

Cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng xuất sắc này không những có cốt truyện lôi cuốn hấp dẫn mà còn hàm chứa những suy ngẫm triết học sâu sắc về nhân tính.

20 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐẰN**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#032

不够

búgòu

chưa đủ, không đủ, thiếu

单凭理论知识是不够的，青年学者还需要深入基层一线积累丰富的实践经验。

Dān píng lǐ lùn zhī shí shì bù gòu de, qīng nián xué zhě hái xū yào shēn rù jī céng yī xiàn jī lěi fēng fù de shí jiàn jīng yàn.

Chỉ dựa vào kiến thức lý thuyết là chưa đủ không đủ, người học giả trẻ tuổi còn cần phải đi sâu xuống cơ sở tuyến đầu để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn phong phú.

21 nét

HÁN VIỆT: **BẤT CỬ**

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#033

不过

bùguò

nhưng mà, có điều

虽然这款旗舰手机性能极为强劲，不过其昂贵的售价让不少消费者望而却步。

Suī rán zhè kuǎn qí jiàn shǒu jī xìng néng jí wéi qiáng jīng, bù guò qí áng guì de shòu jià ràng bù shǎo xiǎo fèi zhě wàng ér què bù.

Tuy mẫu điện thoại flagship này sở hữu hiệu năng cực kỳ mạnh mẽ, có điều mức giá đắt đỏ của nó lại khiến không ít người tiêu dùng phải đắn đo e ngại.

20 nét

HÁN VIỆT: **BẤT QUÁ**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#034

不好意思

bù hǎo yì si

ngại ngùng, e thẹn; xin lỗi, áy náy

真不好意思，路上遇到突发交通管制，让大家久等了。

Zhēn bù hǎo yì si, lù shàng yù dào tū fā jiāo tōng guǎn zhì, ràng dà jiā jiǔ děng le.

Thật ngại quá, trên đường đi gặp phải phân luồng giao thông đột xuất khiến mọi người phải đợi lâu.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẤT HẢO Ý TƯ**

**HSK 2
(3.0)**

Danh từ chỉ thời gian /
Phó từ

#035

不久

bùjiǔ

không lâu sau, chẳng bao lâu

大学毕业后不久，他就凭借出色的专业能力入选了国家重点青年拔尖人才计划。

Dà xué bì yè hòu bù jiǔ, tā jiù píng jiè chū sè de zhuan yè néng lì rù xuǎn le guó jiā zhòng diǎn qīng nián bá jiān rén cái jì huà.

Không lâu sau chẳng bao lâu sau khi tốt nghiệp đại học, anh ấy đã nhờ vào năng lực chuyên môn xuất sắc mà được tuyển chọn vào Kế hoạch Nhân tài Trẻ Xuất chúng Trọng điểm Quốc gia.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT CỬU**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#036

不满

bùmǎn

bất mãn, không hài lòng; chưa đầy
(chưa đủ tuổi)

面对服务中的疏漏，工作人员虚心听取了群众的批评，切实化解了群众的不满情绪。

Miàn duì fú wù zhōng de shū lòu, gōng zuò rén yuán xīn tīng qǔ le qún zhòng de pī píng, qiè shí huà jiě le qún zhòng de bù mǎn qíng xù.

Đối diện với những sơ suất thiếu sót trong công tác phục vụ, nhân viên công tác đã khiêm tốn lắng nghe phê bình của quần chúng, hóa giải thiết thực tâm lý bất mãn không hài lòng của người dân.

19 nét

HÁN VIỆT: **BẤT MẢN**



HSK 2 (3.0)

Động từ

#037

不如
 bù rú

không bằng, không như; chỉ bằng

与其在这里无休止地争论不休，不如大家坐下来心平气和地列出可行的实施方案。

Yǔ qí zài zhè lǐ wú xiǔ zhǐ dì zhēng lùn bù xiū, bù rú dà jià zuò xià lái xīn píng qì hé dì liè chū kě xíng shí shī fāng àn.

Thay vì ở đây tranh luận triền miên không hồi kết, chỉ bằng mọi người cùng ngồi lại bình tĩnh liệt kê ra các phương án thực thi khả dĩ.

22 nét

HÁN VIỆT: **BẤT NHƯ**

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Tính từ

#038

不少
 bù shǎo

nhiều, không ít, khá nhiều

近年来，我国在新能源汽车核心技术攻关与产业化应用方面取得了为数不少的重大突破。

Jīn nián lái, wǒ guó zài xīn néng qì chē hé xīn jī shù gōng guān yǔ chǎn yè huà yìng yòng fāng miàn qǔ dé le wéi shù bù shǎo de zhòng dà tú pò.

Những năm gần đây, nước ta trong việc ứng dụng công nghệ hóa và vượt khó công nghệ lõi xe ô tô năng lượng mới đã đạt được không ít khá nhiều đột phá trọng đại.

19 nét

HÁN VIỆT: **BẤT THIỂU**

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#039

不太
 bù tài

không quá, không lắm, không hẳn

初学者刚开始练习汉语声调时可能会感觉不太习惯，但只要多听多练就能熟练掌握。

Chū xué zhě gāng kāi shǐ liàn xí hàn yǔ shēng tiáo shí kě néng gǎn jué bù tài xí guàn, dàn zhǐ yào duō tīng duō liàn jiù néng shú liàn zǎng wò.

Người mới học khi mới bắt đầu luyện thanh điệu tiếng Hán có thể cảm thấy không quá quen lắm, nhưng chỉ cần nghe nhiều luyện nhiều là sẽ có thể nắm vững thuần thục.

25 nét

HÁN VIỆT: **BẤT THÁI**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#040

不同
 bù tóng

khác nhau, không giống; điểm khác biệt

来自全球不同文化背景的青年学者在国际论坛上畅所欲言，碰撞出了璀璨的思想火花。

Lái zì quán qiú bù tóng wén huà bèi jīng de qīng nián xué zhě zhāi guó jì lùn tán shàng chàng suǒ yǔ yán, pèng zhuàng chū le cuī càn de sǐ xiǎng huǒ huā.

Các học giả trẻ tuổi đến từ những nền văn hóa khác nhau không giống nhau trên toàn cầu đã thỏa sức bày tỏ quan điểm tại diễn đàn quốc tế, va chạm tạo nên những tia lửa tư tưởng rực rỡ.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT ĐỒNG**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#041

不行
 bù xíng

không được, không thể; kém cỏi

做科学研究光有热情不行，更需要具备严谨求实的科学态度与持之以恒的毅力。

Zuò kē xué yán jiū guāng yǒu rè qíng bù xíng, gèng xū yào jù bèi yǎn jìn qì zhì shí de kē xué tài dù yǔ chí zhǐ yǐ héng de yì lì.

Làm nghiên cứu khoa học chỉ có lòng nhiệt huyết là không được không thể, mà càng cần phải sở hữu tinh thần kiên trì bền bỉ cùng thái độ khoa học cầu thị nghiêm cần.

23 nét

HÁN VIỆT: **BẤT HÀNH**

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#042

不要
 bú yào

đừng, không được, chớ

在攀登科学高峰的征程中遇到挫折时，千万不要气馁，每一次失败都是通往成功的阶梯。

Zài pān dēng kē xué gāo fēng de zhēng chéng zhōng yù dào cuō zhé shí, qiān wàn bú yào qì nǐ, měi yí cì shī bài dōu shì tōng wǎng chéng gōng de jiē tī.

Khi gặp phải trắc trở trên hành trình trèo lên đỉnh cao khoa học, tuyệt đối đừng chớ nản lòng thoái chí, mỗi một lần thất bại đều là nấc thang dẫn tới thành công.

24 nét

HÁN VIỆT: **BẤT YÊU**

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#043

不一定
 bù yí dìng

chưa chắc, không nhất thiết, không hẳn

最昂贵的实验仪器不一定能得出重大发现，科学探索的关键在于研究者的创新思维。

Zuì áng guì de shí yàn yí qì bù yí dìng néng dé chū zhòng dà fā xiàn, kē xué tàn suǒ de guān jiàn zài yú yán jiū zhě de chuàng xīn sī wéi.

Dụng cụ thực nghiệm đắt tiền nhất chưa chắc không nhất thiết đã đưa ra được phát hiện trọng đại, điều then chốt của thám hiểm khoa học nằm ở tư duy đổi mới sáng tạo của người nghiên cứu.

31 nét

HÁN VIỆT: **BẤT NHẤT ĐỊNH**

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#044

不一会儿
 bù yí huìr

chẳng mấy chốc, một lát sau

夏日的暴风雨来得急去得也快，不一会儿天空就放晴并出现了一道美丽的彩虹。

Xià rì de bào fēng yǔ lái de jí qù de yě kuài, bù yí huìr tiān kōng jiù fàng qíng bìng chū xiàn le yí dào měi lì de cǎi hóng.

Cơn mưa rào mùa hè đến nhanh mà đi cũng nhanh, chẳng mấy chốc một lát sau bầu trời đã quang đãng và xuất hiện một chiếc cầu vồng tuyệt đẹp.

35 nét

HÁN VIỆT: **BẤT NHẤT HỘI NHÂN**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#045

部分
 bù fèn

bộ phận, phần

报告的大部分数据来源于国家统计局最新发布的权威宏观经济调查报告。

Bào gào de dà bù fèn shù jù lái yuán yú guó jiā tóng jì jú zuì xīn fā bù de quán wēi hóng guān jīng jì diào chá bào gào.

Phần lớn số liệu trong báo cáo được trích xuất từ báo cáo điều tra kinh tế vĩ mô uy tín mới nhất do Cục Thống kê Quốc gia công bố.

24 nét

HÁN VIỆT: **BỘ PHẦN**



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#046

才

cái

Tài năng

今天路上遇到严重堵车，他直到上午九点半才赶到办公室。

Jīntiān lù shang yù dào yánzhòng dǔchē, tā zhí dào shàngwǔ jiǔ diǎn bàn cái gǎng dào bàngōngshì.

Hôm nay trên đường bị tắc xe nghiêm trọng, mãi tới 9 rưỡi sáng anh ấy mới tới được văn phòng.

8 nét

HÁN VIỆT · TÀI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#047

菜单

cài dān

thực đơn, menu

服务员您好，请给我们拿一份菜单，我们准备点菜了。

Fúwùyuán nín hǎo, qǐng gěi wǒmen ná yí fèn cài dān, wǒmen zhǔnbèi diǎn cài le.

Chào bạn phục vụ, cho chúng mình xin cuốn thực đơn với, chúng mình muốn gọi món rồi.

22 nét

HÁN VIỆT · THÁI THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#048

参观

cān guān

tham quan

今天下午，来自各国的留学生代表团兴致勃勃地参观了故宫博物院。

Jīn tiān xià wǔ, lái zì gè guó de liú xué shēng dài biǎo tuán xìng zhì bó bó de cān guān le gù gōng bó wù yuàn.

Chiều nay, đoàn đại biểu lưu học sinh các nước đã hào hứng tham quan Bảo tàng Cố Cung (Tử Cấm Thành).

17 nét

HÁN VIỆT · TAM QUÁN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#049

参加

cān jiā

tham gia

下个月我想报名参加汉语水平三级考试 (HSK 3)。

Xià gè yuè wǒ xiǎng bàomíng cānjiā Hànyǔ Shuǐpíng Sān Jí Kǎoshì.

Tháng sau mình muốn đăng ký dự thi kỳ thi HSK 3 tiếng Trung.

22 nét

HÁN VIỆT · TAM GIA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#050

草

cǎo

cỏ, cây cỏ

春风吹拂大地，公园里的小草都破土而出，变得郁郁葱葱。

Chūnfēng chuīfú dàdì, gōngyuán lǐ de xiǎocǎo dōu pò tǔ ér chū, biàn de yù yù cōng cōng.

Gió xuân mơn man đất trời, những ngọn cỏ non trong công viên đội đất vươn lên xanh tươi mơn mớn.

10 nét

HÁN VIỆT · THẢO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#051

草地

cǎo dì

bãi cỏ, thảm cỏ tự nhiên

周末阳光明媚，许多市民带着家人在城市中央公园宽阔平整的绿茵草地上露营休闲。

Zhōu mò yángguāng míngmèi, xǔ duō shì mín dài zhe jiā rén zài chéng shì zhōng yāng guǎngguǎng píngzhěng de lǜ yīn cǎo dì shàng lù yíng xiūxián.

Cuối tuần trời nắng đẹp rạng rỡ, nhiều người dân đưa gia đình đến cắm trại nghỉ ngơi trên bãi cỏ thảm cỏ xanh mượt rộng rãi bằng phẳng của công viên trung tâm thành phố.

22 nét

HÁN VIỆT · THẢO ĐỊA

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#052

层

céng

tầng (nhà), lớp (bề mặt)

我们公司的新办公大楼一共有三十八层，站在顶层露台可以俯瞰整个城市的繁华全貌。

Wǒ men gōng sī de xīn bàn gōng dà lóu yì gòng sān shí bā céng, zhàn zài dīng céng lù tái kě yǐ fú kàn zhěng gè chéng shì de fán huá quán mào.

Tòa nhà văn phòng làm việc mới của công ty chúng tôi có tổng cộng 38 tầng, đứng trên sân thượng tầng cao nhất có thể ngắm trọn toàn cảnh phần hoa của cả thành phố.

8 nét

HÁN VIỆT · TẦNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#053

查

chá

tra, tra cứu, kiểm tra

在撰写学术论文开题报告前，我们需要系统查阅国内外最新的权威文献与科研成果。

Zài zhuàn xiě xué shù lùn wén kāi tí bào gào qián, wǒ men xū yào xì tǒng chá yuè guó nèi wài zuì xīn de quán wēi wén xiàn yǔ kē yán chéng guǒ.

Trước khi viết báo cáo đề cương luận văn học thuật, chúng ta cần tra tra cứu có hệ thống các thành quả nghiên cứu khoa học và văn hiến có thẩm quyền mới nhất trong và ngoài nước.

12 nét

HÁN VIỆT · TRA

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#054

差不多

chàbùduō

xấp xỉ, gần như, tương đương, không khác mấy

经过大家连日来的通力合作，重大科研攻关课题的核心技术指标已经差不多全部达标。

Jīng guò dà jiā lián rì lái de tōng lì hé zuò, zhòng dà kē yán gōng guān kǔ tí de hé xīn jì shù zhǐ biāo yǐ jīng chà bu duō quán bù dǎ biāo.

Trải qua sự hợp tác chung sức của mọi người trong những ngày qua, các chỉ tiêu kỹ thuật cốt lõi của đề tài nghiên cứu vượt khó trọng đại gần như xấp xỉ đều đã đạt chuẩn.

32 nét

HÁN VIỆT · SAI BẤT ĐA



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#055

常见

chángjiàn

thường gặp, hay thấy, phổ biến

发烧和咳嗽是呼吸道感染中最常见的临床症状，发现后应当及时就医诊治。

Fā shāo hé ké sòu shì hū xī dào gǎn rǎn zhōng zuì cháng jiàn de lín chuāng zhèng zhuàng, fā xiàn hòu yīng dāng jí shí jiù yī zhěn zhì.

Sốt và ho là những triệu chứng lâm sàng thường gặp hay thấy nhất trong các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp, khi phát hiện cần kịp thời đi khám và điều trị.

27 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG KIẾN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#056

常用

chángyòng

thông dụng, hay dùng, thường dùng

这本汉字速查词典精选了三千多个现代汉语常用字，非常适合初学者随身查阅。

Zhè běn hàn zì sù chá cí diǎn jīng xuǎn le sān qiān duō gè xiàn dài hàn yǔ cháng yòng zì, fēi cháng shì hé chū xū zhě suí shēn chá yuè.

Cuốn từ điển tra nhanh chữ Hán này đã chọn lọc hơn ba ngàn chữ Hán thông dụng thường dùng trong tiếng Hán hiện đại, rất thích hợp cho người mới học mang theo bên mình để tra cứu.

25 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG DỤNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#057

场

chǎng

buổi, trận, màn (lượng từ); sân bãi

昨晚在大剧院上演的那场交响音乐会座无虚席，赢得了观众雷鸣般的喝彩掌声。

Zuó wǎn zài dà jù yuàn shàng yǎn de nà chǎng jiāo xiǎng yīn yuè huì zuò wú xū xí, yíng dé le guān zhòng léi míng bǎn de hè cǎi zhǎng shēng.

Buổi hòa nhạc giao hưởng diễn ra tại Nhà hát Lớn tối qua không còn một chỗ trống, nhận được những tràng pháo tay cổ vũ rền vang như sấm từ khán giả.

8 nét

HÁN VIỆT: TRẢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#058

超过

chāo guò

vượt quá, vượt qua

今年该跨境电商平台的年度交易总额首次突破并超过了一千亿元人民币大关。

Jīn nián gāi kuà jīng diàn shāng pǐng tái de nián dù jiāo yì zǒng é shǒu cì tú pō bīng chāo guò le yī qiān yì yuán rén mín bì dà guān.

Tổng giá trị giao dịch thương niên của sàn thương mại điện tử xuyên biên giới này năm nay lần đầu tiên vượt mốc 100 tỷ Nhân dân tệ.

21 nét

HÁN VIỆT: SIÊU QUÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#059

超市

chāo shì

siêu thị

下班回家途中，我顺路去社区大型超市买了一些新鲜蔬菜和鸡蛋。

Xià bān huí jiā tú zhōng, wǒ shùn lù qù shè qū dà xíng chāo shì mǎi le yī xiē xīn xiān shū cài hé jī dàn.

Trên đường tan sở về nhà, mình tiện đường ghé siêu thị lớn của khu dân cư mua ít rau tươi và trứng gà.

20 nét

HÁN VIỆT: SIÊU THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#060

车辆

chē liàng

xe cộ, phương tiện giao thông xe cộ

在早晚上下班高峰期，交警部门通过智能交通信号系统科学调度路面通行车辆。

Zài zǎo wǎn shàng xià bān gāo fēng qī, jiāo jīng bù mén tōng guò zhì néng jiāo tōng xìn hào xì tǒng kē xué diào dù lù miàn tōng xíng chē liàng.

Vào giờ cao điểm đi làm và tan sở sáng tối, lực lượng cảnh sát giao thông thông qua hệ thống tín hiệu giao thông thông minh đã điều phối khoa học xe cộ phương tiện lưu thông trên đường.

24 nét

HÁN VIỆT: XA LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#061

称

chēng

gọi là; cân (trọng lượng); xưng tụng

这种由我国科研团队自主攻关成功的新型超导量子芯片，被业界专家誉为突破性成果。

Zhè zhǒng yóu wǒ guó kē yán tuán duì zì zhǔ gōng guān chéng gōng de xīn xíng chāo dǎo liàng zǐ xīn piàn, bèi yè jiè zhuān jiā yù chéng wéi tú pō xíng chéng guǒ.

Loại chip lượng tử siêu dẫn kiểu mới do đội ngũ nghiên cứu khoa học nước ta tự chủ vượt khó thành công này được các chuyên gia trong ngành xưng tụng gọi là thành quả mang tính đột phá.

11 nét

HÁN VIỆT: XƯNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#062

成

chéng

thành, hoàn thành; trở thành

只要坚持不懈、脚踏实地，任何平凡的岗位都能干出一番不平凡的辉煌成就。

Zhǐ yào jiān chí bù xiè, jiǎo tà shí dì, rèn hé píng fán de gǎng wèi dōu néng gàn chū yī fān bù píng fán de huī huáng chéng jiù.

Chỉ cần kiên trì không ngừng, chân thật vững vàng, bất kỳ vị trí công tác bình dị nào cũng đều có thể làm thành làm nên những thành tựu rực rỡ phi thường.

10 nét

HÁN VIỆT: THÀNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#063

成绩

chéng jī

thành tích, điểm số

经过近半年来坚持不懈的刻苦努力，她的期末综合成绩名列前茅。

Jīng guò jìn bàn nián lái jiān chí bù xiè de kù kǔ nǔ lì, tā de qī mò zōng hé chéng jī míng liè qián máo.

Nhờ nỗ lực bền bỉ không ngừng suốt gần nửa năm qua, điểm tổng kết cuối kỳ của bạn ấy nằm trong top dẫn đầu.

20 nét

HÁN VIỆT: THÀNH TÍCH



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#064

成为

chéng wéi

trở thành, biến thành

经过多年的刻苦磨砺与实践积累，他已经成长为该领域内备受尊敬的领军科学家。

Jīng guò duō nián de kù kǔ mó lì yǔ shí jiàn jī lěi, tā yǐ jīng chéng zhǎng wéi gāi lǐng yù nèi bèi shòu zūn jīng de lǐng jūn kē xué jiā.

Sau nhiều năm mài mài giữa gian khổ và tích lũy thực tiễn, anh ấy đã trưởng thành và trở thành nhà khoa học đầu ngành được kính trọng trong lĩnh vực này.

24 nét

HÁN VIỆT: THÀNH VI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#065

出发

chū fā

xuất phát, khởi hành

参加野外徒步探险的考察队清晨六点准时从大本营集合出发。

Cān jiā yě wài tú bù tàn xiǎn de kǎo chá duì qīng chén liù diǎn zhǔn shí cóng dà běn yīng jí hé chū fā.

Đội khảo sát tham gia chuyến đi bộ dã ngoại thám hiểm đã tập hợp và xuất phát đúng 6 giờ sáng từ khu lều trại căn cứ.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT PHÁT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#066

出国

chū guó

ra nước ngoài, xuất ngoại du học/công tác

为了促进学术交流与科研合作，学校每年都会选派优秀青年骨干教师出国深造访学。

Wèi le cù jìn xué shù jiāo liú yǔ kē yán hé zuò, xué xiào měi nián dū huì xuǎn pài yōu xiù qīng nián gǔ gān jiào shī chū guó shēn zào fǎng xué.

Nhằm thúc đẩy hợp tác nghiên cứu khoa học và giao lưu học thuật, hàng năm nhà trường đều tuyển chọn các giảng viên cốt cán trẻ tuổi xuất sắc ra nước ngoài xuất ngoại học tập tu nghiệp.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT QUỐC

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#067

出口

chū kǒu

xuất khẩu; cửa ra, lối ra

随着高端装备技术竞争力的提升，我国高附加值工业产品的对外出口额持续保持稳健增长。

Suí zhe gāo duān zhuāng bèi jì shù jìng zhēng lì de tí shēng, wǒ guó gāo fù jiā zhí gōng yè chān pǐn de duì wài chū kǒu é chí xù bǎo chí wěn jiàn zēng zhǎng.

Cùng với sự nâng cao năng lực cạnh tranh công nghệ thiết bị cao cấp, kim ngạch xuất khẩu ra nước ngoài của các sản phẩm công nghiệp giá trị gia tăng cao của nước ta tiếp tục duy trì đà tăng trưởng vững chắc.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT KHẨU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#068

出门

chū mén

đi ra ngoài

老师鼓励大家积极出门，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí chū mén, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi ra ngoài, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT MÔN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#069

出生

chū shēng

sinh ra, chào đời

这位享誉世界的杰出文学大师出生于江南水乡一座风景秀丽的历史文化名城。

Zhè wèi xiǎng yù shì jiè de jié chū wén xué dà shī chū shēng yú jiāng nán shuǐ xiāng yī zuò fēng jǐng xiù lì de lì shǐ wén huà míng chéng.

Đại văn hào kiệt xuất nổi danh thế giới này sinh ra tại một danh thành lịch sử văn hóa tuyệt đẹp vùng sông nước Giang Nam.

18 nét

HÁN VIỆT: XUẤT SINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#070

出现

chū xiàn

xuất hiện

在科技日新月异的年代，各类人工智能新应用如雨后春笋般不断出现。

Zài kējì rì xīn yuè yì de shí dài, gè lèi rén gōng zhì néng xīn yòng yòng rú yǔ hòu chūn sūn bān bù duàn chū xiàn.

Trong thời đại công nghệ thay đổi từng ngày, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo mới xuất hiện liên tục như nấm sau mưa.

22 nét

HÁN VIỆT: XUẤT HIỆN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#071

出院

chū yuàn

xuất viện, ra viện sau điều trị

经过医护人员半个多月的精心治疗与悉心照料，康复后的患者今天顺利办理了出院手续。

Jīng guò yī hù rén yuán bàn gè duō yuè de jīng xīn zhì liáo yǔ xī xīn zhào liào, kāng fù hòu de huàn zhě jīn tiān shùn lì bàn lǐ le chū yuàn shǒu xù.

Trải qua hơn nửa tháng được các y bác sĩ tận tình điều trị và chăm sóc chu đáo, người bệnh sau khi hồi phục hôm nay đã thuận lợi làm thủ tục ra viện xuất viện.

21 nét

HÁN VIỆT: XUẤT VIỆN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#072

出租

chū zū

cho thuê; xe taxi (viết tắt)

为了缓解大城市新市民与青年人的住房困难，政府积极扩大保障性出租住房供给。

Wèi le huǎn jiě dà chéng shì xīn shì mín yǔ qīng nián rén de zhù fáng kù nán, zhèng fǔ jī jí kuò dà bǎo zhàng xìng chū zū zhù fáng gòng jǐ.

Nhằm giảm bớt khó khăn về nhà ở cho thanh niên và cư dân đô thị mới tại các thành phố lớn, chính phủ tích cực mở rộng nguồn cung nhà ở cho thuê bảo đảm xã hội.

16 nét

HÁN VIỆT: XUẤT TÔ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#073

出租车

chū zū chē

xe taxi

我们坐出租车去吧。
Wǒmen zuò chū zū chē qù ba.
Chúng ta đi taxi nhé.

26 nét

HÁN VIỆT: XUẤT TÔ XA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#074

船

chuán

tàu thuyền

我们坐船去北京。
Wǒmen zuò chuán qù Běijīng.
Chúng tôi đi tàu đến Bắc Kinh.

11 nét

HÁN VIỆT: THUYỀN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#075

吹

chuī

thổi (gió), thổi sáo; khoác lác

初春的微风轻轻吹拂着水面，湖边的垂柳吐出了嫩绿的新芽，春意盎然。
Chū chūn de wēi fēng qīng qīng chuī fú zhe shuǐ miàn, hú biān de chuí liú tǔ chū le nèn lǜ de xīn yá, chūn yì àng àng.
Làn gió nhẹ đầu xuân nhẹ nhàng thổi lướt qua mặt nước, những rặng liễu rủ bên hồ đã nhú lên những chồi non xanh biếc, sắc xuân đậm đà.

9 nét

HÁN VIỆT: XUY

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#076

春节

Chūnjié

Tết Nguyên Đán, Tết Âm lịch cổ truyền

春节是中华民族最重要的传统节日，寄托着亿万中华儿女对阖家团聚与美好未来的祈愿。
Chūn jié shì zhōng huá mín zú zài zhòng yào de chuán tǒng jié rì, jì tuō zhe yì wàn zhōng huá ér nǚ duì hé jiā tuán jù yǔ měi hǎo wèi lái de qí yuàn.
Tết Nguyên Đán Tết Âm lịch là ngày lễ truyền thống quan trọng nhất của dân tộc Trung Hoa, gửi gắm ước nguyện của hàng trăm triệu người con đất nước đối với sự đoàn tụ gia đình và tương lai tốt đẹp.

26 nét

HÁN VIỆT: XUÂN TIẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#077

春天

chūntiān

mùa xuân, tiết xuân

春天百花盛开、万物复苏，整座城市沐浴在温暖和煦的阳光下，充满勃勃生机。
Chūn tiān bǎi huā shèng kāi, wàn wù fù sǔ, zhěng zuò chéng shì mù yǔ zài wēn nuǎn huà xù de yáng guāng xià, chōng mǎn bó bó shēng jī.
Mùa xuân trăm hoa đua nở, vạn vật hồi sinh, cả thành phố đắm mình dưới ánh nắng ấm áp chan hòa, tràn ngập sức sống phơi phới.

25 nét

HÁN VIỆT: XUÂN THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#078

词

cí

từ, từ ngữ, từ vựng; ca từ lời bài hát

掌握词语的准确语境含义，能够帮助我们更地道、更得体地进行跨文化中文交流。
Zhǎng wò cí yǔ de zhǔn què yǔ jīng hán yì, néng gòu bāng zhù wǒ men gèng dé tǐ de jìn xíng kuà wén huà zhōng wén jiāo liú.
Nắm vững ý nghĩa ngữ cảnh chuẩn xác của từ ngữ có thể giúp chúng ta giao tiếp tiếng Trung liên văn hóa một cách chuẩn xác, tự nhiên và chuẩn mực hơn.

13 nét

HÁN VIỆT: TỪ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#079

词典

cí diǎn

từ điển

遇到不理解的文字字词时，随时查阅权威的古汉语常用字词典是十分必要的良好习惯。
Yù dào bù lǐ jiě de wén zì cí shí, suí shí chá yuè quán wēi de gǔ hàn yǔ cháng yòng zì cí diǎn shì shí fēn bì yào de liáng hǎo xí guān.
Khi gặp các từ ngữ Hán cổ khó hiểu, việc tra cứu cuốn từ điển chữ Hán cổ thông dụng uy tín là một thói quen tốt hết sức cần thiết.

24 nét

HÁN VIỆT: TỬ ĐIỂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#080

词语

cí yǔ

từ ngữ, từ vựng

在汉语写作课上，老师鼓励大家多运用生动准确的高级词语来丰富文章。
Zài Hànyǔ xiězuò kè shàng, lǎoshī gǔlì dàjiā duō yùnyòng shēngdòng zhǔnquē de gāojiǔ cíyǔ lái fēngfù wénzhāng.
Trong giờ tập làm văn tiếng Trung, cô giáo khuyến khích mọi người vận dụng nhiều từ ngữ cao cấp sinh động và chuẩn xác để bài viết thêm phong phú.

23 nét

HÁN VIỆT: TỬ NGỮ

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Danh từ thời gian

#081

从小

cóng xiǎo

từ nhỏ, từ thuở ấu thơ

他从小就对大自然充满了浓厚的好奇心，立志长大后成为一名探索未知奥秘的地球科学家。
Tā cóng xiǎo jiù duì dà zì rán chōng mǎn le nóng hòu de hào qí xīn, lì zhì zhǎng dà hòu chéng wéi yí míng tàn suǒ wèi zhī ào mì de dì qiú kē xué jiā.
Từ nhỏ cậu ấy đã tràn đầy trí tò mò sâu sắc đối với thiên nhiên, lập chí sau khi lớn lên sẽ trở thành một nhà khoa học địa cầu thám hiểm những bí ẩn vô tận.

21 nét

HÁN VIỆT: TÔNG TIỂU



HSK 2 (3.0)

Động từ

#082

答应

dā ying

đồng ý, nhận lời, đáp lời

君子一言，驷马难追；既然已经郑重答应了别人的委托，就一定要全力以赴践行承诺。

Jūn zǐ yī yán, sì mǎ nán zhuī; jì rán yǐ jīng zhòng zhòng dā ying le bié rén de wěi tuō, jiù yí dìng yào quán lì yǐ fù jiàn xíng chéng nuò.

Quân tử nhất ngôn, tứ mã nan truy; một khi đã trịnh trọng nhận lời ủy thác của người khác thì nhất định phải dốc toàn tâm toàn lực để thực hiện lời hứa.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÁP ỨNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#083

打工

dǎ gōng

làm thuê, đi làm thêm, làm việc kiếm sống

利用大学寒暑假时间去企业实习打工，既能补贴学费生活开支，又能提前积累宝贵职场经验。

Lì yòng dà xué hán shǔ jià shí jiān qù qǐ yè shí xí dǎ gōng, jì néng bǔ tiē xué fēi shēng huó kāi zhī, yòu néng tí qián jī lěi bǎo guì zhí chǎng jīng yàn.

Tận dụng các kỳ nghỉ đông và hè thời đại học để đi thực tập làm thêm tại doanh nghiệp vừa có thể phụ giúp trang trải học phí sinh hoạt, vừa tích lũy sớm những kinh nghiệm công sở quý báu.

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ CÔNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#084

打算

dǎ suàn

dự định, tính toán

今年暑假你有什么具体的旅行计划，打算去国内还是国外度假呢？

Jīnnián shǔjià nǐ yǒu shénme jùtǐ de lǚ xíng jì huà, dǎ suàn qù guó nèi hái shì guó wài duì jià ne?

Kỳ nghỉ hè năm nay bạn có kế hoạch du lịch cụ thể nào chưa, tính đi nghỉ dưỡng ở trong nước hay nước ngoài thế?

28 nét

HÁN VIỆT: TÁ TOÁN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#085

打印

dǎ yìn

in ấn

请帮我将这份即将呈报给董事会审阅的重要商业策划案双面彩色打印五份。

Qǐng bāng wǒ jiāng zhè fèn jí jiāng zhèng chéng bào gēi dǒng shì huì shēn yuē de zhòng yào shāng yè cè huà àn shuāng miàn cǎi sè dǎ yìn wǔ fèn.

Bạn in màu hai mặt giúp mình 5 bản của bản kế hoạch kinh doanh quan trọng sắp trình Hội đồng Quản trị duyệt này nhé.

25 nét

HÁN VIỆT: TÁ ẨM

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Danh từ

#086

大部分

dà bù fēn

đại bộ phận, phần lớn, đa phần

通过多年持之以恒的科学治理，我国北方大部分沙化土地植被覆盖率得到了显著恢复。

Tōng guò duō nián chí zhǐ yǐ héng de kē xué zhì lǐ, wǒ guó běi fāng dà bù fēn shā huà tǔ dì zhí bēi fù gài lǜ dé dào le xiǎn zhù huī fù.

Thông qua nhiều năm quản lý khoa học kiên trì bền bỉ, tỷ lệ che phủ thảm thực vật ở phần lớn đại bộ phận đất cát hóa miền Bắc nước ta đã được phục hồi rõ rệt.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI BỘ PHẦN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#087

大大

dà dà

lớn

在面对复杂的挑战时，保持大大的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí dà dà de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái lớn đặc biệt quan trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐẠI

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Danh từ

#088

大多数

dà duō shù

đại đa số, phần lớn mọi người

经过充分的民主协商，社区大多数居民一致赞成加装住宅电梯的便民改造方案。

Jīng guò chōng fù de mín zhǔ xié shāng, shè qū dà duō shù jū mín yì zhì zhàn chéng jiā zhuāng zhù zhái diàn tī de biān mín gǎi zào fāng àn.

Trải qua hiệp thương dân chủ đầy đủ, đại đa số cư dân khu dân cư đã nhất trí tán thành phương án cải tạo lắp thêm thang máy nhà ở tiện dân.

35 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI ĐA SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#089

大海

dà hǎi

biển cả, đại dương bao la

海纳百川，有容乃大；我们应当像浩瀚的大海一样胸怀宽广、博采众长。

Hǎi nà bǎi chuān, yǒu róng nǎi dà; wǒ men yīng dāng xiàng hào hàn de dà hǎi yí yàng xiōng huái kuān guǎng, bó cǎi zhòng cháng.

Biển dung nạp trăm sông nên mới thành to lớn; chúng ta cần có tầm lòng rộng mở, dung nạp tinh hoa muôn nhà như biển cả đại dương bao la.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI HẢI

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#090

大家

dà jiā

mọi người, tất cả

请大家做好准备。

Qǐng dà jiā zuò hǎo zhǔn bèi.

Mời mọi người chuẩn bị kỹ.

19 nét

HÁN VIỆT: ĐẠI GIA



HSK 2 (3.0)

Tính từ / Số lượng

#091

大量
dàliàng

lượng lớn, nhiều, dồi dào

科研攻关团队通过超级计算机对海量科学观测数据进行了大量的深度模拟推演。

Kē yán gōng guān tuán duì tóng guò chāo jí jī suan jī duì hǎi liàng kē xué guān cè shù jù jīn xíng le dà liàng de shēn dù mō nǐ tuī yǎn.

Nhóm nghiên cứu khoa học vượt khó thông qua siêu máy tính đã tiến hành một lượng lớn các cuộc diễn tập mô phỏng sâu đối với khối lượng số liệu quan trắc khoa học khổng lồ.

22 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI LƯỢNG**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#092

大门
dàmén

cổng lớn, cửa chính

每当新学期开学, 百年名校古朴庄严的大门前总是聚集着满怀憧憬的莘莘学子。

Měi dāng xīn xué qī kāi xué, bǎi nián míng xiào gǔ piǎo zhuāng yán de dà mén qián zǒng shì jù jí zhe mǎn huái chōng jīng de shēn shēn xué zǐ.

Mỗi khi năm học mới khai giảng, trước cổng lớn cửa chính cổ kính trang nghiêm của ngôi trường danh tiếng trăm năm luôn tụ họp đông đảo các bạn sinh viên học sinh tràn đầy khát vọng.

21 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI MÔN**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#093

大人
dàrén

người lớn, người trưởng thành

长辈的言传身教对孩子影响深远, 大人要以身作则, 树立良好家风榜样。

Zhǎng bèi de yán chuán shēn jiào duì hái zǐ yǐng xiǎng shēn yuǎn, dà rén yào yǐ shēn zuò zé, shù lì liáng hǎo jiā fēng bǎng yàng.

Lời nói việc làm nêu gương của bậc trưởng bối có ảnh hưởng sâu sắc đến con trẻ, người lớn cần lấy mình làm gương, xây dựng tâm gương gia phong tốt đẹp.

20 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI NHÂN**

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#094

大声
dàshēng

to tiếng, lớn tiếng, lớn giọng

在清晨的晨读课上, 同学们精神饱满地大声朗读经典诗词文赋, 书声琅琅。

Zài qīng chén de chén dú kè shàng, tóng xué men jīng shén bǎo mǎn dì dà shēng lǎng dú jīng diǎn shī cí wén fù, shū shēng lǎng lǎng.

Trong tiết đọc sách sáng sớm, các bạn học sinh tinh thần phấn chấn to tiếng đọc lớn các bài thơ từ văn phú kinh điển, tiếng đọc sách rộn rã vang xa.

23 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI THANH**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#095

大小
dàxiǎo

kích thước, độ lớn bé, kích cỡ

这件精密航天零部件的加工尺寸大小误差必须严格控制在微米级别以内。

Zhè jiàn jīng mì háng tiān líng bù jiàn de jiā gōng chǐ cùn dà xiǎo wù chā bì xū yán gé kòng zhì zài wēi mǐ jí bié yǐ nèi.

Sai số kích thước kích cỡ độ lớn bé gia công của linh kiện hàng không vũ trụ tinh xảo này bắt buộc phải kiểm soát nghiêm ngặt trong cấp độ micromet.

24 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI TIỂU**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#096

大衣
dàyī

áo khoác dài, áo choàng lớn, áo măng tô

北方冬天气温极低, 出门前请务必穿上厚实保暖的羽绒大衣防寒保暖。

Běi fāng dōng tiān qì wēn jí dī, chū mén qián qīng wù bì chuān shàng hòu shí bǎo nuǎn de yǔ róng dà yī fáng hán bǎo nuǎn.

Mùa đông phương Bắc nhiệt độ vô cùng thấp, trước khi ra ngoài xin hãy nhớ mặc chiếc áo khoác dài áo choàng lông vũ dày dặn giữ ấm để chống rét.

25 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI Y**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#097

大自然
dàzìrán

mẹ thiên nhiên, giới tự nhiên

我们要尊重自然、顺应自然、保护自然, 促进人与大自然和谐共生。

Wǒ men yào zūn zhòng zì rán, shùn yīng zì rán, bǎo hù zì rán, cù jìn rén yǔ dà zì rán hé xié gòng shēng.

Chúng ta cần tôn trọng tự nhiên, thuận theo tự nhiên và bảo vệ tự nhiên, thúc đẩy sự chung sống hài hòa giữa con người và mẹ thiên nhiên giới tự nhiên.

30 nét

HÁN VIỆT: **ĐẠI TỰ NHIÊN**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#098

带
dài

mang theo, dẫn dắt

出门前务必记得随身带好手机、钥匙和身份证等必备贵重物品。

Chū mén qián wù bì jì de suí shēn dài hǎo shǒu jī, yào shi hé shēn fèn zhēng děng bì bēi guì zhòng wù pǐn.

Trước khi ra khỏi nhà nhất định phải nhớ mang theo bên người các đồ vật thiết yếu quan trọng như điện thoại, chìa khóa và căn cước công dân.

9 nét

HÁN VIỆT: **ĐỐI**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#099

带来
dàilái

mang lại, đem đến (lợi ích, niềm vui, thay đổi)

新生产力的加速培育与发展, 为推动经济社会高质量发展带来了强大动力。

Xīn zhì shēng chǎn lì de jiā sù péi yù yǔ fā zhǎn, wéi tuī dòng jīng jì shǒu yì gāo zhì liàng fā zhǎn dài lái liáng hǎo dà dòng lì.

Sự phát triển và nuôi dưỡng nhanh chóng của lực lượng sản xuất chất lượng mới đã mang lại đem đến động lực mạnh mẽ cho việc thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển chất lượng cao.

19 nét

HÁN VIỆT: **ĐỐI LAI**



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#100

单位

dān wèi

đơn vị (cơ quan; đo lường)

纳米是微观物理学中极其微小的长度度量单位，常用于描述原子与分子间距。

Nà mǐ shì wēi guān wù lǐ xué zhōng jí qí wēi xiǎo de cháng dù dù dù liàng dān wèi, cháng yòng yú miáo shù yuán zǐ fēn zǐ jiān jù.

Nanômét là đơn vị đo chiều dài siêu nhỏ trong vật lý vi mô, thường được dùng để miêu tả khoảng cách giữa các nguyên tử và phân tử.

21 nét

HÁN VIỆT: THIỆN VỊ

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#101

但

dàn

nhưng, nhưng mà, tuy nhiên

虽然科研攻关的道路充满艰辛险阻，但科学家们始终满怀信心、勇毅前行。

Suī rán kē yán gōng guān de dào lù chōng mǎn jiān xīn zǔ, dàn kē xué jiǎ men shǐ zhōng mǎn huái xìn xīn, yǒng yì qiǎn xíng.

Dẫu con đường nghiên cứu khoa học vượt khó ngập tràn gian khổ hiểm trở, nhưng các nhà khoa học vẫn luôn tràn đầy niềm tin, dũng cảm kiên cường tiến bước.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐẢN

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#102

但是

dàn shì

Nhưng

虽然贵，但是很好看。

Suī rán guì, dàn shì hěn hǎo kàn.

Tuy đắt, nhưng rất đẹp.

17 nét

HÁN VIỆT: ĐẢN THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#103

蛋

dàn

trứng (gia cầm), quả trứng

营养学家建议，成年人每天早餐适量食用一枚新鲜鸡蛋，有助于补充优质蛋白质。

Yíng yǎng xué jiā jiàn yì, chéng nián rén měi tiān zǎo cān shí xiān shí yòng yí méi xīn xiān jī dàn, yǒu zhù yú bǔ chōng yōu zhì dàn bái zhì.

Chuyên gia dinh dưỡng học kiến nghị, người trưởng thành mỗi sáng nên ăn một lượng vừa đủ một quả trứng gà tươi, giúp bổ sung protein chất lượng cao.

12 nét

HÁN VIỆT: ĐÀN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Giới từ

#104

当

dāng

làm (nghề); khi, lúc (thời gian);
đương đầu

青年学者立志长大后当一名为国铸剑的国防科学家，把青春奉献给国家科技自立自强。

Qīng nián xué zhě lì zhì zhǎng dà hòu dāng yí míng wéi guó zhù jiàn de guó fáng kē xué jiǎ, bǎ qīng chūn fèng xiàn gěi guó jiā kē jì zì lì zì qiáng.

Người học giả trẻ tuổi lập chí sau khi lớn lên sẽ làm một nhà khoa học quốc phòng đúc kiếm cho Tổ quốc, cống hiến tuổi thanh xuân cho sự nghiệp tự chủ tự cường khoa học công nghệ quốc gia.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#105

当时

dāng shí

lúc đó, khi ấy

当时现场突发停电紧急状况，主持人临危不乱，凭借出色的应变能力稳住了全场气氛。

Dāng shí xiàn chǎng tū fā tíng diàn jǐn jí zhuàng kuàng, zhǔ chí rén lín wēi bù luàn, píng jiè chū sè de yìng biàn néng lì wěn zhù le quán chǎng qì fēn.

Lúc đó hiện trường đột ngột xảy ra sự cố mất điện khẩn cấp, MC đã bình tĩnh xử lý và dùng sự nhạy bén xuất sắc của mình để giữ vững bầu không khí toàn hội trường.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐƯƠNG THỜI

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#106

到处

dào chù

khắp nơi, mọi nơi

阳春三月漫步在江南水乡，到处都是鸟语花香，杨柳依依的醉人春景。

Yáng chūn sān yuè màn bù zài jiāng nán shuǐ xiāng, dào chù dōu shì niǎo yǔ huā xiāng, yáng liǔ yī yī de zuì rén chūn jǐng.

Tháng ba mùa xuân tản bộ chốn sông nước Giang Nam, khắp nơi nơi đều là cảnh sắc xuân say lòng người với hoa thơm chim hót, liễu xanh rủ bóng reo vui.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐÁO XỬ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#107

倒

dào

đổ

老师鼓励大家积极倒，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đổ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐÀO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#108

道

dào

Tao

老师鼓励大家积极道，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí dào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Tao, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#109

道理

dào lǐ

đạo lý, lý lẽ, chân lý

这本看似浅显的寓言小故事集，却深入浅出地揭示了许多为人处世的深刻道理。

Zhè běn kàn shì qiǎn xiǎn de yù yán xiǎo gù shì jí, què shēn rù qiǎn chū dì jiē shì le xǔ duō wéi rén chǔ shì de shēn kè dào lǐ.

Tập truyện ngụ ngôn thoạt nhìn mộc mạc đơn giản này lại giải thích một cách dễ hiểu và sâu sắc về nhiều đạo lý đối nhân xử thế thâm thúy trong đời.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#110

道路

dào lù

con đường, đường sá; con đường phát triển

我们要坚定不移走中国特色社会主义现代化发展道路，奋力书写时代崭新篇章。

Wǒ men yào jiǎn dīng bù yí zǒu zhōng guó tè sè shè huì zhǔ yì xiān dài huà fā zhǎn dào lù, fèn lì shǔ xiě shí dài zhǎn xīn piān zhāng.

Chúng ta cần kiên định không ngừng bước đi trên con đường phát triển hiện đại hóa chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung Quốc, dốc sức viết nên chương mới rực rỡ của thời đại.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐẠO LỘ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#111

地球

dì qiú

Trái Đất, địa cầu

地球是我们所有人类与千千万万生命共有的唯一美丽家园，呵护它刻不容缓。

Dì qiú shì wǒ men suǒ yǒu rén lèi yǔ qiān qiān wàn wàn shēng mìng gòng yǒu de wéi yī měi lì jiā yuán, hē hù tā kè bù róng huǎn.

Trái Đất là ngôi nhà chung tươi đẹp duy nhất của toàn thể nhân loại cùng muôn loài sinh linh, việc nâng niu bảo vệ Trái Đất là nghĩa vụ cấp bách không thể chậm trễ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#112

地铁

dì tiě

tàu điện ngầm

乘坐城市地铁出行不仅快捷准时，还能有效避免地面交通拥堵。

Chéng zhuō chéng shì dì tiě chū xíng bù jǐn kuài zhǔn shí, hái néng yǒu xiào bì miǎn dì miàn jiāo tōng yōng dǔ.

Đi lại bằng tàu điện ngầm trong thành phố vừa nhanh chóng đúng giờ lại vừa tránh được cảnh kẹt xe trên mặt đất.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA THIẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#113

地铁站

dì tiě zhàn

ga tàu điện ngầm, trạm ga ngầm

从我们大学科技园园区步行三分钟即可到达最新开通的地铁站，出行十分便捷。

Cóng wǒ men dà xué kē jì yuán qū bù xíng sān fēn zhōng jí kě dào dá zuì xīn kāi tōng de dì tiě zhàn, chū xíng shí fēn biàn jié.

Từ khu công viên khoa học công nghệ trường đại học chúng tôi đi bộ ba phút là có thể tới ngay ga tàu điện ngầm mới khai trương, việc đi lại vô cùng thuận tiện.

📖 34 nét

HÁN VIỆT: ĐỊA THIẾT TRẠM

HSK 2 (3.0)

Trợ từ

#114

的话

de huà

nếu... thì (dùng cuối phân câu điều kiện)

如果你在汉语阅读中遇到生僻词汇的话，可以随时使用智能电子词典查阅词义。

Rú guǒ nǐ zài hàn yǔ yuè dú zhōng yù dào shēng pì cí huì de huà, kě yǐ suí shí shǐ yòng zhì néng diǎn zì cí diǎn chá yuē cí yì.

Nếu bạn gặp phải từ vựng mới lạ trong quá trình đọc hiểu tiếng Hán thì có thể sử dụng từ điển điện tử thông minh để tra cứu nghĩa của từ bất cứ lúc nào.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: ĐÍCH THOẠI

HSK 2 (3.0)

Trợ từ

#115

得

děi

phải, cần phải

我得去上班了。

Wǒ dēi qù shàng bān le.

Tôi phải đi làm rồi.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#116

得出

dé chū

rút ra, đưa ra (kết luận, kết quả tính toán)

通过对数十组严谨对照实验数据的综合分析，科研团队最终得出了完全一致的科学结论。

Tōng guò duì shù shí zǔ yán jǐn duì zhào shí yàn shù jù de zōng hé fēn xī, kē yán tuán duì zuì zhōng dé chū le wán quán yí zhì de kē xué jié lùn.

Thông qua việc phân tích tổng hợp các số liệu thực nghiệm đối chứng nghiêm ngặt của hàng chục nhóm, nhóm nghiên cứu khoa học cuối cùng đã rút ra đưa ra kết luận khoa học hoàn toàn nhất quán.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: ĐẮC XUẤT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#117

灯

dēng

đèn, ngọn đèn chiếu sáng

夜幕降临，街道两旁的太阳能智能路灯自动亮起，把回家的道路照得格外明亮。

Yè mù jiàng lín, jiē dào liǎng páng de tài yáng zhì néng lù dēng zì dòng liàng qǐ, bǎ huí jiā de dào lù zhào dé gé wài míng liàng.

Màn đêm buông xuống, các ngọn đèn đường thông minh năng lượng mặt trời dọc hai bên phố tự động bật sáng, chiếu rọi con đường về nhà sáng bừng rực rỡ.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐĂNG



HSK 2 (3.0)

Động từ / Liên từ

#118

等到

děngdào

đợi đến, chờ đến khi

等到春暖花开的时节，我们相约一起去郊外生态湿地公园踏青赏花、放飞心情。

Děng dào chūn nuǎn huā kāi de shí jié, wǒ men xiāng yuē yì qì qù jiāo wài shēng tài shí dì gōng yuán tà qīng shàng huā, fàng fēi xīn qíng.

Đợi đến chờ đến khi tiết trời ấm áp hoa nở mùa xuân, chúng ta hãy hẹn nhau cùng đi du xuân ngắm hoa và thư giãn tâm hồn tại công viên đất ngập nước sinh thái ngoại ô nhé.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐẰNG ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#119

等于

děngyú

bằng, tương đương với, coi như

在重大工程安全面前盲目赶工期，就等于在给未来的平稳运行埋下巨大的安全隐患。

Zài zhòng dà gōng chéng ān quán miàn qián máng mù gǎn gōng qī, jiù děng yú zài gěi wèi lái de píng wěn yùn xíng mái xià jù dà de ān quán yīn huàn.

Đứng trước an toàn của đại công trình mà mù quáng chạy theo tiến độ thi cũng tương đương với việc gieo rắc những mầm mống hiểm họa an toàn khôn lường cho sự vận hành ổn định sau này.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐẰNG VU

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#120

低

dī

thấp, cúi đầu

由于近日北方强冷空气南下，周末全国大部分地区的气温明显偏低，出门记得添衣保暖。

Yóu yú jìn rì běi fāng qiáng lěng kōng qì nán xià, zhōu mò quán guó dà bù fēn dì qū de qì wēn míng xiǎn piān dī, chū mén jì de tiān yī bǎo nuǎn.

Do luồng không khí lạnh mạnh từ phương Bắc tràn xuống phía Nam những ngày gần đây, nhiệt độ phần lớn các khu vực trên cả nước vào dịp cuối tuần xuống thấp rõ rệt, ra ngoài nhớ mặc thêm áo giữ ấm.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#121

点头

diǎntóu

gật đầu, đồng ý

听完青年学者详尽扎实的课题论证陈述，评审席上的资深院士露出了赞许的笑容并连连点头。

Tīng wán qīng nián xué zhě xiáng zhí de kè tí lùn zhèng chén shù, píng shěn xí shàng de zī shēn yuán shì lù chū le zàn xǔ de xiào róng bìng lián lián diǎn tóu.

Sau khi lắng nghe phần thuyết minh để tài nghiên cứu chi tiết và vững chắc của học giả trẻ, vị viện sĩ lão thành ngồi trên bàn thẩm định đã mỉm cười tán thưởng và liên tục gật đầu hài lòng.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM ĐẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#122

店

diàn

tiệm, quán

这家店很大。
Zhè jiā diàn hěn dà.
Quán này rất to.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#123

掉

diào

rơi, rụng, mất

下楼梯时一定要看清脚下，小心不要把手中的手机或钥匙弄掉了。

Xià lóu tī shí yí dīng yào kàn qīng jiǎo xià, xiǎo xīn bú yào bǎ shǒu zhōng de shǒu jī huò yào shi nòng diào le.

Khi đi xuống cầu thang nhớ nhìn kỹ dưới chân, cẩn thận kẻo làm rơi điện thoại hoặc chìa khóa trên tay.

9 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#124

东北

dōngběi

Đông Bắc, vùng Đông Bắc

我国东北老工业基地加快高端装备制造业转型升级，全面焕发出了新质生产力蓬勃生机。

Wǒ guó dōng běi lǎo gōng yè jī dì jiā kuài gāo duān zhuāng bèi zhì zào yè zhuān xíng shēng jī, quán miàn huàn fā chū le xīn zhì shēng lì péng bó shēng jī.

Cần cứ công nghiệp lâu đời miền Đông Bắc nước ta đẩy nhanh chuyển đổi nâng cấp ngành chế tạo trang thiết bị cao cấp, bùng sáng sức sống tràn trề của lực lượng sản xuất chất lượng mới.

25 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG BẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#125

东方

dōngfāng

phương Đông, phương đông

清晨，东方天际冉冉升起一轮喷薄而出的红日，把万道金色朝霞洒向辽阔神州大地。

Qīng chén, dōng fāng tiān jì rǎn rǎn shēng qǐ yì lún pēn bó ér chū de hóng rì, bǎ wàn dào jīn sè zhāo xiá sǎ xiàng liáo kuò shén zhōu dà dì.

Sáng sớm, trên bầu trời phương Đông từ từ nhô lên vầng thái dương đỏ rực, rọi muôn vàn tia nắng vàng óng ả xuống mảnh đất Thần Châu bao la.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG PHƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#126

东南

dōngnán

Đông Nam, vùng Đông Nam

我国东南沿海地区对外开放程度高、创新活力充沛，是国家现代化经济高质量发展的强劲引擎。

Wǒ guó dōng nán yán hǎi dì qū duì wài kāi fàng chéng dù gāo, chuàng xīn huó lì chōng pèi, shì guó jiā xiàn dài huà jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de qiáng jīng yīn qíng.

Khu vực duyên hải Đông Nam nước ta có độ mở cửa đối ngoại cao, sức sống đổi mới sáng tạo dồi dào, là động cơ mạnh mẽ cho sự phát triển kinh tế chất lượng cao hiện đại hóa đất nước.

26 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG NAM



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#127

冬天

dōngtiān

mùa đông, tiết đông

冬天虽然天气寒冷，但北方滑雪场上游客络绎不绝，冰雪文旅游消费格外火爆热闹。

Dōng tiān suī rán tiān qì hán lěng, dàn běi fāng huá xuě chǎng shàng yóu kè lùò yì bú jué, bīng xuě wén lǚ xiǎo fèi gé wài huǒ bào rè nào.

Mùa đông đầu thời tiết giá lạnh, nhưng trên các sân trượt tuyết phương Bắc du khách nườm nượp không ngớt, tiêu dùng du lịch văn hóa băng tuyết diễn ra vô cùng sôi nổi náo nhiệt.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐÔNG THIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#128

懂

dǒng

Hiểu

这句话听懂了吗？

Zhè jù huà tīng dǒng le ma?

Câu này bạn nghe hiểu chưa?

9 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#129

懂得

dǒngde

hiểu, thấu hiểu, biết được đạo lý

青年人在成长过程中要懂得感恩父母、感恩师长，在奉献社会中实现更高的人生价值。

Qīng nián rén zài chéng zhǎng guò chéng zhōng yào dǒng de gǎn ēn fù mǔ, gǎn ēn shī zhǎng, zài fèng xiàn shè huì zhōng shí xiàn gèng gāo de rén shēng jià zhí.

Thanh niên trong quá trình trưởng thành cần phải hiểu biết thấu hiểu lòng biết ơn cha mẹ, thầy cô, thực hiện giá trị nhân sinh cao đẹp hơn trong việc cống hiến cho xã hội.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG ĐẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#130

动物

dòng wù

động vật

保护野生动物及其自然栖息环境是全人类共同的责任。

Bǎo hù yě shēng dòng wù jí qí zì rán qī xī huán jīng shì quán rén lèi gòng tóng de zhòng dà zé rèn.

Bảo vệ động vật hoang dã cùng môi trường sống tự nhiên của chúng là trách nhiệm lớn lao chung của toàn nhân loại.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG VẬT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#131

动物园

dòng wù yuán

vườn bách thú, sở thú

国家野生动物园秉持生物多样性保护理念，为珍稀野生动物提供了贴近自然的生态繁育环境。

Guó jiā yě shēng dòng wù yuán bìng chí shēng wù wú duō yàng xìng bǎo hù lí niàn, wèi zhēn xī yě shēng dòng wù tí gòng le tiē jìn zì rán de shēng tài fán yù huán jīng.

Vườn bách thú sở thú hoang dã quốc gia giữ vững quan niệm bảo tồn đa dạng sinh học, mang đến môi trường nhân giống sinh thái gần gũi thiên nhiên cho các loài động vật hoang dã quý hiếm.

31 nét

HÁN VIỆT: ĐỘNG VẬT VIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#132

读音

dú yīn

cách phát âm, âm đọc của chữ Hán

多音字在不同的具体词语和语境中具有不同的标准读音与含义，需要我们细心辨析。

Duō yīn zì zài bù tóng de jù tǐ cí yǔ hé yǔ jīng zhōng jù yǒu bù tóng de biāo zhǔn dú yīn yǔ hán yì, xū yào wǒ men xī xīn biàn xī.

Chữ Hán nhiều âm đọc (đa âm tự) trong các ngữ cảnh và từ ngữ cụ thể khác nhau sở hữu những cách phát âm âm đọc và ý nghĩa chuẩn khác nhau, đòi hỏi chúng ta phải phân biệt tỉ mỉ.

18 nét

HÁN VIỆT: ĐẬU ÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#133

度

dù

độ (nhiệt độ, góc, cỡ); mức độ; trải qua

深海耐高压潜水器在数千米深度的极端海底环境中成功完成了长时间科研作业测试。

Shēn hǎi nài gāo yā qiǎn shuǐ qì zài shù qiān mǐ shēn dǔ de jí duǎn hǎi dī huán jīng zhōng chéng gōng wán chéng le zhǎng shí jiān kē yán zuò yè cè shì.

Tàu lặn chịu áp lực cao biển sâu ở môi trường đáy biển cực đoan độ sâu vài ngàn mét đã hoàn thành thành công các bài kiểm tra tác nghiệp nghiên cứu khoa học thời gian dài.

11 nét

HÁN VIỆT: ĐỘ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#134

短

duǎn

ngắn (chiều dài, thời gian)

在短短两年的时间里，这个曾经偏远的小山村就依靠发展特色乡村旅游彻底脱贫致富了。

Zài duǎn duǎn liǎng nián de shí jiān lǐ, zhè ge céng jīng piǎn yuǎn de xiǎo shān cūn jiù yǐ kào fā zhǎn tè sè xiāng cūn lǚ yóu ché zhī tuō pín zhì fù le.

Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi vốn vẹn hai năm, ngôi làng vùng núi từng hẻo lánh này đã dựa vào việc phát triển du lịch nông thôn đặc sắc để thoát nghèo làm giàu một cách triệt để.

14 nét

HÁN VIỆT: ĐOẢN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#135

短信

duǎn xìn

tin nhắn (SMS), tin nhắn ngắn

每逢新春佳节，手机里总能收到来自远方亲朋好友发送的温馨真挚的祝福短信。

Měi féng xīn chūn jiā jié, shǒu jī lǐ zǒng néng shōu dào lái zì yuǎn fāng péng yǒu fā sòng de wēn xīn zhēn zhì de zhù fú duǎn xìn.

Mỗi dịp Tết đến xuân về, điện thoại luôn nhận được những dòng tin nhắn chúc phúc ấm áp và chân thành từ người thân, bạn bè nơi phương xa gửi tới.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐOẢN TÍN



HSK 2 (3.0)

Liên từ

#145

而且

ér qiě

và

这套新建的高档公寓不仅采光极佳，而且周边生活配套非常齐全。

Zhè tào xīnjiàn de gāodǎng gōngyù bùjīn cāiguāng jíjiā, érqiě zhōubiān shēnghuó pèitào fēicháng qíquán.

Căn hộ cao cấp mới xây này không những đón ánh sáng tự nhiên tuyệt vời mà tiện ích sinh hoạt xung quanh còn vô cùng đầy đủ.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : NHI THẢ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#146

发

fā

gửi, phát, phát ra, phát triển

请将修改后的项目技术方案与预算明细以邮件形式发送到专家组邮箱。

Qǐng jiāng xiū gǎi hòu de xiàng mù jì shù fāng àn yǔ yǔ suàn míng xì yǐ yóu jiàn xíng shì fā sòng dào zhuān jiā zǔ yǒu xiāng.

Xin vui lòng gửi phương án kỹ thuật và dự toán chi tiết sau chỉnh sửa qua email cho hội đồng chuyên gia.

📖 10 nét

HÁN VIỆT : PHÁT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#147

发现

fā xiàn

khám phá

在整理旧书房的过程中，他意外发现了一本珍贵的民国古籍。

Zài zhěnglǐ jiù shūfáng de guòchéng zhōng, tā yìwài fāxiàn le yì běn zhēnguì de míngguó gǔjí.

Trong lúc dọn dẹp thư phòng cũ, anh ấy tình cờ phát hiện ra một cuốn sách cổ quý giá thời kỳ Dân quốc.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : PHÁT HIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#148

饭馆

fàn guǎn

nhà hàng, quán ăn

我们去饭馆吃饭吧。

Wǒmen qù fànguǎn chīfàn ba.

Chúng ta đến nhà hàng ăn cơm nhé.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : PHẠN QUẢN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#149

方便

fāng biàn

thuận tiện, tiện lợi

随着移动支付与智能手机的全面普及，如今出门只要带上一部手机就能非常方便地乘车和购物。

Suí zhe yí dòng zhī fù yǔ zhì néng shǒu jī de quán miàn pǔ jí, rú jīn chū mén zhǐ yào dài shàng yī bù shǒu jī jiù néng fēi cháng fāng biàn dì chéng chē hé gòu wù.

Cùng với sự phổ cập toàn diện của điện thoại thông minh và thanh toán di động, ngày nay ra đường chỉ cần mang theo một chiếc điện thoại là có thể đi xe và mua sắm vô cùng thuận tiện tiện lợi.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : PHƯƠNG TIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#150

方便面

fāng biàn miàn

mì ăn liền, mì tôm

在应急救援应急包中，非油炸高纤维方便面是保障野外作业人员快速补充能量的重要食品。

Zài yǐng jí jiù yuán yìng jí bāo zhōng, fēi yóu zhá gāo xiān wéi fāng biàn miàn shì bǎo zhàng yě wài zuò yè rén yuán kuài sù bǔ chōng néng liàng de zhòng yào shí pǐn.

Trong túi cứu hộ khẩn cấp, mì ăn liền mì tôm không chiên giàu chất xơ là loại thực phẩm quan trọng bảo đảm bổ sung năng lượng nhanh chóng cho nhân viên tác nghiệp dã ngoại.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : PHƯƠNG TIỆN DIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#151

方法

fāng fǎ

phương pháp, cách thức

掌握科学高效的记忆方法与复习策略，能够让你的语言学习事半功倍，突飞猛进。

Zhǎng wò kēxué gāo xiào de jìyì fāng fǎ yǔ fù xí cè lüè, néng gòu ràng nǐ de yǔ yán xué xí shì bàn gōng bèi, tú fēi měng jìn.

Nắm vững phương pháp ghi nhớ khoa học và chiến lược ôn tập hiệu quả sẽ giúp việc học ngôn ngữ của bạn đạt kết quả gấp đôi mà tốn một nửa công sức, tiến bộ vượt bậc.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : PHƯƠNG PHÁP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#152

方面

fāng miàn

phương diện, khía cạnh

双方在经贸投资、绿色能源以及人文教育等诸多核心方面达成了深度合作共识。

Shuāng fāng zài jīng mào tóu zī, lǜ sè néng yuán yǐ jí rén wén jiàoyù yǔ dēng zhū duō hé xīn fāng miàn dá chéng le shēn dù hé zuò gòng shí.

Hai bên đã đạt được nhận thức chung về hợp tác sâu rộng trên nhiều phương diện then chốt như đầu tư kinh tế thương mại, năng lượng xanh và giáo dục nhân văn.

📖 19 nét

HÁN VIỆT : PHƯƠNG DIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#153

方向

fāng xiàng

phương hướng, chiều hướng

在浩瀚的大海中航行，灯塔不仅是指引船只安全归港的方向标，更是希望的象征。

Zài hào hàn de dà hǎi zhōng háng xíng, dēng tǎ bú jǐn shì zhǐ yǐn chuán zhī ān quán guī gǎng de fāng xiàng biāo, gèng shì xī wàng de xiàng zhēng.

Giữa biển khơi mênh mông, ngọn hải đăng không chỉ là mốc định hướng chỉ đường cho tàu thuyền cập bến an toàn mà còn là biểu tượng của niềm hy vọng.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : PHƯƠNG HƯỚNG



HSK 2 (3.0)

Động từ

#154

放下

fàngxià

đặt xuống, bỏ xuống; buông bỏ

走出繁忙的科研实验室，青年学者放下手中的学术压力，在绿树成荫的湖畔散步放松身心。

Zōu chū fán máng de kē yán shí yán shì, qīng nián xué zhě fàng xià shǒu zhōng de xué shù yā lì, zài lǜ shù chéng yīn de hú pàn sǎn bù fàng sōng shēn xīn.

Bước ra khỏi phòng thí nghiệm nghiên cứu khoa học bận rộn, người học giả trẻ tuổi đã buông bỏ đặt xuống áp lực học thuật trong tay, dạo bộ bên bờ hồ rợp bóng cây xanh để thư giãn thể chất và tinh thần.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG HẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#155

放心

fàngxīn

Hãy yên tâm

您就放一百个心吧，这个项目交由我们资深团队负责绝对稳妥可靠。

Nín jiù fàng yí bǎi gè xīn ba, zhè ge xiàngmù jiāo yóu wǒmen zīshēn tuánduì fùzé juéduì wéntuǒ kěkào.

Quý khách cứ yên tâm tuyệt đối nhé, dự án này giao cho đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm của chúng tôi đảm trách thì chắc chắn ổn thỏa tin cậy.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: PHÓNG TÂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#156

分开

fēnkāi

tách ra, phân chia, chia cách

垃圾分类回收要求我们将可回收物、厨余垃圾、有害垃圾和其他垃圾严格分开投放。

Lā jī fēn lèi huíshōu yāo qiú wǒmen jiāng kě huíshōu wù, chúyú lǎ jī, yǒu hài lǎ jī hé qí tā lǎ jī yán gé fēn kāi tóu fàng.

Phân loại thu gom rác thải yêu cầu chúng ta phải phân chia tách biệt rác có thể tái chế, rác thải thực phẩm nhà bếp, rác thải nguy hại và rác thải khác một cách nghiêm ngặt khi vứt.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: PHÂN KHAI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#157

分数

fēnshù

điểm số; phân số (toán học)

他在这届国际中文水平考试中取得了接近满分的优异成绩，获得了国家优秀留学生全额奖学金。

Tā zài běn jiè guó jì zhōng wén shuǐ píng kǎo shì zhōng qǔ dé le jiē jìn mǎn fēn de yōu yǎng chéng jī, huò dé le guó jiā yōu xiù liú xué shēng quán é jiǎng xué jīn.

Anh ấy đã đạt được điểm số thành tích xuất sắc gần như điểm tuyệt đối trong Kỳ thi Năng lực Tiếng Trung Quốc tế lần này, nhận được học bổng toàn phần Lưu học sinh Ưu tú Quốc gia.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: PHÂN SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#158

分钟

fēnzhōng

phút

请等我五分钟。

Qǐng děng wǒ wǔ fēnzhōng.
Xin đợi tôi năm phút.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: PHÂN CHUNG

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#159

份

fèn

bản, phần, suất [lượng từ]

面试前请提前准备好一份内容详实、排版精美的中英文双语个人简历。

Miàn shì qián qǐng tí qián zhǔn bèi hào yī fèn nèi róng xiáng shí, pái bǎn jīng měi de zhōng yīng wén shuāng yǔ gè rén jiǎn lì.

Trước buổi phỏng vấn bạn hãy chuẩn bị sẵn một bản sơ yếu lý lịch song ngữ Trung - Anh đầy đủ nội dung và trình bày đẹp mắt nhé.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: PHẦN

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#160

封

fēng

bức, lá (thư); niêm phong, phong tỏa

远在海外深造的留学生给母校恩师写了一封深情厚谊的感谢信，汇报最新的学术创新成果。

Yuǎn zài hǎi wài shēn zhào de liú xué shēng gěi mǔ xiào ēn shī xiě le yī fēng shēn qīng hòu yì de gǎn xiè xìn, huì bào zuì xīn de xué shù chuàng xīn chéng guǒ.

Bạn lưu học sinh đang tu nghiệp ở phương xa nơi đất khách đã viết một lá bức thư cảm ơn tràn đầy tình nghĩa sâu đậm gửi tới thầy cô giáo cũ nơi trường xưa, báo cáo những thành quả đổi mới sáng tạo học thuật mới nhất.

📖 13 nét

HÁN VIỆT: PHONG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#161

服务

fúwù

phục vụ, dịch vụ

政府全面推进政务服务“一网通办”，大幅减少群众跑腿次数，提升了公共服务质量与效率。

Zhèng fú quán miàn tuī jìn zhèng wù fú wù "yī wǎng tōng bàn", dà fú jiǎn shǎo qún zhòng pǎo tuǐ cì shù, tí shēng le gōng gòng fú wù zhì liàng yǔ xiào lǜ.

Chính phủ đẩy mạnh toàn diện dịch vụ hành chính công 'Một cổng thông suốt trên mạng', giảm thiểu vượt bậc số lần đi lại của người dân, nâng cao hiệu suất và chất lượng phục vụ công cộng.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: PHỤC VỤ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#162

复习

fùxí

đánh giá

下周末考试就要来临，大家都在争分夺秒地认真复习各科重点。

Xià zhōu mò kǎo shì jiù yào lái lín, dà jiā dōu zài zhēng fēn duó miǎo de rèn zhēn fù xí gè kē zhòng diǎn.

Tuần sau kỳ thi học kỳ tới rồi, mọi người đều đang tranh thủ từng giây từng phút ôn tập nghiêm túc các kiến thức trọng tâm.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: PHỤC TẬP



**HSK 2
(3.0)**

Đại từ / Động từ năng
nguyên

#163

该
gāi

nên, cần phải; đó, này (văn bản:
trường ấy, dự án này)

面对时代赋予青年人的光荣使命，我们该挺身而出、勇挑重担，在拼搏奋斗中绽放青春光彩。

Miàn duì shí dài fù yǔ qīng nián rén de guāng róng shǐ mìng, wǒ men gāi tǐng shēn ér chū, yǒng tiǎo zhòng dàn, zài pīn bó fèn dòu zhōng zhàn fàng qīng chūn guāng cǎi.

Đứng trước sứ mệnh quang vinh mà thời đại trao gửi cho thanh niên, chúng ta nên cần phải dũng cảm đứng ra gánh vác trọng trách, tỏa sáng rực rỡ sắc xuân trong quá trình nỗ lực phấn đấu.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: **CAI**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#164

改
gǎi

thay đổi

老师鼓励大家积极改，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí gǎi, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thay đổi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: **CẢI**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#165

改变
gǎi biàn

thay đổi, biến đổi

科学技术的飞速进步正在深刻改变着人们的日常沟通模式、工作方式与生活习惯。

Kē xué jī shù de fēi sù jìn bù zhèng zài shēn kè gǎi biàn zhe rén men de rì cháng gōu tōng mó shì, gōng zuò fāng shì yǔ shēng huó xí guān.

Sự tiến bộ như vũ bão của khoa học công nghệ đang làm thay đổi sâu sắc phương thức giao tiếp hàng ngày, cách làm việc và thói quen sinh hoạt của con người.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **CẢI BIẾN**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#166

感到
gǎn dào

cảm thấy, nhận thấy, cảm nhận
được

看到国家自主研发的深空探测卫星成功传回首批高分辨率科学图像，全体研发人员感到无比欣慰。

Kàn dào guó jiā zì zhǔ yán fā de shēn kōng tàn cè wéi xīng chéng gōng chuán huí shǒu pī gāo fēn biàn lǜ kē xué tú xiàng, quán tǐ yán fā rén yuán gǎn dào wú bǐ xīn wèi.

Nhìn thấy vệ tinh thám trắc không gian sâu do nước nhà tự chủ nghiên cứu phát triển truyền về thành công đợt hình ảnh khoa học độ phân giải cao đầu tiên, toàn thể đội ngũ nghiên cứu cảm thấy vô cùng an ủi tự hào.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: **CẢM ĐÁO**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#167

感动
gǎn dòng

cảm động, xúc động

看到消防救援人员冒着生命危险从大火中救出被困小女孩，在场所有人都感动得热泪盈眶。

Kàn dào xiāo fáng jiù yuán rén yuán mào zhe shēng mìng wēi xiǎn cóng dà huǒ zhōng jiù chū bèi kùn xiǎo nǚ hái, zài chǎng suǒ yǒu rén dōu gǎn dòng dé rè lèi yíng kuàng.

Nhìn thấy các chiến sĩ cứu hỏa bất chấp hiểm nguy cứu bé gái bị mắc kẹt thoát khỏi biển lửa, tất cả mọi người có mặt đều xúc động trào dâng nước mắt.

📖 28 nét

HÁN VIỆT: **CẢM ĐỘNG**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#168

感觉
gǎn jué

cảm giác, cảm thấy

漫步在初春雨后的古镇青石板小巷上，整个人感觉格外轻松惬意、神清气爽。

Màn bù zài chūn yǔ hòu de gǔ zhèn qīng shí bǎi xiǎo xiàng shàng, zhěng gè rén gǎn jué gé wài qīng sōng qiè yì, shén qīng qì shuǎng.

Tản bộ trên con ngõ lát đá xanh của thị trấn cổ sau cơn mưa đầu xuân, cả người cảm thấy vô cùng khoan khoái nhẹ nhõm và sảng khoái tâm hồn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: **CẢM GIÁC**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#169

感谢
gǎn xiè

cảm ơn, biết ơn

由衷感谢各位专家评委与现场观众一直以来对我们科研创新项目的倾情关注与鼎力支持！

Yóu zhōng gǎn xiè gè wèi zhuān jiā píng wēi yǔ xiàn chǎng guān zhòng yì zhí yǐ lái duì wǒ men kē yán chuàng xīn xiàng mù de qīng qīng guān zhù yǔ dīng lì zhī chí!

Xin chân thành cảm ơn quý vị chuyên gia giám khảo cùng toàn thể khán giả tại trường quay đã luôn dành sự quan tâm và ủng hộ nhiệt tình cho dự án đổi mới sáng tạo khoa học của chúng tôi!

📖 28 nét

HÁN VIỆT: **CẢM TẠ**

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#170

干杯
gān bēi

cạn ly, cụng ly

在这辞旧迎新的美好温馨时刻，让我们共同举起酒杯，为新的一年平安喜乐干杯！

Zài zhè cí jiù yíng xīn de měi hǎo wēn xīn shí kè, ràng wǒ men gòng tóng jǔ qǐ jiǔ bēi, wèi xīn de yī nián píng ān xī lè gān bēi!

Trong thời khắc tiễn năm cũ đón năm mới ấm cúng và tốt đẹp này, chúng ta hãy cùng nhau nâng ly, cạn chén chúc cho một năm mới an khang thịnh vượng!

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **CAN BÔI**

HSK 2 (3.0)

Động từ

#171

干活儿
gàn huó r

làm việc, làm việc tay chân, lao
động

工地上工人们顶着烈日挥汗如雨地干活儿，全力保障重大民生工程按期交付。

Gōng dì shàng gōng rén men dǐng zhe rè yì huī hàn rú yǔ de gàn huó ér, quán lì bǎo zhàng zhòng dà mín shēng gōng chéng àn qī jiāo fù.

Trên công trường các công nhân đội nắng đổ mồ hôi như mưa hàng say làm việc, dốc toàn lực bảo đảm đại công trình dân sinh được bàn giao đúng tiến độ.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: **CAN HOẠT NHÂN**



HSK 2 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#172

刚
gāng

vừa mới, vừa vặn; cứng cỏi

新落成的国家超级大科学装置刚一投入试运行，就成功捕获到了极具科研价值的高能宇宙射线信号。

Xīn luò chéng de guó jiā chāo jí dà kē xué zhuāng zhì gāng yī tóu rù shì yùn xíng, jiù chéng gōng bǔ huò dào le jí jù kē yán jià zhí de gāo néng yǔ zhòu shè xiàn xìn hào.

Cơ sở hạ tầng khoa học lớn siêu cấp quốc gia mới khánh thành vừa mới đưa vào vận hành thử nghiệm là đã bắt trọn thành công tín hiệu tia vũ trụ năng lượng cao có giá trị nghiên cứu khoa học cực lớn.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#173

刚才
gāng cái

Vừa rồi

刚才在走廊遇到王老师，他特意表扬了你近期出色的学习表现。

Gāng cái zài zǒu láng yù dào Wáng lǎo shī, tā tè yì biǎo yáng le nǐ jìn qī chū sè de xué xí biǎo xiàn.

Vừa nãy gặp thầy Vương ở hành lang, thầy đã đặc biệt khen ngợi sự thể hiện học tập xuất sắc gần đây của bạn đấy.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG TÀI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#174

刚刚
gāng gang

vừa mới, vừa vặn

研发团队刚刚完成了针对核心安全漏洞的紧急修复补丁发布，系统运行一切正常。

Yán fā tuán duì gāng gang wán chéng le zhēn duì hé xīn ān quán lòu dòng de jǐn jí xiū fù bǔ dīng fā bù, xì tǒng yùn xíng yī qiè zhèng cháng.

Đội ngũ nghiên cứu và phát triển vừa mới hoàn tất việc phát hành bản vá sửa lỗi bảo mật khẩn cấp, hệ thống hiện đang hoạt động hoàn toàn bình thường.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CƯƠNG CƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#175

高级
gāo jí

cao cấp, cấp cao

这家五星级国际度假酒店不仅配备了高级水疗中心，还拥有无边际恒温全景游泳池。

Zhè jiā wǔ xīng jī guó jì dù jiǎ jiǔ diàn bù jīn pèi bèi le gāo jí shuǐ liáo zhōng xīn, hái yǒng yǒu wú biān jì héng wēn quán jīng yóu yǒng chí.

Khách sạn nghỉ dưỡng quốc tế 5 sao này không chỉ trang bị trung tâm spa cao cấp mà còn sở hữu bể bơi vô cực nước ấm nhìn toàn cảnh tuyệt đẹp.

📖 28 nét

HÁN VIỆT : CAO CẤP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#176

高中
gāo zhōng

trường trung học phổ thông, cấp ba (THPT)

在高中学习阶段，学生们不仅要打牢各学科基础知识，更要注重培养创新思维与综合素质。

Zài gāo zhōng xué xí jiē duàn, xué shēng men bù jīn yào dǎ láo gè xué kē jī chǔ zhī shí, gèng yào zhòng zhōng péi yǎng chuàng xīn sī wéi yǔ zōng hé sù zhì.

Trong giai đoạn học tập tại trường trung học phổ thông cấp ba, các em học sinh không chỉ cần củng cố vững chắc kiến thức cơ bản các môn học, mà càng cần chú trọng bồi dưỡng tố chất tổng hợp và tư duy đối mới sáng tạo.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : CAO TRUNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#177

个子
gè zi

vóc dáng, chiều cao

短短两年没见，那个曾经跟在我身后调皮奔跑的小表弟个子已经窜到了一米八五。

Duǎn duǎn liǎng nián méi jiàn, nà ge céng jīng gēn zài wǒ shēn hòu tiáo pí bēn pǎo de xiǎo biǎo dì gè zi yǐ jīng cuàn dào le yī mǐ bā wǔ.

Mới chỉ có 2 năm không gặp mà cậu em họ từng lon ton chạy nghịch theo sau tôi ngày nào nay vóc dáng đã cao vọt lên tới 1m85 rồi.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CÁ TỬ

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#178

更
gèng

càng, càng thêm hơn nữa

在攀登世界前沿科学高峰的征程上，我们要百尺竿头更进一步，不断创造出更多原创性突破。

Zài pǎn dēng shì jiè qián yán kē xué gāo fēng de zhēng chéng shàng, wǒ men yào bǎi chí gān tóu gèng jìn yī bù, bù duàn chuàng zào gèng duō yuán chuàng xīng tū pò.

Trên hành trình trèo lên đỉnh cao khoa học tiên phong thế giới, chúng ta cần đầu sào trăm thước càng thêm tiến một bước nữa, không ngừng sáng tạo nên nhiều bước đột phá mang tính nguyên tác hơn nữa.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : CANH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#179

公共汽车
gōng gòng qì chē

xe buýt

我坐公共汽车去学校。

Wǒ zuò gōng gòng qì chē qù xué xiào.

Tôi đi xe buýt đến trường.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : CÔNG CỘNG KHÍ XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#180

公交车
gōngjiāochē

xe buýt công cộng, xe bus

全城新能源纯电动纯绿色公交车全覆盖运营，让市民日常低碳绿色出行变得更加舒适快捷。

Quán chéng xīn néng yuán chún diàn chún lǜ sè gōng jiāo chē quán fù gài yùn yíng, ràng shì mǐn rì cháng dī tàn lǜ sè chū xíng biàn dé gèng jiā shū shì kuài jié.

Mạng lưới xe buýt công cộng thuần điện xanh năng lượng mới bao phủ toàn thành phố đi vào vận hành, giúp việc đi lại xanh ít phát thải carbon hàng ngày của người dân trở nên êm ái, tiện lợi và nhanh chóng hơn.

📖 31 nét

HÁN VIỆT : CÔNG GIAO XA



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#181

公斤
gōng jīn

kilôgam

我买了两公斤苹果。
Wǒ mǎi le liǎng gōngjīn píngguǒ.
Tôi đã mua hai cân (kg) táo.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG CÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#182

公里
gōng lǐ

ki-lô-mét (km)

从北京首都国际机场乘坐机场高速轨道交通专线，短短半小时即可抵达三十公里外的市中心。

Cóng běijīng shǒu dū guó jī jī chāng chéng zuò jī chāng gāo sù guǐ dào jiāo tōng zhuān xiàn, duǎn duǎn bàn xiǎo shí jǐ kě dǐ dá sān shí gōng lǐ wài de shì zhōng xīn.

Đi tuyến tàu điện chuyên dụng cao tốc sân bay từ Sân bay Quốc tế Thủ đô Bắc Kinh, chỉ trong vòng nửa tiếng là bạn đã tới được trung tâm thành phố cách đó 30 km.

21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#183

公路
gōng lù

đường quốc lộ, đường cao tốc, đường bộ

通往偏远山区的高等级现代化生态公路全线贯通通车，有力带动了沿线乡村特色文旅与特色产业腾飞。

Tōng wǎng piǎn yuǎn shān qū de gāo děng jí xiàn dài huà shēng tài gōng lù quán xiàn guān tōng tōng chē, yǒu lì dài dòng le yǎn xiàn xiāng cūn tè sè wén lǚ yǔ tè sè chǎn yè téng fēi.

Tuyến đường bộ quốc lộ sinh thái hiện đại hóa cấp cao dẫn tới vùng núi xa xôi đã thông suốt toàn tuyến thông xe, thúc đẩy mạnh mẽ các ngành nghề đặc sắc và du lịch văn hóa vùng nông thôn dọc tuyến cất cánh.

26 nét

HÁN VIỆT: CÔNG LỘ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#184

公平
gōng píng

công bằng, bình đẳng

维护公平开放的市场竞争秩序与法治化营商环境，是激发各类市场主体创新活力的关键。

Wéi hù gōng píng kāi fàng de shì chǎng jìng zhēng zhì xù yǔ fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng, shì jī fā gè lèi shì chǎng zhǔ tǐ chuàng xīn huó lì de guān jiàn.

Giữ vững trật tự cạnh tranh thị trường công bằng cởi mở và môi trường kinh doanh thượng tôn pháp luật là điều cốt lõi để khơi dậy sức sáng tạo của mọi chủ thể thị trường.

22 nét

HÁN VIỆT: CÔNG BÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#185

公司
gōng sī

công ty

我在一家大公司工作。

Wǒ zài yí jiā dà gōngsī gōngzuò.

Tôi làm việc ở một công ty lớn.

27 nét

HÁN VIỆT: CÔNG TI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#186

公园
gōng yuán

công viên

每逢周末，市民们都喜欢带上家人孩子前往城市森林公园露营散心。

Měi féng zhōumò, shìmínmen dōu xǐhuan dài shàng jiā rén hái zǐ qián wǎng chéngshì sēnlín gōngyuán lùyíng sǎnxīn.

Mỗi dịp cuối tuần, người dân đều thích đưa gia đình con nhỏ đến công viên rừng của thành phố để cắm trại thư giãn.

21 nét

HÁN VIỆT: CÔNG VIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#187

狗
gǒu

con chó

我家有一只小狗。

Wǒ jiā yǒu yí zhī xiǎogǒu.

Nhà tôi có một con chó nhỏ.

14 nét

HÁN VIỆT: CẦU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#188

够
gòu

đủ, vừa đủ

只要我们为这次考试做了足够充分的准备，就能从容自信地应对一切考题。

Zhǐ yào wǒ men wèi zhè cì kǎoshì zuò le zú gòu chōng fèn de zhǔn bèi, jiù néng cóng róng zì xìn dì yíng duì yí qiè kǎo tít.

Chỉ cần chúng ta chuẩn bị đầy đủ và kỹ càng cho kỳ thi này thì hoàn toàn có thể tự tin vững vàng làm mọi đề thi.

10 nét

HÁN VIỆT: CÚ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#189

故事
gù shi

câu chuyện

老爷爷坐在摇椅上，绘声绘色地为孩子们讲述古代英雄传奇的故事。

Lǎo yéye zuò zài yáoyǐ shàng, huì shēng huì sè de wèi hái zǐmen jiǎng shù gù dài yīngxióng chuán qì de gùshi.

Cụ ông ngồi trên chiếc ghế đu, hào hứng kể lại cho đàn cháu nghe những câu chuyện truyền kỳ về các vị anh hùng thời xưa.

23 nét

HÁN VIỆT: CỔ SỰ



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#190

故意

gùyì

cố tình, cố ý

在足球比赛中切忌采取恶意故意犯规动作，这不仅违背体育道德，还会受到红牌重罚。

Zài zú qiú bǐ sài zhōng qiè jì cǎi qǔ è yì gù yì fàn guī dòng zuò, zhè bù jìn wéi tǐ yù dǎo dé, hái huì shòu dào hóng pái zhòng fá.

Trong thi đấu bóng đá tuyệt đối tránh những pha phạm lỗi cố ý ác ý, điều này không chỉ trái với tinh thần thể thao mà còn bị phạt thẻ đỏ nghiêm khắc.

24 nét

HÁN VIỆT: CỐ Ý

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#191

顾客

gùkè

khách hàng, khách mua

这家百年老字号茶庄始终秉持“顾客至上、诚信经营”的优良宗旨，深得广大消费者的赞誉。

Zhè jiā bǎi nián lǎo zì hào chá zhuāng shǐ zhōng bǐng chí "gù kè zhì shàng, chéng xìn jīng yíng" de yōu liáng zōng zhǐ, shēn dé guǎng dà xiāo fèi zhě de zàn yù.

Tiệm trà gia truyền trăm năm này luôn giữ vững phương châm "Khách hàng là thượng đế, kinh doanh bằng chữ tín", nhận được sự ngợi khen từ đông đảo người tiêu dùng.

23 nét

HÁN VIỆT: CỐ KHÁCH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#192

关机

guānjī

tắt máy (máy tính, điện thoại, thiết bị)

在进入国家重大涉密学术会议会场前，请参会人员自觉将所有随身移动通信设备关闭电源关机。

Zài jìn rù guó jiā zhòng dà shè mì xué shù huì yì huì chǎng qián, qǐng cān huì rén yuán zì jué jiāng huì chǎng qián, qǐng cān huì rén yuán zì jué jiāng suǒ yǒu suí shēn yí dòng tōng xìn shè bèi guān bì diàn yuán guān jī.

Trước khi bước vào hội trường cuộc họp học thuật bí mật trọng đại quốc gia, xin các đại biểu tham dự tự giác ngắt nguồn điện tắt máy tất cả các thiết bị thông tin liên lạc đi động mang theo.

22 nét

HÁN VIỆT: QUAN CƠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#193

关心

guānxīn

quan tâm

无论工作多么忙碌，父母始终无微不至地关心着子女的身心健康。

Wú lùn gōng zuò duō me máng lù, fù mǔ shǐ zhōng wú wēi bú zhì de guān xīn zhe zǐ nǚ de shēn xīn jiàn kāng.

Bất kể công việc bận rộn đến đâu, cha mẹ lúc nào cũng ân cần quan tâm chăm chút từng ly từng tí đến sức khỏe của con cái.

22 nét

HÁN VIỆT: QUAN TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#194

观点

guāndiǎn

quan điểm, góc nhìn, lập trường

在国际学术论坛上，学者们秉持实事求是的科学态度，就前沿理论观点展开了热烈的思想交锋。

Zài guó jì xué shù lùn tán shàng, xué zhě men bǐng chí shí shì qǐ shì de kē xué tài dù, jiù qián yán lì lùn guān diǎn zhān kāi le rè liè de sī xiǎng jiāo fēng.

Tại diễn đàn học thuật quốc tế, các học giả với thái độ khoa học cầu thị tìm tòi sự thật đã sôi nổi trao đổi thảo luận tranh biện về những góc nhìn lý luận tiên phong.

19 nét

HÁN VIỆT: QUẢN ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#195

广场

guǎngchǎng

quảng trường

清晨当第一缕阳光洒向宏伟庄严的天安门广场，五星红旗在雄壮的国歌声中冉冉升起。

Qīng chén dāng dì yī lǚ yáng guāng sǎ xiàng hóng wēi zhūāng yǎn de tiān ān mén guǎng chǎng, wǔ xīng hóng qí zài xióng zhuàng de guó gē shēng zhōng rán rán shēng qǐ.

Sáng sớm khi vạt nắng đầu tiên chiếu rọi xuống Quảng trường Thiên An Môn uy nghiêm tráng lệ, lá cờ đỏ năm sao từ từ bay lên theo điệu Quốc ca hào hùng.

22 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG TRƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#196

广告

guǎnggào

quảng cáo

这部优秀的公益广告没有一句说教台词，却通过动人的画面直击心灵、引发广泛深思。

Zhè bù yōu xiù de gōng yì guǎng gào méi yǒu yí jù shuō jiào tái cí, què tōng guò dòng rén de huà miàn zhí jī xīn líng, yīn fā guǎng fàn shēn sī.

Đoạn phim quảng cáo vì cộng đồng xuất sắc này không hề có một câu từ giáo điều nào, nhưng qua những thước phim chạm đến trái tim đã khơi gợi bao nỗi suy ngẫm sâu xa.

26 nét

HÁN VIỆT: QUẢNG CÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#197

国际

guójì

quốc tế

随着我国综合国力与国际影响力的稳步提升，中文正在受到越来越多国际友人的喜爱。

Suí zhe wǒ guó zōng hé guó lì yǔ guó jì yǐng xiǎng lì de wěn bù tí shēng, zhōng wén zhèng zài shòu dào yuè lái yuè duō guó jì yǒu rén de xǐ ài.

Cùng với sự nâng cao vững chắc về sức mạnh tổng hợp và tầm ảnh hưởng quốc tế của đất nước, tiếng Trung đang ngày càng được nhiều bạn bè quốc tế đón nhận và yêu mến.

22 nét

HÁN VIỆT: QUỐC TẾ

HSK 2 (3.0)

Động từ xu hướng

#198

过来

guòlai

qua đây, lại đây; tình lại

看到远道而来的外国留学生，志愿服务者微笑着招手热情地说：“请快往这边走过来！”

Kàn dào yuǎn dào ér lái de wài guó liú xué shēng, zhì yuán fú wú zhē wēi xiào zhe zhāo shōu rè qíng de shuō: "qǐng kuài wǎng zhè biān zǒu guò lái!"

Nhìn thấy các bạn lưu học sinh nước ngoài từ phương xa tới, tình nguyện viên phục vụ mỉm cười vẫy tay nhiệt tình nói: "Xin mời các bạn mau đi qua đây lại đây phía bên này!"

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁ LAI



HSK 2 (3.0)

Động từ

#199

过年

guònián

ăn Tết, đón Tết Nguyên Đán

每逢过年，千家万户张灯结彩、贴春联、吃年夜饭，沉浸在辞旧迎新的浓厚喜庆氛围中。

Mỗi dịp đón Tết, nghìn gia đình万户 thắp đèn, dán câu đối đỏ, ăn bữa cơm tất niên, đắm mình trong bầu không khí hân hoan rộn rã tiễn năm cũ đón chào năm mới.

Cứ mỗi dịp đón Tết ăn Tết, muôn nhà muôn cửa chẳng đèn kết hoa, dán câu đối đỏ, ăn bữa cơm tất niên, đắm mình trong bầu không khí hân hoan rộn rã tiễn năm cũ đón chào năm mới.

19 nét

HÁN VIỆT: QUÁ NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#200

过去

guòqu

quá khứ

过去的挫折与坎坷皆已成为过去，我们要满怀希望地拥抱未来。

Guòqu de cuòzhé yǔ kǎnkě jiē yǐ chéngwéi guòqu, wǒmen yào mǎnhuái xīwàng de yǒngbào wèilái.

Những chông gai và trắc trở đã qua đều đã là dĩ vãng, chúng ta cần tràn đầy hy vọng để đón chào tương lai phía trước.

18 nét

HÁN VIỆT: QUÁ KHỨ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#201

海

hǎi

biển, đại dương

我国积极推进海洋强国建设，深海勘探与海洋生态系统保护取得了举世瞩目的跨越式成就。

Wǒ guó jī jí tuī jìn hǎi yáng qiáng guó jiàn shè, shēn hǎi kǎn tàn yǔ hǎi yáng shēng tài xī tǒng bǎo hù qǔ dé lè jǔ shì zhǔ mù dì kuà yuè shì chéng jiù.

Nước ta tích cực đẩy mạnh xây dựng cường quốc biển đại dương, công tác bảo tồn hệ sinh thái biển và thám hiểm biển sâu đã đạt được những thành tựu nhảy vọt khiến toàn thế giới dõi theo.

10 nét

HÁN VIỆT: HẢI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#202

海边

hǎibiān

bờ biển, ven biển, bãi biển

傍晚漫步在海边栈道上，吹着清凉的海风，聆听海浪拍打礁石的声响，让人心旷神怡。

Bàng wǎn màn bù zài hǎi biān zhàn dào shàng, chuī zhe qīng liáng de hǎi fēng, líng tīng hǎi làng pāi dǎ jiāo shí de shēng xiǎng, ràng rén xīn kuàng shén yí.

Chiều tối dạo bước trên con đường ván gỗ bên bờ biển, đón làn gió biển mát rượi, lắng nghe tiếng sóng biển vỗ vào ghềnh đá, khiến tâm hồn con người trở nên vô cùng khoan khoái thư thái.

19 nét

HÁN VIỆT: HẢI BIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#203

喊

hǎn

kêu, hét, hô to; gọi lớn

在体育总决赛冲刺的关键时刻，看台上数千名观众齐声挥舞旗帜、大声为运动健儿呐喊助威。

Zài tǐ yù zǒng jué sài chōng cì de guān jiàn shí kè, kàn tái shàng shù qiān míng guān zhòng qí shēng huī wú qí zhì, dà shēng wéi yùn dòng jiàn ér nà hǎn zhù wéi.

Vào thời khắc then chốt nước rút của trận chung kết thể thao, hàng ngàn khán giả trên khán đài cùng vẫy cờ, to tiếng hét lớn hô to cổ vũ tiếp sức cho các vận động viên.

10 nét

HÁN VIỆT: HẨM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#204

好处

hǎochu

điểm tốt, lợi ích, ưu điểm

坚持规律的作息时间与适度的有氧运动对调节神经衰弱与改善睡眠质量有极大的好处。

Jiān chí guī lǜ de zuò xī shí jiān yǔ shì dù de yǒu yǎng yùn dòng duì diào jié shén jīng shuāi ruò yǔ gǎi shàn shuì mián zhì liàng yǒu jí dà de hǎo chù.

Việc duy trì thời gian biểu sinh hoạt điều độ cùng các bài tập cardio vừa sức mang lại lợi ích vô cùng to lớn trong việc điều hòa suy nhược thần kinh và nâng cao chất lượng giấc ngủ.

24 nét

HÁN VIỆT: HẢO XỬ

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Tính từ

#205

好多

hǎoduō

rất nhiều, bao nhiêu là

新建成的国家现代农业科技示范园区吸引了好多国内外农业专家与青年创客前来考察交流。

Xīn jiàn chéng de guó jiā xiàn dài nóng yè jī kē shì fàn yuán qū xī yīn le hǎo duō guó nèi wài nóng yè zhuān jiā yǔ qīng nián chuàng kè qián lái kǎo chá jiāo liú.

Khu trình diễn khoa học công nghệ nông nghiệp hiện đại quốc gia mới xây đã thu hút rất nhiều chuyên gia nông nghiệp trong và ngoài nước cùng các nhà khởi nghiệp trẻ tới khảo sát giao lưu.

25 nét

HÁN VIỆT: HẢO ĐA

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Danh từ thời gian

#206

好久

hǎojiǔ

lâu rồi, hồi lâu, thời gian dài

好久不见！真高兴今天能在国际学术研讨会上与你再次相遇。

Hǎo jiǔ bú jiàn! Zhēn gāo xìng jīn tiān néng zài guó jì xué shù yán tào huì shàng yǔ nǐ zài cì xiāng yù.

Đã lâu không gặp! Thật vui mừng khi hôm nay có thể gặp lại hội ngộ cùng bạn tại hội thảo học thuật quốc tế.

24 nét

HÁN VIỆT: HẢO CỬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#207

好人

hǎorén

người tốt, người lương thiện

在社会大家庭中，处处都有热心助人、见义勇为的好人好事。

Zài shè huì dà jiā tíng zhōng, chù chù dōu yǒu rè xīn zhù rén, jiàn yì yǒng wéi de hǎo rén hǎo shì.

Trong đại gia đình xã hội, ở khắp mọi nơi đều có những người tốt việc tốt nhiệt tình giúp đỡ người khác và dũng cảm vì nghĩa hiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: HẢO NHÂN



HSK 2 (3.0)

Động từ

#208

好事

hǎo shì

điều tốt

老师鼓励大家积极好事，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí hǎo shì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực điều tốt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: HẢO SỰ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#209

好像

hǎo xiàng

hình như, dường như, giống như

看他那神采奕奕、喜上眉梢的开心神情，好像今天在创新大赛评选中获得了特等奖一样。

Kàn tā nà shén cǎi yì yì, xǐ shàng méi shāo de kāi xīn shén qíng, hǎo xiàng jīn tiān zài chuàng xīn dà sài píng xuǎn zhōng huò dé le tè děng jiǎng yī yàng.

Nhìn nét mặt rạng rỡ hớn hờ tràn đầy niềm vui của anh ấy, dường như thể hôm nay anh ấy vừa ẩm trọn giải Đặc biệt trong cuộc thi đổi mới sáng tạo vậy.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: HẢO TƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#210

合适

hé shì

thích hợp, vừa vặn, phù hợp

在人生的职业发展道路上，找到最适合自己的方向比盲目跟随潮流更重要。

Zài rén shēng de zhí yè fā zhǎn dào lù shàng, zhǎo dào zì jǐ hé shì zì jǐ de fāng xiàng bǐ máng mù gēn suí cháo liú gèng zhòng yào.

Trên con đường phát triển sự nghiệp, tìm được hướng đi thích hợp nhất với bản thân quan trọng hơn nhiều so với việc chạy theo phong trào một cách mù quáng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CÁP QUÁT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#211

河

hé

con sông

一条清澈碧绿的古老护城河缓缓流经古镇，倒映着岸边的古朴杨柳。

Yí tiáo qīngchè bìlǜ de gǔlǎo hùchéng hé huánhuán liú jīng gǔzhèn, dào yǐng zhe ànbiān de gǔpǔ yángliǔ.

Một con hào thành cổ trong xanh êm đềm chảy qua thị trấn cổ, soi bóng hàng dương liễu mọc ven bờ.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: HÀ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#212

黑

hēi

màu đen

天黑了，快回家吧。

Tiān hēi le, kuài huí jiā ba.

Trời tối rồi, mau về nhà đi.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: HẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#213

黑板

hēi bǎn

bảng đen

同学们请抬起头仔细看黑板上的核心语例句，并认真做好笔记。

Tóng xué men qǐng tái tóu zì xī kàn hēi bǎn shàng de héxīn yǔ fǎ lì jù, bìng rèn zhēn zuò hǎo bǐ jì.

Các bạn học sinh hãy ngẩng đầu nhìn kỹ ví dụ ngữ pháp trọng tâm trên bảng đen và chép bài cẩn thận nhé.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: HẮC BẢN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#214

黑色

hēi sè

màu đen, sắc đen

在重大国际外交迎宾仪式上，国宾护卫队队员身着笔挺的黑色礼服，威武庄严。

Zài zhòng dà guó jì wài jiāo yíng bīn yí shì shàng, guó bīn hù wèi duì yuán shēn zhuó bǐ tǐng de hēi sè lǐ fú, wēi wǔ zhuāng yán.

Trong nghi thức đón tiếp ngoại giao quốc tế trọng đại, các chiến sĩ Đội Hộ vệ Quốc khách mặc bộ lễ phục màu đen chỉnh tề, uy phong và trang nghiêm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HẮC SẮC

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#215

红

hóng

màu đỏ

她穿了一件红色的苹果。

Tā chuān le yí jiàn hóng sè de yǐng guǒ.

Cô ấy mặc một chiếc áo màu đỏ.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: HỒNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#216

红色

hóng sè

màu đỏ, sắc đỏ cách mạng

雄伟的天安门城楼上悬挂着大红灯笼，鲜艳的红色旗帜在晨风中猎猎飘扬。

Xióng wěi de tiān ān mén chéng lóu shàng xuán guà zhe dà hóng dēng lóng, xiān yàn de hóng sè qí zhì zài chén fēng zhōng liè liè piāo yáng.

Trên lầu thành Thiên An Môn hùng vĩ treo những chiếc đèn lồng đỏ lớn, lá cờ màu đỏ tươi thắm tung bay phấp phật trong làn gió sớm.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: HỒNG SẮC



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#217

后来

hòu lái

về sau, sau đó

他最初只是一名普通的技术学徒，后来凭借勤勉好学与敏锐洞察，成长为企业首席架构师。

Tā zuì chū zhǐ shì yí míng pǔ tōng de jì shù xué tú, hòu lái píng jiè qín miǎn hào xué yǔ mǐn ruì dòng chá, chéng zhǎng wéi qì yè shǒu xī jià gòu shī. Ban đầu anh ấy chỉ là một người học việc kỹ thuật bình thường, về sau nhờ tinh thần hiếu học cần cù và cái nhìn nhạy bén, anh ấy đã trưởng thành thành kiến trúc sư trưởng của doanh nghiệp.

18 nét

HÁN VIỆT: HẬU LAI

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#218

忽然

hū rán

đột nhiên, bỗng nhiên

午后原本晴空万里的天色忽然变得乌云密布，紧接着伴随狂风下起了一场瓢泼大雨。
Wǔ hòu yuán běn qíng kōng wàn lǐ de tiān sè hū rán biàn dé wú yún mì bù, jǐn jiē zhe bǎn suí kuáng fēng xià qǐ le yí chǎng piāo pō dà yǔ.
Bầu trời buổi chiều đang quang đãng bỗng nhiên mây đen ập ập kéo tới, ngay sau đó kèm theo cuồng phong trút xuống một cơn mưa như trút nước.

21 nét

HÁN VIỆT: HỐT NHIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#219

湖

hú

hồ, hồ nước tự nhiên/nhân tạo

清晨的高原高山湖泊宛如一面巨大的明镜，倒映着巍峨的雪山与蔚蓝的天空。
Qīng chén de gāo yuán gāo shān hú pō wǎn rú yí miàn jù dà de míng jìng, dào yǐng zhe wēi é de xuě shān yǔ wèi lán de tiān kōng.
Hồ nước núi cao trên cao nguyên buổi sáng sớm tựa như một tấm gương soi khổng lồ, soi bóng những đỉnh núi tuyết sừng sững và bầu trời trong xanh.

9 nét

HÁN VIỆT: HỒ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#220

护照

hù zhào

Hộ chiếu

国际旅行出发前，请务必核对好个人护照的有效期限与签证信息。

Guójì lǚ xíng chū fā qián, qǐng wù bì hǎo kè sī nǎi duì hào gè rén hù zhào de yǒu xiào qī xiàn yǔ qiān zhèng xìn xī.

Trước khi khởi hành các chuyến du lịch quốc tế, bạn nhất định phải kiểm tra đối chiếu kỹ thời hạn hộ chiếu và thông tin thị thực nhé.

21 nét

HÁN VIỆT: HỘ CHIẾU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#221

花园

huā yuán

vườn

春暖花开之际，社区中心的小花园里姹紫嫣红、繁花似锦，美不胜收。
Chūn nuǎn huā kāi zhī jī, shè qū zhōng xīn de xiǎo huā yuán lǐ chà zǐ yān hóng, fán huā sì jīn, měi bù shèng shōu.
Mỗi dịp xuân ấm hoa nở, khu vườn nhỏ giữa trung tâm khu dân cư hoa nở khoe sắc muôn hồng nghìn tía, đẹp không sao tả xiết.

20 nét

HÁN VIỆT: HOA VIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#222

画

huà

vẽ; bức tranh, họa phẩm

著名国画大师挥毫泼墨，将祖国壮丽山河的磅礴气势生动地画在了巨幅水墨长卷之上。
Zhù míng guó huà dà shī huī máo pō mò, jiāng zǔ guó zhuàng lì shān hé de páng bó qì shì shēng dòng de huà zài le jù fú shuǐ mò cháng juǎn zhī shàng.

Bậc thầy đại sư tranh thủy mặc vùng bút phóng mực, đã vẽ nên khí thế hùng tráng dời non lấp biển của non sông gấm vóc Tổ quốc một cách sinh động trên cuộn tranh thủy mặc khổng lồ.

10 nét

HÁN VIỆT: HOA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#223

画儿

huàr

bức tranh, bức vẽ

这幅由非遗民间艺人创作的传统中国年画儿线条生动流畅，寓意五谷丰登。

Zhè fú yóu fēi yí mǐn jiān yì rén chuàng zuò de chuán tǒng zhōng guó nián huà ér xiàn tiáo shēng dòng liú chàng, yù yì wǔ gǔ fēng dēng.

Bức tranh vẽ tranh Tết truyền thống Trung Hoa do nghệ nhân dân gian di sản phi vật thể sáng tác có đường nét sinh động uyển chuyển, mang hàm ý mùa màng bội thu ngũ cốc tươi tốt.

20 nét

HÁN VIỆT: HOẠ NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#224

画家

huàjiā

họa sĩ, người vẽ tranh chuyên nghiệp

著名国画画家历时数月深入祖国名山名山大川写生，创作出了一幅雄浑壮阔的山水巨作。
Zhù míng guó huà huà jiā lì shí shù yuè shēn rù zǔ guó míng shān dà chuān xiě shēng, chuàng zuò chū le yí fú xióng hún zhuàng kuò de shān shuǐ jù zuò.
Vị họa sĩ tranh thủy mặc nổi tiếng đã dành nhiều tháng đi sâu vào các danh sơn đại xuyên của Tổ quốc để ký họa, sáng tác nên một kiệt tác tranh sơn thủy hùng tráng đồ sộ.

18 nét

HÁN VIỆT: HOẠ GIA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#225

坏处

huàichu

tác hại, điểm bất lợi, chỗ xấu

长期熬夜和过度依赖电子产品对青少年的视力健康与身心发育有很大的坏处。
Cháng qī áo yè hé guò dù yī lǎn diàn zǐ chǎn pǐn duì qīng shào nián de shì lì jiàn kāng yǔ shēn xīn fā yù yǒu hěn dà de huài chù.

Thức khuya lâu ngày và quá phụ thuộc vào các thiết bị điện tử có tác hại điểm bất lợi rất lớn đối với sự phát triển thể chất tinh thần và thị lực của thanh thiếu niên.

19 nét

HÁN VIỆT: HOẠI XỬ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#226

坏人
huàirén

kẻ xấu, người xấu, kẻ phạm tội

人民警察时刻保持高度警惕, 严厉打击各类违法犯罪分子, 绝不让坏人逍遥法外。

Rén mín jīng chá shí shí kè bǎo chí gāo dù jǐng tì, yán lì dǎ jī gè lèi wéi fǎ zuì fàn fēn zǐ, jué bù ràng huài rén xiāo yáo fǎ wài.

Cảnh sát nhân dân luôn duy trì tinh thần cảnh giác cao độ, trấn áp nghiêm minh các loại tội phạm vi phạm pháp luật, tuyệt đối không để kẻ xấu người xấu nhờn nhợt ngoài vòng pháp luật.

17 nét

HÁN VIỆT: HOÀI NHÂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#227

换
huàn

Thay đổi

老师鼓励大家积极换, 勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí huàn, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Thay đổi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: HOÁN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#228

欢迎
huān yíng

chào mừng

欢迎来到中国!

Huānyíng lái dào Zhōngguó!

Chào mừng đến với Trung Quốc!

17 nét

HÁN VIỆT: HOAN NGHÊNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#229

黄
huáng

màu vàng

金秋十月, 香山公园漫山遍野的枫叶变得金黄金黄的, 煞是好看。

Jīn qiū shí yuè, Xiāngshān Gōngyuán mǎnshān biànyě de fēng yè biàn de jīn huáng jīn huáng de, shà shì hǎo kàn.

Tháng mười mùa thu vàng, lá phong phủ khắp núi đồi Công viên Hương Sơn ngả sang màu vàng óng ả, đẹp để vô ngần.

10 nét

HÁN VIỆT: HOÀNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#230

黄色
huángrsè

màu vàng, sắc vàng

金秋时节, 广袤田野里沉甸甸的黄色稻穗随风摇曳, 处处洋溢着丰收的喜悦。

Jīn qiū shí jié, guǎng mào tián yě lǐ chén diàn diàn de huángrsè dào suǐ suǐ fēng yáo yè, chù chù yáng yì zhe fēng shōu de xǐ yuè.

Vào tiết mùa thu vàng, những bông lúa màu vàng trĩu hạt trên cánh đồng bao la rung đưa theo gió, khắp nơi ngập tràn niềm vui được mùa.

22 nét

HÁN VIỆT: HOÀNG SẮC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#231

回国
huíguó

về nước, hồi hương về tổ quốc

许多在海外取得博士学位的优秀科研人员学成后毅然回国, 投身国家现代化强国建设。

Xǔ duō zài hǎi wài qǔ dé bó shì xué wèi de yōu xiù kē yán rén yuán xué chéng hòu yì rán huí guó, tóu shēn guó jiā xiàn dài huà qiáng guó jiàn shè.

Rất nhiều cán bộ nghiên cứu khoa học xuất sắc đạt được học vị tiến sĩ ở nước ngoài sau khi tốt nghiệp đã kiên quyết trở về nước, cống hiến cho sự nghiệp xây dựng cường quốc hiện đại hóa của đất nước.

24 nét

HÁN VIỆT: HỒI QUỐC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#232

活动
huó dòng

hoạt động, sự kiện

为庆祝国际青年文化交流年, 学校国际交流处精心策划组织了多场多元文化体验活动。

Wèi qīng zhù guó jī qīng nián wén huà jiāo liú nián, xué xiào guó jī jiāo liú chù jīng xīn cè huà zǔ zhī le duō chǎng duō yuán wén huà tǐ yàn huó dòng.

Để chào mừng Năm Giao lưu Văn hóa Thanh niên Quốc tế, Phòng Hợp tác Quốc tế của nhà trường đã công phu lên kế hoạch tổ chức nhiều hoạt động trải nghiệm đa văn hóa đặc sắc.

27 nét

HÁN VIỆT: HOẠT ĐỘNG

HSK 2 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#233

或
huò

hoặc, hay là; có lẽ

周末闲暇时光, 他喜欢在图书馆阅读人文历史书籍, 或去郊外公园慢跑健身。

Zhōu mò xián xiá shí guāng, tā xǐ huān zài tú shū guǎn yuē lǎn rén wén lì shǐ shū jí, huò qù jiāo wài gōng yuán màn pǎo jiàn shēn.

Thời gian rảnh rỗi cuối tuần, anh ấy thích đọc sách lịch sử nhân văn tại thư viện, hoặc đi chạy bộ rèn luyện sức khỏe ở công viên ngoại ô.

9 nét

HÁN VIỆT: HOẶC

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#234

或者
huòzhě

hoặc, hoặc là (dùng trong câu trần thuật)

课余时间, 你可以选择去学校图书馆自习钻研, 或者前往创客空间参与跨学科科创项目实践。

Kè yú shí jiān, nǐ kě yǐ xuǎn zé qù xué xiào tú shū guǎn zì xí zuān yán, huò zhě qián wǎng chuàng kè kōng jiān cān yǔ kuà xué kē kē chuàng xiàng mù shí jiàn.

Thời gian sau giờ học, bạn có thể lựa chọn tới thư viện trường tự học nghiên cứu, hoặc hoặc là đến Không gian Khởi nghiệp Sáng tạo tham gia thực hành các dự án sáng tạo khoa học công nghệ liên ngành.

23 nét

HÁN VIỆT: HOẶC GIẢ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#235

机会

jī huì

cơ hội

机会永远留给有准备的人，面对难得的国际交流机遇一定要牢牢把握。

Jīhuì yǒngyuǎn liú gěi yǒu zhǔnbèi de rén, miàn duì nándé de guójì jiāoliú jīyù yíding yào láoláo bǎwò.

Cơ hội luôn dành cho những ai có sự chuẩn bị sẵn sàng, đứng trước thời cơ giao lưu quốc tế quý báu này nhất định phải nắm thật chắc.

23 nét

HÁN VIỆT : CƠ HỘI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#236

鸡

jī

gà

老师鼓励大家积极鸡，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī jī, yǒng yú tàn sù xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực gà, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

8 nét

HÁN VIỆT : KÊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#237

级

jí

cấp, bậc, cấp độ; lớp (học)

经过严格的学术理论考核与实验实操评审，他顺利晋升为了国家高级软件工程师。

Jīng guò yán gé de xué shù lǐ lùn kǎo hé yǔ shí yàn shí cāo píng shěn, tā shùn lì jìn shēng wéi le guó jiā gāo jí jiǎn gōng chéng shī.

Trải qua kỳ sát hạch lý luận học thuật và thẩm định thực hành thực nghiệm nghiêm ngặt, anh ấy đã thuận lợi thăng cấp lên cấp kỹ sư phần mềm cao cấp quốc gia.

14 nét

HÁN VIỆT : CẤP

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ / Phó từ

#238

急

jí

vội vã, gấp gáp, khẩn cấp; nôn nóng

面对突发地质灾害险情，应急救援指挥部迅速启动了特级应急响应预案。

Miàn duì tū fā dì zhì zāi hài xiǎn qíng, yìng jí jiù yuán zhǐ huī bù xún sù qǐ dòng le tè jí yìng jí xiǎng ying yù àn.

Đứng trước tình thế hiểm họa thiên tai địa chất đột xuất khẩn cấp gấp gáp, Bộ Chỉ huy Cứu hộ Khẩn cấp đã nhanh chóng khởi động phương án ứng phó khẩn cấp đặc biệt.

9 nét

HÁN VIỆT : CẤP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#239

计划

jì huà

kế hoạch, lập kế hoạch

凡事预则立不预则废，在开启新的大型软件工程前，制定详尽周密的项目开发计划至关重要。

Fán shì yù zé lì bù yù zé fèi, zài kāi qǐ xīn de dà xíng ruǎn jiàn gōng chéng qián, zhì dìng xiáng jìn zhōu mì de xiàng mù kāi fā jì huà zhì guān zhòng yào.

Mọi sự việc chuẩn bị trước thì thành công, không chuẩn bị ắt thất bại, trước khi khởi động một dự án kỹ thuật phần mềm lớn, việc lập một kế hoạch phát triển chi tiết và chu toàn là hết sức quan trọng.

22 nét

HÁN VIỆT : KẾ HOA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#240

计算机

jì suàn jī

máy tính, máy vi tính điện tử

国家超级计算中心研制出的新一代百亿亿次级计算机，运算速度与并行效率位居全球前列。

Guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn yán zhì chū de xīn yí dài bǎi yì yì cì jí jì suàn jī, yùn suàn sù dù yǔ bìng xíng xiào lǜ wèi jū quán qiú qián liè.

Dòng máy tính siêu cấp cấp trăm tỷ phép tính thế hệ mới do Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia nghiên cứu chế tạo có tốc độ tính toán và hiệu suất song song đứng trong hàng ngũ dẫn đầu thế giới.

34 nét

HÁN VIỆT : KẾ TOÁN CƠ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#241

加

jiā

cộng, thêm vào, tăng thêm

随着初冬气温明显下降，出门前一定要及时添加保暖衣物，预防受凉感冒。

Suí zhe chū dōng qì wēn míng xiǎn xià jiàng, chū mén qián yí dìng yào jí shí tiān jiā bǎo nuǎn yī wù, yù fáng shòu liáng gǎn mào.

Cùng với việc nhiệt độ đầu đông giảm sút rõ rệt, trước khi ra khỏi nhà nhất định phải kịp thời mặc thêm thêm vào quần áo ấm để phòng ngừa nhiễm lạnh cảm cúm.

13 nét

HÁN VIỆT : GIA

HSK 2 (3.0)

Động từ / Thán từ

#242

加油

jiā yóu

cố lên; cố gắng tiếp nhiên liệu

看台上数千名青年学子齐声为正在跑道上顽强拼搏的运动员们高声呐喊加油。

Kàn tái shàng shù qiān míng qīng nián xué zǐ qí shēng wéi zhèng zài pǎo dào shàng wán qiáng pīn bó de yùn dòng yuán men gāo shēng nà hǎn jiā yóu.

Trên khán đài, hàng ngàn bạn sinh viên thanh niên cùng đồng thanh cất cao tiếng reo hò cổ vũ cố lên cho các vận động viên đang ngoan cường nỗ lực trên đường chạy.

22 nét

HÁN VIỆT : GIA DẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#243

家庭

jiā tíng

gia đình

良好的家风家教如同春风化雨，是一个健康人格与道德素养形成的最温馨家庭摇篮。

Liáng hǎo de jiā fēng jiā jiào rú tóng chūn fēng huà yǔ, shì yí gè rén jiàn kāng rén gé yǔ dào dé sù yǎo xíng chéng de zuì wēn xīn jiā tíng yáo lán.

Gia phong và sự giáo dục gia đình tốt đẹp tựa như làn gió xuân mát lành, là chiếc nôi gia đình ấm áp nhất để hình thành nên nhân cách lành mạnh và đạo đức của một con người.

19 nét

HÁN VIỆT : GIA ĐÌNH



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#244

家长
jiāzhǎng

phụ huynh, trưởng phụ mẫu gia đình

学校定期组织家校互动交流会，邀请广大家长共同探讨青少年科学教育与身心健康发展。

Xué xiào dìng qī zǔ zhī jiā xiào hù dòng jiāo liú huì, yāo qǐng guāng dà jiā zhǎng gòng tóng tàn tào qīng shào nián kē xué jiào yù yǔ shēn xīn jiàn kāng fā zhǎn.

Nhà trường định kỳ tổ chức hội nghị giao lưu kết nối giữa gia đình và nhà trường, mời đông đảo phụ huynh cùng bàn luận về giáo dục khoa học và sự phát triển thể chất tinh thần của thanh thiếu niên.

18 nét

HÁN VIỆT: GIA TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#245

假
jiǎ

sai

在面对复杂的挑战时，保持假的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí jiǎ de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái sai đặc biệt quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: GIẢ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#246

假期
jiàqī

kỳ nghỉ, đợt nghỉ phép/ngỉ học

利用难得的寒假假期，许多大学生主动报名参加乡村支教与基层志愿服务服务活动。

Lì yòng nán dé de hán jià jià qī, xǔ duō dà xué shēng zhǔ dòng bào míng cān jiā xiāng cūn zhī jiào yǔ jī céng zhì yuàn fú wù huó dòng.

Tận dụng kỳ nghỉ kỳ nghỉ đông quý báu, nhiều bạn sinh viên đại học đã chủ động đăng ký tham gia các hoạt động tình nguyện cơ sở và dạy học hỗ trợ vùng nông thôn.

24 nét

HÁN VIỆT: GIẢ KỠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#247

检查
jiǎn chá

Kiểm tra

交卷前务必再次逐题仔细检查，确保姓名、准考证号填写准确无误。

Jiāo juǎn qián wù bì zài cì zhù tí zì xì jiǎn chá, què bǎo xìng míng, zhǔn kǎo zhèng hào tián xiě zhǔn què wú wù.

Trước khi nộp bài thi, nhất định phải kiểm tra lại cẩn thận từng câu một, đảm bảo họ tên và số báo danh được điền chính xác không sai sót.

26 nét

HÁN VIỆT: KIỂM TRA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#248

见到
jiàndào

nhìn thấy, trông thấy, gặp gỡ

当在国际学术讲台上见到自己崇敬多年的老科学家时，年轻学者激动地走上前去请教。

Dāng zài guó jì xué shù jiǎng tái shàng jiàn dào zì jǐ chóng jīng duō nián de lǎo kē xué jiǎ shī, nián qīng xué zhě jī dòng dì zǒu shàng qián qù qǐng jiào.

Khi nhìn thấy gặp được nhà khoa học lão thành mà mình tôn kính nhiều năm trên giảng đàn học thuật quốc tế, người học giả trẻ tuổi đã xúc động tiến tới thỉnh giáo.

27 nét

HÁN VIỆT: KIẾN ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#249

见过
jiànguò

từng gặp, từng nhìn thấy

你以前在国家博物馆见过那件极其珍贵的商代青铜国宝“四羊方尊”吗？

Nǐ yǐ qián zài guó jiā bó wù guǎn jiàn guò nà jiàn jí qí zhēn guì de shāng dài qīng tóng guó bǎo "sì yáng fāng zūn" ma?

Bạn trước đây đã từng nhìn thấy từng gặp bảo vật quốc gia đồ đồng thời Thương cực kỳ quý giá "Tứ Dương Phương Tôn" ở Bảo tàng Quốc gia chưa?

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN QUÁ

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#250

件
jiàn

chiếc, cái (áo, việc)

我买了一件衣服。

Wǒ mǎi le yí jiàn yī fú.

Tôi đã mua một chiếc áo.

13 nét

HÁN VIỆT: KIẾN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#251

健康
jiàn kāng

sức khỏe

身心健康是实现人生一切远大抱负与幸福生活的最核心基石。

Shēn xīn jiàn kāng shì shí xiàn rén shēng yí qiè yuǎn dà bào fù yǔ xìng fú shēng huó de zuì hé xīn jī shí.

Sức khỏe thể chất và tinh thần dồi dào là nền tảng cốt lõi nhất để hiện thực hóa mọi hoài bão lớn lao và cuộc sống hạnh phúc.

23 nét

HÁN VIỆT: KIẾN KHANG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#252

讲
jiǎng

giảng, nói, giảng giải; kể (chuyện)

资深院士在国家科技大讲堂上用通俗生动的语言深入浅出地向青年学生讲授深空探测前沿科技。

Zī shēn yuǎn shì zài guó jiā kē jì dà jiǎng táng shàng yòng tōng sú shēng dòng de yǔ yán shēn rù chū dì xiàng qīng nián xué shēng jiǎng shòu shēn kōng tàn cè qián yán kē jì.

Viện sĩ kỹ cựu tại Giảng đàn Khoa học Kỹ thuật Quốc gia đã dùng ngôn ngữ sinh động dễ hiểu đi sâu vào bản chất để giảng giải giải cho các bạn sinh viên thanh niên về khoa học công nghệ tiên phong thám trắc không gian sâu.

14 nét

HÁN VIỆT: GIẢNG


HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#253

讲话

jiǎnghuà

nói chuyện, phát biểu; bài phát biểu

在重大科技工程胜利告捷表彰大会上，总设计师发表了热情洋溢、鼓舞人心的总结讲话。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng shèng lì gào jié biǎo zhāng dà huì shàng, zǒng shè jī shī fā biǎo le rè qíng yáng yì, gǔ wǔ rén xīn de zǒng jié jiǎng huà.

Tại đại hội biểu dương thắng lợi toàn diện của công trình khoa học công nghệ trọng đại, vị tổng công trình sư đã có bài phát biểu nói chuyện tổng kết tràn đầy nhiệt huyết và truyền cảm hứng.

22 nét

HÁN VIỆT

GIẢNG THOẠI
HSK 2 (3.0)

Động từ

#254

交

jiāo

giao nộp, kết bạn, nộp

请各位求职者在面试结束后将填写完整的应聘登记表交到前台人事专员处。

Qǐng gè wèi qiú zhí zhě zài miàn shì jié shù hòu jiāng tián xiě wán zhěng de yǐng pìn dēng jì biǎo jiāo dào qián tái rén shì zhuān yuán chù.

Xin kính mời các ứng viên sau khi hoàn thành buổi phỏng vấn nộp lại phiếu đăng ký dự tuyển đã điền đầy đủ cho chuyên viên nhân sự tại quầy lễ tân.

8 nét

HÁN VIỆT

GIAO
HSK 2 (3.0)

Động từ

#255

交给

jiāogěi

giao cho, bàn giao trao cho

老一辈战略科学家将毕生积累的研究手稿与学术资料毫无保留地交给了年轻一代科研团队。

Lǎo yī bèi zhàn lüè kē xué jiā jiāng bì shēng jī lěi de yán jiū shǒu gǎo yǔ xué shù zī liào háo wú bǎo liú dì jiāo gěi le nián qīng yí dài kē yán tuán duì.

Nhà khoa học chiến lược tiên bối đã giao cho bàn giao toàn bộ bản thảo nghiên cứu và tư liệu học thuật tích lũy cả đời không chút giữ lại cho đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ tuổi.

16 nét

HÁN VIỆT

GIAO CẤP
HSK 2 (3.0)

Cụm động từ

#256

交朋友

jiāo péngyou

kết bạn, làm bạn bè

来自五湖四海的中外青年在国际青年夏令营中欢聚一堂、真诚交流、广泛交朋友。

Lái zì wú hú sì hǎi de zhōng wài qīng nián zài guó jì qīng nián xià líng yíng zhōng huān jù yì táng, zhēn chéng jiāo liú, guǎng fàn jiāo péng yǒu.

Thanh niên trong và ngoài nước đến từ khắp bốn phương hội tụ tại Trại hè Thanh niên Quốc tế, giao lưu chân thành, rộng mở kết bạn làm bạn bè.

30 nét

HÁN VIỆT

GIAO BẰNG HỮU
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#257

交通

jiāo tōng

giao thông, đi lại

随着现代化立体交通网络的不断完善，城际间高铁与地铁的无缝换乘极大方便了公众出行。

Suí zhe xiàn dài huà lì tǐ jiāo tōng wǎng luò de bù wán shàn, chéng jì jiān gāo tiě yǔ dì tiě de wú fēng huàn chéng jí dà fāng biàn le gōng zhòng chū xíng.

Cùng với sự hoàn thiện không ngừng của mạng lưới giao thông liên hoàn hiện đại, việc trung chuyển thuận tiện giữa tàu cao tốc liên tỉnh và tàu điện ngầm đã mang lại sự tiện lợi vượt bậc cho người dân.

16 nét

HÁN VIỆT

GIAO THÔNG
HSK 2 (3.0)

Động từ

#258

角

jiǎo

góc

老师鼓励大家积极角，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí jiǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực góc, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT

GIÁC
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#259

角度

jiǎo dù

góc độ, góc nhìn, khía cạnh

面对复杂的社会热点现象，我们要学会从多维度、全方位的科学客观角度进行深入审视与剖析。

Miàn duì fù zá de shè huì rè diǎn xiàng xiàng, wǒ men yào xué huì cóng duō wéi dù, quán fāng wèi de kē xué kǒng guān jiǎo dù jìn xíng shēn rù shēn shì yǔ pōu xī.

Đứng trước các hiện tượng xã hội nóng và phức tạp, chúng ta cần học cách xem xét và phân tích sâu sắc từ nhiều góc nhìn khách quan khoa học đa chiều và toàn diện.

21 nét

HÁN VIỆT

GIÁC ĐỘ
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#260

饺子

jiǎo zi

sủi cảo, bánh chẻo

除夕夜全家人围坐在一起包热气腾腾的白菜猪肉水饺，象征着团圆与吉祥如意。

Chú xī yè quán jiā rén wéi zuò zài yì qí bāo rè qì téng téng de bái cài zhū ròu shuǐ jiǎo, xiàng zhēng zhe tuán yuán yuán yuán yǔ jí xǎng rú yì.

Đêm Giao thừa cả nhà quây quần bên nhau gói những chiếc sủi cảo thịt heo cải thảo nóng hổi, mang ý nghĩa sum vầy đoàn viên và may mắn bình an.

25 nét

HÁN VIỆT

CẢO TỬ
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#261

脚

jiǎo

chân, bàn chân; chân núi

千里之行始于足下，只有脚踏实地一步一个脚印地努力奋斗，才能把美好的理想变为现实。

Qiān lǐ zhī xíng shǐ yú zú xià, zhǐ yǒu jiǎo tà shí dì yí bù yí gè jiǎo yìn dì nǚ lì fèn dòu, cái néng bǎ měi hǎo de lǐ xiǎng biàn wéi xiàn shí.

Hành trình ngàn dặm khởi đầu từ dưới bàn chân, chỉ có phần đầu nỗ lực chân thật vững vàng từng bước từng bước in dấu chân, thì mới có thể biến lý tưởng tươi đẹp thành hiện thực.

11 nét

HÁN VIỆT

CƯỚC



HSK 2 (3.0)

Động từ

#262

叫作

jiàozuò

gọi là, được gọi là

这种由我国自主设计制造的新一代深海大深度载人潜水器被亲切地叫作“奋进号”。

Zhè zhǒng yóu wǒ guó zì zhǔ shè jì zhī zào de xīn yí dài shēn hǎi dà shēn dù zài rén qiān shuǐ qì bèi qīn qiè dì jiào zuò "fèn jìn hào".

Loại tàu lặn có người lái ở độ sâu biển lớn thế hệ mới do nước ta tự chủ thiết kế chế tạo này được trìu mến gọi là 'Phấn Tiến Hào'.

18 nét

HÁN VIỆT: KHIẾU TÁC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#263

教师

jiàoshī

giáo viên, người thầy dạy học

人民教师是人类灵魂的工程师，承担着为党育人、为国育才的光荣崇高使命。

Rén mín jiào shī shì rén lèi líng hún de gōng chéng shī, chéng dān zhe wéi dǎng yù rén, wéi guó yù cái de guāng róng chóng gào shǐ mìng.

Người thầy giáo viên nhân dân là kỹ sư tâm hồn của nhân loại, gánh vác sứ mệnh cao cả quang vinh giáo dục con người cho Đảng, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước.

25 nét

HÁN VIỆT: GIÁO SƯ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#264

教室

jiào shì

lớp học

同学们都在教室里。

Tóng xué men dōu zài jiào shì lǐ.

Các bạn học đều ở trong phòng học.

22 nét

HÁN VIỆT: GIÁO THẤT

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#265

教学

jiàoxué

giảng dạy, dạy và học, công tác dạy học

高校大力推进数字化赋能教育教学改革，全面提升拔尖创新人才培养质量。

Gāo xiào dà lì tuī jìn shù zì huà fù néng jiào yù jiào xué gǎi gé, quán miàn tí shēng bá jiān chuàng xīn rén cái péi yǎng zhì liàng.

Các trường đại học ra sức thúc đẩy cải cách giảng dạy dạy và học được trao quyền số hóa, nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo nhân tài đổi mới sáng tạo xuất chúng.

23 nét

HÁN VIỆT: GIÁO HỌC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#266

教育

jiàoyù

giáo dục

优质均衡的国民基础教育是提高全民族综合素质、促进社会公平发展的百年大计。

Yōu zhì jūn héng de guó mín jī chǔ jiào yù shì tí gāo quán mǐn zú zōng hé sù yǎng, cù jìn shè huì gōng píng fā zhǎn de bǎi nián dà jì.

Nền giáo dục phổ thông quốc dân chất lượng và đồng đều là quốc sách trăm năm để nâng cao dân trí và thúc đẩy sự phát triển công bằng của xã hội.

23 nét

HÁN VIỆT: GIÁO DỤC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#267

接

jiē

đón (người); tiếp nhận (nhiệm vụ); nối tiếp

青年科研团队主动请缨，勇挑重担接下了国家重大科技攻关专项中最艰巨的核心技术攻关任务。

Qīng nián kē yán tuán duì zhǔ dòng qǐng yīng, yǒng tiǎo zhòng dān jiē xià le guó jiā zhòng dà kē jì gōng guān zhuān xiàng zhōng zuì jiǎn jù de hé xīn jī shù gōng guān rèn wù.

Nhóm nghiên cứu khoa học thanh niên chủ động xung phong, dũng cảm gánh vác trọng trách đón nhận tiếp nhận nhiệm vụ vượt khó công nghệ cốt lõi gian khổ nhất trong chuyên án vượt khó khoa học công nghệ trọng đại quốc gia.

9 nét

HÁN VIỆT: TIẾP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#268

接到

jiē dào

nhận được (thư, điện thoại, thông báo)

一接到突发森林火情紧急调度指令，专业扑火救援队伍立刻以最快的速度赶赴火灾现场。

Yí jiē dào tū fā sēn lín huǒ qíng jǐn jí diào dù zhǐ lǐng, zhuān yè pū huǒ jiù yuán duì wú lì kè yǐ zuì kuài sù dù gǎn fù huǒ zài xiàn chāng.

Vừa nhận được chỉ thị điều độ khẩn cấp về tình huống cháy rừng đột xuất, đội ngũ cứu hỏa cứu nạn chuyên nghiệp lập tức khẩn trương tới hiện trường hỏa hoạn với tốc độ nhanh nhất.

22 nét

HÁN VIỆT: TIẾP ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#269

接受

jiē shòu

tiếp nhận, chấp nhận

勇于正视自身的不足并虚心接受建设性的批评意见，是一个人走向成熟卓越的关键标志。

Yǒng yú zhèng shì zì shēn de bù zú bìng xū xīn jiē shòu jiàn shè xìng de pī píng yì jiàn, shì yí gè rén zǒu xiàng chéng shú zhuó yuè de guān jiàn biāo zhì.

Dũng cảm nhìn thẳng vào những thiếu sót của bản thân và khiêm tốn tiếp thu những ý kiến phê bình mang tính xây dựng là dấu mốc quan trọng thể hiện sự trưởng thành vượt bậc.

18 nét

HÁN VIỆT: TIẾP THỌ

HSK 2 (3.0)

Liên từ / Cụm từ

#270

接下来

jiē xià lái

tiếp theo, tiếp sau đây, kế tiếp

在圆满完成第一阶段在轨验证后，接下来中国空间站将全面转入常态化科学应用实验阶段。

Zài yuán mǎn wán chéng dì yí jiē duàn zài guī yàn zhèng hòu, jiē xià lái zhōng guó kōng jiān zhàn jiāng quán miàn zhuǎn rù cháng tài huà kē xué yòng shí yàn jiē duàn.

Sau khi hoàn thành mỹ mãn giai đoạn một kiểm chứng trên quỹ đạo, tiếp theo tiếp sau đây Trạm vũ trụ Trung Quốc sẽ chuyển toàn diện sang giai đoạn thực nghiệm ứng dụng khoa học thường thái hóa.

28 nét

HÁN VIỆT: TIẾP HẠ LAI



HSK 2 (3.0)

Liên từ / Phó từ

#271

接着

jiē zhe

tiếp tục, tiếp theo, sau đó

报告人深入阐述了量子计算的底层原理，接着向大家演示了最新的超导量子芯片实测数据。

Bào gào rén shēn rù chǎn shù lèi liàng zǐ jī suàn de dī céng yuán lǐ, jiē zhe xiàng dà jiǎ yǎn shì le zuì xīn de chāo dǎo liàng zǐ xīn piàn shí cè shù jù. Người báo cáo trình bày sâu sắc về nguyên lý tầng dưới của tính toán lượng tử, tiếp theo sau đó đã trình chiếu cho mọi người xem số liệu đo đạc thực tế mới nhất của chip lượng tử siêu dẫn.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: TIẾP TRƯỚC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#272

街

jiē

phố, con phố, đường phố

这座历史文化名城的古街两旁青砖古瓦、商铺林立，保留着浓郁的传统江南风貌。

Zhè zuò lì shǐ wén huà míng chéng de gǔ jiē liǎng páng qīng zhuān gǔ wǎ, shāng pù lín lì, bǎo liú zhe nóng yù de chuán tǒng jiāng nán fēng mào.

Hai bên con phố cổ của danh thành văn hóa lịch sử này gạch xanh ngói cổ, cửa hàng san sát, lưu giữ phong thái diện mạo Giang Nam truyền thống đậm đà.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: NHAI

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#273

节

jié

tiết, đoạn, khúc; ngày lễ, tiết khí; tiết học (lượng từ)

在每周末的传统文化体验课上，这节充满趣味的中国古典茶道鉴赏课深受同学们喜爱。

Zài měi zhōu mò de chuán tǒng wén huà tǐ yàn kè shàng, zhè jié chōng mǎn wú wú huà tí yàn kè shàng de zhōng guó gǔ diǎn chá dào jiàn shāng kè shēn shòu tóng xué men xǐ ài.

Trong các buổi trải nghiệm văn hóa truyền thống vào mỗi cuối tuần, tiết học thưởng trà đạo cổ điển Trung Hoa tràn ngập sự thú vị này được các bạn học sinh vô cùng yêu thích.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: TIẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#274

节目

jié mù

chương trình

今晚由留学生艺术团倾情呈现的多元文化联欢晚会节目异彩纷呈。

Jīn wǎn yóu liú xué shēng yì shù tuán qīng qīng chéng xiàn de duō yuán wén huà lián huān wǎn huì jié mù yì cǎi fēn chéng.

Các tiết mục trong đêm dạ hội văn hóa đa dạng do đoàn nghệ thuật lưu học sinh biểu diễn tối nay vô cùng đặc sắc và lôi cuốn.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TIẾT MỤC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#275

节日

jié rì

lễ hội

中秋节是中华民族象征合家团圆、共享天伦之乐的温馨传统节日。

Zhōng qiū jié shì Zhōng huá mín zú xiāng xié jiā tuán yuán, gòng xiǎng tiān lún zhī lè de wēn xīn chuán tǒng jié rì.

Tết Trung thu là ngày lễ truyền thống ấm cúng của dân tộc Trung Hoa, tượng trưng cho sự đoàn tụ sum vầy của cả gia đình.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: TIẾT NHẬT

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Liên từ / Động từ

#276

结果

jié guǒ

kết quả; kết cục tốt cuộc; kết trái ra quả

经过国家超级计算中心数周的超高精度模拟运算，科研团队终于获得了完全符合理论预期的核心物理实验结果。

Jīng guò guó jiā chāo jí jì suàn zhōng xīn shù zhōu de chāo gāo jīng dù mō nǐ yùn suàn, kē yán tuán duì zhōng yú huò dé le wán quán fú hé lǐ lùn yù qī de hé xīn wú lǐ shí yàn jié guǒ.

Trải qua nhiều tuần tính toán mô phỏng độ chính xác siêu cao của Trung tâm Siêu máy tính Quốc gia, nhóm nghiên cứu khoa học cuối cùng đã thu được kết quả thực nghiệm vật lý cốt lõi hoàn toàn phù hợp với dự liệu kỳ vọng lý thuyết.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: KẾT QUẢ

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#277

借

jiè

mượn

你能否将你手头那本刚从图书馆借出的中国当代文学作品借给我翻阅几天?

Nǐ néng fǒu jiāng nǐ shǒu tóu nà běn gāng cóng tú shū guǎn jiè chū de Zhōng guó dāng dài wén xué zuò pǐn jiè gěi wǒ fān yuè jǐ tiān?

Bạn có thể cho mình mượn cuốn tác phẩm văn học đương đại Trung Quốc mà bạn vừa mượn từ thư viện để đọc vài ngày được không?

📖 9 nét

HÁN VIỆT: TÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian / Phó từ

#278

今后

jīn hòu

từ nay về sau, sau này, trong tương lai

在今后的学习和科研探索中，我们要始终保持求真务实、精益求精的科学治学态度。

Zài jīn hòu de xué xí hé kē yán tàn suǒ zhōng, wǒ men yào shǐ zhōng bǎo chí qiú zhēn wú shí, jīng yì qiú jīng de kē xué zhì xué tài dù.

Trong nghiên cứu khoa học và học tập từ nay về sau này, chúng ta cần luôn giữ vững thái độ làm học vấn khoa học tinh ích cầu tinh, cầu thị thực chất.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: KIM HẬU

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#279

斤

jīn

cân (đơn vị đo lường: 1 cân = 500g)

超级杂交水稻试验示范田喜获丰收，平均亩产高达两千多斤，再创历史新高纪录。

Chāo jí jiāo shuǐ dào shì yàn fàn tián xǐ huò fēng shōu, píng jūn mù chǎn gāo dá liǎng qiān duō jīn, zài chuàng lǐ shǐ xīn jì lù.

Ruộng thí nghiệm trình diễn lúa lai siêu cấp đã đón chào mùa vàng bội thu, năng suất trung bình trên mỗi mẫu đạt tới hơn hai ngàn cân (hơn 1 tấn), tiếp tục lập nên kỷ lục lịch sử mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: CÂN



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#280

近
 jìn

gần

我家离学校很近。
 Wǒ jiā lí xuéxiào hěn jìn.
 Nhà tôi ở rất gần trường học.

12 nét

HÁN VIỆT: CẬN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#281

进入
 jìn rù

tiến vào, bước vào (giai đoạn, không gian)

随着新一代人工智能技术的全面落地，人类社会正在加速进入全新的数字化智能时代。
 Suí zhe xīn yí dài rén gōng zhì néng jì shù de quán miàn luò dì, rén lèi shè huì zhèng zài jiā sù jìn rù quán xīn de shù zì huà zhì néng shí dài.
 Cùng với việc công nghệ trí tuệ nhân tạo thế hệ mới được ứng dụng toàn diện, xã hội loài người đang đẩy nhanh tiến vào bước vào kỷ nguyên thông minh số hóa hoàn toàn mới.

21 nét

HÁN VIỆT: TIẾN NHẬP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#282

进行
 jìn xíng

tiến hành, thực hiện

专家评审组正在对各参赛高校呈报的人工智能创新项目方案进行全方位的综合评估。
 Zhuān jiā píng shěn zǔ zhèng zài duì gè cān sài gāo xiào chéng bào de rén gōng zhì néng chuàng xīn xiàng mù fāng àn jìn xíng quán fāng wèi de zōng hé píng gū.
 Hội đồng chuyên gia giám khảo đang tiến hành đánh giá toàn diện các phương án dự án sáng tạo trí tuệ nhân tạo do các trường đại học dự thi gửi về.

20 nét

HÁN VIỆT: TIẾN HÀNH

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#283

经常
 jīng cháng

thường xuyên, hay, thường lệ

我们要经常保持与国内外同行的学术交流与深度对话，博采众长、激发前沿创新灵感。
 Wǒ men yào jīng cháng bǎo chí yǔ guó nèi wài tóng háng de xué shù jiāo liú yǔ shēn dù duì huà, bó cái zhòng cháng, jī fā qián yán chuàng xīn líng gǎn.
 Chúng ta cần thường xuyên duy trì các cuộc đối thoại sâu sắc và giao lưu học thuật với các đồng nghiệp trong và ngoài nước, tiếp thu cái hay của muôn nhà, khơi dậy nguồn cảm hứng đối mới sáng tạo tiên phong.

25 nét

HÁN VIỆT: KINH THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#284

经过
 jīng guò

đã vượt qua

经过长达半年的刻苦训练与不懈努力，他的汉语水平有了质的飞跃。
 Jīng guò cháng dá bàn nián de kè kǔ xùn liàn yǔ bù xié nǔ lì, tā de Hànyǔ shuǐ píng yǒu le zhì de fēi yuè.
 Trải qua suốt nửa năm ròng rèn luyện gian khổ và nỗ lực không ngừng, trình độ tiếng Trung của anh ấy đã có bước nhảy vọt về chất.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH QUÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#285

经理
 jīng lǐ

người quản lý

部门张经理不仅专业技能扎实出众，而且在日常管理中非常关照新人。
 Bù mén Zhāng jīng lǐ bù jǐn zhuān yè jīng shù zhā shí chū zhòng, ér qiě zài rì cháng guǎn lǐ zhōng fēi cháng guān zhào xīn rén.
 Giám đốc Trưởng của phòng ban không chỉ có kỹ năng chuyên môn vững vàng vượt trội mà trong công việc hàng ngày còn rất tận tình năng đỡ nhân viên mới.

21 nét

HÁN VIỆT: KINH LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#286

酒
 jiǔ

rượu, đồ uống có cồn

在传统节庆宴席上，亲朋好友举杯同庆，互致美好祝愿，洋溢着浓浓的喜庆氛围。
 Zài chuán tǒng jié qīng yàn xí shàng, qīn péng hǎo yǒu jù bēi tóng qīng, hù zhì měi hǎo zhù yuàn, yáng yì zhe nóng nóng de xǐ qīng fēn wéi.
 Trong bữa tiệc liên hoan ngày lễ truyền thống, bạn bè người thân nâng ly rượu chúc mừng, gửi trao nhau những lời chúc tốt đẹp, ngập tràn bầu không khí hân hoan thăm nồng.

12 nét

HÁN VIỆT: TỬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#287

酒店
 jiǔ diàn

khách sạn, khách sạn lưu trú cao cấp

为保障国际经贸博览会顺利举行，接待酒店全面提供了绿色低碳与多语种专业服务。
 Wèi bǎo zhàng guó jì jīng mào bó lǎn huì shùn lì jǔ xíng, jiē dài jiǔ diàn quán miàn tí gòng le duō yǔ yǔ zhòng zhuān yè fú wù.
 Nhằm bảo đảm Hội chợ Triển lãm Kinh tế Thương mại Quốc tế diễn ra thuận lợi, khách sạn tiếp đón đã cung cấp toàn diện các dịch vụ chuyên môn đa ngôn ngữ và xanh ít phát thải carbon.

22 nét

HÁN VIỆT: TỬU ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#288

就要
 jiù yào

sắp, sắp sửa; phải (quyết tâm)

新一期国家重大基础科研工程就要正式开工建设，全体科研骨干斗志昂扬。
 Xīn yī qī guó jiā zhòng dà jī chǔ kē yán gōng chéng jiù yào zhèng shì kāi gōng jiàn shè, quán tǐ kē yán gǔ gàn dòu zhì áng yáng.
 Công trình nghiên cứu khoa học cơ bản trọng đại quốc gia giai đoạn mới sắp sửa chính thức khởi công xây dựng, toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ý chí chiến đấu sục sôi.

25 nét

HÁN VIỆT: TỰU YÊU



HSK 2 (3.0)

Động từ

#289

举
jǔ

giơ lên, nâng lên; cử hành; nêu ra (ví dụ)

在学术研讨交流环节，台下的青年学者们纷纷踊跃举手向主讲教授提出专业问题。
 Zài xué shù yán tǎo jiāo liú huán jié, tái xià de qīng nián xué zhě fēn fēn yǒng yuè jǔ shǒu xiàng zhǔ jiǎng jiào shòu tí chū zhuān yè wèn tí.
 Trong phần trao đổi thảo luận học thuật, các học giả trẻ phía dưới khán phòng đều hào hứng giơ tay đặt câu hỏi chuyên môn với giáo sư thuyết trình.

11 nét

HÁN VIỆT: CỬ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#290

举手
jǔshǒu

giơ tay, giơ tay biểu quyết/phát biểu

课堂上同学们争相举手发言，围绕前沿科技应用展开了生动活泼的热烈讨论。
 Kè táng shàng tóng xué men zhēng xiāng jǔ shǒu fā yán, wéi rào qián yán kē jì yìng yòng zhān kāi le shēng dòng huó pō de rè liè tāo lùn.
 Trên lớp học các bạn học sinh thi nhau giơ tay phát biểu, triển khai các cuộc thảo luận nhiệt liệt sinh động sôi nổi xoay quanh ứng dụng khoa học công nghệ tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT: CỬ THỦ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#291

举行
jǔ xíng

giữ

学校定于下周五上午在大礼堂隆重举行一年一度的新生开学典礼。
 Xuéxiào dìng yú xià zhōu wǔ shàngwǔ zài dà lǐ táng lóngzhòng jǔ xíng yí nián yí dù de xīnshēng kāixué diǎnlǐ.
 Nhà trường dự kiến sẽ long trọng tổ chức lễ khai giảng tân sinh viên thường niên tại Đại lễ đường vào sáng thứ Sáu tuần sau.

23 nét

HÁN VIỆT: CỬ HÀNH

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#292

句
jù

câu (lời nói, văn bản); câu cú

老教授语重心长的一句话，成为了激励他在科学探索道路上不断前进的座右铭。
 Lǎo jiào shòu yǔ zhòng xīn cháng de yí jù huà, chéng wéi le jī lì tā zài kē xué tàn suǒ dào lù shàng bù duàn qián jìn de zuò yòu míng.
 Một câu nói ân cần tha thiết của vị giáo sư già đã trở thành câu châm ngôn sống khích lệ anh không ngừng tiến bước trên con đường thám hiểm khoa học.

9 nét

HÁN VIỆT: CÂU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#293

句子
jù zì

câu

请同学们运用所学的生词和语法点，尝试写出逻辑严密、表达地道的中文句子。
 Qǐng tóng xué men yùnyòng suǒ xué de shēng cí hé yǔ fǎ diǎn, chángshì xiě chū luójì yán mì, biǎodá dì dào de Zhōngwén jù zì.
 Mời các bạn học sinh vận dụng từ mới và điểm ngữ pháp đã học để thử đặt những câu tiếng Trung chuẩn ngữ pháp và giàu tính bản xứ.

20 nét

HÁN VIỆT: CÂU TỬ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#294

卡
kǎ

thẻ

老师鼓励大家积极卡，勇于探索新的知识。
 Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí kǎ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực thẻ, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: CA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#295

开机
kāijī

khởi động máy, bật máy (máy tính, thiết bị)

技术工程师按下中控台启动按钮，国产大型医疗CT设备顺利开机并完成自检。
 Jì shù gōng chéng shì àn xià zhōng tái kòng táng tái qì dòng àn niǔ, guó chǎn dà xíng yī liáo CT shè bèi shùn lì kāi jī bìng wán chéng zì jiǎn.
 Kỹ sư kỹ thuật nhấn nút khởi động trên bàn điều khiển trung tâm, thiết bị chụp CT y tế cỡ lớn do nước ta sản xuất đã khởi động bật máy thuận lợi và hoàn thành tự kiểm tra.

19 nét

HÁN VIỆT: KHAI CƠ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#296

开心
kāi xīn

vui vẻ, hân hoan, vui sướng

收到国家重点大学硕士研究生正式录取通知书的那一刻，全家人都露出了无比开心的灿烂笑容。
 Shòu dào guó jiā zhòng diǎn dà xué shuò shì yán jiū shēng zhèng shì lù qǔ tōng zhī shū de nà yí kè, quán jiā rén dōu lù chū le wú bǐ kāi xīn de càn làn xiào róng.
 Khoảnh khắc nhận được giấy báo trúng tuyển cao học thạc sĩ chính thức của trường đại học trọng điểm quốc gia, cả gia đình đều nở những nụ cười rạng rỡ và hạnh phúc khôn xiết.

19 nét

HÁN VIỆT: KHAI TÂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#297

开学
kāixué

khai giảng, bắt đầu năm học mới

金秋九月迎来新学期开学，全国各地中小学举行了庄严隆重的开学升旗典礼。
 Jīn qiū jiǔ yuè yíng lái xīn xué qī kāi xué, quán guó gè dì zhōng xiǎo xué jù xíng le zhuān yáng lóng zhòng de kāi xué shēng qí diǎn lǐ.
 Tháng Chín mùa thu vàng đón chào năm học mới khai giảng, các trường tiểu học và trung học trên khắp cả nước đã tổ chức nghi lễ chào cờ khai giảng trang nghiêm long trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: KHAI HỌC



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#298

看法

kàn fǎ

quan điểm, góc nhìn, ý kiến

针对本期经济转型政策议题，各位与会专家学者在圆桌研讨会上充分发表了各自独到的深度看法。

Zhēn duì běn qī jīng jì zhuǎn xíng zhèng cè yì tí, gè wèi yǔ huì zhuān jiā xué zhě zài yuán zhuō yán tǎo huì shàng chōng fēn fā biǎo le gè zì dú dào de shēn dù kàn fǎ.

Xoay quanh chủ đề chính sách chuyển đổi kinh tế kỳ này, các chuyên gia học giả tham dự hội nghị đã sôi nổi trình bày những góc nhìn sâu sắc và độc đáo của riêng mình.

📖 21 nét

HÁN VIỆT KHÁNH PHÁP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#299

考生

kǎoshēng

thí sinh, sĩ tử đi thi

全国数百万高考考生怀揣着青春梦想步入考场，以沉着冷静的心态沉着应考。

Quán guó shù bǎi wàn gāo kǎo kǎo shēng huái chuāi zhe qíng chūn mèng xiāng bù rù kǎo chǎng, yǐ chén zhuó lěng jìng de xīn tài chén zhuó yīng kǎo.

Hàng triệu thí sinh sĩ tử thi đại học trên toàn quốc mang theo ước mơ tuổi thanh xuân bước vào phòng thi, với tâm thế bình tĩnh điềm đạm tự tin làm bài thi.

📖 22 nét

HÁN VIỆT KHẢO SINH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#300

靠

kào

chết tiệt

老师鼓励大家积极靠，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极靠，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí kào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chết tiệt, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 8 nét

HÁN VIỆT KHÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#301

科

kē

khoa, phân khoa; môn học

国家重点发展多学科交叉融合创新，在生命健康与人工智能交叉学科领域取得了突破。

Guó jiā zhòng diǎn fā zhǎn duō xué kē jiāo chā róng hé chuāng xīn, zài shēng mìng jiàn kāng yǔ rén gōng zhì néng jiāo chā xué kē lǐng yù qǔ dé le tú pò.

Nhà nước đẩy mạnh phát triển đổi mới sáng tạo dung hợp liên ngành đa phân khoa môn học, đã đạt được bước đột phá trong lĩnh vực liên ngành trí tuệ nhân tạo và sức khỏe sinh mệnh.

📖 8 nét

HÁN VIỆT KHOA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#302

科学

kē xué

khoa học

探索未知宇宙奥秘需要秉持严谨求实、勇于攀登的科学探索精神与求真务实的工作态度。

Tàn suǒ wèi zhī yǔ zhòu ào mì xū yào bǐng qín yán shí yán jīn qiú shí, yǒng yú pān dēng de kē xué tàn suǒ jīng shén yǔ qíu zhēn wú shí de gōng zuò tài dù.

Khám phá những điều bí ẩn của vũ trụ vô tận đòi hỏi phải giữ vững tinh thần khoa học nghiêm túc cầu thị, dũng cảm khám phá cùng tác phong làm việc chân thực, thực tế.

📖 20 nét

HÁN VIỆT KHOA HỌC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#303

科学家

kē xué jiā

nhà khoa học

广大科学家以国家战略需求为导向，十年磨一剑，勇攀世界前沿科学技术高峰。

Guǎng dà kē xué jiā yǐ guó jiā zhàn lüè xū qiú wéi dǎo xiàng, shí nián mó yī jiàn, yǒng pān shì jiè qián yán kē xué jī shù gāo fēng.

Đồng đạo các nhà khoa học lấy nhu cầu chiến lược của quốc gia làm định hướng, mười năm mài một thanh kiếm, dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ tiên phong của thế giới.

📖 28 nét

HÁN VIỆT KHOA HỌC GIA

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#304

可爱

kě ài

dễ thương

院子里这只毛茸茸的小猫咪眨巴着圆溜溜的大眼睛，真是可爱极了！

Yuàn zǐ lǐ zhè zhī máorōng rōng de xiǎo māo mī zhǎ bā zhe yuán liū liū de dà yǎn jīng, zhēn shì kě ài jí le!

Chú mèo con lông xù trong sân chớp chớp đôi mắt tròn xoe to tròn, trông đáng yêu hết nấc luôn!

📖 21 nét

HÁN VIỆT KHẢ ÁI

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#305

可能

kě néng

có thể

明天可能会下雨。

Míng tiān kě néng huì xià yǔ.

Ngày mai có thể sẽ mưa.

📖 22 nét

HÁN VIỆT KHẢ NĂNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#306

可怕

kě pà

đáng sợ, ghê gớm, kinh khủng

失败并不可怕，可怕的是在挫折面前丧失了重新站起来继续前行的勇气与斗志。

Shī bài bìng bù kě pà, kě pà de shì zài cuò zhé miàn qián sàng shī le chóng xīn zhǎn qǐ lái jì xù qián xíng de yǒng qì yǔ dòu zhì.

Thất bại không hề đáng sợ, điều đáng sợ nhất chính là đứng trước vấp ngã mà đánh mất đi dũng khí và ý chí quật cường để đứng dậy bước tiếp.

📖 26 nét

HÁN VIỆT KHẢ PHẠ


HSK 2 (3.0)

Liên từ

#307

可是

kě shì

nhưng mà, thế nhưng

尽管他已经提前做好其极周密的各项准备方案，可是意外突发的极端恶劣天气依然打乱了原定计划。

Jìn guǎn tā yǐ jǐng tí qián zuò hǎo le jí qí zhōu mì de gè xiàng zhǔn bèi fāng àn, kě shì yì wài tú fā de jí duǎn è liè tiān qì yǐ rán dǎ luàn le yuán dìng jì huà.

Mặc dù anh ấy đã chuẩn bị các phương án dự phòng vô cùng chu đáo từ trước, nhưng thời tiết xấu cực đoan ập đến bất ngờ vẫn làm gián đoạn kế hoạch ban đầu.

20 nét

 HÁN VIỆT : **KHẢ THỊ**
HSK 2 (3.0)

Trợ động từ

#308

可以

kě yǐ

có thể, được

我可以坐这里吗？

Wǒ kě yǐ zuò zhè lǐ ma?

Tôi có thể ngồi ở đây không?

22 nét

 HÁN VIỆT : **KHẢ DĨ**
HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Động từ

#309

克

kè

gam (đơn vị khối lượng = 1/1000 kg); khắc phục

在精细化工与药物合成实验中，微量催化剂的添加精度必须精确到零点零一克以内。

Zài jīng xì huà gōng yǔ yào wù hé chéng shí yàn zhōng, wēi liàng cuī huà jī de tiān jiā jīng dù bì xū jīng què dào diǎn líng yí kè yí nèi.

Trong thực nghiệm tổng hợp được phẩm và hóa chất tinh vi, độ chính xác khi thêm chất xúc tác vì lượng bắt buộc phải chuẩn xác tới mức dưới 0,01 gam.

8 nét

 HÁN VIỆT : **KHẮC**
HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Động từ / Danh từ

#310

刻

kè

khắc (15 phút); khắc chạm; thời khắc

当神舟载人飞船成功对接空间站核心舱的那一刻，北京航天飞控中心大厅内响起了经久不息的欢呼声。

Dāng shén zhōu zài rén fēi chuán chéng gōng duì jiē kōng jiàn zhàn hé xīn cāng de nà yí kè, Běi jīng háng tiān fēi kòng zhōng xīn dà tīng nèi xiǎng qǐ le jīng jiǔ bù xī de huān hū shēng.

Vào đúng thời khắc khoảnh khắc tàu vũ trụ có người lái Thần Châu ghép nối thành công với khoang lõi của Trạm vũ trụ, bên trong đại sảnh Trung tâm Điều khiển Bay Hàng không Vũ trụ Bắc Kinh đã vang lên những tràng reo hò rộn rã không dứt.

10 nét

 HÁN VIỆT : **KHẮC**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#311

客人

kè rén

khách

今晚有几位重要的远方贵客莅临家中做客，妈妈特意准备了丰盛的特色家常菜。

Jīn wǎn yǒu jǐ wèi zhòng yào de yuǎn fāng guì kè lín jiā zhōng zuò kè, mā ma tè yì zhǔn bèi le fēng shèng de tè sè jiā cháng cài.

Tối nay có mấy vị khách quý phương xa ghé thăm nhà, mẹ đã đặc biệt chuẩn bị một mâm cơm gia đình thịnh soạn toàn món đặc sản.

18 nét

 HÁN VIỆT : **KHÁCH NHÂN**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#312

课堂

kètáng

lớp học, giảng đường, không gian học tập

现代数字化互动智能课堂极大激发了学生的自主学习兴趣与创新思维活力。

Xià dài shù zì huà hù dòng zhì néng kè táng jí dà jī fā le xué shēng de zì zhǔ xué xí xìng qù yǔ chuàng xīn sī wéi huó lì.

Giảng đường lớp học thông minh tương tác số hóa hiện đại đã khơi dậy mạnh mẽ sức sống tư duy đổi mới sáng tạo và sự say mê tự chủ học tập của học sinh.

25 nét

 HÁN VIỆT : **KHOÁ ĐƯỜNG**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#313

空气

kōng qì

không khí

清晨漫步在雨后苍翠葱郁的森林公园里，泥土的芬芳伴着格外清新的空气扑面而来。

Qīng chén màn bù zài yǔ hòu cāng cuì cōng yù de sēn lín gōng yuán lǐ, ní tǔ de fēn fāng bàn zhe gé wài qīng xīn de kōng qì pū miàn ér lái.

Sáng sớm tản bộ trong công viên rừng xanh tươi mơn mớn sau cơn mưa, mùi thơm của đất ẩm hòa cùng bầu không khí trong lành tinh khôi ủa vào lồng ngực.

21 nét

 HÁN VIỆT : **KHÔNG KHÍ**
HSK 2 (3.0)

Tính từ

#314

哭

kū

khóc

找不到妈妈的迷路幼童站在街角伤心地嚎啕大哭，热心路人纷纷上前安抚。

Zhǎo bú dào mā ma de mí lù yòu tóng zhàn zài jiē jiǎo shāng xīn de háo táo dà kū, rè xīn lù rén fēn fēn shàng qián ān fū.

Bé con bị lạc không tìm thấy mẹ đứng nơi góc phố khóc nức nở đau lòng, người đi đường tốt bụng vội vã tiến lại dỗ dành.

14 nét

 HÁN VIỆT : **KHÓC**
HSK 2 (3.0)

Danh từ

#315

快餐

kuàicān

thức ăn nhanh, đồ ăn nhanh dinh dưỡng

为了满足上班族的高效健康用餐需求，连锁快餐店推出了多款营养均衡的中式快餐。

Wèi le mǎn zú shàng bān zú de gāo xiào jiàn kāng yòng cān xū qiú, lián suǒ kuài cān diàn tuī chū le duō kuǎn yíng yǎng jūn héng de zhōng shì kuài cān.

Nhằm đáp ứng nhu cầu ăn uống nhanh gọn và lành mạnh của giới văn phòng, chuỗi cửa hàng thức ăn nhanh đã cho ra mắt nhiều phân đồ ăn nhanh kiểu Trung Quốc cân bằng dinh dưỡng.

27 nét

 HÁN VIỆT : **KHOÁI XAN**



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#316

快点儿

kuài diǎnr

nhanh lên, khẩn trương một chút

学术讲座马上就要开始了，大家快点儿入场就座吧！

Xué shù jiǎng zuò mǎ shàng jiù yào kāi shǐ le, dà jiā kuài diǎn er rù chǎng jiù zuò ba!

Buổi tọa đàm học thuật sắp sửa bắt đầu rồi, mọi người hãy nhanh lên khẩn trương một chút vào phòng ổn định chỗ ngồi nhé!

35 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI ĐIỂM NHÂN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#317

快乐

kuài lè

vui vẻ, hạnh phúc

祝你生日快乐！

Zhù nǐ shēng rì kuài lè!

Chúc bạn sinh nhật vui vẻ!

22 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI LẠC

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#318

快要

kuàiyào

sắp, sắp sửa (thời gian rất gần)

天空中雷声阵阵，乌云汇聚，一场甘霖快要降临干旱的田野了。

Tiān kōng zhōng léi shēng zhèn zhèn, wú yún huì jù, yí chǎng gān lín kuài yào jiàng lín gān hàn de tián yě le.

Trên bầu trời sấm sét vang rền, mây đen tụ hội, một cơn mưa ngọt ngào sắp sửa đổ xuống cánh đồng đang khô hạn rồi.

27 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI YÊU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#319

筷子

kuài zi

dũa

中国饮食文化博大精深，学会灵活熟练地使用筷子是用餐礼仪的重要一部分。

Zhōngguó yǐnshí wénhuà bódà jīngshēn, xuéhuì líng huó shúliàn de shíyòng kuàizi shì yòngcān lǐyì de zhòngyào yí bùfēn.

Văn hóa ẩm thực Trung Hoa uyên thâm sâu sắc, học cách dùng dũa linh hoạt và thành thạo là một phần nghi thức bàn ăn quan trọng.

21 nét

HÁN VIỆT : KHOÁI TỬ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#320

拉

lā

kéo

老师鼓励大家积极拉，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí lā, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực kéo, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT : LAP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#321

来自

lái zì

đến từ, xuất phát từ

这些朝气蓬勃的国际青年学者来自世界三十多个不同国家，怀揣着共同的学术梦想汇聚一堂。

Zhèxiē zhāo qì péng bó de guó jì qīng nián xué zhě lái zì shì jiè sān shí duō gè bù tóng guó jiā, huái chuái zhe gòng tóng de xué shù mèng xiǎng huì jù yì táng.

Những học giả trẻ quốc tế tràn đầy sức sống này đến từ hơn 30 quốc gia khác nhau trên thế giới, mang theo ước mơ học thuật chung tụ về một nơi.

19 nét

HÁN VIỆT : LAI TỬ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#322

蓝

lán

màu xanh

海岛的早晨微风和畅，碧波万顷的大海与蔚蓝无际的天空融为一体。

Hǎi dǎo de zǎochén wēifēng héchàng, bìbō wànqīng de dàhǎi yǔ wèilán wújì de tiānkōng róng wéi yītǐ.

Buổi sớm trên đảo biển gió hiu hiu thổi, mặt biển xanh biếc mênh mông như hòa làm một với vòm trời xanh ngắt vô tận.

8 nét

HÁN VIỆT : LAM

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#323

蓝色

lánsè

màu xanh lam, sắc xanh biển

从空间站俯瞰地球，这颗美丽的蓝色星球在浩瀚星海中散发着迷人的生命光彩。

Cóng kōng jiān zhàn fú kàn dì qiú, zhè kē měi lì de lán sè xīng qiú zài hào hàn xīng hǎi zhōng sǎn fā zhào mí rén de shēng mìng guāng cǎi.

Từ Trạm vũ trụ nhìn xuống Trái Đất, hành tinh màu xanh lam tươi đẹp này giữa biển sao trời bao la tỏa ra ánh hào quang sinh mệnh quyến rũ.

20 nét

HÁN VIỆT : LAM SẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#324

篮球

lánqiú

bóng rổ; môn bóng rổ

大学校园体育节上的篮球总决赛竞争激烈，扣人心弦，吸引了全校师生加油助威。

Dà xué xiào yuán tǐ yù jié shàng de lán qiú zǒng jué sài jìng jīng hé lì, kòu rén xīn xián, xī yīn le quán xiào shī shēng jiā yóu zhù wēi.

Trận chung kết môn bóng rổ tại Lễ hội Thể thao khuôn viên trường đại học diễn ra cạnh tranh quyết liệt, nghẹt thở gay cấn, thu hút toàn thể thầy cô và học sinh tới cổ vũ reo hò.

23 nét

HÁN VIỆT : LAM CẦU



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#325

老年

lǎonián

tuổi già, tuổi cao niên

国家全面推进健康老龄化建设, 完善社区老年助餐、文体与医疗照护服务体系。

Guó jiā quán miàn tuī jìn jiàn kāng lǎo líng huà jiàn shè, wán shàn shè qū lǎo nián zhù cān, wén tǐ yǐ liáo zhào hù fú wù tǐ xì.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng già hóa khỏe mạnh, hoàn thiện hệ thống dịch vụ chăm sóc y tế, văn thể và hỗ trợ bữa ăn cho người tuổi già cao niên trong khu dân cư.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: Lǎo Nién

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#326

老朋友

lǎopéngyou

bạn cũ, bạn tri kỷ lâu năm

多年未见的老朋友再次相聚, 大家畅叙往昔友情、共话未来美好发展前景。

Duō nián wèi jiàn de lǎo péng yǒu zài cì xiāng jù, dà jiā chàng xù wǎng xī yǒu qīng, gòng huà wèi lái měi hǎo fā zhǎn qián jǐng.

Những người bạn cũ bạn tri kỷ lâu năm nhiều năm không gặp lại hội ngộ bên nhau, mọi người cùng hàn huyên tình bạn thuở xưa, cùng bàn luận về tiến độ phát triển tốt đẹp trong tương lai.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: Lǎo Bǎng Hữu

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#327

老是

lǎoshì

luôn luôn, cứ mãi (thói quen không tốt)

做科学研究必须脚踏实地、严谨求实, 决不能老是凭空臆想和急功近利。

Zuò kē xué yán jiū bì xū jiǎo tà shí dì, yán jìn qiú shí, jué bù néng lǎo shì píng kōng yǐ xiǎng hé jí gōng jìn lì.

Làm nghiên cứu khoa học bắt buộc phải chân thật vững vàng, nghiêm cẩn cầu thị, tuyệt đối không được cứ mãi luôn luôn suy diễn viễn vông và nóng vội ham lợi trước mắt.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: Lǎo Thì

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#328

离

lí

cách (khoảng cách)

学校离我家不远。

Xuéxiào lí wǒ jiā bú yuǎn.

Trường học cách nhà tôi không xa.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: LY

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#329

离开

lí kāi

rời đi

列车缓缓驶出站台的那一刻, 他依依不舍地挥手告别了生活四年的大学校园。

Lièchē huǎnhuǎn shī chū zhàn tái de nà yí kè, tā yīyī bùshě de huīshǒu gào bié le shēnghuó sì nián de dàxué xiàoyuán.

Khoảnh khắc chuyến tàu từ từ lăn bánh khỏi sân ga, anh ấy quyến luyến vẫy tay từ biệt khuôn viên trường đại học nơi mình đã gắn bó suốt 4 năm ròng.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: LY KHAI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#330

礼物

lǐ wù

quà tặng

这是一份凝聚着全班同学真挚祝福的精美纪念礼物, 请您务必收下。

Zhè shì yí fēn níng jù zhe quán bān tóng xué zhēnzhì zhùfú de jīng měi jì niàn lǐ wù, qǐng nín wù bì shōu xià.

Đây là món quà kỷ niệm tinh xảo kết tinh những lời chúc chân thành nhất của toàn thể các bạn trong lớp, xin thấy/có nhận cho ạ.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: Lǐ Vật

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#331

里头

lǐ tóu

bên trong, phía trong

图书馆里头环境极其清幽, 整齐的书架上分门别类陈列着数万册中外学术典籍。

Tú shū guǎn lǐ tóu huán jīng jí qīng yōu, zhěng qí de shū jiǎ fēn mén bié lèi chén liè zhāo shù wàn cè zhōng wài xué shù diǎn jī.

Phía trong bên trong thư viện không gian vô cùng thanh tịnh, trên những giá sách ngay ngắn phân chia rõ ràng từng loại trưng bày hàng vạn cuốn sách học thuật kinh điển trong và ngoài nước.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: Lǐ Đầu

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#332

理想

lǐ xiǎng

lý tưởng, hoàn hảo

青年人应当志存高远, 将个人奋斗融入时代发展, 为实现崇高的人生理想而不懈拼搏。

Qīng nián rén yīng dāng zhì cún gāo yuǎn, jiāng gè rén fèn dòu róng rù shí dài fā zhǎn, wèi shí xiàn chóng gāo de rén shēng lǐ xiǎng ér bù xié pīn bó.

Người trẻ tuổi nên nuôi dưỡng chí lớn cao xa, hòa nhập sự nỗ lực của bản thân vào dòng chảy phát triển của thời đại để không ngừng phấn đấu vì lý tưởng nhân sinh cao đẹp.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: Lǐ Tưởng

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#333

例如

lì rú

ví dụ, chẳng hạn như

掌握多门实用外语技能在国际化职场中具有显著优势, 例如能够直接顺畅地与海外客户商谈跨国项目。

Zhǎng wò duō mén shí yòng wài yǔ jī néng zài guó jì huà zhí chǎng zhōng jù yǒu xiǎn zhù yōu shì, lì rú néng gòu zhí jiē shùn chàng dì yǔ hǎi wài kè hù shāng tán kuà guó xiàng mù.

Nắm vững nhiều ngoại ngữ thực chiến mang lại ưu thế vượt trội trong môi trường làm việc quốc tế, ví dụ như có thể trực tiếp đàm phán các dự án xuyên quốc gia với đối tác nước ngoài một cách trôi chảy.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: Lì Như



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#334

例子

lìzì

ví dụ, tấm gương dẫn chứng

教授结合国内外生动翔实的前沿科研案例和生动例子，深入浅出地讲解了理论要点。

Jiào shòu jié hé guó nèi wài shēng dòng xiáng shí de qián yán kē yán àn lì hé shēng dòng lì zì, shēn rù qiǎn chū dì jiǎng jiě le lǐ lùn yào diǎn.

Vị giáo sư kết hợp các ví dụ trường hợp nghiên cứu khoa học tiên phong sống động chi tiết xác thực trong và ngoài nước, đi sâu vào bản chất để hiểu giảng giải các yếu điểm lý thuyết.

19 nét

HÁN VIỆT: LỆ TỬ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#335

脸

liǎn

khuôn mặt, bộ mặt, gương mặt

看到学生们在国际技能大赛上荣获特等奖的喜讯，老校长的脸上露出了欣慰无比的自豪笑容。

Kàn dào xué shēng men zài guó jì jì néng dà sài shàng róng huò tè děng jiǎng de xī xùn, lǎo xiào zhǎng de liǎn shàng lù chū le xīn wèi wú bǐ de zì háo xiào róng.

Nhìn thấy tin vui các học sinh đoạt giải đặc biệt tại Cuộc thi Kỹ năng Quốc tế, trên khuôn mặt gương mặt người thầy hiệu trưởng lão thành đã nở nụ cười tự hào và vô cùng mãn nguyện an lòng.

13 nét

HÁN VIỆT: KIỂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#336

练

liàn

luyện tập

老师鼓励大家积极练，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极练，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí liàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì. Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực luyện tập, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: LUYỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#337

练习

liànxí

luyện tập

想要克服开口说外语的紧张心理，唯一的秘诀就是每天坚持多听、多模仿、多练习。

Xiǎng yào kè fú kāi kǒu shuō wài yǔ de jǐn zhāng xīn lǐ, wéi yī de mì jué jiù shì měi tiān jiān chí duō tīng, duō mó fǎng, duō liànxí.

Muốn vượt qua tâm lý ngại ngùng khi mở lời nói ngoại ngữ, bí quyết duy nhất là mỗi ngày kiên trì nghe nhiều, bắt chước nhiều và luyện tập thật nhiều.

24 nét

HÁN VIỆT: LUYỆN TẬP

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#338

凉

liáng

mát mẻ, nguội mát, se lạnh

深秋时节早晚天气渐凉，出门晨练时记得及时添加一件保暖外套。

Shēn qiū shí jié zǎo wǎn tiān qì jiàn liáng, chū mén chén liàn shí jí de jì shí tiān jiā yī jiàn bǎo nuǎn wài tào.

Thời điểm cuối thu sáng sớm và buổi tối thời tiết se lạnh dần mát mẻ, khi ra ngoài tập thể dục buổi sáng nhớ mặc thêm một chiếc áo khoác giữ ấm kịp thời.

8 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#339

凉快

liáng kuai

mát mẻ, mát mẻ dễ chịu

一场酣畅淋漓的雷阵雨过后，闷热烦躁的暑气一扫而空，微风徐徐吹来感觉格外清凉凉快。

Yī chǎng hān chàng lín lí de léi zhèn yǔ guò hòu, mēn rè fán zào de shǔ qì yī sǎo ér kōng, wēi fēng xú xú chuī lái gǎn jué gé wài qīng shuǎng liáng kuài.

Sau một cơn mưa rào sấm chớp rộn ràng, cái nóng oi bức nực nóng bỗng chốc tan biến sạch sẽ, gió nhẹ hiu hiu thổi tới mang lại cảm giác mát mẻ dễ chịu vô cùng.

22 nét

HÁN VIỆT: LƯƠNG KHOÁI

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#340

亮

liàng

tươi sáng

在面对复杂的挑战时，保持亮的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí liàng de xīn tài yǒu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái tươi sáng đặc biệt quan trọng.

11 nét

HÁN VIỆT: LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#341

辆

liàng

chiếc, cỗ (lượng từ cho xe cộ)

我国完全自主研发制造的新一代高端智能重卡车队整齐排列，每一辆重卡都配备了高阶自动驾驶系统。

Wǒ guó wán quán zì yǎn fā zhì zào de xīn yí dài gāo duān zhì néng zhòng kǎ chē duì zhěng qí pái liè, měi yī liàng zhòng kǎ dōu pèi bèi le gāo jiē zì dòng jià shì xì tǒng.

Đoàn xe tải hạng nặng thông minh cao cấp thế hệ mới do nước ta hoàn toàn tự chủ nghiên cứu chế tạo xếp hàng ngay ngắn, mỗi một chiếc xe tải đều được trang bị hệ thống tự lái bậc cao.

14 nét

HÁN VIỆT: LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#342

零下

língxià

dưới 0 độ C, âm (nhiệt độ)

在零下三十多度的极寒风雪天气中，边防战士们依然威武挺拔地坚守在祖国界碑旁。

Zài líng xià sān shí duō dù de jí hán fēng xuě tiān qì zhōng, biān fáng zhàn shì men yī rán wēi wǔ tǐng bá de jiǎn shǒu zài zǔ guó jiè bēi páng.

Trong thời tiết bão tuyết giá rét cực đoan dưới 0 độ C âm hơn 30 độ C, các chiến sĩ biên phòng vẫn đứng vững oai phong bám trụ kiên cường bên cột mốc biên giới của Tổ quốc.

23 nét

HÁN VIỆT: LINH HẠ


HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#343

流

liú

chảy, trôi chảy (dòng nước); luồng
dòng

大江奔流、生生不息，长江黄河以磅礴的气势孕育了博大精深的中华文明。

Dà jiāng bēn liú, shēng shēng bù xī, cháng jiāng huáng hé yǐ páng bó de qì shì yùn yù le bó dà jīng shēn de zhōng huá wén míng.

Sông lớn cuộn chảy trôi chảy đời đời bất diệt, sông Trường Giang và Hoàng Hà bằng khí thế đời non lấp biển đã nuôi dưỡng nền văn minh Trung Hoa uyên bác sâu rộng.

12 nét

HÁN VIỆT: LƯU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#344

流利

liú lì

lưu loát, trôi chảy

经过在母语环境中的高强度听说沉浸训练，他现在已经能够操着一口纯正流利的普通话与中国客户商务谈判。

Jīng guò zài mǔ yǔ huán jīng gāo qiáng de tīng shuō chén jìn jìn xùn liàn, tā xiàn zài yǐ jīng néng gòu cāo zhe yī kǒu chún zhèng liú lì de pǔ tōng huà yǔ zhōng guó kè hù shāng wù tán pàn.

Sau quá trình rèn luyện nghe nói tập trung cao độ trong môi trường bản ngữ, hiện nay anh ấy đã có thể nói tiếng Phổ thông lưu loát chuẩn xác để đàm phán thương mại với đối tác Trung Quốc.

25 nét

HÁN VIỆT: LƯU LỢI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#345

流行

liú xíng

thịnh hành, phổ biến, trào lưu

融合了传统戏曲元素与现代电子节拍的“国风国潮”音乐正在年轻人群体中广泛流行。

Róng hé le chuán tǒng xì qǔ yǎn yuán sù yǔ xiàn dài diàn zǐ jié pǎi de "guó fēng guó cháo" yīn yuè zhèng zài nián qīng rén qún tǐ zhōng guǎng fàn liú xíng.

Dòng nhạc 'phong cách cổ trang' kết hợp giữa các làn điệu hý khúc truyền thống và tiết tấu điện tử hiện đại đang trở nên cực kỳ thịnh hành trong giới trẻ.

24 nét

HÁN VIỆT: LƯU HÀNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#346

留

liú

ở lại

老师鼓励大家积极留，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí liú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực ở lại, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: LƯU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#347

留下

liú xià

để lại, lưu lại (dấu ấn, kỷ niệm, di sản)

老一辈科学家用一生的奉献在祖国大地上留下了永不磨灭的科技创新功勋丰碑。

Lǎo yī bèi kē xué jiā yòng yì shēng de fèng xiàn zài zǔ guó dà dì shàng liú xià le yǒng bù mó miè de kē jì chuàng xīn gōng xūn fēng bēi.

Các nhà khoa học tiên tiến bằng sự cống hiến trọn đời đã để lại lưu lại trên mảnh đất Tổ quốc tấm bia đài công trạng đối mới sáng tạo khoa học công nghệ không bao giờ phai mờ.

21 nét

HÁN VIỆT: LƯU HẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#348

留学生

liú xué shēng

lưu học sinh, du học sinh

来自全球数十个国家和地区的优秀留学生齐聚一堂，在沉浸式文化体验中感知现代中国。

Lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā hé dì qū de yōu xiù liú xué shēng qí jù yì táng, zài chén jìn shì wén huà tǐ yàn zhōng gǎn zhī xiàn dài zhōng guó.

Các bạn lưu học sinh du học sinh xuất sắc đến từ hàng chục quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn cầu cùng tế tựu một nhà, cảm nhận một Trung Hoa hiện đại trong trải nghiệm văn hóa chìm đắm.

34 nét

HÁN VIỆT: LƯU HỌC SINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#349

路边

lù biān

ven đường, bên lề đường

初春时节，城市主干道路边新栽种的景观花木竞相吐蕊，为城市增添了盎然春意。

Chū chūn shí jié, chéng shì zhǔ gàn dào lù biān xīn zāi zhòng de jīng guān huā mù jīng xiāng tǔ ruǐ, wéi chéng shì zēng tiān le àng rán chūn yì.

Vào tiết đầu xuân, các loại hoa cây cảnh mới trồng bên lề đường ven đường các trục đường chính đô thị đua nhau khoe sắc trở hoa, bồi đắp thêm sắc xuân đậm đà cho thành phố.

22 nét

HÁN VIỆT: LỘ BIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#350

旅客

lǚ kè

hành khách, lữ khách đi lại

现代化智能高铁车站全面推行无感刷脸进站与电子客票，大幅提升了广大旅客的出行效率。

Xiān dài huà zhì néng gāo tiě chē zhàn quán miàn tuī xíng wú gǎn shuā liǎn jìn zhàn yǔ diàn zǐ kè piào, dà fú tí shēng le guǎng dà lǚ kè de chū xíng xiào lǜ.

Nhà ga đường sắt cao tốc thông minh hiện đại hóa triển khai toàn diện vé điện tử và quét khuôn mặt không chạm vào ga, nâng cao vượt bậc hiệu suất đi lại của đồng hành khách lữ khách.

23 nét

HÁN VIỆT: LỮ KHÁCH

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#351

旅行

lǚ xíng

du lịch, đi tham quan khám phá

读万卷书、行万里路；青年人在旅行实践中开阔眼界格局、体悟多元地域文化魅力。

Dú wàn juǎn shū, xíng wàn lǐ lù; qīng nián rén zài lǚ xíng shí jiàn zhōng kāi kuò yǎn jiē gé jú, tǐ wù duō yuán dì yù wén huà mèi lì.

Đọc vạn cuốn sách, đi vạn dặm đường; thanh niên trong thực tiễn du lịch tham quan mở rộng tầm nhìn tầm vóc, cảm nhận sức quyến rũ của văn hóa các vùng miền đa dạng.

26 nét

HÁN VIỆT: LỮ HÀNH



HSK 2 (3.0)

Động từ

#352

旅游

lǚ yóu

du lịch

我们打算去中国旅游。
Wǒmen dāsuan qù Zhōngguó lǚyóu.
Chúng tôi dự định đi Trung Quốc du lịch.

28 nét

HÁN VIỆT: LỮ DU

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#353

绿

lǜ

màu xanh lá cây

春雨过后，漫山遍野的树林洗尽铅华，焕发
出一派苍翠欲滴的勃勃绿意。

Chūnyǔ guòhòu, màنشān biànyě de shùlín xǐ jìn
qiǎnhuà, huànfā chū yí pài cāngcuì yù dī de
bóbó lǜyì.

Sau cơn mưa xuân, rừng cây bạt ngàn rũ sạch
bụi trần, bừng lên sắc xanh tươi non mơn
mỏn tràn đầy sức sống.

11 nét

HÁN VIỆT: LỤC

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#354

绿色

lǜsè

màu xanh lá cây; xanh sinh thái (bền
vững)

我国坚定不移走生态优先、绿色低碳的高质量
发展道路，推动经济社会全面绿色转型。
Wǒ guó jiāndìng bù yí zǒu shēng tài yōu xiān, lǜ
sè dī tàn de gāo zhì liàng fā zhǎn dào lù, tuī dòng
jīng jì shè huì quán miàn lǜ sè zhuǎn xíng.

Nước ta kiên định không ngừng bước đi trên
con đường phát triển chất lượng cao xanh ít
phát thải carbon, ưu tiên sinh thái, thúc đẩy
chuyển đổi xanh toàn diện kinh tế xã hội.

23 nét

HÁN VIỆT: LỤC SẮC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#355

卖

mài

bán

这家店卖新鲜水果。
Zhè jiā diàn mài xīnxiān shuǐguǒ.
Cửa hàng này bán hoa quả tươi.

13 nét

HÁN VIỆT: MẠI

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#356

满

mǎn

đầy, tràn đầy; đủ, trọn

学术报告厅内座无虚席、坐满了前来聆听诺
贝尔奖得主学术演讲的青年学者与青年学
生。

Xué shù bào gào tīng nèi zuò wú xū xí, zuò mǎn
le qián lái tīng tīng nuò bèi ěr jiǎng dé zhǔ xué
shù yǎn jiǎng de qīng nián xué zhě yǔ qīng nián
xué shēng.

Bên trong hội trường báo cáo học thuật chật
kín không còn chỗ trống, ngồi đầy tràn đầy
những học giả trẻ và sinh viên thanh niên tới
lắng nghe bài diễn thuyết học thuật của
người đoạt giải Nobel.

8 nét

HÁN VIỆT: MÃN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#357

满意

mǎn yì

hài lòng, thỏa mãn ưng ý

政务服务大厅推行“一网通办”后，办事效
率显著提升，群众对政务窗口的服务满意度
高达百分之九十九。

Zhèng wù fú wù dà tīng tōng xíng "yī wǎng tōng
bàn" hòu, bàn shì xiào lǜ xiǎn zhù tí shēng, qún
zhòng duì zhèng wù chuāng kǒu de fú wù mǎn yì
dù gāo dá fēn zhī jiǔ shí jiǔ.

Sau khi sảnh dịch vụ hành chính công triển
khai 'Một cửa thông suốt trực tuyến', hiệu
suất giải quyết thủ tục năng cao rõ rệt, mức
độ hài lòng ưng ý của quần chúng nhân dân
đối với dịch vụ của các quầy hành chính đạt
tới 99%.

20 nét

HÁN VIỆT: MÃN Ý

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#358

猫

māo

con mèo

这只小猫很可爱。
Zhè zhī xiǎomāo hěn kě'ài.
Con mèo nhỏ này rất đáng yêu.

14 nét

HÁN VIỆT: MIÊU

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#359

米

mǐ

mét

我们所租住的这处安静单身公寓距离最近的
换乘地铁站仅仅只有两百米路程。

Wǒmen suǒ zūzhù de zhè chù ānjìng dānshēn
gōngyù jù lí zhuǎn chéng dìtiězhàn jìn jìn
zhīyǒu liǎng bǎi mǐ lùchéng.

Căn hộ khép kín yên tĩnh mà chúng mình
đang thuê chỉ cách ga tàu điện ngầm trung
chuyển gần nhất vốn vẹn 200 mét đi bộ.

10 nét

HÁN VIỆT: MỄ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#360

面

miàn

mì sợi

老师鼓励大家积极面，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí miàn, yǒng yú tàn suǒ xīn
de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực
mì sợi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: DIỆN



HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn #361

面前

miànqián

trước mặt, đối diện trước mắt

在严谨客观的科学实验事实与确凿数据面前, 任何无端怀疑和争议都将不攻自破。

Zài yán jǐn kè guān de kē xué shí yàn shì shí yǔ què záo shù jù miàn qián, rèn hé wú duān huái yí hé zhēng yì dòu jiāng bù gōng zì pò.

Đứng trước mặt trước mắt số liệu xác thực và sự thật thực nghiệm khoa học khách quan nghiêm cần, mọi sự tranh cãi và hoài nghi vô căn cứ đều sẽ tự khắc sụp đổ tan biến.

24 nét

HÁN VIỆT: DIỆN TIẾN

HSK 2 (3.0)

Lượng từ #362

名

míng

người (lượng từ dùng cho người)

他是一名医生。

Tā shì yì míng yī shēng.

Anh ấy là một bác sĩ.

14 nét

HÁN VIỆT: DANH

HSK 2 (3.0)

Danh từ #363

名称

míngchēng

tên gọi, danh xưng chính thức

“天宫”、“嫦娥”、“祝融”，这些以古典神话命名的航天重器名称蕴含着深厚浪漫的中华文化底蕴。

"tiān gōng", "cháng é", "zhù róng", zhè xiē yǐ gǔ diǎn shén huà míng de háng tiān zhòng qì míng chēng yùn hán zhe shēn hòu làng mǎn de zhōng huá wén huà dì yǐ yùn.

'Thiên Cung', 'Hằng Nga', 'Chúc Dung', những tên gọi danh xưng đại khí hàng không vũ trụ được đặt theo thần thoại kinh điển này ẩn chứa bề dày văn hóa Trung Hoa lãng mạn sâu sắc.

25 nét

HÁN VIỆT: DANH XÚNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ #364

名单

míngdān

danh sách, danh sách bảng tên

国家科技奖励委员会正式向社会公示了本年度国家最高科学技术奖获奖候选人名单。

Guó jiā kē jì jiǎng lì wéi yuán huì zhèng shì xiàng shè huì gōng shì le běn nián dù guó jiā zuì gāo kē xué jì shù jiǎng huò jiǎng hòu xuǎn rén míng dān.

Ủy ban Khen thưởng Khoa học Công nghệ Quốc gia đã chính thức công khai rộng rãi danh sách ứng cử viên đoạt Giải thưởng Khoa học Công nghệ Tối cao Quốc gia năm nay cho toàn xã hội.

26 nét

HÁN VIỆT: DANH THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ #365

明星

míng xīng

ngôi sao, người nổi tiếng; ngôi sao sáng

在科技报国的崇高时代征程中, 那些隐姓埋名、无私奉献的功勋科学家才是新时代最璀璨耀眼的时代明星。

Zài kē jì bào guó de chóng gāo shí dài zhēng chéng zhōng, nà xiē yǐn xíng mái míng, wú sī fèng xiàn de gōng xūn kē xué jiā cái shì xīn shí dài zuì cǎi yào de shí dài míng xīng.

Trên hành trình thời đại cao đẹp phụng sự Tổ quốc bằng khoa học công nghệ, những nhà khoa học có công lớn âm thầm cống hiến cả đời mới đích thực là những ngôi sao thời đại sáng chói nhất.

23 nét

HÁN VIỆT: MINH TINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ #366

目的

mù dì

mục đích

举办本次国际学术研讨会的核心目的, 在于搭建跨学科青年学者交流互鉴的前沿对话平台。

Jǔ bàn běn cì guó jì xué shù yán tào huì de hé xīn mù dì, zài yú jiàn kuà xué kē qīng nián xué zhě jiāo liú hù jiàn de qián yán duì huà pǐn tái.

Mục đích cốt lõi của việc tổ chức hội thảo học thuật quốc tế lần này là nhằm kiến tạo diễn đàn đối thoại mỗi nhọn để các học giả trẻ liên ngành giao lưu và học hỏi lẫn nhau.

21 nét

HÁN VIỆT: MỤC ĐÍCH

HSK 2 (3.0)

Động từ #367

拿出

náchū

lấy ra, đưa ra; thể hiện phô diễn

青年科研团队面对卡脖子技术难题敢打敢拼, 拿出了具备完全自主知识产权的核心攻关方案。

Qīng nián kē yán tuán duì miàn dǒu bó zǐ jī shù nán tí gǎn dǎ gǎn pīn, ná chū le jù wán quán zì zhǐ quán de hé xīn gōng guān fāng ān.

Nhóm nghiên cứu khoa học trẻ tuổi đứng trước nan đề công nghệ nghẽn cổ chai dám nghĩ dám làm, đã đưa ra lấy ra phương án xung kích cốt lõi sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn tự chủ.

19 nét

HÁN VIỆT: NẢ XUẤT

HSK 2 (3.0)

Động từ #368

拿到

ná dào

nhận được, cầm được trong tay, đoạt được

经过为期四年的刻苦攻读与科研创新, 他终于顺利拿到了名校博士学位证书与优秀毕业生荣誉。

Jīng guò wéi qī sì nián de kè kǔ gōng dú yǔ yán chuàng xīn, tā zhōng yú shùn lì ná dào le míng xiào bó shì xué wèi zhèng shù yǔ yōu xiù bì yè shèng róng yǔ.

Trải qua 4 năm miệt mài học tập và đổi mới sáng tạo nghiên cứu khoa học, anh ấy cuối cùng đã thuận lợi nhận được cầm được trong tay bằng tiến sĩ từ trường đại học danh tiếng cùng danh hiệu sinh viên tốt nghiệp ưu tú.

24 nét

HÁN VIỆT: NẢ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian #369

那会儿

nàhuìr

hồi đó, lúc đó, thời điểm đó

那会儿科研条件虽然十分艰苦简陋, 但老一辈科学家胸怀报国之志、攻克了一个又一个技术难关。

Nà huì er kē yán tiáo jiàn suī rán shí fēn jiǎn kù jiān lòu, dàn lǎo yī bèi kē xué jiā xiōng huái bào guó zhī zhì, gōng kè le yí gè yí gè jì shù nán guān.

Hồi đó lúc đó điều kiện nghiên cứu khoa học dẫu vô cùng gian khổ đơn sơ, nhưng các nhà khoa học tiên bối mang trong tim hoài bão phụng sự Tổ quốc đã chinh phục hết nan đề kỹ thuật này đến nan đề kỹ thuật khác.

35 nét

HÁN VIỆT: NA HỘI NHÂN



**HSK 2
(3.0)**

Liên từ / Đại từ / Phó từ #370

那么

nàme

như vậy, thế thì; đến mức như thế

既然我们确立了高水平科技自立自强的奋斗目标，那么就必须一往无前、真抓实干。

Jì rán wǒ men què lì le gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de fèn dòu mù biāo, nà me jiù bì xū yì wǎng wú qián, zhēn zhuā shí gān.

Một khi chúng ta đã xác lập mục tiêu phấn đấu tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao, thế thì như vậy bắt buộc phải dũng cảm tiến lên, bắt tay làm việc thực chất.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **NA YÊU**

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian #371

那时

nàshí

lúc đó, hồi đó, thời điểm ấy

那时大西北戈壁滩风沙漫天、条件极其恶劣，但功勋科学家们毫无怨言、默默奉献毕生。

Nà shí dà xī běi gē bì tān fēng shā màn tiān, tiáo jiàn jí qí è liè, dàn gōng xūn kē xué jiā men háo wú yuàn yán, mò mò fèng xiàn bì shēng.

Lúc đó hồi đó bãi sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc bão cát ngập trời, điều kiện vô cùng khắc nghiệt, nhưng các nhà khoa học có công lao to lớn không một lời than vãn, âm thầm cống hiến cả cuộc đời.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **NA THỜI**

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian #372

那时候

nàshíhou

lúc đó, thời bấy giờ, khi ấy

那时候国家工业基础十分薄弱，老一辈建设者自力更生、奋发图强，铸就了工业大国基石。

Nà shí hòu guó jiā gōng yè jī chǔ fēn fān bó ruò, lǎo yī bèi jiàn shě zhě zì lì gēng shēng, fèn fā tú qiáng, zhù jù le gāng yě dà guó jī shí.

Thời bấy giờ lúc đó nền tảng công nghiệp đất nước còn vô cùng mỏng manh, những người xây dựng tiên bối đã tự lực cánh sinh, vươn lên mạnh mẽ, đúc nên nền móng của một đại quốc công nghiệp.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : **NA THỜI HẬU**

HSK 2 (3.0)

Đại từ chỉ định #373

那样

nàyàng

như thế, như vậy, kiểu như thế

我们要像老一辈功勋楷模那样，始终保持对党和人民事业的无限忠诚与无私奉献精神。

Wǒ men yào xiàng lǎo yī bèi gōng xūn kǎi mó nà yàng, shí zhōng bǎo chí duì dǎng hé rén mín shì yè de wú xiàn zhōng chéng yǔ wú sī fèng xiàn jīng shén.

Chúng ta cần giống như thế như vậy như những tấm gương công lao tiến bối, luôn giữ vững tinh thần cống hiến quên mình và lòng trung thành vô bờ bến đối với sự nghiệp của Đảng và Nhân dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : **NA DẠNG**

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị #374

南方

nánfāng

miền Nam, phương Nam

我国南方气候温暖湿润、水网纵横交错，孕育了生机勃勃的现代化绿色生态农业示范区。

Wǒ guó nán fāng qì hòu wēn nuǎn shī rùn, shuǐ wǎng zòng héng jiāo cuò, yù nù yù le shēng jī bó bó de xiān dài huà lǜ sè shēng tài nóng yè shì fàn qū.

Miền Nam phương Nam nước ta khí hậu ấm áp ẩm ướt, mạng lưới sông ngòi đan xen dọc ngang, nuôi dưỡng nên những khu thí điểm nông nghiệp sinh thái xanh hiện đại hóa tràn đầy sức sống.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **NAM PHƯƠNG**

HSK 2 (3.0)

Tính từ #375

难过

nán guò

buồn

得知多年悉心照料的宠物猫不幸走失的消息，全家人心里都十分难过。

Déng đī duō nián xī xīn zhàoliào de chǒngwù māo bù xīng zǒu shī de xiāo xī, quán jiā rén xīn lǐ dōu shí fēn nán guò.

Nhận được tin chú mèo cưng gần bỏ chỗ nằm bấy lâu không may bị lạc mất, cả nhà ai nấy đều vô cùng đau buồn.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **NAN QUÁ**

HSK 2 (3.0)

Tính từ #376

难看

nán kàn

xấu xí, khó coi; mất mặt, khó coi (sắc mặt)

无论遇到多么棘手复杂的问题都要理性沟通，在公共场合大声争吵会让场面十分难看且无济于事。

Wú lùn yù dào duō me jí shǒu fù zá de wèn tí dōu yào lǐ xìng gōu tōng, zài gōng gòng chǎng hé dà shēng zhēng chǎo huì ràng chǎng miàn shí fēn nán kàn qiě wú jì yú shì.

Bất luận gặp phải vấn đề nan giải phức tạp đến đâu cũng cần trao đổi lý tính, cãi vã to tiếng nơi công cộng chỉ làm cho cục diện trở nên vô cùng khó coi mà chẳng giải quyết được việc gì.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **NAN KHÁN**

HSK 2 (3.0)

Tính từ #377

难受

nán shòu

khó chịu, đau buồn, bức bối

感冒发烧导致全身关节酸痛无力，躺在床上感觉格外难受。

Gǎn mào fā shāo dǎo zhì quán shēn guān jié suān tòng wú lì, tǎng zài bìng chuáng shàng gǎn jué gé wài nán shòu.

Cơn cảm sốt khiến toàn thân đau nhức mỏi nhừ không còn chút sức lực, nằm trên giường bệnh cảm thấy vô cùng khó chịu và bức bối.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : **NAN THỌ**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #378

难题

nántí

nan đề, bài toán khó, thách thức học búa

科研攻关团队经过上千次模拟推演与实验验证，终于彻底攻克了深海钻探关键材料的技术难题。

Kē yán gōng guān tuán duì jīng guò shàng qiān cì mō nǐ tuī yǎn yǔ shí yàn yàn zhèng, zhōng yú chéng gōng kè le shēn hǎi zuān tàn guān jiàn cái liào de jì shù nán tí.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học trải qua hàng ngàn lần diễn tập mô phỏng và kiểm chứng thực nghiệm, cuối cùng đã chinh phục triệt để bài toán khó nan đề kỹ thuật về vật liệu then chốt khoan thăm dò biển sâu.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : **NAN ĐỀ**



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#379

难听

nántīng

chói tai, khó nghe (âm thanh/lời lẽ)

公共场合应当讲究文明礼貌，杜绝使用粗俗难听的言语，共同营造和谐友善的社会风尚。

Gōnggòng chǎng hé yīng dǎng jiāng jiū wén míng lǐ mào, dù jué shǐ yòng cū sù nán tīng de yán yǔ, gòng tóng yīng zào hé xié yǒu shàn de shè huì fēng shàng.

Nơi công cộng cần chú trọng văn minh lịch sự, bài trừ việc sử dụng các ngôn từ thô tục chói tai khó nghe, cùng nhau tạo dựng nếp sống xã hội thân thiện hòa hợp.

24 nét

HÁN VIỆT: NAN DẪN

HSK 2 (3.0)

Động từ năng nguyện

#380

能够

nénggòu

có thể, có khả năng làm được

新一代国产重型运载火箭具备超强运载能力，能够将数十吨重型航天器精准送入预定深空轨道。

Xīn yí dài guó chǎn zhòng xíng yùn zài huǒ jiàn jù bèi cháo qiáng yùn zài néng lì, néng gòu jiǎng shù shí dùn zhòng xíng háng tiān qì jīng zhǔn sòng rù yù dìng shēn kōng guī dào.

Tên lửa đẩy hạng nặng thế hệ mới do nước ta sản xuất sở hữu năng lực vận tải siêu mạnh, có thể đưa các tàu vũ trụ hàng không hạng nặng nặng hàng chục tấn vào quỹ đạo không gian sâu dự định một cách chuẩn xác.

20 nét

HÁN VIỆT: NĂNG CÚ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#381

年级

niánjí

lớp

我的小侄女今年正在实验小学读四年级，不仅学习名列前茅，钢琴也弹得极好。

Wǒ de xiǎo zhīnǚ jīnnián zhèngzài shíyàn xiǎoxué dú sì niánjí, bùjìn xuéxí míngliè qiánmáo, gāngqín yě tán de jí hǎo.

Cháu gái tôi năm nay đang học lớp 4 tại Trường Tiểu học Thực nghiệm, học tập vừa đứng top đầu mà chơi đàn piano cũng rất cừ.

24 nét

HÁN VIỆT: NIÊN CẤP

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#382

年轻

niánqīng

trẻ tuổi, thanh xuân trẻ trung

在这支屡创奇迹的国家深空探测科研团队中，骨干成员的平均年龄只有三十多岁，是一支年轻充满活力的队伍。

Zài zhè zhī lǚ chuàng qíjī de guójiā shēn kōng tàn cè kē yán tuán duì zhōng, gǔ gàn chéng yuán de píng jūn nián líng zhǐ yǒu sān shí duō suì, shì yī zhī nián qīng chōng mǎn huó lì de duì wǔ.

Trong đội ngũ nghiên cứu khoa học thám trắc không gian sâu quốc gia liên tiếp lập nên những kỷ tích này, độ tuổi trung bình của các thành viên cốt cán chỉ hơn ba mươi tuổi, là một đội ngũ trẻ trung trẻ tuổi tràn trề sức sống.

20 nét

HÁN VIỆT: NIÊN KHINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#383

鸟

niǎo

chim, loài chim

随着高原湿地生态保护力度的加大，每年都有数十万只珍稀候鸟飞临这片水域筑巢栖息繁衍。

Suí zhe gāo yuán shī dì shēng tài bǎo hù lì dù de jiā dà, měi nián dòu yǒu shù shí wàn zhī zhēn xī hòu niǎo fēi lín zhè piàn shuǐ yù zhù cháo qí xī fán yǎn.

Cùng với việc đẩy mạnh cường độ bảo tồn sinh thái đất ngập nước cao nguyên, hàng năm đều có hàng trăm ngàn con chim loài chim di cư quý hiếm bay tới vùng nước này làm tổ trú ngụ và sinh sôi nảy nở.

13 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#384

弄

nòng

làm, nghịch, xoay xở

在动手组装这台精密仪器时一定要小心谨慎，千万别把关键零配件弄丢了。

Zài dòng shǒu zǔ zhuāng zhè tái jīng mì yī qì shí yí dìng yào xiǎo xīn jīn shèn, qiān wàn bié bǎ guān jiàn líng pèi jiàn nòng diū le.

Khi bắt tay vào lắp ráp chiếc máy chính xác này nhớ phải hết sức cẩn thận, tuyệt đối đừng làm mất các linh kiện quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: LỘNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#385

努力

nǚlì

làm việc chăm chỉ

成功的道路从来没有捷径可走，唯有日积月累的勤奋努力才能助你实现理想抱负。

Chénggōng de dàolù cóng lái méi yǒu jiéjīng kě zǒu, wéi yǒu rì jī yuè lěi de qín fèn nǚ lì cái néng zhù nǐ shíxiàn lǐxiǎng bào fù.

Con đường thành công chưa bao giờ có đường tắt, chỉ có sự nỗ lực chăm chỉ tích lũy ngày qua ngày mới giúp bạn hiện thực hóa hoài bão ước mơ.

17 nét

HÁN VIỆT: NỖ LỰC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#386

爬

pá

leo, trèo (núi), bò

青年科考队员们迎风冒雪、克服高原缺氧，成功爬上了海拔六千多米的高山冰川开展科考采样。

Qīng nián kē kǎo duì yuán men yíng fēng mào xuě, kè fú gāo yuán quē yǎng, chéng gōng pá shàng le hǎi bá liù qiān duō mǐ de gāo shān bīng chuān kāi zhǎn kē kǎo cǎi yàng.

Các đội viên khảo sát khoa học trẻ tuổi đội gió đập tuyết, khắc phục tình trạng thiếu oxy vùng cao nguyên, đã leo trèo lên thành công dòng sông băng núi cao trên độ cao hơn sáu ngàn mét so với mực nước biển để triển khai lấy mẫu khảo sát.

11 nét

HÁN VIỆT: BÒ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#387

爬山

pá shān

leo núi

周末清晨和同事们结伴去郊外爬山登高，既能呼吸清新空气，又能强身健体、放松身心。

Zhōumò qīngchén hé tóngshìmen jiébàn qù jiāowài páshān dēnggāo, jì néng hūxī qīngxīn kōngqì, yòu néng qiángshēn jiàntǐ, fàngsōng shēnxīn.

Sáng sớm cuối tuần rủ đồng nghiệp cùng nhau leo núi ở ngoại ô, vừa hít thở bầu không khí trong lành vừa rèn luyện thể lực và thư thái đầu óc.

24 nét

HÁN VIỆT: BÒ SƠN



HSK 2 (3.0)

Động từ

#388

怕
 Pà

Sợ hãi

老师鼓励大家积极怕，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ dà jiā jī jí pà, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực
 Sợ hãi, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT PHẠ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ /
 Lượng từ

#389

排
 pái

xếp hàng; hàng, dãy (lượng từ); bài
 trừ xả

在新落成的国家重大科学基础设施大厅内，
 数千台高性能超算服务器整齐排成数十列高
 效运转。
 Zài xīn luò chéng de guó jiā zhòng dà kē xué jī
 chǔ shè shī dà tīng nèi, shù qiān tái gāo xìng
 néng chāo suàn fú wú qì zhěng qí pái chéng shù
 shí liè gāo xiào yùn zhuǎn.
 Bên trong đại sảnh cơ sở hạ tầng khoa học
 trọng đại quốc gia mới khánh thành, hàng
 ngàn máy chủ siêu máy tính hiệu năng cao
 xếp hàng ngay ngắn thành hàng chục dãy
 đang vận hành hiệu quả cao.

11 nét

HÁN VIỆT BÀI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#390

排队
 pái duì

xếp hàng

在早晚高峰时段乘坐地铁时，乘客们自觉站
 在安全屏蔽门两侧文明排队候车。
 Zài zǎo wǎn gāo fēng shí duàn chéng zuò dì tiě
 shí, chéng kè men zì jué zhàn zài ān quán píng bǐ
 mén liǎng cè wén míng pái duì hòu chē.
 Khi đi tàu điện ngầm vào giờ cao điểm sáng
 tối, các hành khách đều tự giác đứng xếp
 hàng văn minh ở hai bên cửa chắn an toàn để
 chờ tàu.

20 nét

HÁN VIỆT BÀI ĐỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#391

排球
 pái qiú

môn bóng chuyền, quả bóng
 chuyền

中国女排在赛场上展现出的“顽强拼搏、永
 不言弃”的女排精神，深深激励着一代代中
 华儿女奋勇前行。
 Zhōng guó nǚ pái zài sài chǎng shàng zhǎn xiàn
 chū de "wán qiáng pīn bó, yǒng bù yán qì" de nǚ
 pái jīng shén, shēn shēn jī lì zhe yí dài dài zhōng
 huá ér nǚ fèn yǒng qián xíng.
 Tinh thần bóng chuyền nữ 'Ngao cường
 chiến đấu, không bao giờ bỏ cuộc' mà đội
 tuyển bóng chuyền nữ Trung Quốc thể hiện
 trên sân đấu đã truyền cảm hứng sâu sắc cho
 bao thế hệ tiến bước.

24 nét

HÁN VIỆT BÀI CẦU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#392

碰
 pèng

chạm vào

老师鼓励大家积极碰，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ dà jiā jī jí pèng, yǒng yú tàn suǒ xīn
 de zhī shì.
 Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực
 chạm vào, dũng cảm khám phá kiến thức
 mới.

13 nét

HÁN VIỆT BÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#393

碰到
 pèng dào

gặp phải, bắt gặp (khó khăn, người
 quen)

在探索未知颠覆性科学前沿遇到技术瓶颈
 时，团队骨干从不气馁，而是勇于在挫折中
 寻找新路径。
 Zài tàn suǒ wèi zhī diǎn fù xíng kē xué qián yán
 yù dào jì shù píng jīng shí, tuán dui gǔ gàn cóng
 bú qì nǐ, ér shì yǒng yú zài cuò zhé zhōng xún
 zhǎo xīn lù jīng.
 Khi gặp phải bắt gặp nút thắt kỹ thuật trong
 quá trình tìm tòi khám phá các lĩnh vực khoa
 học tiên phong mang tính cách mạng vô
 định, cán bộ cốt cán của đội không bao giờ
 nản lòng thoái chí, mà luôn dũng cảm tìm
 kiếm con đường mới trong nghịch cảnh.

26 nét

HÁN VIỆT BÌNH ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#394

碰见
 pèng jiàn

tình cờ gặp, đụng mặt, bắt gặp

今天在国家图书馆善本阅览室查阅古籍文献
 时，我正好碰见了多年未见的高中同窗学
 友。
 Jīn tiān zài guó jiā tú shū shàn bēn yuǎn shì
 shì chá yuē gū jī wén xiān shí, wǒ zhèng hǎo
 pèng jiàn le duō nián wèi jiàn de gāo zhōng tóng
 chuāng zhì yǒu.
 Hôm nay khi đến phòng đọc sách quý của
 Thư viện Quốc gia tra cứu tài liệu cổ, tôi tình
 cờ gặp lại người bạn thân thời cấp ba gần ba
 chục năm chưa gặp.

27 nét

HÁN VIỆT BÌNH KIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#395

篇
 piān

chương

老师鼓励大家积极篇，勇于探索新的知识。
 lǎo shī gǔ dà jiā jī jí piān, yǒng yú tàn suǒ xīn
 de zhī shì.
 Thấy giáo khuyến khích mọi người tích cực
 chương, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

13 nét

HÁN VIỆT THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#396

片
 piàn

mảnh, miếng, tấm; vùng, dải; viên
 (thuốc)

放眼望去，盛开的十万亩油菜花田如同一片
 金色的壮美海洋，在春风中泛起层层波浪。
 Fàng yǎn wàng qù, shèng kāi de shí wàn mǔ yóu
 cài huā tián rú tóng yí piàn jīn sè de zhuàng měi
 hǎi yáng, zài chūn fēng zhōng fàn qǐ céng céng
 bō làng.
 Phóng tầm mắt nhìn ra xa, mười vạn mẫu
 ruộng hoa cải vàng nở rộ tựa như một dải đại
 dương vàng óng ả trắng lị, dập dềnh từng
 đợt sóng hoa trong gió xuân.

10 nét

HÁN VIỆT PHIÊN



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#397

漂亮

piào liang

đẹp

这件衣服很漂亮。

Zhè jiàn yīfú hěn piàoliang.

Bộ quần áo này rất đẹp.

24 nét

HÁN VIỆT: PHIÊU LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#398

平

píng

bằng phẳng

在面对复杂的挑战时，保持平的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí píng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bằng phẳng đặc biệt quan trọng.

9 nét

HÁN VIỆT: BÌNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#399

平安

píng'ān

bình an, yên lành an lành

随着“平安中国”建设深入推进，人民群众的安全感与获得感持续提升，社会大局保持长期和谐稳定。

Suí zhe "píng ān zhōng guó" jiàn shè shēn rù tuī jìn, rén mín qún zhòng de ān quán gǎn yǔ huò dé gǎn chí xù tí shēng, shè huì dà jú bǎo chí cháng qī hé xié wěn dìng.

Cùng với việc đi sâu xây dựng 'Nước Nhà Bình An', cảm giác an toàn và cảm giác thụ hưởng của quần chúng nhân dân liên tục được nâng cao, đại cục xã hội duy trì hòa hợp ổn định lâu dài.

21 nét

HÁN VIỆT: BÌNH AN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#400

平常

píng cháng

bình thường, thông thường; ngày thường

伟大出自平凡，平凡造就伟大；在平常的工作岗位上把每一件小事做好就是不平凡。

Wěi dà chū zì píng fán, píng fán zào jiù wěi dà; zài píng cháng de gōng zuò gǎng wèi shàng bǎ měi yí jiàn xiǎo shì zuò hǎo jiù shì bù píng fán.

Sự vĩ đại bắt nguồn từ những điều bình dị, sự bình dị kiến tạo nên sự vĩ đại; làm tốt từng việc nhỏ bé nơi vị trí công tác bình thường thường nhật chính là điều phi thường.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#401

平等

píng děng

bình đẳng

在国际大家庭中，国家不论大小、强弱、贫富，一律平等，都应当共同参与全球治理规则的制定。

Zài guó jì dà jiā tíng zhōng, guó jiā bù lùn dà xiǎo, qiáng ruò, pín fù, yí lǚ píng děng, dōu yīng dāng gòng tóng cān yǔ quán qiú zhì lǐ guī zé de zhì dìng.

Trong đại gia đình quốc tế, tất cả các quốc gia bất kể lớn hay nhỏ, mạnh hay yếu, giàu hay nghèo đều bình đẳng như nhau, cùng tham gia xây dựng các quy tắc quản trị toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH ĐẲNG

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#402

平时

píng shí

bình thường, ngày thường

平时多流汗，战时少流血；只有在日常高强度训练中精益求精，才能在关键时刻从容应对。

Píng shí duō liú hàn, zhàn shí shǎo liú xiě; zhǐ yǒu zài rì cháng gāo qiáng dù yān liàn zhōng jīng jīng yì qiú jīng, cái néng zài guān jiàn shí kè cōng róng yìng duì.

Bình thường đổ nhiều mồ hôi thì lúc lâm trận bớt đổ máu; chỉ khi trong luyện tập thường nhật luôn cầu tiến rèn giữa thì khi thời khắc then chốt tới mới có thể vững vàng ứng phó.

23 nét

HÁN VIỆT: BÌNH THỜI

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#403

瓶

píng

chai, lọ, bình; chai (lượng từ)

科考队员从深海万米海底热液喷口成功采集并密封保存了珍贵的水体样品瓶。

Kē kǎo duì yuán cóng shēn hǎi wàn mǐ hǎi dǐ rě yè pēn kǒu chéng gōng cái jí bìng mǐ fēng bǎo cún le zhēn guì de shuǐ tǐ yàng pǐn píng.

Đội viên khảo sát khoa học từ miệng phun nhiệt dịch dưới đáy biển sâu vạn mét đã thu thập và bảo quản niêm phong thành công bình mẫu nước vô cùng quý giá.

11 nét

HÁN VIỆT: BÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#404

瓶子

píng zi

cái chai, cái lọ, bình

请将喝完矿泉水后的空塑料瓶子投递到标有“可回收物”字样的蓝色分类垃圾桶中。

Qǐng jiāng hē wán kuàng quán shuǐ hòu de kōng sù liào píng zi tóu dì dào biāo yǒu "kě huí shōu wù" zì yàng de lán sè fēn lèi jī lǚ tǒng zhōng.

Xin vui lòng bỏ vỏ chai nhựa sau khi uống hết nước khoáng vào thùng rác phân loại màu xanh lam có ghi dòng chữ 'Rác tái chế'.

22 nét

HÁN VIỆT: BÌNH TỬ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#405

普通

pǔ tōng

Bình thường

在面对复杂的挑战时，保持普通的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí pǔ tōng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Bình thường đặc biệt quan trọng.

16 nét

HÁN VIỆT: PHỔ THÔNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#406

普通话

pǔ tōng huà

tiếng quan thoại

随着中国与世界各国经贸往来的深化，海外学习标准普通话的热潮方兴未艾。

Suízhē Zhōngguó yǔ shìjiè gèguó jīngmào wānglái de shēnhuà, hǎiwài xuéxí biāozhǔn Pǔtōnghuà de rècháo fāngxīng wèihài.

Cùng với sự sâu sắc trong giao thương giữa Trung Quốc và thế giới, phong trào học tiếng Phổ thông chuẩn ở nước ngoài đang dâng cao mạnh mẽ.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : PHỔ THÔNG THOẠI

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#407

其他

qí tā

khác, cái khác, người khác

除了在人工智能大模型领域取得突破外，该科研团队在其他跨学科交叉前沿方向也成果斐然。

Chú le zài rén gōng zhì néng dà mó xíng lǐng yù qǔ dé tú pò wài, gāi kē yán tuán duì zài qí tā kuà xué kē jiāo chā qián yán fāng xiàng yě chéng guǒ fěi rán.

Ngoài việc đạt được đột phá trong lĩnh vực mô hình lớn trí tuệ nhân tạo ra, nhóm nghiên cứu khoa học này ở các phương hướng tiên phong liên ngành khác cũng đạt được thành quả vô cùng rực rỡ.

📖 18 nét

HÁN VIỆT : KỶ THA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#408

其中

qí zhōng

trong đó, trong số đó

本次国际青少年科创大赛共收到来自全球的数千件优秀作品，其中五十件入围了终极决赛。

Bén cì guó jì qīng shào nián kē chuàng dà sài gòng shōu dào láo lái zì quán qiú de shù qiān jiàn yōu xiù zuò pǐn, qí zhōng wǔ shí jiàn rù wéi le zhōng jī jué sài.

Cuộc thi sáng tạo khoa học thanh thiếu niên quốc tế lần này đã nhận được hàng nghìn tác phẩm xuất sắc trên toàn cầu, trong số đó có 50 tác phẩm đã lọt vào vòng chung kết xếp hạng.

📖 17 nét

HÁN VIỆT : KỶ TRUNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#409

骑

qí

cưỡi (ngựa), đi (xe đạp/xe máy)

在阳光明媚的周末，青年朋友们相约骑着公共自行车环湖绿道骑行，倡导绿色低碳出行。

Zài yáng guāng míng mèi de zhōu mò, qīng nián péng yǒu men xiāng yuē qí zhe gōng gòng zì xíng chē huán hú lǜ dào qí xíng, chàng dǎo lǜ sè dì tàn chū xíng.

Vào ngày cuối tuần nắng đẹp rực rỡ, các bạn trẻ hẹn nhau đi xe đạp đạp xe đạp công cộng dọc theo đường xanh quanh hồ, kêu gọi lối sống đi lại xanh ít phát thải carbon.

📖 13 nét

HÁN VIỆT : KỶ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#410

骑车

qí chē

đi xe đạp / xe máy

越来越多的市民选择骑公共自行车绿色出行，既锻炼了身体，又为低碳环保贡献了一份力量。

Yuè lái yuè duō de shì mín xuǎn zé qí gōng gòng zì xíng chē lǜ sè chū xíng, jì duàn liàn le shēn tǐ, yòu wéi dì tàn huán bǎo gòng xiàn le yī fèn lì liàng.

Ngày càng có nhiều người dân lựa chọn đi xe đạp công cộng để đi lại xanh, vừa rèn luyện thân thể lại vừa đóng góp một phần sức lực cho bảo vệ môi trường ít phát thải carbon.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : KỶ XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#411

起飞

qǐ fēi

cất cánh

各位尊贵的旅客请系好安全带，我们乘坐的国际航班即将滑入跑道准备起飞。

Gè wèi zūn guì de lǚ kè qǐng xì hǎo ān quán dài, wǒ men chéng zuò de guó jì háng bān jí jiāng huá rù pǎo dào zhǔn bèi qǐ fēi.

Kính mời quý hành khách thắt chặt dây an toàn, chuyến bay quốc tế của chúng ta chuẩn bị lăn bánh vào đường băng để cất cánh.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : KHỞI PHI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#412

气

qì

tức giận

老师鼓励大家积极气，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí qì, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tức giận, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 12 nét

HÁN VIỆT : KHÍ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#413

气温

qì wēn

nhiệt độ không khí, nhiệt độ thời tiết

国家气象局通过高精度气象卫星网络，实时监测并精准发布全国各地未来几天的气温变化预报。

Guó jiā qì xiàng jú tōng guò gāo jīng dù qì xiàng wǎng lùò, shí shí jiān cè bìng jīng zhǔn fā bù quán guó gè dì wèi lái jǐ tiān de qì wēn biàn huà yù bào.

Cục Khí tượng Quốc gia thông qua mạng lưới vệ tinh khí tượng độ chính xác cao, quan trắc theo thời gian thực và công bố chuẩn xác dự báo biến đổi nhiệt độ không khí nhiệt độ thời tiết trong vài ngày tới trên toàn quốc.

📖 25 nét

HÁN VIỆT : KHÍ ÔN

HSK 2 (3.0)

Số từ

#414

千

qiān

ngàn

这个手机一千块。

Zhè gè shǒu jī yì qiān kuài.

Chiếc điện thoại này một nghìn tệ.

📖 8 nét

HÁN VIỆT : THIÊN



HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#415

千克
qiānkè

ki-lô-gam, kg (1000 gam)

“嫦娥六号”探测器从月球背面南极艾特肯盆地成功带回了近两千克珍贵的人类首份月背样品。

"cháng é liù hào" tàn cè qì cóng yuè qiú bèi miàn nán jí ài tè kēn pén dì chéng gōng dài huī le jìn liǎng qiān kè zhēn guì de rén lèi shǒu fèn yuè bèi yàng pǐn.

Tàu thám trắc 'Hàng Nga 6' từ bốn địa Nam Cực - Aitken ở mặt sau Mặt Trăng đã mang về thành công gần hai ki-lô-gam mẫu vật mặt sau Mặt Trăng đầu tiên của nhân loại vô giá.

16 nét

HÁN VIẾT: THIÊN KHẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#416

前年
qiánnián

năm kia, năm trước năm ngoái

前年正式立项的国家重大科学装置工程，经过科研建设团队两年的艰苦奋战，目前已顺利进入调试阶段。

Qián nián zhèng shì lì xiàng de guó jiā zhòng dà kē xué zhuāng zhì gōng chéng, jīng guò kē yán jiàn shè tuán duì liǎng nián de jiǎn kǔ fèn zhàn, mù qián yǐ shùn lì jìn rù tiáo shì jiē duàn.

Công trình cơ sở hạ tầng khoa học trọng đại quốc gia chính thức được phê duyệt lập dự án từ năm kia, trải qua hai năm chiến đấu gian khổ của đội ngũ nghiên cứu xây dựng, hiện nay đã thuận lợi tiến vào giai đoạn hiệu chỉnh thử nghiệm.

24 nét

HÁN VIẾT: TIỀN NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#417

墙
qiáng

bức tường, tường

书房四周洁白的墙壁上挂满了古典水墨字画，营造出淡雅宁静的浓郁书香氛围。

Shū fáng sì zhōu jié bái de qiáng bì shàng guā mǎn le gù diǎn shuǐ mò zì huà, yíng zào chū dān yǎ níng jìng de nóng yù shù xiāng fēn wéi.

Trên những bức tường trắng tinh khôi bao quanh thư phòng treo trang trọng các bức tranh thủy mặc và thư pháp cổ điển, tạo nên một không gian đậm chất học thuật thanh tao và tĩnh lặng.

9 nét

HÁN VIẾT: TƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#418

青年
qīngnián

thanh niên, tuổi trẻ

青年一代有理想、有担当，国家就有前途，民族就有希望。

Qīng nián yí dài yǒu lǐ xiǎng, yǒu dān dāng, guó jiā jiù yǒu qián tú, mín zú jiù yǒu xī wàng.

Thế hệ thanh niên tuổi trẻ có lý tưởng, có tinh thần gánh vác trách nhiệm, thì đất nước mới có tiến bộ, dân tộc mới có tương lai hy vọng.

18 nét

HÁN VIẾT: THANH NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#419

青少年
qīng shào nián

thanh thiếu niên, giới trẻ

全社会应当共同构筑清朗健康的网络生态屏障，切实守护广大青少年的身心健康成长。

Quán shè yīng gòng tóng gòu zhù qīng lǎng jiàn kāng de wǎng luò shēng tài píng zhàng, qiè shí shǒu hù guǎng dà qīng shào nián de shēn xīn jiàn kāng chéng zhǎng.

Toàn xã hội cần chung tay dựng xây bức tường thành sinh thái không gian mạng trong lành và lành mạnh, bảo vệ thiết thực sự trưởng thành thể chất và tinh thần của đồng đảo thanh thiếu niên.

26 nét

HÁN VIẾT: THANH THIẾU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#420

轻
qīng

nhẹ, nhẹ nhàng, xem nhẹ

这台新型笔记本电脑采用了超轻碳纤维机身，随身携带出差非常轻便。

Zhè tái xīn xíng bǐ jì běn diǎn nǎo cái yòng le chāo qīng tàn xiān wéi jī shēn, suí shēn xié dài chū chāi fēi cháng qīng biàn.

Chiếc máy tính xách tay thế hệ mới này sử dụng vỏ sợi carbon siêu nhẹ, mang theo bên người đi công tác vô cùng gọn nhẹ và tiện lợi.

10 nét

HÁN VIẾT: KHINH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#421

清楚
qīng chu

rõ ràng

这份技术说明文档结构清晰、文字简练，把每一个核心操作步骤都解释得清清楚楚。

Zhè fèn jì shù shuō míng wén dǎng jiégòu qīng xī, wén zì jiǎn liàn, bǎ měi yí gè hé xīn cāo zuò bù zhòu dōu jiě shì de qīng qīng chǔ chǔ.

Tài liệu thuyết minh kỹ thuật này kết cấu rành mạch, diễn đạt cô đọng, giải thích rõ ràng từng bước thao tác cốt lõi.

26 nét

HÁN VIẾT: THANH SỞ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#422

晴
qíng

nắng, trời quang

今天是晴天。

Jīn tiān shì qíng tiān.

Hôm nay là một ngày nắng đẹp.

14 nét

HÁN VIẾT: TÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#423

晴天
qíngtiān

ngày nắng, trời quang mây tạnh

在万里无云的晴天里，光伏发电站数万块太阳能电池板在阳光照射下源源不断输出绿色清洁电力。

Zài wàn lǐ wú yún de qíng tiān lǐ, guāng fú fā diàn zhàn shù wàn kuài tài yǎng néng diǎn chí bǎn zài yǎng guāng zhào shè xià yuán yuán bù duàn shū chū lǜ sè qīng jié diàn lì.

Trong một ngày nắng trời quang đãng muôn dặm không một gợn mây, hàng vạn tấm pin năng lượng mặt trời của trạm điện quang điện dưới ánh nắng chiếu rọi liên tục không ngừng phát ra nguồn điện sạch xanh.

27 nét

HÁN VIẾT: TÌNH THIÊN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#424

请客

qǐng kè

mời khách, khao, bao châu

为了庆祝顺利通过硕士论文答辩，他特意在周末做东请客邀请全组师兄师姐共进晚餐。

Wèi le qīng zhù shùn lì tōng guò shì shì lùn wén dá biàn, tā tè yì zài zhōu mò zuò dōng qǐng kè yāo qīng quán zǔ shī xiōng dì jiě gòng jìn wǎn cān.

Để ăn mừng việc bảo vệ thành công luận văn thạc sĩ, cuối tuần này anh ấy đã đứng ra làm chủ bữa tiệc khao toàn bộ các anh chị em cùng nhóm nghiên cứu một bữa tối thịnh soạn.

22 nét

HÁN VIỆT: THÌNH KHÁCH

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#425

请求

qǐng qiú

thỉnh cầu, yêu cầu, đề nghị

国际救援直升机组接到紧急救援请求后，冒着恶劣气象条件以最快的速度赶赴灾区转移伤员。

Guó jì jiù yuán zhí shēng jī zǔ jiē dào jǐn jí jiù yuán qǐng qiú hòu, mào zhe è liè qì xiàng tiáo jiàn yí zú kuài sù dù gǎn fù zāi qū zhuān yì shāng yuán.

Tổ bay trực thăng cứu hộ quốc tế sau khi nhận được yêu cầu thỉnh cầu cứu hộ khẩn cấp, đã đội điều kiện thời tiết khắc nghiệt khẩn trương tới vùng thiên tai với tốc độ nhanh nhất để di chuyển người bị thương.

22 nét

HÁN VIỆT: THÌNH CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#426

秋天

qiū tiān

mùa thu, tiết thu

秋天是收获的季节，广袤神州大地上稻浪飘香、硕果累累，处处是一派丰收繁荣的动人景象。

Qiū tiān shì shōu huò de jì jié, guǎng mào shén zhōu dà dì shàng dào làng piāo xiāng, shuǒ guǒ lěi lěi, chù chù shì yí pài fēng shōu fán róng de dòng rén jǐng xiàng.

Mùa thu là mùa của thu hoạch gặt hái, trên mảnh đất Thần Châu bao la hương lúa ngọt ngào cuộn sóng, hoa thơm quả ngọt trĩu cành, khắp nơi là một khung cảnh bội thu phồn vinh làm rung động lòng người.

22 nét

HÁN VIỆT: THU THIÊN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#427

求

qiú

cầu, tìm cầu, mưu cầu (chân lý/tiến bộ)

我们在学术研究中必须坚持求真务实、实事求是，绝不能弄虚作假。

Wǒ men zài xué shù yán jiū zhōng bì xū jiān chí qiú zhēn rú shí, shí shì qiú shì, jué bù néng nòng xū zuò jiǎ.

Chúng ta trong nghiên cứu học thuật bắt buộc phải kiên trì mưu cầu tìm cầu chân lý thực chất, thực sự cầu thị, tuyệt đối không được làm giả làm dối.

9 nét

HÁN VIỆT: CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#428

球场

qiú chǎng

sân bóng (bóng đá, bóng rổ, tennis)

傍晚时分，新建的社区智慧体育公园球场上聚集了许多热爱运动的青年人切磋球技。

Bàng wǎn shí fēn, xīn jiàn de shè qū zhì huì tǐ yù gōng yuán qiú chǎng shàng jù jǐ le xǔ duō rè ài yùn dòng de qīng nián rén qiè cuō qiú jì.

Lúc chiều tối, trên sân bóng của công viên thể thao thông minh khu dân cư mới xây quy tụ rất nhiều bạn trẻ đam mê thể thao tới so tài giao lưu kỹ năng chơi bóng.

21 nét

HÁN VIỆT: CẦU TRƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#429

球队

qiú duì

đội bóng, câu lạc bộ thể thao

在全国大学生排球联赛决赛中，我校代表球队凭借默契配合与顽强防守勇夺全国总冠军。

Zài quán guó dà xué shēng pái qiú lián sài jué sài zhōng, wǒ xiào dài biǎo qiú duì píng jiè mò qì pèi hé yǔ wǎn qiáng fáng shǒu yǒng duó quán guó zǒng guān jūn.

Trong trận chung kết Giải Bóng chuyền Sinh viên Toàn quốc, đội bóng đại diện trường chúng tôi nhờ vào sự phòng thủ ngoan cường và phối hợp ăn ý đã xuất sắc đoạt ngôi vô địch toàn quốc.

22 nét

HÁN VIỆT: CẦU ĐỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#430

球鞋

qiú xié

giày thể thao, giày đá bóng/chạy bộ

国产新一代专业运动球鞋采用了轻量化碳板与高回弹气垫科技，受到了专业运动员的高度评价。

Guó chǎn xīn yí dài zhuān yè yùn dòng qiú xié cái yòng le qīng liàng huà tàn bǎn yú gāo huí tán qì diàn kē jì, shòu dào le zhuān yè yùn dòng yuán de gāo dù píng jià.

Dòng giày thể thao vận động chuyên nghiệp thế hệ mới do nước ta sản xuất áp dụng công nghệ đệm khí đàn hồi cao cùng tấm carbon siêu nhẹ, nhận được sự đánh giá rất cao của các vận động viên chuyên nghiệp.

22 nét

HÁN VIỆT: CẦU HAI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#431

取

qǔ

lấy, nhận, rút (tiền)

凭取件码可以在社区智能快递柜全天候自助取件，十分便捷省心。

Píng qǔ jiàn mǎ kě yǐ zài shè qū zhì néng kuài dì guī quán tiān hòu zì zhù qǔ jiàn, shí fēn biàn jié shēng xīn.

Dựa vào mã lấy đồ bạn có thể tự lấy bưu phẩm tại tủ chuyển phát thông minh của khu dân cư bất cứ lúc nào suốt 24/7, vô cùng tiện lợi và yên tâm.

8 nét

HÁN VIỆT: THỦ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#432

取得

qǔ dé

đạt được, giành được (thành tựu, thắng lợi)

我国在前沿量子计算与超导科技攻关中取得了多项引领全球的重大原创突破成果。

Wǒ guó zài qián yán liàng zǐ jì suǎn yǔ chāo dǎo kē jì gōng guān zhōng qǔ dé le duō xiàng yǐn lǐng quán qiú de zhòng dà yuán chuàng tū pò chéng guǒ.

Nước ta trong các trận đánh vượt khó công nghệ siêu dẫn và tính toán lượng tử tiên phong đã giành được đạt được nhiều thành quả đột phá nguyên tắc trọng đại dẫn đầu toàn cầu.

22 nét

HÁN VIỆT: THỦ ĐẮC



HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#433

全
quán

toàn bộ, đầy đủ, hoàn toàn

新落成的国家超级大科学装置顺利实现了全系统联动调试与高精度稳定运行。

Xīn luò chéng de guó jiā chāo jí dà kē xué zhuāng zhì shùn lì shí xiàn le quán xī tǒng lián dòng tiáo shì yǔ gāo jīng dù wěn dìng yùn xíng.

Cơ sở hạ tầng khoa học lớn siêu cấp quốc gia mới khánh thành đã thuận lợi thực hiện việc vận hành ổn định độ chính xác cao và hiệu chỉnh liên động toàn bộ toàn hệ thống.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: TOÀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#434

全部
quán bù

toàn bộ, tất cả

经过全组工程师通力协作与连续奋战，系统升级换代所涉及的全部核心模块已顺利部署完毕。

Jīng guò quán zǔ gōng chéng shī tǒng lì xié zuò yǔ lián xù fēn zhàn, xì tǒng shēng jí huàn dài suǒ shè jí de quán bù hé xīn mó kuài yǐ shùn lì bù shǔ wán bì.

Nhờ sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực chiến đấu liên tục của toàn bộ kỹ sư, toàn bộ các mô-đun cốt lõi liên quan đến đợt nâng cấp hệ thống đã được triển khai hoàn tất và trơn tru.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: TOÀN BỘ

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#435

全国
quán guó

Toàn quốc

在面对复杂的挑战时，保持全国的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí quán guó de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái Toàn quốc đặc biệt quan trọng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN QUỐC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#436

全家
quán jiā

cả gia đình, toàn bộ người trong nhà

除夕之夜，全家老小欢聚一堂包饺子、看春晚，共享阖家团圆的温馨与幸福。

Chú xī zhī yè, quán jiā lǎo xiǎo huān jù yì táng bāo jiǎo zǐ, kàn chūn wǎn, gòng xiǎng hé jiā tuán yuán de wēn xīn yǔ xìng fú.

Đêm giao thừa, cả gia đình già trẻ lớn bé cùng quây quần vui vẻ gói sủi cảo, xem Gala Xuân, cùng chia sẻ niềm hạnh phúc và ấm áp của sự đoàn viên gia đình sum họp.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TOÀN GIA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#437

全年
quán nián

cả năm, quanh năm suốt cả năm

我国全年粮食产量连续多年保持在一点三万亿斤以上，牢牢端稳了十四亿中国人的饭碗。

Wǒ guó quán nián liáng shí chǎn liàng lián xù duǒ nián bǎo chí zài yì diǎn sān wàn yì jīn yǐ shàng, láo láo duān wěn le shí sì yì zhōng guó rén de fàn wǎn.

Sản lượng lương thực cả năm của nước ta trong nhiều năm liên tiếp duy trì ở mức trên 1,3 nghìn tỷ cân (650 triệu tấn), giữ chắc vững vàng bát cơm của 1,4 tỷ người dân Trung Quốc.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TOÀN NIÊN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#438

全身
quán shēn

toàn bộ cơ thể

在面对复杂的挑战时，保持全身的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí quán shēn de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái toàn bộ cơ thể đặc biệt quan trọng.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TOÀN THÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#439

全体
quán tǐ

toàn thể, tất cả mọi thành viên

在重大工程胜利合龙的历史性时刻，全体建设者心潮澎湃，热烈欢呼庆祝胜利。

Zài zhòng dà gōng chéng shèng lì hé lóng de lì shǐ xìng shí kè, quán tǐ jiàn shè zhě xīn cháo péng pài, rè liè huān hū qīng zhù shèng lì.

Vào thời khắc lịch sử hợp long thắng lợi của công trình trọng đại, toàn thể những người xây dựng tâm trạng dâng trào, nhiệt liệt reo hò chúc mừng thắng lợi.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TOÀN THỂ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#440

然后
rán hòu

sau đó

我们先在会议室完成方案的初步评审，然后分组展开细化研讨。

Wǒ men xiān zài dà huì yì shì wán chéng fāng'àn de chū bù píng shěn, rán hòu fēn zǔ zhǎn kāi xì huà yán tǎo.

Chúng mình sẽ thẩm định sơ bộ phương án tại phòng họp lớn trước, sau đó mới chia tổ đi sâu vào thảo luận chi tiết.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: NHIÊN HẬU

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#441

让
ràng

cho phép, để

让我看一下。

Ràng wǒ kàn yí xià.

Để tôi xem một chút.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: NHƯỢNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#451

商量

shāng liang

bàn bạc, thương lượng, trao đổi

遇到重大家庭决策时，夫妻双方应当坦诚相待，共同商量，切忌独断专行。

Yù dào zhòng dà jiā tíng jué cè shí, fū qī shuāng fāng yìng dāng tǎn chéng xiāng dài, gòng tóng shāng liang, qiè jì dú duàn zhuān xíng.

Khi đứng trước các quyết định trọng đại của gia đình, vợ chồng nên thẳng thắn trao đổi, cùng nhau bàn bạc thấu đáo, tránh việc tự ý quyết định một mình.

23 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#452

商人

shāng rén

thương nhân, doanh nhân buôn bán

在共建“一带一路”国际经贸博览会上，来自全球数十个国家的外商商人齐聚一堂洽谈合作。

Zài gòng jiàn "yī dài yī lù" guó jì jīng mào bó lǎn huì shàng, lái zì quán qiú shù shí gè guó jiā de wài shāng shāng rén qí jù yì táng qiā tán hé zuò.

Tại Hội chợ Triển lãm Kinh tế Thương mại Quốc tế Cùng xây dựng 'Vành đai và Con đường', các thương nhân doanh nhân nước ngoài đến từ hàng chục quốc gia trên toàn cầu đã quy tụ cùng bàn bạc hợp tác.

21 nét

HÁN VIỆT: THƯƠNG NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#453

上周

shàng zhōu

tuần trước

上周在国家会议中心举行的世界青年科学家峰会上，多位青年才俊分享了颠覆性前沿创新成果。

Shàng zhōu zài guó jiā huì yì zhōng xīn xíng de shì jiè qīng nián kē xué jiā fēng huì shàng, duō wèi qīng nián cái jùn fēn xiǎng le diǎn fú xīng qiǎn yán chuàng xīn chéng guǒ.

Tuần trước tại Hội nghị Thượng đỉnh Các Nhà Khoa học Trẻ Thế giới tổ chức ở Trung tâm Hội nghị Quốc gia, nhiều anh tài thanh niên đã chia sẻ những thành quả đổi mới sáng tạo tiên phong mang tính cách mạng.

22 nét

HÁN VIỆT: THƯỜNG CHU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#454

少年

shàonián

thiếu niên, tuổi thiếu niên

少年强则国强，少年智则国智；广大青少年应当树立远大志向，勇攀科学文化高峰。

Shào nián qiáng zé guó qiáng, shào nián zhì zé guó zhì; guāng dà qīng shào nián yīng dāng shù lì yuǎn dà zhì xiàng, yǒng pān kē xué wén huà gāo fēng.

Thiếu niên mạnh thì đất nước mạnh, thiếu niên thông minh thì đất nước thông minh; đông đảo các bạn thanh thiếu niên cần xây dựng chí hướng lớn lao, dũng cảm trèo lên đỉnh cao văn hóa khoa học.

18 nét

HÁN VIỆT: THIẾU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Số lượng

#455

少数

shǎoshù

thiểu số, số ít

在现代化决策体系中，既要充分尊重多数人的意见，又要切实保护和倾听少数人的合理建议。

Zài xiàn dài huà jué cè tǐ xì zhōng, jì yào chōng fēn zūn zhòng duō shù rén de yì jiàn, yòu yào qiè shí bǎo hù hé tīng shǎo shù rén de hé lǐ jiàn yì.

Trong hệ thống đưa ra quyết sách hiện đại hóa, vừa phải tôn trọng đầy đủ ý kiến của số đông, lại vừa phải lắng nghe và bảo vệ thiết thực những kiến nghị hợp lý của số ít thiểu số.

21 nét

HÁN VIỆT: THIỂU SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#456

身边

shēnbiān

bên cạnh, bên mình, xung quanh mình

我们要善于发现身边平凡人的不凡奉献，向身边的道德楷模与劳动模范学习致敬。

Wǒ men yào shàn yú fā xiàn shēn biān píng fán rén de bù fán fèng xiàn, xiàng shēn biān de dào dé kǎo mǔ yǔ láo dòng mó fàn xué xí zhì jīng.

Chúng ta cần biết cách phát hiện sự cống hiến phi thường của những con người bình dị ở bên cạnh bên mình, học tập và nghiêng mình kính trọng những tấm gương đạo đức và chiến sĩ thi đua lao động xung quanh mình.

21 nét

HÁN VIỆT: THÂN BIÊN

HSK 2 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#457

什么样

shénmeyàng

như thế nào, loại gì, hình dáng ra sao

请问建设世界一流大学和优势学科到底需要什么样的核心战略支撑与高水平师资队伍？

Qǐng wèn jiàn shè shì jiè yì liú dà xué hé yōu shì xué kē dào dǐ xū yào jǐ bèi shén me yàng de hé xīn zhàn lüè zhī chēng yǔ gāo suǐ píng shī zī duì wú?

Xin hỏi xây dựng trường đại học đẳng cấp hàng đầu thế giới và các ngành học mũi nhọn rất cuộc cần phải sở hữu đội ngũ giảng viên trình độ cao và điểm tựa chiến lược cốt lõi như thế nào?

32 nét

HÁN VIỆT: THẬM YẾU DẠNG

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ / Danh từ

#458

生

shēng

sinh ra, sinh trưởng; sống (chưa chín); học sinh sinh viên

大自然生生不息、充满无限生机，人与自然应当和谐共生、共建绿色美好家园。

Dà zì rán shēng shēng bù xī, chōng mǎn wú xiàn shēng jī, rén yǔ zì rán yīng dāng hé xié gòng shēng, gòng jiàn lǜ sè měi hǎo jiā yuán.

Thiên nhiên sinh sôi nảy nở đời đời bất diệt, tràn ngập sức sống vô bờ bến, con người và tự nhiên cần sống hài hòa cùng nhau, cùng xây dựng mái nhà chung tươi đẹp xanh biếc.

10 nét

HÁN VIỆT: SINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#459

生词

shēngcí

từ mới (trong học ngoại ngữ)

学习汉语时，我们要善于把课本上的生词放入真实的日常对话语境中反复实践运用。

Xué xí hàn yǔ shí, wǒ men yào shàn yú bǎ kè běn shàng de shēng cí fàng rù zhēn shí de rì cháng duì huà yǔ jīng zhōng fǎn fù shí jiàn yùn yòng.

Khi học tiếng Hán, chúng ta cần biết cách đặt các từ mới trong sách giáo khoa vào trong ngữ cảnh đàm thoại giao tiếp hàng ngày chân thực để vận dụng thực hành lặp đi lặp lại.

23 nét

HÁN VIỆT: SINH TỪ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#460

生活

shēng huó

cuộc sống, sinh hoạt, sinh sống

热爱生活的人总能在平淡琐碎的日常烟火气中，发现诗意的美好与无限的乐趣。

Rè ài shēng huó de rén zǒng néng zài píng dàn suǒ suì de rì cháng yān huǒ qì zhōng, fā xiàn shī yì de měi hǎo yǔ wú xiàn de lè qù.

Người biết yêu cuộc sống luôn có thể tìm thấy vẻ đẹp thi vị cũng niềm vui bất tận ngay trong chính những điều bình dị, đời thường nơi phố thị.

23 nét

HÁN VIỆT: SINH HOẠT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#461

声音

shēng yīn

âm thanh

她播音主持的声音清脆甜美、富有磁性，给听众留下了极其深刻的美好印象。

Tā bō yīn zhǔ chí de shēng yīn qīng cuì tián měi, fù yǒu cí xìng, gěi tīng zhòng liú xià le jí qí shēn kè de měi hǎo yìn xiàng.

Giọng đọc phát thanh dẫn chương trình của cô ấy trong trẻo ngọt ngào và đầy truyền cảm, để lại ấn tượng tốt đẹp vô cùng sâu sắc trong lòng thính giả.

20 nét

HÁN VIỆT: THANH ÂM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#462

省

shěng

tỉnh (đơn vị hành chính); tiết kiệm, lược bớt

云南省自然资源极其丰富，拥有令人心驰神往的秀美风光与独特的多元民族风情。

Yún nán shěng zì rán zī yuán jí qí fēng fù, yǒng yǒu líng rén xīn chí shén wǎng de xiù měi fēng guāng yǔ dú tè de duō yuán mín zú fēng qíng.

Tỉnh Vân Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, sở hữu cảnh sắc tươi đẹp say đắm lòng người cùng nét đặc sắc văn hóa đa dân tộc.

9 nét

HÁN VIỆT: TỈNH

HSK 2 (3.0)

Số từ

#463

十分

shí fēn

vô cùng, rất, hết sức, mười phần

得知我国青年科研团队在量子精密测量领域取得重大突破的消息，大家感到十分振奋与自豪。

Dé zhī wǒ guó qīng nián kē yán tuán duì zài liàng zǐ jīng mì cè liáng lǐng yù qǔ dé zhòng dà tú pò de xiāo xī, dà jiā gǎn dào shí fēn zhèn fèn yǔ zì háo.

Nhận được tin đội ngũ nghiên cứu khoa học trẻ của nước nhà đạt bước đột phá trọng đại trong lĩnh vực đo lường lượng tử chính xác, ai nấy đều cảm thấy vô cùng phấn chấn và tự hào.

26 nét

HÁN VIỆT: THẬP PHẦN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#464

实际

shí jì

thực tế, thực tiễn

在制定企业经营战略时切忌脱离市场实际，必须脚踏实地根据客户真实需求开展产品创新。

Zài zhì dìng qī yè jīng yíng zhàn lüè shí qiè jì tuō lí shì chǎng shí jì, bì xū jiǎo tà shí dì gēn jù kè hù zhēn shí xū qiú kāi zhǎn chǎn pǐn chuàng xīn.

Khi hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp tuyệt đối chớ nên xa rời thực tế thị trường, nhất thiết phải bám sát nhu cầu thực tế của khách hàng để sáng tạo sản phẩm.

24 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẾ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#465

实习

shí xí

thực tập, đợt thực tập

在国家重点实验室开展为期一年的毕业科研实习期间，他系统掌握了前沿基因编辑实验全流程技能。

Zài guó jiā zhòng yān diǎn shí yàn shì kǎi zhǎn wéi qī yī nián de bì yè kē yán shí xí qī jiān, tā xì tǒng zhāng wò le qián yán jī yīn biān jí shí yàn quán liú chéng gōng jì néng.

Trong thời gian thực tập nghiên cứu khoa học tốt nghiệp kéo dài một năm tại Phòng Thí nghiệm Trọng điểm Quốc gia, anh đã nắm vững một cách hệ thống toàn bộ kỹ năng quy trình thực nghiệm chỉnh sửa gen tiên phong.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẬP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#466

实现

shí xiàn

thực hiện, hiện thực hóa, đạt được

全体中华儿女团结一心、接续奋斗，必将全面实现中华民族伟大复兴的宏伟奋斗目标。

Quán tǐ zhōng huá ér nǚ tuán jié yī xīn, jiē xù fèn dòu, bì jiāng quán miàn shí xiàn zhōng huá wà dà míng zú wèi dà fù xīng de hóng wěi fèn dòu mù biāo.

Toàn thể con Lạc cháu Hồng đoàn kết một lòng, tiếp nối sự nghiệp phấn đấu gian nan nhất định sẽ hiện thực hóa toàn diện mục tiêu phấn đấu hùng vĩ phục hưng vĩ đại dân tộc.

26 nét

HÁN VIỆT: THỰC HIỆN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#467

实在

shí zài

thật thà, thực tế, quả thực

这位老匠人为人朴实实在，做工极其精细，深得街坊邻里的一致好评。

Zhè wèi lǎo jiàng rén wéi rén pǔ shí shí zài, zuò gōng jí qí jīng xì, shēn dé jiē fāng lín lǐ de yí zhì hǎo pīng.

Người thợ thủ công già này tính tình chất phác thật thà, tay nghề làm đồ cực kỳ tỉ mỉ, được bà con lối xóm hết lời khen ngợi.

23 nét

HÁN VIỆT: THỰC TẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#468

食物

shí wù

thức ăn, thực phẩm

保证食品安全与食物营养均衡，是直接关系到千家万户身体健康与生命安全的民生头等大事。

Bǎo zhèng shí pǐn ān quán yǔ shí wù yǎng yáng jūn héng, shì zhí jiē guān xi dào qiān jiā wàn hù shēn tǐ jiàn kāng yǔ shēng mìng ān quán de mín shēng tóu dǐng dà shì.

Bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và cân bằng dinh dưỡng trong thức ăn là đại sự dân sinh hàng đầu liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng an toàn của hàng triệu mái ấm gia đình.

22 nét

HÁN VIỆT: THỰC VẬT



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#469

使用

shǐ yòng

sử dụng, dùng

正确规范地使用各类实验室高端精密仪器，不仅能确保实验精度，还能有效延长设备使用寿命。

Zhèng què guī fàn dì shǐ yòng gè lèi shí yǎn shì gāo duān jīng mǐ yí qì, bù jīn néng què bǎo shí yǎn jīng dù, hái néng yǒu xiào yǎn cháng shè bèi shǐ yòng shòu mìng.

Sử dụng đúng quy chuẩn các loại thiết bị chính xác cao cấp trong phòng thí nghiệm không chỉ đảm bảo độ chuẩn xác của thực nghiệm mà còn kéo dài tuổi thọ vận hành của máy móc.

22 nét

HÁN VIỆT: SỬ DỤNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#470

市

shì

thành phố, thị xã; chợ

这座现代化海滨创新型城市全面构建了以绿色低碳和高端数字制造为核心的产业集群体系。

Zhè zuò xiàn dài huà hǎi bīn chuàng xīn xíng chéng shì quán miàn gòu jiàn le yǐ lǜ sè dī tàn hé gāo duān shù zì zhì zào wéi hé xīn de chǎn yè jí qún tǐ xì.

Thành phố đổi mới sáng tạo ven biển hiện đại hóa này đã xây dựng toàn diện hệ thống cụm ngành công nghiệp lấy chế tạo kỹ thuật số cao cấp và xanh ít phát thải carbon làm hạt nhân cốt lõi.

8 nét

HÁN VIỆT: THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#471

市长

shì zhǎng

thị trưởng, người đứng đầu thành phố

市长在国际友好城市合作峰会上发表主旨演说，热情推介本市一流的创新生态与法治化营商环境。

Shì zhǎng zài guó jì yǒu hǎo chéng shì hé zuò fēng huì shàng fā biǎo zhǔ zhǐ yǎn shuō, rè qíng tuī jiàn běn shì yí liú de chuàng xīn shēng tài yǔ fǎ zhì huà yíng shāng huán jīng.

Thị trưởng tại Hội nghị Thượng đỉnh Hợp tác Thành phố Hữu nghị Quốc tế đã có bài phát biểu chủ đề, nhiệt tình quảng bá giới thiệu môi trường kinh doanh pháp trị hóa và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo đẳng cấp hàng đầu của thành phố.

18 nét

HÁN VIỆT: THỊ TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#472

事情

shì qing

việc, sự việc

今天有很多事情要做。

Jīn tiān yǒu hěn duō shì qing yào zuò.
Hôm nay có rất nhiều việc phải làm.

19 nét

HÁN VIỆT: SỰ TÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#473

收

shōu

nhận được

老师鼓励大家积极收，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí shōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nhận được, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

11 nét

HÁN VIỆT: THU

HSK 2 (3.0)

Động từ

#474

收到

shōu dào

nhận được (thư từ, quà tặng, giải thưởng)

当在海外求学的青年学者收到国家自然科学基金重点研发项目的立项资助通知时，内心无比激动。

Dāng zài hǎi wài qiú xué de qīng nián xué zhě shōu dào guó jiā zì rán kē xué jī jīn zhòng diǎn yán fā xiàng mù de lì xiàng zī zhù tōng zhī shí, nèi xīn wú bǐ jī dòng.

Khi người học giả trẻ tuổi đang du học ở nước ngoài nhận được thông báo cấp kinh phí tài trợ lập dự án nghiên cứu phát triển trọng điểm của Quỹ Khoa học Tự nhiên Quốc gia, trong lòng xúc động vô bờ bến.

24 nét

HÁN VIỆT: THU ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#475

收入

shōu rù

thu nhập

通过持续优化产业结构与扶持特色农业，当地农户的人均年可支配收入实现了稳步翻番。

Tōng guò chí xù yōu huà chǎn yè jié gòu yǔ fú chí tè sè nóng yè, dāng dì nóng hù de rén jūn nián kě支配收入实现了稳步翻番.

Thông qua việc liên tục tối ưu hóa cơ cấu ngành nghề và hỗ trợ nông nghiệp đặc sản, thu nhập khả dụng bình quân đầu người hàng năm của các hộ nông dân địa phương đã tăng gấp đôi một cách vững chắc.

24 nét

HÁN VIỆT: THU NHẬP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#476

手表

shǒu biǎo

đồng hồ đeo tay

这块手表很漂亮。

Zhè kuài shǒu biǎo hěn piào liang.
Chiếc đồng hồ đeo tay này rất đẹp.

25 nét

HÁN VIỆT: THỦ BIỂU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#477

受到

shòu dào

nhận được, chịu (tác động)

由于在国际青年公益环保行动中表现优异，这位大学生志愿者受到了联合国教科文组织的嘉奖。

Yóu yú zài guó jì qīng nián gōng yì huán bǎo xíng dòng zhōng biǎo xiàn yōu yì, zhè wèi dà xué shēng zhì yuàn zhě shòu dào lián hé guó jiào kē wén zǔ zhī de jiā jiǎng.

Nhờ có thành tích xuất sắc trong các chiến dịch bảo vệ môi trường vì cộng đồng của thanh niên quốc tế, bạn sinh viên tình nguyện này đã vinh dự nhận được bằng khen từ UNESCO.

22 nét

HÁN VIỆT: THỌ ĐÁO



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#478

舒服

shū fu

dễ chịu, thoải mái khoan khoái

经过一整天紧张充实的科研攻关，洗个热水澡坐在阳台吹着晚风喝杯清茶，让人感到格外舒服惬意。

Jīng guò yí zhěng tiān jǐn zhāng chōng shí de kē yán gōng guān, xǐ gè rè shuǐ zǎo zuò zài yáng tái chuī zhe wǎn fēng hē bēi qīng chá, ràng rén gǎn dào gé wài shū fu qiè yì.

Trải qua một ngày nghiên cứu khoa học vượt khó đầy căng thẳng và bổ ích, tắm nước nóng rồi ngồi ngoài ban công đón làn gió tối nhàn nhai chén trà thanh đạm, khiến con người cảm thấy vô cùng khoan khoái thoải mái dễ chịu.

📖 27 nét

HÁN VIỆT · THƯ PHỤC

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#479

熟

shú

chín (thức ăn); quen thuộc, thuần thục

金秋十月，北方万亩生态果园里红彤彤的苹果全都熟透了，散发出诱人的果香。

Jīn qiū shí yuè, běi fāng wàn mù shēng tài guǒ yuǎn lí hóng tóng tóng de píng guǒ quán dōu shú tōu le, sǎn fā chū yòu rén de guǒ xiāng.

Tháng Mười mùa thu vàng, những trái táo đỏ rực trong vườn cây ăn quả sinh thái vạn mẫu phương Bắc đều đã chín kỹ chín mọng, tỏa ra hương thơm hoa quả quyến rũ.

📖 10 nét

HÁN VIỆT · THỰC

HSK 2 (3.0)

Số từ / Danh từ

#480

数

shù

số, con số; đếm, tính toán; nổi bật nhất

在世界大跨度桥梁与高原铁路建设史上，能够攻克如此复杂地质极限考验的工程壮举可谓屈指可数。

Zài shì jiè dà kuà dù qiáo liáng yǔ gāo yuán tiě lù jiàn shè shǐ shàng, néng gòu gōng kè rú cǐ fù zá dì zhì jí xiàn kǎo yàn de gōng chéng zhuàng jǔ kě wèi qǔ zhǐ kě shù.

Trong lịch sử xây dựng đường sắt cao nguyên và các cây cầu nhịp lớn trên thế giới, những kỳ tích công trình có thể chinh phục được thử thách cực hạn địa chất phức tạp đến nhường này thực sự chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay.

📖 13 nét

HÁN VIỆT · SỐ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#481

数字

shù zì

con số, chữ số, kỹ thuật số

这些翔实精准的统计数字背后，凝结着全组科研人员夜以继日、求真务实的辛勤汗水。

Zhè xiē xiáng shí jīng zhǔn de tǒng jì shù zì bèi hòu, níng jié zhe quán zǔ kē yán rén yuán yè yǐ jì rì, qiú zhēn wú shí de xīn qín hàn shuǐ.

Đằng sau những con số thống kê chuẩn xác và chi tiết này là kết tinh bao giọt mồ hôi công sức miệt mài ngày đêm và tinh thần làm việc thực tế của toàn thể cán bộ nghiên cứu.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · SỐ TỰ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#482

水平

shuǐ píng

cấp độ

通过系统性的高强度听说读写综合训练，学员们的实际商务汉语应用水平得到了飞速提升。

Tōng guò xì tǒng xìng de gāo qiáng dù tīng shuō dú xiě zōng hé xùn liàn, xué yuán men de shí jì shāng wù Hànyǔ yìng yòng shuǐ píng dé dào le fēi sù tí shēng.

Thông qua chương trình rèn luyện nghe nói đọc viết toàn diện có hệ thống, trình độ ứng dụng tiếng Trung thương mại thực tế của các học viên đã tiến bộ vượt bậc.

📖 18 nét

HÁN VIỆT · THUYẾT BÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#483

顺利

shùn lì

suôn sẻ, thuận lợi, trôi chảy

在各部门的高效协作与严密保障下，本次大型国际峰会开幕式与主论坛议程圆满落幕顺利举行。

Zài gè bù mén de gāo xiào xié zuò yǔ yán mì bǎo zhàng xià, běn cì dà xíng guó jì fēng huì kāi mù shì yǔ zhǔ lùn tán yì chéng yuán mǎn shùn lì jǔ xíng.

Dưới sự phối hợp nhịp nhàng và bảo đảm an ninh nghiêm ngặt của các bộ ban ngành, lễ khai mạc và các phiên nghị sự chính của Hội nghị thượng đỉnh quốc tế đã diễn ra vô cùng thuận lợi và tốt đẹp.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · THUẬN LỢI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#484

说明

shuō míng

thuyết minh, giải thích, chứng minh

这份详尽的实验检测报告有力地说明了该新型高分子材料具有极其优良的耐高温性能。

Zhè fèn xiáng jìn de shí yàn jiǎn cè bào gào yǒu lì dì shuō míng le gāi xīn xíng gāo fēn zǐ cái liào jù yǒu jí qí yǒu liáng de nài gāo wēn xìng néng.

Bản báo cáo kiểm định thực nghiệm chi tiết này đã chứng minh một cách thuyết phục rằng loại vật liệu polyme mới này sở hữu tính năng chịu nhiệt độ cao vô cùng vượt trội.

📖 20 nét

HÁN VIỆT · THUYẾT MINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#485

司机

sī jī

người lái xe

这位经验丰富的老出租车司机师傅不仅车技娴熟平稳，而且对本市大街小巷的路线了如指掌。

Zhè wèi jīng yàn fēng fù de lǎo chū zū chē sī jī fū zhǔ bù jǐn chē jì xián shú píng wěn, ér qiě duì běn shì dà jiē xiǎo xiàng de lù xiàn liǎo rú zhǐ zhāng.

Bác tài xế taxi già giàu kinh nghiệm này không những tay lái vững vàng êm ái mà còn thuộc lòng từng ngõ ngách đường phố của thành phố như lòng bàn tay.

📖 23 nét

HÁN VIỆT · TÀI CƠ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#486

送到

sòng dào

gửi tới, đưa tới tận nơi

在特大自然灾害发生后，国家应急保障物资以最快速度空运并安全送到了灾区群众手中。

Zài tè dà zì rán zāi hài fā shēng hòu, guó jiā yìng jí bǎo zhàng wù zī yǐ zui kuài sù dù kōng yùn bìng ān quán sòng dào le zāi qū qún zhòng shǒu zhōng.

Sau khi xảy ra thảm họa thiên tai đặc biệt lớn, hàng hóa vật tư bảo đảm khẩn cấp quốc gia đã được vận chuyển bằng đường hàng không với tốc độ nhanh nhất và đưa tới gửi tới an toàn tận tay bà con nhân dân vùng thiên tai.

📖 24 nét

HÁN VIỆT · TỐNG ĐÁO



HSK 2 (3.0)

Động từ

#487

送给

sòng gěi

tặng cho, trao tặng gửi gắm

少先队员们怀着无比崇敬的心情，把亲手制作的精美贺卡与鲜花送给为国奉献的老英雄。

Shào xiān duì yuán men huái zhe wú bǐ chóng jīng de xīn qíng, bǎ qīn shǒu zhì zuò de jīng měi hè kǎ yǔ xiān huā sòng gěi wèi guó fèng xiàn de lǎo yīng xióng.

Các đội viên Thiếu niên Tiền phong mang theo tâm trạng vô cùng tôn kính, đã trao tặng tặng cho người anh hùng lão thành đã cống hiến cho đất nước những bông hoa tươi cùng tấm thiệp chúc mừng tình hảo do tự tay mình làm.

19 nét

HÁN VIỆT: TÔNG CẤP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#488

算

suàn

tính toán, coi như

这道高难度的高等数学题目需要运用微积分公式进行多步严密推算才能得出精确结果。

Zhè dào gāo nán dù de gāo děng shù xué tí mù xū yào yùn yòng wēi jī fēn gōng shì jìn xíng duō bù yán mì tuī suàn cái néng dé chū jīng què jié guǒ.

Bài toán toán cao cấp độ khó cao này cần vận dụng công thức vi tích phân để tính toán nhiều bước chặt chẽ mới ra được kết quả chính xác.

14 nét

HÁN VIỆT: TOÁN

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#489

虽然

suī rán

Mặc dù

虽然在异国他乡求学需要克服语言和文化差异等多重挑战，但他依然坚定乐观地面对一切。

Suī rán zài yì guó tā xiāng qiú xué xū yào kè fú yǔ yán hé wén huà chā yì děng duō zhòng tiǎo zhàn, dàn tā yī rán jiān dìng lè guān de miàn duì yí qiè.

Tuy rằng du học nơi đất khách quê người cần phải vượt qua nhiều rào cản như ngôn ngữ và sự khác biệt văn hóa, nhưng bạn ấy vẫn kiên định và lạc quan đối diện với tất cả.

21 nét

HÁN VIỆT: TUY NHIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#490

随便

suí biàn

tùy tiện, tự nhiên, tùy ý

做客时主人热情地招待大家吃水果点心，并笑着说：“大家千万别客气拘束，请随便享用。”

Zuò kè shí zhǔ rén rè qíng de zhāo dài dà jiā chī guǒ diǎn xīn, bìng xiào zhe shuō: "Dà jiā qiān wàn bié kè qì jū shù, qǐng suí biàn xiǎng yòng."

Khi đến chơi nhà, chủ nhà niềm nở mời mọi người dùng hoa quả bánh kẹo và mỉm cười bảo: "Mọi người đừng khách sáo gượng gạo nhé, cứ tự nhiên thưởng thức ạ."

20 nét

HÁN VIỆT: TUY TIỆN

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#491

随时

suí shí

bất cứ lúc nào, mọi lúc

市民只需打开政务手机应用程序，就可以随时随地在线查询社保缴纳记录与公积金余额。

Shì mín zhǐ xū dǎ kāi zhèng wù shǒu jī yòng chéng xù, jiù kě yǐ suí shí suí dì zài xiàn chá xún shè bǎo jiǎo nà jì lù yǔ gōng jī jīn yú é.

Người dân chỉ cần mở ứng dụng hành chính công trên điện thoại di động là có thể tra cứu trực tuyến hồ sơ đóng bảo hiểm xã hội và số dư quỹ nhà ở bất cứ lúc nào và ở bất kỳ đâu.

23 nét

HÁN VIỆT: TUY THỜI

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#492

所以

suǒ yǐ

Vì vậy

因为下雨，所以我们没去。

Yīn wéi xià yǔ, suǒ yǐ wǒ men méi qù.

Bởi vì trời mưa nên chúng tôi không đi.

19 nét

HÁN VIỆT: SỞ DĨ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#493

所有

suǒ yǒu

tất cả, toàn bộ, sở hữu

经过全体抢险救援人员连续三昼夜的奋力搜救，所有被困群众均已安全脱险并妥善安置。

Jīng guò quán tǐ qiǎng xiǎn jiù yuán rén yuán lián xù sān zhōu yè de fèn lì sōu jiù, suǒ yǒu bèi kùn qún zhòng jūn yǐ ān quán tuō xiǎn bìng tuǒ shàn ān zhì.

Sau 3 ngày 3 đêm nỗ lực tìm kiếm cứu nạn liên tục của toàn thể lực lượng cứu hộ, tất cả bà con bị mắc kẹt đều đã thoát hiểm an toàn và được bố trí nơi ở chu đáo.

18 nét

HÁN VIỆT: SỞ HỮU

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#494

它

tā

nó

这是一只小猫，它很可爱。

Zhè shì yì zhī xiǎo māo, tā hěn kě ài.

Đây là một chú mèo con, nó rất đáng yêu.

13 nét

HÁN VIỆT: THA

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#495

它们

tā men

chúng, chúng nó (chỉ đồ vật, con vật)

在大熊猫国家公园深处，野生大熊猫母子正在竹林间嬉戏，它们憨态可掬的模样惹人喜爱。

Zài dà xióng māo guó jiā gōng yuán shēn chù, yě shēng dà xióng māo mǔ zǐ zhèng zài zhú lín jiān xī xì, tā men hān tài kě jū de mú yàng rě rén xǐ ài.

Nơi sâu thẳm Công viên Quốc gia Gấu trúc Lớn, hai mẹ con gấu trúc hoang dã đang đùa vui giữa rừng trúc, dáng vẻ ngộ nghĩnh đáng yêu của chúng chúng nó khiến ai nấy đều vô cùng yêu quý.

23 nét

HÁN VIỆT: THA MÔN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#496

太太
 tài tai

bà xã, phu nhân, bà lớn

老教授与太太相濡以沫半个多世纪，在科研与教学岗位上比翼齐飞、共同为国家培育了大批栋梁英才。

Lǎo jiào shòu yǔ tài tai xiāng rú yǐ mò bàn gè duō shì jì, zài kē yán yǔ jiào xué gǎng wèi shàng bǐ yǐ qí fēi, gòng tóng wéi guó jiā péi yù le dà pī dòng liáng yīng cái.

Vị giáo sư già cùng bà xã gắn bó keo sơn chia ngọt sẻ bùi hơn nửa thế kỷ, cùng nhau kế vai sát cánh trên cương vị nghiên cứu và giảng dạy uơm mẫm nên biết bao nhân tài rừng cọt cho đất nước.

📖 28 nét

HÁN VIỆT · THÁI THÁI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#497

太阳
 tài yáng

mặt trời

清晨，温暖明媚的太阳光穿透薄雾洒向生机勃勃的田野，唤醒了沉睡的大自然。

Qīng chén, wēn nuǎn míng mèi de tài yáng guāng chuān tòu báo wù sǎ xiàng shēng jī bó bó de tián yě, huàn xǐng le chén shuì de dà zì rán.

Sáng sớm, ánh nắng mặt trời ấm áp rực rỡ xuyên qua lớp sương mỏng rơi xuống cánh đồng tràn trề sức sống, đánh thức thiên nhiên đang say giấc nồng.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · THÁI DƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#498

态度
 tài du

thái độ, quan điểm

面对复杂严峻的未知挑战，保持从容自信的心态与求真务实的工作态度至关重要。

Miàn duì fù zá yán jùn de wèi zhī tiǎo zhàn, bǎo chí cóng róng zì xìn de xīn tài yǔ qiú zhēn wú shí de gōng zuò tài dù dù zhì guān zhòng yào.

Đứng trước những thử thách bất định phức tạp và khốc liệt, việc giữ vững tâm thế tự tin ung dung cùng thái độ làm việc thực tế, cầu thị là vô cùng quan trọng.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · THÁI ĐỘ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#499

讨论
 tāo lùn

thảo luận, bàn bạc

各位专家学者在圆桌闭门会议上就下一代前沿大语言模型架构展开了极其深入热烈的专题讨论。

Gè wèi zhuān jiā xué zhě zài yuán zhuō bì mén huì yì shàng jiù xià yì dài qián yán dà yǔ yán mó xíng jià gòu zhān kāi le jí qí shēn rù rè liè de zhuān tí tāo lùn.

Các chuyên gia học giả tại cuộc họp bàn tròn kín đã có những buổi thảo luận chuyên đề vô cùng sâu sắc và sôi nổi về kiến trúc mô hình ngôn ngữ lớn thế hệ tiếp theo.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · THẢO LUẬN

HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ / Động từ

#500

套
 tà

bộ, bộ đồ (lượng từ); bao bọc; khuôn mẫu

科研攻关团队自主研发成功了一整套具有完全自主知识产权的高精度工业母机控制系统。

Kē yán gōng guān tuán duì zì zhǔ yán fā chéng gōng le yī zhěng tào jù yǒu wán quán zì zhǔ zhī shǐ chǎn quán de gāo jīng dù gōng yè mǔ jī kòng zhì xì tǒng.

Nhóm nghiên cứu khoa học vượt khó đã tự chủ nghiên cứu chế tạo thành công một bộ hệ thống điều khiển máy công cụ công nghiệp độ chính xác cao sở hữu quyền sở hữu trí tuệ hoàn toàn độc lập.

📖 10 nét

HÁN VIỆT · SÁO

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Tính từ

#501

特别
 tè bié

đặc biệt, vô cùng, hết sức

在重大科技工程攻坚战决战阶段，老科学家们展现出的严谨求实与奉献精神让人特别感动与敬佩。

Zài zhòng dà kē jì gōng chéng gōng jiàn jué zhàn jiē duàn, lǎo kē jiā jiā men zhān xiàn chū de yán jìn qiú shí yǔ fèng xiàn jīng shén ràng rén tè bié gǎn dòng yǔ jīng pèi.

Vào giai đoạn quyết chiến vượt khó của công trình khoa học công nghệ trọng đại, tinh thần cống hiến và sự nghiêm cần cầu thị do các nhà khoa học lão thành thể hiện khiến người ta đặc biệt vô cùng cảm động và khâm phục.

📖 19 nét

HÁN VIỆT · ĐẶC BIỆT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#502

特点
 tè diǎn

đặc điểm, nét đặc trưng

这款新型轻量化智能穿戴设备的最大显著特点在于超长续航与全天候精准健康体征监测。

Zhè kuǎn xīn xíng qīng liàng huà zhì néng chuān dài de zuì dà xiǎn zhù tè diǎn zài yú chāo cháng xù háng yǔ quán tiān hòu jīng zhǔn jiàn kāng tí zhēng jiān cè.

Đặc điểm nổi bật nhất của thiết bị đeo thông minh mỏng nhẹ thế hệ mới này nằm ở thời lượng pin siêu khủng cùng khả năng giám sát chỉ số sức khỏe chuẩn xác 24/7.

📖 22 nét

HÁN VIỆT · ĐẶC ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Động từ

#503

疼
 téng

đau đớn; yêu thương xót xa

老红军虽然旧伤处每逢阴雨天仍会隐隐作疼，但他依然乐观坚强，经常向年轻一代讲述当年的英勇战斗岁月。

Lǎo hóng jūn suī rán jiù shāng chù měi féng yīn yǔ tiān réng huì yīn yīn zuò téng, dàn tā yī rán lè guān jiāng qiáng, jīng cháng xiàng nián qīng yí dài jiǎng shù dāng nián de yīng yǒng zhàn dòu suì yuè.

Vị lão thành Hồng quân đau vết thương cũ mỗi khi gặp ngày mưa dầm gió bắc vẫn âm ỉ đau nhức đau đớn, nhưng ông vẫn luôn lạc quan kiên cường, thường xuyên kể cho thế hệ trẻ nghe về những năm tháng chiến đấu anh dũng năm xưa.

📖 13 nét

HÁN VIỆT · ĐÔNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#504

提
 tí

đề cập đến

老师鼓励大家积极提，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tí, yǒng yǔ tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đề cập đến, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT · ĐỀ



HSK 2 (3.0)

Động từ

#505

提出

tíchū

đưa ra, đề xuất (ý kiến, kiến nghị, lý thuyết)

青年科学家敢于质疑权威，在前瞻性基础理论研究中创新性地提出了全新物理模型。

Qīng nián kē xué jiā gǎn yú zhì yí quán wēi, zài qián zhān xīng jī chǔ lǐ lùn yán jiū zhōng chuàng xīn xíng dì tí chū le quán xīn wù lǐ mó xíng.

Nhà khoa học trẻ tuổi dám nghi ngờ uy quyền giáo điều, trong nghiên cứu lý thuyết cơ bản có tính nhìn xa trông rộng đã đề xuất đưa ra mô hình vật lý hoàn toàn mới một cách đầy sáng tạo đối mới.

18 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ XUẤT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#506

提到

tídào

nhắc đến, đề cập tới

在联合国国际多边合作高级别峰会上，多国领导人在发言中高度评价了中方提出的人类命运共同体理念。

Zài lián hé guó guó jì duō biān hé zuò gāo jí bié fēng huì shàng, duō guó lǐng dǎo rén zài fā yán zhōng gāo dù píng jià le zhōng fāng tí chū de rén lè mìng yùn gòng tóng tǐ lǐ niàn.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh Cấp cao Hợp tác Đa phương Quốc tế Liên Hợp Quốc, các nhà lãnh đạo nhiều quốc gia trong bài phát biểu đã đánh giá cao và nhắc đến đề cập tới quan niệm Cộng đồng Chung Vận mệnh Nhân loại do phía Trung Quốc đề xuất.

23 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#507

提高

tígāo

cải thiện

每天坚持阅读优质中文报刊并朗读核心段落，是快速提高语感和词汇量的黄金方法。

Měitiān jiān chí yuè dú yōu zhì Zhōngwén bàokān bìng lǎng dú hé xīn duàn luò, shì kuài sù tí gāo yǔ gǎn hé cí huì liàng de huáng jīn fāng fǎ.

Mỗi ngày kiên trì đọc báo chí tiếng Trung chất lượng cao và đọc to các đoạn văn trọng tâm là phương pháp vàng để nâng cao cảm giác ngôn ngữ và vốn từ vựng cấp tốc.

24 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ CAO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#508

题

tí

câu hỏi, đề bài

这道题很简单。

Zhè dào tí hěn jiǎn dān.

Câu hỏi này rất đơn giản.

12 nét

HÁN VIỆT : ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#509

体育

tǐ yù

các môn thể thao

积极参与各类户外体育竞技运动不仅能增强体质，还能培养顽强的拼搏精神。

Jī jí cān yù gè lèi hù wài tǐ yù jìng jì yùn dòng bú jìn néng zēng qiáng tǐ zhì, hái néng péi yǎng wán gǎng de pīn bó jīng shén.

Tích cực tham gia các môn thể thao thi đấu ngoài trời không chỉ nâng cao thể lực mà còn rèn luyện ý chí phấn đấu ngoan cường.

20 nét

HÁN VIỆT : THỂ DỤC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#510

体育场

tǐ yù chǎng

sân vận động ngoài trời

国家体育场“鸟巢”那宏伟壮观的钢结构建筑艺术与绿色低碳运营模式，成为了世界建筑史上的传世经典。

Guó jiā tǐ yù chǎng "niǎo cháo" nà hóng wēi zhuàng guān de gāng jié gòu jiàn zhù yì shù yǔ lǜ sè dī tàn yùn yíng mó shì, chéng wéi le shì jiè jiàn zhù shǐ shàng de chuán shì jīng diǎn.

Nghệ thuật kiến trúc kết cấu thép hùng vĩ tráng lệ cùng mô hình vận hành xanh ít phát thải carbon của Sân vận động Quốc gia 'Tổ Chim' đã trở thành kiến tác kinh điển để đời trong lịch sử kiến trúc thế giới.

28 nét

HÁN VIỆT : THỂ DỤC TRẢNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#511

体育馆

tǐ yù guǎn

nhà thi đấu thể thao, nhà tập thể dục trong nhà

新建的城市奥体中心综合体育馆配备了国际顶级的比赛场地设施与智能化全景照明系统。

Xīn jiàn de chéng shì ài tǐ zhōng xīn zōng hé tǐ yù guǎn pèi bèi le guó jì dīng jí de bǐ sài chǎng dì shè shì yǔ zhì néng huà quán jǐng zhào míng xì tǒng.

Nhà thi đấu thể thao tổng hợp Trung tâm Thể thao Olympic thành phố mới xây được trang bị hệ thống chiếu sáng toàn cảnh thông minh hóa cùng các cơ sở vật chất sân thi đấu đỉnh cao quốc tế.

32 nét

HÁN VIỆT : THỂ DỤC QUẢN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#512

天上

tiān shàng

trên trời, bầu trời

夏夜仰望星空，天上璀璨浩瀚的银河与繁星闪烁，令人对浩瀚未知的宇宙产生无限遐想。

Xià yè yǎng wàng xīng kōng, tiān shàng cuǐ càn hào hàn de yín hé yǔ fán xīng shǎn shuò, lìng rén duì hào hàn wèi zhī de yǔ zhōu chǎn shēng wú xiàn xiǎng.

Đêm hè ngước nhìn bầu trời sao, dải Ngân Hà bao la lấp lánh cùng muôn vì sao tỏa sáng lung linh trên trời, khiến con người nảy sinh những tưởng tượng vô bờ bến đối với vũ trụ bao la huyền bí.

21 nét

HÁN VIỆT : THIÊN THƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#513

条

tiáo

Bài viết

这条新修通的高速公路如一条银色的巨龙蜿蜒在群山之间，极大缩短了城乡间的车程。

Zhè tiáo xīn xiū tōng de gāo sù gōng lù rú yì tiáo yín sè de jù lóng wǎn yǎn zài qún shān zhī jiān, jí dà suǒ duǎn le chéng xiāng jiān de chē chéng.

Tuyến đường cao tốc mới thông xe này tựa như con rồng bạc uốn lượn giữa núi non trùng điệp, rút ngắn đáng kể thời gian di chuyển giữa thành thị và nông thôn.

13 nét

HÁN VIỆT : ĐIỀU



HSK 2 (3.0)

Động từ

#514

条件

tiáo jiàn

điều kiện, tiêu chuẩn

这所现代化的重点中学不仅教学硬件设施一流，师资力量与住宿生活条件也十分优越。
 Zhè suǒ xiàndài huà de zhòngdiǎn zhōngxué bùjǐn jiàoshù jiāngyàn shèshī lìliú, shìsī zī lì liáng yǔ zhù sù shēng huó tiáo jiàn yě shí fēn yōu yuè.
 Trường trung học trọng điểm hiện đại này không chỉ có cơ sở vật chất trang thiết bị dạy học hạng nhất mà đội ngũ giáo viên và điều kiện ăn ở sinh hoạt cũng vô cùng tiện nghi.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: ĐIỀU KIỆN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#515

听讲

tīngjiǎng

nghe giảng, lắng nghe bài giảng

学术报告厅内座无虚席，全场青年学子全神贯注地听讲并认真记录大师的精湛见解。
 Xuéshù bàogào tīng nèi zuò wú xū xí, quán chāng qīng nián xué zǐ quán shén guān zhù dì tīng jiǎng bìng rèn zhēn jì lù dà shī de jīng pì jiàn jiě.
 Hội trường báo cáo học thuật chật kín không còn chỗ trống, toàn thể sinh viên thanh niên chăm chú tập trung nghe giảng và ghi chép cẩn thận những kiến giải sâu sắc của bậc thầy đại sư.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: DẪN GIẢNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#516

听说

tīng shuō

nghe thấy

老师鼓励大家积极听说，勇于探索新的知识。
 Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tīng shuō, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nghe thấy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: DẪN THUYẾT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#517

停

tíng

dừng lại, ngừng, đỗ xe

列车平稳停靠在站台旁，乘务人员微笑着引导旅客们安全有序地下车。
 Liè chē píng wěn tíng kào zài zhàn tái páng, chéng wù rén yuán wēi xiào zhe yǐn dǎo lǚ kè mēn ān quán yǒu xù dì xià chē.
 Đoàn tàu dừng lại êm thuận bên thêm ga, các nhân viên phục vụ mỉm cười hướng dẫn hành khách xuống xe an toàn và có trật tự.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#518

停车

tíngchē

đỗ xe, dừng xe

智慧城市交通管理系统能够实时引导车主快速找到附近空余泊位，实现高效便捷停车。
 Zhì huì chéng shì jiāo tōng guǎn lǐ xì tǒng néng gōu shí shí yǐn dǎo chē zhǔ kuài sù zhǎo dào fù jìn kòng yú bó wèi, shí xiàn gāo xiào biàn jié tíng chē.
 Hệ thống quản lý giao thông đô thị thông minh có thể dẫn đường theo thời gian thực giúp chủ xe nhanh chóng tìm được chỗ đỗ còn trống gần nhất, thực hiện việc đỗ xe dừng xe nhanh gọn và hiệu quả cao.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#519

停车场

tíngchēchǎng

bãi đỗ xe, bãi giữ xe

新建的大型地下智能立体停车场全部配备了新能源汽车超快充电桩，极大便利了市民出行。
 Xīn jiàn de dà xíng dì xià zhì néng lì tǐ tíng chē chǎng quán bù pèi bèi le xīn néng yuán qì chē chāo kuài chōng diǎn zhuāng, jí dà biàn lì le shì mīn chū xíng.
 Bãi đỗ xe bãi giữ xe lập thể thông minh dưới lòng đất quy mô lớn mới xây toàn bộ đều được trang bị các trụ sạc siêu nhanh cho xe ô tô năng lượng mới, tạo thuận tiện tối đa cho người dân đi lại.

📖 32 nét

HÁN VIỆT: ĐÌNH XA TRẢNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#520

挺

tǐng

Khá

老师鼓励大家积极挺，勇于探索新的知识。
 Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tǐng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
 Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực Khá, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Cụm từ

#521

挺好

tǐng hǎo

rất tốt, khá tốt, tuyệt vời

看到基层医疗卫生服务中心硬件全面提升，群众就医便捷，调研组专家称赞道：“这里搞得挺好！”
 Kàn dào jī céng yī liáo wèi shēng fú wù zhōng xīn yīng jiàn quán miàn tí shēng, qún zhòng jiù yī biàn jié, diào yán zǔ zhuān jiǎ chéng zàn dào: "zhè lǐ gǎo de tǐng hǎo!"
 Nhìn thấy cơ sở vật chất phần cứng của trung tâm dịch vụ y tế vệ sinh cơ sở được nâng cấp toàn diện, người dân khám chữa bệnh thuận tiện, chuyên gia tổ khảo sát đã khen ngợi: "Nơi này làm được rất tốt khá tốt!"

📖 27 nét

HÁN VIỆT: ĐỈNH HẢO

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ

#522

通

tōng

thông, thông suốt, lưu thông;
 thông thạo hiểu rõ

随着深中通道全线贯通通车，珠江口东西两岸城市群跨入了大湾区半小时经济圈。
 Suí zhe shēn zhōng tōng dào quán xiàn guān tōng chē, zhū jiāng kǒu dōng xī liǎng àn chéng shì qún kuà rù le dà wān qū bàn xiǎo shí jīng jī quān.
 Cùng với việc toàn tuyến Hành lang Thẩm Quyển - Trung Sơn thông xe thông suốt, cụm đô thị hai bờ đông tây cửa sông Châu Giang đã bước vào vòng kinh tế nửa tiếng của Vùng Vịnh Lớn (Đại Loan Khu).

📖 8 nét

HÁN VIỆT: THÔNG


HSK 2 (3.0)

Giới từ / Động từ

#523

通过

tōngguò

thông qua, nhờ có; thi đỗ, thông qua (dự thảo)

通过系统深入的理论推演与严谨的实验验证，该物理学假说终于获得了国际学术界的一致公认。

Tōng guò xì tǒng shēn rù de lǐ lùn tuī yǎn yǔ yán jìn de shí yàn yàn zhèng, gāi wù lǐ xué jiǎ shuō zhōng yú huò dé le guó jì xué shù jiè de yí zhì gòng rèn.

Thông qua nhờ có sự suy diễn lý thuyết sâu sắc có hệ thống cùng việc kiểm chứng thực nghiệm nghiêm cần, giả thuyết vật lý này cuối cùng đã nhận được sự công nhận nhất trí của giới học thuật quốc tế.

17 nét

HÁN VIỆT: THÔNG QUÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#524

通知

tōngzhī

thông báo, báo tin

教务处刚刚在校园官方网络平台上发布了关于本学时期末考试日程安排与考场纪律的重要通知。

Jiàowù chù gāng gāng zài xiào yuán guāng fāng wǎng luò píng tái shàng fā bù le guān yú běn xué qī mò kǎo shì rì chéng ān pái yǔ kǎo chǎng jì lǜ de zhòng yào tōng zhī.

Phòng Đào tạo vừa công bố thông báo quan trọng trên cổng thông tin điện tử của trường về lịch thi học kỳ và kỷ luật phòng thi của học kỳ này.

21 nét

HÁN VIỆT: THÔNG TRI

HSK 2 (3.0)

Liên từ / Danh từ

#525

同时

tóngshí

đồng thời, cùng lúc đó

在加快推进经济高质量发展的同时，必须坚定不移筑牢国家生态绿色安全屏障。

Zài jiā kuài tuī jìn jīng jì gāo zhì liàng fā zhǎn de tóng shí, bì xū jiǎn dīng bù yí zhù láo guó jǐa shēng tài lǜ sè ān quán píng zhàng.

Trong khi đẩy nhanh phát triển kinh tế chất lượng cao, đồng thời nhất thiết phải kiên định xây đắp vững chắc bức tường thành an toàn xanh sinh thái quốc gia.

27 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG THỜI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#526

同事

tóngshì

đồng nghiệp

我和部门里的新老同事们相处得非常融洽，大家在日常工作中经常互相支持与协作。

Wǒ hé bù mén lǐ de xīn lǎo tóng shì men xiāng chǔ de fēi cháng róng qià, dà jiā zài rì cháng gōng zuò zhōng jīng cháng hù xiāng zhī chí yǔ xié zuò.

Tôi và các đồng nghiệp cũ mới trong phòng ban gần gũi với nhau rất hòa thuận, mọi người trong công việc thường nhật luôn sẵn sàng tương trợ và phối hợp cùng nhau.

24 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG SỰ

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#527

同样

tóngyàng

tương tự, giống nhau, cũng như vậy

在攀登科学巅峰与强国建设的伟大征程中，基础研究与应用工程同样具有极其重要的战略地位。

Zài pān dēng kē xué diǎn fēng yǔ qiáng guó jiàn shè de wēi dà zhēng chéng zhōng, jī chǔ yán jiū yǔ yòng gōng chéng yīng yòng gōng tóng yàng jù yǒu jí qí zhòng yào de zhàn lüè dì wèi.

Trong hành trình vĩ đại xây dựng đất nước giàu mạnh và trèo lên đỉnh cao khoa học, ứng dụng công trình và nghiên cứu cơ bản cũng tương tự như vậy đều sở hữu vị thế chiến lược vô cùng quan trọng.

23 nét

HÁN VIỆT: ĐỒNG DẠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Tính từ

#528

头

tóu

đầu, cái đầu; đầu tiên (đầu); con (lượng từ)

科学家在显微镜下聚精会神地观察着，额头上布满了细密的汗珠也全然不顾。

Kē xué jiā zài xiǎn wēi jīng xià jù jīng huì shén dì guān chá zhe, é tóu shàng bù mǎn le xì mì de hàn zhū yě quán rán bù gù.

Nhà khoa học chăm chú quan sát dưới kính hiển vi, trên trán trên đầu phủ đầy những giọt mồ hôi li ti cũng hoàn toàn không để tâm bận lòng.

10 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#529

头发

tóufa

tóc

岁月如梭，母亲原本乌黑亮丽的长头发不知不觉间已悄然染上了几缕银白色的霜丝。

Suì yuè rú suō, mǔ qīn yuán běn wū hēi liàng lì de cháng tóu fa bù zhī bù jué jiān yǐ qiǎo rán rǎn shàng le jǐ lǚ yín bái sè de shuāng sī.

Năm tháng trôi đưa, mái tóc dài đen nhánh óng ả thuở nào của mẹ chẳng biết tự bao giờ đã điểm xuyết vài sợi bạc màu sương khói.

20 nét

HÁN VIỆT: ĐẦU PHÁT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#530

图片

túpiàn

hình ảnh, bức ảnh tư liệu

这组由深空天文望远镜传回的高清遥感科学图片，清晰揭示了远古星系演变的壮观细节。

Zhè zǔ yóu shēn kōng tiān wén wǎng yuǎn wén chuán huí de gāo qīng yǎo gǎn kē xué tú piàn, qīng xī jiē shì le yuǎn gǔ xīng xì yǎn biàn de zhuàng guān xì jié.

Bộ hình ảnh bức ảnh khoa học viễn thám độ nét cao do kính viễn vọng thiên văn không gian sâu truyền về này đã hé lộ rõ ràng các chi tiết hùng vĩ về sự tiến hóa của các tinh hệ cổ xưa.

21 nét

HÁN VIỆT: ĐỒ PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#531

推

tuī

đẩy

老师鼓励大家积极推，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuī, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đẩy, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

12 nét

HÁN VIỆT: SUY



HSK 2 (3.0)

Động từ

#532

腿

tuǐ

chân

老师鼓励大家积极腿，勇于探索新的知识。
lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí tuǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.
Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực chân, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: THỐI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#533

外地

wàidì

nơi khác, ngoại tỉnh, ngoài địa phương

为了解决外地来京务工人员随迁子女的就学问题，政府出台了一系列保障性教育扶持政策。

Wèi le jiě jué wài dì lái jīng wú gōng rén suí qiān zǐ nǚ de jiù xué wèn tí, zhèng fǔ chū tái le yī xì liè bǎo zhàng xìng jiàoyù fú chí zhèng cè.

Nhằm giải quyết vấn đề đi học của con em người lao động ngoại tỉnh nơi khác đến Bắc Kinh làm việc, chính phủ đã ban hành một loạt các chính sách hỗ trợ giáo dục mang tính bảo đảm xã hội.

20 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI ĐỊA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#534

外卖

wàimài

đồ ăn giao tận nơi, dịch vụ giao hàng mang đi

随着绿色环保行动的推广，外卖餐饮行业全面普及了全生物可降解环保餐盒与餐具包装。

Suí zhe lǜ sè huán bǎo xíng dòng de tuǐ guǎng, wài mài cān yǐn háng yè quán miàn pǔ jí le quán shēng wù kě jiàng jiě huán bǎo cān hé yǔ cān jù bāo zhuāng.

Cùng với việc nhân rộng hành động bảo vệ môi trường xanh, ngành dịch vụ ăn uống đồ ăn giao tận nơi mang đi đã phổ cập toàn diện hộp cơm và bao bì đồ dùng ăn uống thân thiện môi trường có thể phân hủy sinh học hoàn toàn.

21 nét

HÁN VIỆT: NGOẠI MẠI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#535

完

wán

xong, hoàn thành

我做完了作业。
Wǒ zuò wán zuò yè le.
Tôi làm xong bài tập về nhà rồi.

8 nét

HÁN VIỆT: HOÀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#536

完成

wán chéng

Hoàn thành

在全组同事的通力协作与不懈攻坚下，我们终于按期高质量完成了核心系统开发。

Zài quán tǒu tóngshì de tōng lì xié zuò yǔ bù xiè gōng jiān xià, wǒ men zhōng yú àn qī gāo zhì liàng wán chéng le hé xīn xì tǒng kāi fā.

Dưới sự hiệp lực đồng lòng và nỗ lực bền bỉ của toàn tổ đồng nghiệp, chúng tôi cuối cùng đã hoàn thành xuất sắc việc phát triển hệ thống cốt lõi đúng tiến độ.

18 nét

HÁN VIỆT: HOÀN THÀNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#537

完全

wán quán

hoàn toàn, trọn vẹn

经过连夜缜密的技术排查与代码重构，该核心支付链路的潜在安全隐患已被完全彻底消除。

Jīng guò lián yè zhěn mì de jì shù pái chá yǔ dài mǎ zhòng gòu, gāi hé xīn zhī fù lián lù de qián zài ān quán yīn huán yí bèi wán quán chè di xiāo chú.

Sau cả đêm rà soát kỹ thuật cẩn trọng và tái cấu trúc mã nguồn, các nguy cơ tiềm ẩn về an toàn của chuỗi thanh toán cốt lõi đã được loại bỏ hoàn toàn triệt để.

17 nét

HÁN VIỆT: HOÀN TOÀN

HSK 2 (3.0)

Cụm từ giao tiếp

#538

晚安

wǎn'ān

chúc ngủ ngon, chào buổi tối

结束了一整天紧张充实的科研攻坚工作，大家在微信工作群里互相道一声“晚安”。
Jié shù le yī zhěng tiān jǐn zhāng chōng shí de kē yán gōng jiān gōng zuò, dà jiā zài wēi xìn gōng zuò qún lǐ hù xiāng dào yī shēng "wǎn ān".

Khép lại một ngày làm việc nghiên cứu khoa học vượt khó đầy bổ ích và căng thẳng, mọi người cùng gửi lời chào chúc ngủ ngon "Vãn An" tối nhau trong nhóm làm việc WeChat.

21 nét

HÁN VIỆT: VÃN AN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#539

晚报

wǎnbào

báo buổi chiều, văn báo

市民们喜欢在晚饭后翻阅当天的城市晚报，了解本地民生新闻与文化体育动态。

Shì mǐn men xǐ huān zài wǎn fàn hòu fān yuè dāng tiān de chéng shì wǎn bào, liǎo jiě běn dì mǐn shēng xīn wén yǔ wén huà tǐ yù dòng tài.

Người dân thành phố thích lật giở đọc tờ báo buổi chiều của thành phố trong ngày sau bữa cơm tối để nắm bắt các tin tức dân sinh và động thái thể thao văn hóa địa phương.

21 nét

HÁN VIỆT: VÃN BÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#540

晚餐

wǎncān

bữa tối, bữa cơm tối dinh dưỡng

健康营养指南建议晚餐应当清淡少油，多吃富含膳食纤维的新鲜果蔬与全谷物食品。

Jiàn kāng yíng yǎng zhǐ nán jiàn yì wǎn cān yīng dāng qīng dàn shǎo yóu, duō chī fù hán xiān yīn wéi de xīn xiān guǒ shū yǔ quán gǔ wù shí pǐn.

Hướng dẫn dinh dưỡng sức khỏe kiến nghị bữa tối cần ăn thanh đạm ít dầu mỡ, ăn nhiều ngũ cốc nguyên hạt và rau củ quả tươi giàu chất xơ thực phẩm.

22 nét

HÁN VIỆT: VÃN XAN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#541

晚会

wǎnhuì

đêm hội, dạ hội ca múa nhạc

在 新春文艺联欢晚会上，各民族艺术家同台献艺，为全国观众呈现了精彩绝伦的视听盛宴。

Zài xīn chūn wén yì lián huān wǎn huì shàng, gè mín zú yì shù jiā tóng tái xiàn yì, wèi quán guó guān zhòng chéng xiàn le jīng cǎi jué lún de shì tīng shèng yàn.

Tại đêm hội liên hoan văn nghệ đón mừng năm mới, các nghệ sĩ thuộc các dân tộc cùng nhau biểu diễn trên sân khấu, mang đến một bữa tiệc nghe nhìn đặc sắc tuyệt đỉnh cho khán giả cả nước.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: VǍNHỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#542

碗

wǎn

bát, cái chén ăn cơm; bát (lượng từ)

中国人的饭碗任何时候都要牢牢端在自己手中，饭碗里主要装中国粮。

Zhōng guó rén de fàn wǎn rèn hé shí hòu dōu yào láo láo duān zài zì jǐ shǒu zhōng, fàn wǎn lǐ zhǔ yào zhuāng zhōng guó liáng.

Bát cơm cái chén ăn cơm của người Trung Quốc trong bất kỳ thời điểm nào cũng phải nắm chắc vững vàng trong tay mình, trong bát cơm chủ yếu đựng lương thực của nước nhà.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: OẢN

HSK 2 (3.0)

Số từ

#543

万

wàn

vạn, mười nghìn (10.000)

经过全国数万名建设者连续数年的艰苦奋战，国家重大水利枢纽工程顺利实现全面下闸蓄水。

Jīng guò quán guó shù wàn míng jiàn shè zhě lián xù shù nián de jiǎn kǔ fèn zhàn, guó jiā zhòng dà shuǐ lì shū niǔ gōng chéng shùn lì shí xiàn quán miàn xià zhá xù shuǐ.

Trải qua nhiều năm chiến đấu gian khổ liên tục của hàng vạn mười nghìn người xây dựng trên cả nước, công trình đầu mối thủy lợi trọng đại quốc gia đã thuận lợi thực hiện việc đóng cống tích nước toàn diện.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: MẶC

HSK 2 (3.0)

Động từ

#544

网

wǎng

mạng lưới

老师鼓励大家积极网，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jī wǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực mạng lưới, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: VỔNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#545

网球

wǎng qiú

quần vợt, bóng tennis

网球运动不仅需要敏捷矫健的移动步伐与高超的控球技巧，更考验选手的心理抗压素质。

Wǎng qiú yùn dòng bù jìn xū yào mǐn jié jiǎo jiàn de yí dòng bù fá yǔ gāo chāo de kòng qiú jì qiǎo, gèng kǎo yàn xuǎn shǒu de xīn lǐ kàng yā sù zhì.

Môn thể thao quần vợt (tennis) không chỉ đòi hỏi bước di chuyển thoăn thoắt nhịp nhàng và kỹ thuật điều bóng điêu luyện mà còn thử thách bản lĩnh tâm lý chịu áp lực của vận động viên.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: VỔNG CẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#546

网站

wǎng zhàn

trang web, website

为了给全球汉语学习者提供更流畅的学习体验，官方学习网站进行了全方位的视觉交互改版升级。

Wèi le gěi quán qiú hàn yǔ xué xí zhě tí gòng gèng liú chàng de xué xí tǐ yàn, guān fāng xué xí wǎng zhàn jìn xíng le quán fāng wèi de shì jué jiāo hù gǎi bǎn shēng jí.

Nhằm mang đến trải nghiệm học tập mượt mà hơn cho người học tiếng Trung trên toàn thế giới, trang web học tập chính thức đã được nâng cấp làm mới toàn diện về giao diện tương tác.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: VỔNG TRẠM

HSK 2 (3.0)

Giới từ / Động từ

#547

往

wǎng

hướng về, đi về phía; hướng tới

新时代青年应当牢记初心使命，勇挑时代重担，坚定不移往实现高水平科技自立自强的目标奋勇前进。

Xīn shí dài qīng nián yīng dāng lào jì chū xīn shǐ mìng, yǒng tiǎo shí dài zhòng dān, jiǎn dīng bù yí wǎng shí xiàn gāo shuǐ píng kē jì zì lì zì qiáng de mù biāo fèn yǒng qián jìn.

Thanh niên thời đại mới cần khắc ghi sứ mệnh sơ tâm, dũng cảm gánh vác trọng trách thời đại, kiên định không ngừng hướng về tiến bước vững mạnh về mục tiêu thực hiện tự chủ tự cường khoa học công nghệ trình độ cao.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: VǍNG

HSK 2 (3.0)

Giới từ

#548

为

wèi

vì, cho

这是为你买的礼物。

Zhè shì wèi nǐ mǎi de lǐ wù.

Đây là món quà mua cho bạn.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: VI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#549

为什么

wèi shén me

tại sao

许多初学者常会好奇为什么有些汉字看起来极其相似，其实只要剖析它们的形旁偏旁就能明白。

Xǔ duō chū xué zhě cháng huì hào qí wèi shén me yǒu xiē hàn zì kàn qǐ lái jí qí xiāng sì, qí shí zhī yào pōu xī tā men de xíng páng piān páng jiù néng míng bái.

Nhiều bạn mới học thường tò mò tại sao một số chữ Hán trông lại giống nhau đến thế, thực ra chỉ cần phân tích bộ thủ biểu ý của chúng là sẽ hiểu ngay thôi.

📖 35 nét

HÁN VIỆT: VI THẬM YÊU



HSK 2 (3.0)

Lượng từ / Danh từ

#550

位
wèi

vị (lượng từ tôn kính chỉ người); vị trí

在这场具有里程碑意义的国际学术盛会上，多位享誉全球的战略科学家作了精彩的前瞻性学术报告。

Zài zhè chǎng jù yǒu lǐ chéng bēi yì yì de guó jì xué shù shèng huì shàng, duō wèi xiǎng yù quán qiú de zhàn lüè kē xué jiā zuò le jīng cǎi de qián zhān xìng xué shù bào gào.

Tại bữa tiệc học thuật quốc tế mang ý nghĩa cột mốc này, nhiều vị nhà khoa học chiến lược lừng danh toàn cầu đã có những bài báo cáo học thuật nhìn xa trông rộng vô cùng đặc sắc.

9 nét

HÁN VIẾT: VỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#551

味道
wèi dao

mùi vị, hương vị, phong vị

老街拐角那家开了三十年的老字号面馆飘散出浓郁诱人的骨汤香味，正是童年记忆中那熟悉的味道。

Lǎo jiē guǎi jiǎo nà jiā kāi le sān shí nián de lǎo zì hào miàn guǎn piāo sǎn chū nóng yù yòu rén de gǔ tāng xiāng wèi, zhèng shì tóng nián jì yì zhōng nà shú xī de wèi dao.

Tiệm mì gia truyền mở 30 năm nơi góc phố cổ thoang thoảng mùi nước hầm xương thơm nức mũi, đó chính là hương vị quen thuộc vẹn nguyên trong ký ức tuổi thơ.

20 nét

HÁN VIẾT: VỊ ĐẠO

HSK 2 (3.0)

Thán từ

#552

喂
wèi

alo, này

喂，请问你是哪位？

Wèi, qǐng wèn nǐ shì nǎ wèi?

Alo, xin hỏi bạn là vị nào vậy?

9 nét

HÁN VIẾT: UY

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#553

温度
wēn dù

nhiệt độ

温室大棚内部配备了高精度传感器与智能控制系统，能够全天候自动将室内温度恒定在最佳生长区间。

Wēn shì dà péng nèi bù pèi bèi le gāo jīng dù shēng gǎn qì yǔ zhì néng kòng zhì xì tǒng, néng gòu quán tiān hòu zì dòng jiāng shì nèi wēn dù héng dìng zài zuì jiā shēng zhǎng qū jiān.

Bên trong khu nhà kính được trang bị hệ thống cảm biến chính xác cao cùng bộ điều khiển thông minh, có thể tự động duy trì nhiệt độ trong phòng ở ngưỡng sinh trưởng tối ưu nhất suốt ngày đêm.

24 nét

HÁN VIẾT: ÔN ĐỘ

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#554

闻
wén

ngửi; nghe thấy; tin tức, danh tiếng

漫步在盛开的江南十里荷花池畔，迎面能闻到一阵阵沁人心脾、清雅怡人的荷花幽香。

Màn bù zài shèng kāi de jiāng nán shí lǐ hé huā chí pàn, yíng miàn néng wén dào yí zhèn zhèn qīn rén xīn pǐ, qīng yǎ yí rén de hé huā yōu xiāng.

Đạo bước bên bờ đầm sen mười dặm nở rộ vùng Giang Nam, đón gió người ta có thể ngửi thấy từng làn hương sen thanh khiết tạo nên thơm mát ngọt ngào làm sáng khoái tận tâm can.

8 nét

HÁN VIẾT: VĂN

HSK 2 (3.0)

Cụm động từ

#555

问路
wèn lù

hỏi đường

当外国留学生在古城街头用中文向热心市民问路时，市民热情耐心地为 him 指明了方向。

Dāng wài guó liú xué shēng zài gǔ chéng jiē tóu yòng zhōng wén xiàng rè xīn shì mǐn wèn lù shí, shì mǐn rè qīng nài xīn de wèi tā zhǐ míng liǎo fāng xiàng.

Khi bạn lưu học sinh nước ngoài dùng tiếng Trung hỏi đường người dân nhiệt tình trên đường phố cổ thành, người dân đã nhiệt tình kiên nhẫn chỉ rõ phương hướng cho bạn ấy.

22 nét

HÁN VIẾT: VĂN LỘ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#556

问题
wèn tí

câu hỏi, vấn đề

没问题，包在我身上。

Méi wèn tí, bāo zài wǒ shēn shàng.

Không vấn đề gì, cứ để tôi.

21 nét

HÁN VIẾT: VĂN ĐỀ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#557

午餐
wǔ cān

bữa trưa, cơm trưa

科研园区职工餐厅提供的营养午餐荤素科学搭配，为科研人员提供了充足的体能保障。

Kē yán yuán qū zhí gōng cān tīng tí gòng de yíng yǎng wǔ cān hūn sù kē xué dā pèi, wéi kē yán rén yuán tí gòng le cháng zú de tǐ néng bǎo zhàng.

Bữa trưa cơm trưa dinh dưỡng do nhà ăn cán bộ khu nghiên cứu khoa học cung cấp kết hợp khoa học giữa món chay và mặn, mang lại sự bảo đảm thể lực đầy đủ cho các cán bộ nghiên cứu khoa học.

26 nét

HÁN VIẾT: NGỌ XAN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#558

午睡
wǔ shuì

ngủ trưa, giấc ngủ trưa

中午适当午睡二十分钟，能够有效缓解大脑疲劳，让下午的工作与学习精力更加充沛。

Zhōng wǔ shì dāng wǔ shuì èr shí fēn zhōng, néng gòu yǒu xiào huǎn jiě dà nǎo pí láo, ràng xià wǔ de gōng zuò yǔ xué xí jīng lì gèng jiā chōng pèi.

Buổi trưa ngủ trưa thích hợp khoảng hai mươi phút có thể giảm bớt mệt mỏi cho não bộ một cách hiệu quả, giúp năng lượng học tập và làm việc buổi chiều thêm dồi dào sung sức.

27 nét

HÁN VIẾT: NGỌ THUY



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#559

习惯

xíguàn

thói quen

每天坚持阅读半小时优秀书籍是一个终身受益无穷的卓越好习惯。

Měitiān jiānchí yuèdú bàn xiǎoshí yōuxiù shūjí shì yí gè zhōngshēn shòuyì wúqióng de zhuóyuè hào xíguàn.

Mỗi ngày kiên trì đọc nửa tiếng những cuốn sách hay là một thói quen xuất sắc mang lại lợi ích vô giá suốt cả cuộc đời.

18 nét

HÁN VIỆT: TẬP QUÁN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#560

洗衣机

xǐ yī jī

máy giặt

这款新型滚筒变频智能洗衣机不仅具有高温除菌洗涤功能，而且在运行脱水时噪音极低。

Zhè kuǎn xīn xíng gǔn tǒng biàn pín zhì néng xǐ yī jī bù jīn jù yǒu gāo wēn chú jūn xǐ涤功能, ér qiě zài yùn xíng tuō shuǐ shí zào yīn jí dī.

Chiếc máy giặt thông minh lồng ngang biến tần thể hệ mới này không chỉ có tính năng giặt khử khuẩn bằng nước nóng mà khi vận hành vắt khô tiếng ồn cũng cực kỳ êm ái.

35 nét

HÁN VIỆT: TẨY Y CƠ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#561

洗澡

xǐ zǎo

đi tắm

老师鼓励大家积极洗澡，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xǐ zǎo, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đi tắm, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

23 nét

HÁN VIỆT: TẨY TÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#562

西北

xīběi

Tây Bắc, vùng Tây Bắc

在广袤的大西北戈壁荒原上，一座座大型现代化风电与光伏基地源源不断输出绿色电力。

Zài guǎng mào de dà xī běi gē bì huāng yuán shàng, yí zuò zuò dà xíng xiàn dài huà fēng diàn yǔ guāng fú jī dì yuán yuán bù duàn shū chū lǜ sè diàn lì.

Trên hoang nguyên sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc bao la, từng trạm căn cứ quang điện và điện gió hiện đại hóa quy mô lớn liên tục không ngừng xuất khẩu nguồn điện xanh.

24 nét

HÁN VIỆT: TÂY BẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#563

西餐

xīcān

món ăn phương Tây, đồ ăn Tây

在这家融合多元风味的国际餐厅里，主厨巧妙将传统中式香料融入了法式经典西餐烹饪之中。

Zài zhè jiā róng hé duō yuán fēng wèi de guó jì cān tīng lǐ, zhǔ chú qiǎo miào jiāng chuán tǒng zhōng shì xiāng liào róng rù le fǎ shì jīng diǎn xī cān pēng rěn zhī zhōng.

Trong nhà hàng quốc tế dung hợp phong vị đa nguyên này, bếp trưởng đã khéo léo lồng ghép các loại gia vị truyền thống Trung Hoa vào trong nấu nướng các món ăn phương Tây kinh điển kiểu Pháp.

24 nét

HÁN VIỆT: TÂY XAN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#564

西方

xīfāng

phương Tây, các nước phương Tây

中国始终主张不同文明之间平等对话、交流互鉴，打破西方中心主义偏见。

Zhōng guó shǐ zhōng zhǔ zhāng bù tóng wén míng zhī jiān píng děng duì huà, jiāo liú hù jiàn, dǎ pò xī fāng zhōng xīn zhǔ yì piān jiàn.

Trung Quốc luôn chủ trương đối thoại bình đẳng, giao lưu học hỏi lẫn nhau giữa các nền văn minh khác nhau, phá vỡ định kiến chủ nghĩa lấy phương Tây làm trung tâm.

20 nét

HÁN VIỆT: TÂY PHƯƠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ phương vị

#565

西南

xīnán

Tây Nam, vùng Tây Nam

我国西南地区山高谷深、水能资源极其丰富，建成了多座世界级特大型水电工程。

Wǒ guó xī nán dì qū shān gāo gǔ shēn, shuǐ néng zī yuán jí qí fēng fù, jiàn chéng le duō zuò shì jiè jí tè dà xíng shuǐ diàn gōng chéng.

Khu vực Tây Nam nước ta núi cao vực sâu, tài nguyên thủy năng vô cùng phong phú, đã xây dựng nên nhiều công trình thủy điện đặc biệt lớn đẳng cấp thế giới.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂY NAM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#566

西医

xīyī

Tây y, y học hiện đại phương Tây

国家大力推进中西医结合、中西药并用，充分发挥中医药与西医在重大疾病救治中的协同优势。

Guó jiā dà lì tuī jìn zhōng xī yī jié hé, zhōng xī yào bìng yòng, chōng fēn fā huyī zhōng yī yào yǔ xī yī zài zhòng dà jí bìng jiù zhì zhōng de xié tóng yōu shì.

Nhà nước đẩy mạnh việc kết hợp Đông Tây y, dùng đồng thời cả thuốc Tây và thuốc Đông y, phát huy đầy đủ lợi thế hiệp đồng của Tây y và Trung y trong cứu chữa các bệnh hiểm nghèo.

25 nét

HÁN VIỆT: TÂY Y

HSK 2 (3.0)

Động từ

#567

下雪

xià xuě

tuyết rơi

冬天古都北京一下雪，红墙金瓦在白雪映衬下宛如一幅典雅的水墨画卷。

Dōng tiān gù dū běi jīng yí xià xuě, hóng qiáng jīn wǎ zài bái xuě yǐng chèn xià wǎn rú yí fú diǎn yǎ de shuǐ mò huà juǎn.

Mùa đông Cổ đô Bắc Kinh hề tuyết rơi, tường đỏ ngói vàng dưới sự soi bóng của tuyết trắng tựa như một bức tranh thủy mặc thanh nhã tuyệt mỹ.

18 nét

HÁN VIỆT: HẠ TUYẾT



HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian #568

下周

xiàzhōu

tuần tới, tuần sau

下周二上午，学校将在学术报告厅举行面向全校师生的“人工智能前沿科普”公开讲座。

Xià zhōu èr shàng wǔ, xué xiào jiāng zài xué shù bào gào tīng jǔ xíng miàn xiàng quán xiào shī shēng de rén gōng zhì néng qián yán kē pǔ gōng kǎi jiǎng zuò.

Sáng thứ Ba tuần tới tuần sau, nhà trường sẽ tổ chức buổi tọa đàm công khai phổ biến khoa học tiên phong trí tuệ nhân tạo dành cho toàn thể thầy cô và học sinh tại Hội trường Báo cáo Học thuật.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **HẠ CHU**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #569

夏天

xiàtiān

mùa hè, mùa hạ

夏天漫步在绿树成荫的林荫大道上，蝉鸣阵阵、清风徐来，让人感到格外惬意舒适。

Xià tiān màn bù zài lǜ shù chéng yīn de lín yīn dà dào shàng, chán míng zhèn zhèn, qīng fēng xú lái, rén gǎn dào gé wài qiè yì shū shì.

Mùa hè dạo bước trên đại lộ rợp bóng cây xanh mát, tiếng ve kêu râm rân, làn gió mát nhẹ nhàng thổi tới, khiến con người cảm thấy vô cùng dễ chịu và thanh thoi.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **HẠ THIÊN**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #570

相机

xiàngjī

máy ảnh, máy chụp hình

摄影师用专业高像素单反相机定格下了野生雪豹在雪域高原悬崖峭壁上奔跑的珍贵瞬间。

Shè yǐng shī yòng zhuān yè gāo xiàng sù dān fǎn xiàng jī dǐng gé xià le yě shēng xué bào zài xuě yù gāo yuán xuān yá qiào bì shàng pǎo de zhēn guī shùn jiān.

Nhiếp ảnh gia đã dùng chiếc máy ảnh máy chụp hình cơ chuyên nghiệp độ phân giải cao bắt trọn khoảnh khắc vô giá khi con báo tuyết hoang dã chạy trên vách đá cheo leo của cao nguyên tuyết trắng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: **TƯƠNG CƠ**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #571

相同

xiāng tóng

giống nhau

尽管这两款旗舰智能手机外观设计看似相同，但在核心处理器性能上差异显著。

Jǐng guǎn zhè liǎng kuǎn qī jiàn zhī nǎng shǒu jī wài guān shè jì kàn sì xiāng tóng, dàn zài hé xīn chǔ lǐ qì xìng néng shàng chā yì xiǎn zhù.

Dẫu rằng thiết kế ngoại quan của 2 mẫu smartphone flagship này trông có vẻ giống nhau, nhưng hiệu năng chip xử lý cốt lõi lại khác biệt rõ rệt.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: **TƯƠNG ĐỒNG**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #572

相信

xiāng xìn

tin tưởng

只要心中怀揣明确的奋斗目标并脚踏实地前行，就一定要坚信自己终能抵达成功的彼岸。

Zhǐ yào xīn zhōng huái chuāi míng què de fēng dòu mù biāo bìng jiǎo tà shí dì qián xíng, jiù yí dìng yào jiān xìn zì jǐ zhōng néng dī dá chéng gōng de bǐ àn.

Chỉ cần trong lòng ấp ủ mục tiêu phấn đấu rõ ràng và vững bước tiến lên, bạn nhất định phải tin tưởng rằng mình sẽ chạm tới bờ bến vinh quang.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **TƯƠNG TÍN**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #573

响

xiǎng

vang lên, kêu, tiếng vang

清晨清脆嘹亮的闹钟铃声准时响起，唤醒了整栋学生宿舍楼中准备晨读的莘莘学子。

Qīng chén qīng cuì liáo liàng de nào zhōng líng shēng zhǔn shí xiǎng qǐ, huàn xǐng le zhěng dòng xué shēng sù shù lóu zhōng zhǔn bèi chén dú de shēn shēn xué zǐ.

Tiếng chuông báo thức trong trẻo vang dội sáng sớm vang lên đúng giờ, đánh thức các bạn học sinh trong toàn bộ khu ký túc xá thức dậy chuẩn bị cho giờ đọc sách sớm.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: **HƯỞNG**

HSK 2 (3.0)

Động từ #574

想到

xiǎng dào

nghĩ đến, nhớ tới, nghĩ ra

每当想到无数革命先辈为了民族独立英勇牺牲的奉献精神，我们心里就充满了奋进的力量。

Měi dāng xiǎng dào wú shù gé míng xiān bèi wèi le mín zú dú lì yǐng yǒng xī shēng de fèng xiàn jīng shén, wǒ men xīn lǐ jiù chōng mǎn le fèn jìn de lì liàng.

Mỗi khi nghĩ đến nhớ tới tinh thần cống hiến hy sinh anh dũng vì độc lập dân tộc của vô số các thế hệ tiền bối cách mạng, trong tim chúng tôi lại ngập tràn nguồn sức mạnh tiến bước vươn lên.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: **TƯỞNG ĐÁO**

HSK 2 (3.0)

Danh từ #575

想法

xiǎngfǎ

suy nghĩ, ý tưởng, cách nhìn nhận

在青年创新研讨会上，导师鼓励大家大胆畅谈自己的学术想法，敢于打破传统思维定式。

Zài qīng nián chuàng xīn yán tào huì shàng, dǎo shī gǔ lì dà jiā dà dǎn cháng tán zì jǐ de xué shù xiǎng fǎ, gǎn yú dǎ pò chuán tǒng sī wéi dīng shì.

Tại hội thảo đổi mới sáng tạo thanh niên, người thầy hướng dẫn khích lệ mọi người hãy mạnh dạn chia sẻ suy nghĩ ý tưởng học thuật của mình, can đảm phá bỏ lối mòn tư duy truyền thống.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: **TƯỞNG PHÁP**

HSK 2 (3.0)

Động từ #576

想起

xiǎng qǐ

nghĩ về

老师鼓励大家积极想起，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xiǎng qǐ, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nghĩ về, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: **TƯỞNG KHỞI**



HSK 2 (3.0)

Giới từ

#577

向

xiàng

hướng tới, về phía

请向前走。
Qǐng xiàng qián zǒu.
Xin hãy đi về phía trước.

11 nét

HÁN VIỆT: HƯỚNG

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ /
Phó từ

#578

像

xiàng

giống như, tựa như; bức
tượng/hình ảnh

高速飞驰的“复兴号”高铁列车如同一道银色闪电穿梭在神州大地之间，展现出中国速度的磅礴力量。

Gāo sù fēi chí de "fù xīng hào" gāo tiě liè chē rú tóng yí dào yín sè shān diǎn chuān suō zài shén zhōu dà dì zhī jiān, zhǎn xiàn chū zhōng guó sù dù de páng bó lì liàng.

Đoàn tàu đường sắt cao tốc 'Phục Hưng' lao vút tốc độ cao tựa như giống như một tia chớp màu bạc con thoi qua lại trên khắp mảnh đất Thần Châu, phô diễn nguồn sức mạnh dồi dào không ngừng của Tốc độ Trung Quốc.

10 nét

HÁN VIỆT: TƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Phó từ

#579

小声

xiǎoshēng

nhỏ tiếng, thì thầm khẽ giọng

在图书馆自习室里，同学们都自觉小声交谈，共同维护安静专注的学习氛围。
Zài tú shū guǎn zì xí shì lì, tóng xué men dōu zì jué xiǎo shēng jiǎo tán, gòng tóng wéi hù ān jìng zhuān zhù de xué xí fēn wéi.

Trong phòng tự học của thư viện, các bạn học sinh đều tự giác nói chuyện nhỏ tiếng khẽ giọng, cùng nhau giữ gìn bầu không khí học tập tập trung và yên tĩnh.

25 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THANH

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#580

小时候

xiǎoshíhou

thuở nhỏ, khi còn bé, tuổi thơ

小时候在故乡小院里仰望星空的纯真记忆，点燃了他长大后立志投身天文深空探索的科学梦想。

Xiǎo shí hòu zài gù xiāng xiǎo yuàn lǐ yǎng wàng xīng kōng de chún zhēn jì yì, diǎn rán le tā zhǎng dà hòu lì zhì tóu shēn tiān wén shēn kōng tàn sù de kē xué mèng xiǎng.

Ký ức trong trẻo ngược nhìn bầu trời sao nơi khoảng sân nhỏ quê nhà thuở nhỏ khi còn bé đã thấp sáng ước mơ khoa học lập chí cống hiến cho thám hiểm thiên văn không gian sâu khi lớn lên của anh ấy.

35 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THỜI HẬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#581

小说

xiǎo shuō

tiểu thuyết, truyện

这部底蕴深厚的现实主义长篇巨著生动刻画了时代变迁中几代知识分子的命运抉择与心路历程。

Zhè bù dǐ yùn shēn hòu de xiàn shí zhǔ yì cháng piān jù zhǔ shēng dòng kè huà le shí dài biàn qiān zhōng jǐ dài zhī shí fēn zǐ de mìng yùn jué zé yǔ xīn lù lì chéng.

Cuốn tiểu thuyết trường thiên hiện thực sâu sắc này đã khắc họa sinh động những lựa chọn số phận cùng hành trình tâm lý của nhiều thế hệ trí thức trong dòng xoáy biến chuyển của thời đại.

23 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THUYẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#582

小心

xiǎo xīn

Hãy cẩn thận

冬季雪后路面结冰湿滑，大家在外出行走与驾驶车辆时一定要加倍小心谨慎。

Dōng jì xuě hòu lù miàn jié bīng shī huá, dà jiā zài wài xíng zǒu yǔ jià shì chē liàng shí yí dìng yào jiā bèi xiǎo xīn jìn shèn.

Sau đợt tuyết mùa đông mặt đường đóng băng rất trơn trượt, mọi người khi ra ngoài đi bộ hoặc lái xe phải hết sức cẩn thận và thận trọng.

22 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#583

小组

xiǎozǔ

tổ, nhóm làm việc, tiểu tổ

由跨学科青年学者组成的科研攻关小组密切协同配合，短短数月内便成功解决了算法收敛难题。

Yóu kuà xué kē qīng nián xué zhě zǔ chéng de kē yán gōng guān xiǎo zǔ mī qiè xié tóng pèi hé, duǎn duǎn shù yuē nèi biān chéng gōng jiě jué le suàn fǎ shōu liǎn nán tí.

Nhóm tiểu tổ xung kích nghiên cứu khoa học bao gồm các học giả trẻ liên ngành đã phối hợp hiệp đồng chặt chẽ, chỉ trong vài tháng ngắn ngủi đã giải quyết thành công nan đề hội tụ thuật toán.

21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#584

校园

xiàoyuán

khuôn viên trường học, học xá

春暖花开时节，大学校园内绿草如茵、樱花盛开，处处洋溢着朝气蓬勃的青春活力。

Chūn nuǎn huā kāi shí jié, dà xué xiào yuán nèi lǜ cǎo rú yīn, yīng huā shèng kāi, chù chù yáng yì zhe zhāo qì péng bó de qīng chūn huó lì.

Vào tiết trời xuân ấm áp hoa nở, trong khuôn viên trường học đại học cỏ xanh như nhung, hoa anh đào nở rộ, khắp nơi ngập tràn sức sống thanh xuân hừng hực.

17 nét

HÁN VIỆT: HIỆU VIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#585

校长

xiào zhǎng

Hiệu Trưởng

在隆重热烈的全校师生大会上，校长发表了振奋人心的致辞，勉励青年学子立志报国。

Zài lóng zhòng rè liè de quán xiào shī shēng dà huì shàng, xiào zhǎng fā biǎo le zhèn fèn rén xīn de zhì cí, miǎn lì qīng nián xué zǐ lì zhì bào guó.

Trong đại hội toàn trường long trọng và ấm cúng, thầy hiệu trưởng đã có bài phát biểu truyền cảm hứng sâu sắc, động viên các bạn trẻ nuôi dưỡng chí lớn phụng sự quê hương.

19 nét

HÁN VIỆT: HIỆU TRƯỞNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#586

笑话

xiào huà

chuyện cười, trò đùa

聚会时他绘声绘色地讲了一个极其幽默风趣的小笑话，逗得在场所有朋友捧腹大笑、前仰后合。

Jù huì shí tā huì shēng huì sè de jiǎng le yí gè jí qí yōu mò fēng qù de xiǎo xiào huà, dòu dé zài chǎng suǒ yǒu péng yǒu péng fù dà xiào, qián yǎng hòu hé.

Trong buổi tụ tập bạn bè, anh ấy đã hào hứng kể một mẩu chuyện cười dí dỏm cực kỳ duyên dáng, làm cho tất cả bạn bè có mặt đều cười nghiêng ngả ôm bụng cười xòa.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THOẠI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#587

笑话儿

xiàohuār

truyện cười, trò cười, chuyện hài hước

课间休息时，班长讲了一个风趣幽默的科学笑话儿，逗得全班同学开怀大笑。

Kè jiàn xiū xi shí, bān zhǎng jiǎng le yí gè fēng qù yōu mò de kē xué xiào huà ér, dòu dé quán bān tóng xué kāi huái dà xiào.

Trong giờ nghỉ giải lao giữa tiết, lớp trưởng đã kể một câu chuyện cười trò cười khoa học dí dỏm hài hước, khiến cả lớp được một trận cười sảng khoái.

📖 31 nét

HÁN VIỆT: TIỂU THOẠI NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#588

鞋

xié

giày, đôi giày

科考队员们穿上防滑耐磨的专业高山登山鞋，顶风冒雪攀登上海拔五千多米的冰川采样点。

Kē kǎo duì yuán men chuān shàng fáng huá nài mó de zhuān yè gāo shān dēng shān xié, dǐng fēng mào xuě pān dēng shàng hǎi bá wǔ qiān duǒ mǐ de bīng chuān cǎi yàng diǎn.

Các đội viên khảo sát khoa học đi đôi giày leo núi chuyên dụng chống trơn trượt chống mài mòn, đội gió đập tuyết treo lên điểm lấy mẫu sông băng ở độ cao hơn năm ngàn mét so với mực nước biển.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: HÀI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#589

心里

xīn lǐ

trong lòng, trong tâm can

看到国家航天工程取得重大圆满成功，在场每一位中华儿女心里都充满了无比的骄傲与自豪。

Kàn dào guó jiā háng tiān gōng chéng qǔ dé zhòng dà yuán mǎn chéng gōng, zài chǎng měi yí wèi zhōng huá ér nǚ xīn lǐ dòu chōng mǎn liáo wú bǐ de jiāo ào yǔ zì háo.

Nhìn thấy công trình hàng không vũ trụ quốc gia giành được thành công trọn vẹn trọng đại, trong lòng trong tâm can của từng người con đất Việt/người con Trung Hoa có mặt đều ngập tràn niềm kiêu hãnh và tự hào vô bờ bến.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÂM LÝ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#590

心情

xīn qíng

tâm trạng, tâm trạng cảm xúc

在阳光明媚、微风和煦的春日午后漫步在繁花似锦的植物园里，整个人感觉心情格外舒畅愉悦。

Zài yáng guāng míng mèi, wēi fēng hé xù de chūn rì wǔ hòu màn bù zài fán huā sì jīn de zhí wù yuán lǐ, zhěng gè rén gǎn jué xīn qíng gé wài shū chàng yú yuè.

Vào buổi chiều xuân nắng vàng rực rỡ gió thoảng dịu êm dạo bước trong vườn thực vật hoa nở khoe sắc muôn màu, cả người cảm thấy tâm trạng vô cùng thư thái và hân hoan.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÂM TÌNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ nơi chốn

#591

心中

xīnzhōng

trong tim, trong lòng sâu thẳm

人民群众在共产党人心中永远处于最高位置，全心全意为人民服务是我们不变的初心。

Rén mín qún zhòng zài gòng chǎn dǎng rén xīn zhōng yǒng yuǎn chǔ yú zuì gāo wèi zhì, quán xīn quán yì wéi rén mín fú wù shì wǒ men bù biàn de chū xīn.

Quần chúng nhân dân trong tim trong lòng những người cộng sản luôn luôn chiếm vị trí cao nhất, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân là sở tâm không bao giờ thay đổi của chúng ta.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: TÂM TRUNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#592

新闻

xīn wén

Tin tức

每天早晨收听权威的早间全球新闻播报，能帮助我们及时洞察世界发展动态。

Měitiān zǎo chen shōu tīng quán wēi de zǎo jiān quán qiú xīn wén bō bào, néng bāng zhù wǒ men jí shí dòng chá shì jiè fā zhǎn dòng tài.

Mỗi buổi sáng lắng nghe các bản tin thời sự quốc tế chính thống uy tín sẽ giúp chúng ta nắm bắt kịp thời các chuyển động phát triển của thế giới.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TÂN VĂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#593

信

xìn

lá thư

老师鼓励大家积极信，勇于探索新的知识。老师鼓励大家积极信，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí xìn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực lá thư, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: TÍN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#594

信号

xìn hào

tín hiệu, sóng viễn thông

即便在海拔八千八百多米的世界最高峰珠穆朗玛峰之巅，我国自主建设的高原基站依然能够提供流畅稳定的通信信号。

Jí biàn zài hǎi bá bā bā qiān bā bǎi duǒ mǐ de shì jiè zuì gāo fēng zhū mù lǎng mǎ fēng zhì diǎn, wǒ guó zì zhǔ jiàn shè de gāo yuán jī zhàn yī rán néng gòu tí gòng liú chàng wěn dìng de tōng xìn xìn hào.

Ngay cả trên đỉnh Everest - nóc nhà của thế giới ở độ cao hơn 8.800 mét, trạm thu phát sóng cao nguyên do nước ta tự chủ xây dựng vẫn có thể cung cấp tín hiệu liên lạc viễn thông ổn định và mượt mà.

📖 23 nét

HÁN VIỆT: TÍN GÀO


HSK 2 (3.0)

Danh từ

#595

信息

xìn xī

thông tin, tin tức dữ liệu

以量子通信、光子计算与第六代移动通信为引领的新一代信息技术，正在深刻重构全球数字经济基础设施。

Yǐ liàng zǐ tōng xìn, guāng zǐ jì suàn yǔ dì liù dài yòng tōng xìn wéi yǐn lǐng de xīn yí dài xīn xī jì shù, zhèng zài shēn kè zhòng gòu quán qiú shù zì jīng jī chǔ shè shī.

Công nghệ thông tin thế hệ mới với sự dẫn dắt của truyền thông lượng tử, tính toán quang tử và mạng 6G đang tái định hình sâu sắc hạ tầng cơ sở kinh tế số toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT : TÍN TỨC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#596

信心

xìn xīn

lòng tin, sự tự tin, niềm tin

只要我们找准前进方向并坚持脚踏实地努力拼搏，就一定要对实现中华民族伟大复兴的未来充满坚定信心。

Zhǐ yào wǒ men zhǎo qín jiàn fāng xiàng bìng jiān chí jiǎo tà dì nǔ lì pīn bó, jiù yí dìng yào duì shí xiàn zhōng huá mín zú wéi dà de wèi lái chōng mǎn jiān dìng xìn xīn.

Chỉ cần chúng ta xác định đúng hướng đi và kiên trì nỗ lực phấn đấu vững vàng, chúng ta nhất định phải tràn đầy niềm tin sắt son vào tương lai phát triển phồn vinh rực rỡ.

19 nét

HÁN VIỆT : TÍN TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#597

信用卡

xìn yòng kǎ

thẻ tín dụng

在境外旅游消费刷信用卡支付时，请妥善保管好卡片背面的三位安全码以确保账户资金安全。

Zài jìng wài lǚ yóu xiāo fèi shuā xìn yòng kǎ zhī fù shí, qǐng tǎo shàn bǎo guǎn hǎo kǎ piàn bèi miàn de sān wèi ān quán mǎ yǐ què bǎo zhàng hù zì jīn ān quán.

Khi đi du lịch nước ngoài quét thẻ tín dụng thanh toán, bạn hãy giữ gìn cẩn thận mã bảo mật 3 chữ số phía sau thẻ để đảm bảo an toàn cho nguồn tiền trong tài khoản.

32 nét

HÁN VIỆT : TÍN DỤNG CÁ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#598

星星

xīngxīng

ngôi sao, vì sao lấp lánh

在宁静的高原观测站夜空下，满天繁星璀璨的星星宛如无数碎钻镶嵌在深邃的夜幕之上。

Zài níng jìng de gāo yuán guān cè zhàn yè kōng xià, mǎn tiān fán xīng cuǐ càn de xīng xīng wǎn rú wú shù suì zuǎn xiāng qiàn zài shēn suì de yè mù zhī shàng.

Dưới bầu trời đêm của trạm quan trắc cao nguyên tĩnh lặng, muôn vì sao ngôi sao lấp lánh dày đặc khắp trời tựa như vô số viên kim cương vụn được gắn khảm trên bức màn đêm sâu thẳm.

26 nét

HÁN VIỆT : TINH TINH

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#599

行动

xíng dòng

hành động, hoạt động; sự hành động

言必信，行必果；实现碳达峰碳中和目标不仅是一句庄严承诺，更是需要全社会身体力行付诸实践的扎实行动。

Yán bì xìn, xíng bì guǒ; shí xiàn tàn dà fēng tǎn zhōng hé mù biāo bú jīn shì yí jù zhuāng yán chéng nuò, gèng shì xū yào quán shè huì shēn tí lì xíng fù zhǔ shí jiàn de zhā shí xíng dòng.

Lời nói ắt phải giữ chữ tín, hành động ắt phải có kết quả; đạt được mục tiêu đạt đỉnh carbon và trung hòa carbon không chỉ là một lời cam kết trang nghiêm, mà hơn thế nữa còn là hành động thực chất đòi hỏi toàn xã hội phải dẫn thân chung tay thực hiện.

26 nét

HÁN VIỆT : HÀNH ĐỘNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#600

行人

xíng rén

người đi bộ

城市主干道各交叉路口全面推行智能感应式礼让行人信号灯，有力保障了广大过街行人的交通安全。

Chéng shì zhǔ gàn dào gè jiāo chāo kǒu quán miàn tuī xíng zhì néng gǎn yǐng shì lǐ ràng xíng rén xín hào dēng, yǒu lì bǎo zhàng le guǎng dà guò jiē xíng rén de jiāo tōng ān quán.

Các nút giao cắt trên tuyến đường trực chính đô thị đều áp dụng đèn tín hiệu cảm biến thông minh nhường đường cho người đi bộ, bảo đảm đặc lực an toàn giao thông cho đồng đạo người dân sang đường.

21 nét

HÁN VIỆT : HÀNH NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#601

行为

xíng wéi

hành vi, cách ứng xử, việc làm

全体科研工作者应当严守学术道德底线，自觉抵制学术不端与论文剽窃等侵害学术纯洁性的不良行为。

Quán tǐ kē yán gōng zuò zhě yīng dāng yán shǒu xué shù dào dé dǐ xiàn, zì jué dī zhì xué shù bù duān yǔ lùn wén piào qiè děng qīn hài xué shù chún jié xìng de bù liáng xíng wéi.

Toàn thể người làm nghiên cứu khoa học cần giữ vững lẫn ranh đạo đức học thuật, tự giác bài trừ các hành vi xấu làm tổn hại tính trong sạch học thuật như gian lận học thuật và đạo văn.

26 nét

HÁN VIỆT : HÀNH VI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#602

姓

xìng

mang họ

请问您贵姓？

Qǐng wèn nín guì xìng?

Xin hỏi ngài mang họ gì?

8 nét

HÁN VIỆT : TÍNH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#603

姓名

xìng míng

họ và tên, danh tính

在填写国际学术交流报名表时，请务必核对好本人的中英文姓名与有效身份证件号码。

Zài tián xiě guó jì xué shù jiāo liú bào míng biǎo shí, qǐng wù bì hē duì hào běn rén de zhōng yīng wén xìng míng yǔ yǒu xiào shēn fèn zhèng jiàn hào mǎ.

Khi điền vào phiếu đăng ký giao lưu học thuật quốc tế, xin vui lòng kiểm tra đối chiếu thật kỹ họ và tên bằng tiếng Trung - Anh cùng số giấy tờ tùy thân hợp lệ của bản thân.

22 nét

HÁN VIỆT : TÍNH DANH



HSK 2 (3.0)

Động từ

#604

休假

xiūjià

nghỉ phép, đi nghỉ mát

国家全面落实带薪休假制度，鼓励企事业单位员工合理安排休假出行与身心调养。

Guójiā quán miàn luò shí dài xī xiū jià zhì dù, gǔ lì qí shì yè dǎn wèi yuán gōng hé lǐ ān pái xiū jià chū xíng yǔ shēn xīn tiáo yǎng.

Nhà nước triển khai toàn diện chế độ nghỉ phép hưởng nguyên lương, khích lệ nhân viên các cơ quan xí nghiệp sắp xếp hợp lý việc đi nghỉ mát nghỉ phép và bồi dưỡng thể chất tinh thần.

📖 26 nét

HÁN VIỆT: HƯU GIẢ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#605

许多

xǔ duō

nhiều, rất nhiều

世界之大无奇不有，在浩瀚未知的自然界中还隐藏着许多等待人类去探索解答的科学奥秘。

Shì jiè zhī dà wú qí bù yǒu, zài hào hàn wèi zhī de zì rán jiè zhōng hái yīn cáng zhe xǔ duō děng dài rén lèi qù tàn suǒ jiě dá de kē xué ào mì.

Thế giới bao la muôn điều kỳ thú, trong giới tự nhiên rộng lớn khôn cùng vẫn còn ẩn chứa rất nhiều điều bí ẩn khoa học đang đón chờ nhân loại khám phá và giải đáp.

📖 25 nét

HÁN VIỆT: HỮA ĐA

HSK 2 (3.0)

Động từ

#606

选

xuǎn

chọn, lựa chọn tuyển chọn

在高校通识课程选修系统中，同学们可以根据自己的兴趣自主选修跨学科前沿课程。

Zài gāo xiào tōng shí kè chéng xuǎn xiū xì tōng zhōng, tóng xué men kě yì gēn jù zì jǐ de xìng qù zì zhǔ xuǎn xiū kuà xué kē qián yán kè chéng.

Trong hệ thống đăng ký môn học tự chọn đại cương của trường đại học, các bạn sinh viên có thể căn cứ vào sở thích của bản thân để tự chủ lựa chọn các môn học liên ngành tiên phong.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: TUYỂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#607

学期

xuéqī

học kỳ

在这个充满收获的新学期里，学校开设了多门跨学科前沿创新实验课，深受同学们的欢迎。

Zài zhè ge chōng mǎn shōu huò de xīn xué qī lǐ, xué xiào kāi shè le duō mén kuà xué kē qián yán chuàng xīn shí yǎn kè, shēn shòu tóng xué men de huān yíng.

Trong học kỳ mới tràn ngập niềm vui thu hoạch này, nhà trường đã mở nhiều môn học thực nghiệm đổi mới sáng tạo tiên phong liên ngành, được đông đảo các bạn học sinh đón nhận nồng nhiệt.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: HỌC KỲ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#608

雪

xuě

tuyết

外面下雪了。

Wàimiàn xià xuě le.

Bên ngoài tuyết rơi rồi.

📖 9 nét

HÁN VIỆT: TUYẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#609

颜色

yán sè

Màu sắc

你喜欢什么颜色？

Nǐ xǐhuan shénme yánsè?

Bạn thích màu sắc gì?

📖 21 nét

HÁN VIỆT: NHAN SẮC

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#610

眼

yǎn

mắt, đôi mắt; cái nhìn (lượng từ)

战略科学家必须具备洞悉未来科技大势的宏观战略眼光，善于在前瞻性前沿领域抢占先机。

Zhàn lüè kē xué jiā bì xū jù bèi dòng xī wèi lái kē jì dà shì de hóng guāo zhàn lüè yǎn guāng, shàn yú zài qián zhān xīng qián yán lǐng yù qiǎng zhàn xiān jī.

Nhà khoa học chiến lược bắt buộc phải sở hữu đôi mắt tầm nhìn chiến lược sâu rộng thấu suốt đại thể khoa học công nghệ tương lai, giỏi giành thế chủ động đi trước trong các lĩnh vực tiên phong có tính nhìn xa trông rộng.

📖 12 nét

HÁN VIỆT: NHẪN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#611

眼睛

yǎn jīng

mắt

她的眼睛很大。

Tā de yǎnjīng hěn dà.

Đôi mắt của cô ấy rất to.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: NHẪN TÌNH

HSK 2 (3.0)

Động từ

#612

养

yǎng

nâng cao

老师鼓励大家积极养，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yǎng, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực nâng cao, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: DƯỠNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#613

样子

yàng zi

dáng vẻ, điệu bộ, vẻ ngoài

看他那胸有成竹、泰然自若的样子，这场关键的国际商业谈判肯定已经胜券在握了。

Kàn tā nà xiōng yǒu chéng zhú, tài rán zì ruò de yàng zi, zhè cháng guān jiàn de guó jì shāng yè tán pàn kěn dīng yí jīng shèng quān zài wò le.

Nhìn dáng vẻ ung dung tự tại nắm chắc phần thắng trong tay của anh ấy, cuộc đàm phán thương mại quốc tế then chốt này chắc chắn đã nắm chắc phần thắng mười mươi rồi.

21 nét

HÁN VIỆT: DẠNG TỬ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#614

药

yào

thuốc

记得吃药。

Jì de chī yào.

Nhớ uống thuốc nhé.

13 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#615

药店

yàodiàn

hiệu thuốc, nhà thuốc bán lẻ

社区便民药店推行全天候二十四小时智慧购药与医保直接结算服务，极大方便了周边居民。

Shè qū biàn mín yào diàn tuī xíng quán tiān hòu èr shí sì xiǎo shí zhì huì gòu yào yǔ yī bǎo zhí jiē jié suàn fú wù, jí dà fāng biàn le zhōu biān jū mín.

Hiệu thuốc nhà thuốc tiện dân khu dân cư triển khai dịch vụ thanh toán bảo hiểm y tế trực tiếp và mua thuốc thông minh suốt 24/24 giờ, tạo thuận tiện tối đa cho cư dân xung quanh.

23 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#616

药片

yàopiàn

viên thuốc, thuốc viên

医生叮嘱患者严格按照处方剂量温水送服药片，切勿擅自增减药量。

Yī shēng dīng zhǔ huàn zhě yán gé àn zhào chǔ fāng jì liàng wēn shuǐ sòng fú yào piàn, qiè wù shàn zì zēng jiǎn yào liàng.

Bác sĩ dặn dò bệnh nhân uống viên thuốc thuốc viên bằng nước ấm đúng theo liều lượng đơn thuốc nghiêm ngặt, tuyệt đối không được tự ý tăng giảm lượng thuốc.

23 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#617

药水

yàoshuǐ

thuốc nước, dung dịch thuốc

护士细心地用消炎药水为受伤的小朋友清洗伤口，动作十分轻柔熟练。

Hù shì xī xīn dì yòng xiāo yǎn yào shuǐ wèi shòu shāng de xiǎo péng yǒu qīng xǐ shāng kǒu, dòng zuò shí fēn qīng róu shú liàn.

Cô y tá cẩn thận tỉ mỉ dùng thuốc nước dung dịch thuốc tiêu viêm rửa vết thương cho em nhỏ bị thương, động tác vô cùng nhẹ nhàng và thuần thục.

22 nét

HÁN VIỆT: DƯỢC THUỶ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#618

要求

yāo qiú

yêu cầu

老师鼓励大家积极要求，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yāo qiú, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực yêu cầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

22 nét

HÁN VIỆT: YÊU CẦU

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#619

也许

yě xǔ

có lẽ, có thể, biết đâu

在探索前沿未知科学的漫漫长路上，一次偶然的实验误差也许正孕育着颠覆性的重大科学发现。

Zài tàn suǒ qián yán wèi zhī kē xué de màn màn cháng lù shàng, yí cì ǒu rán de shí yàn wù chā yě xǔ zhèng yùn yù zhe diān fù xíng de zhòng dà kē xué fā xiàn.

Trên hành trình dài khám phá những chân trời khoa học mũi nhọn chưa biết, một sai số thực nghiệm tình cờ rất có thể lại đang thai nghén một phát hiện khoa học mang tính bước ngoặt vĩ đại.

22 nét

HÁN VIỆT: DẪ HỮA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#620

夜

yè

đêm, ban đêm

在繁星点点的宁静夏夜，国家天文台光学观测站的巨型望远镜正在静静巡视着遥远深邃的浩瀚星空。

Zài fán xīng diǎn diǎn de níng jìng xià yè, guó jiā tiān wén tái guāng xué guān cè zhàn de jù xíng wǎng yuǎn jìng zhèng zài jìng jìng xún shì zhe yǎo yuǎn shēn suǐ de hào hàn xīng kōng.

Trong đêm hè tĩnh mịch ngập tràn muôn vì sao lấp lánh, chiếc kính viễn vọng khổng lồ của trạm quan sát quang học Đài Thiên văn Quốc gia đang lặng lẽ tuần tra bầu trời sao bao la sâu thẳm xa xôi.

14 nét

HÁN VIỆT: DẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#621

夜里

yè li

ban đêm, trong đêm khuya

虽然已是夜里十二点，科研大楼的实验室内依然灯火通明，团队正加紧攻关算法代码。

Suī rán yǐ shì yè lǐ shí èr diǎn, kē yán dà lóu de shí yàn shì nèi yǐ rán dēng huǒ tōng míng, tuán duì zhèng jiǎ jīn gōng kè suàn fǎ dài mã.

Dẫu đã là mười hai giờ đêm khuya ban đêm, bên trong phòng thí nghiệm của tòa nhà nghiên cứu khoa học vẫn rực rỡ ánh đèn, đội ngũ đang ráo riết vượt khó mã lệnh thuật toán.

22 nét

HÁN VIỆT: DẠ LY



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#622

一般

yībān

trung bình

平日工作繁忙，周末时光我一般喜欢静静地呆在家中看一本好书或者去健身房挥洒汗水。
Píngrì gōngzuò fánmáng, zhōumò shíguāng wǒ yībān xīhuan jìngjìng de dāi zài jiā zhōng kàn yì běn hǎo shū huòzhě qù jiànshenfáng huīsǎ hànshuǐ.
Ngày thường công việc bận rộn, cuối tuần mình thường thích ở nhà thành thời đọc một cuốn sách hay hoặc đến phòng gym tập luyện toát mồ hôi.

24 nét

HÁN VIỆT NHẤT BAN

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Danh từ

#623

一部分

yíbùfen

một phần, một bộ phận

科技创新已经成为推动现代化强国建设与培育新质生产力不可或缺的核心组成部分。
Kējì chuàngxīn yǐ jīng chéng wéi tuī dòng xiàndài huá qiángguó jiànshè yǔ péi yù xīn zhì shēng chǎn lì bù kě huò quē de hé xīn zǔ chéng yī bù fēn.
Đối mới sáng tạo khoa học công nghệ đã trở thành một phần một bộ phận cấu thành hạt nhân không thể thiếu để thúc đẩy xây dựng đất nước giàu mạnh hiện đại hóa và nuôi dưỡng lực lượng sản xuất chất lượng mới.

35 nét

HÁN VIỆT NHẤT BỘ PHẦN

HSK 2 (3.0)

Số lượng / Phó từ

#624

一点点

yídiǎndiǎn

một chút xíu, từng chút một

只要每天坚持进步一点点，积少成多、厚积薄发，终究能汇聚成攀登科学高峰的巨大力量。
Zhǐ yào měi tiān jiān chí jìn bù yì diǎn diǎn, jī shǎo chéng duō, hòu jī bó fā, zhōng jiū néng huì jù chéng pān dēng kē xué gāo fēng de jù dà lì liàng.
Chỉ cần mỗi ngày kiên trì tiến bộ một chút xíu từng chút một, tích tiểu thành đại, tích lũy sâu dày bộc lộ rực rỡ, rốt cuộc sẽ có thể hội tụ thành nguồn sức mạnh to lớn trèo lên đỉnh cao khoa học.

34 nét

HÁN VIỆT NHẤT ĐIỂM ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#625

一定

yīdìng

Chắc chắn rồi

只要脚踏实地，一步一个脚印地辛勤耕耘，你的梦想就一定会在未来的某一天开花结果。
Zhǐ yào jiǎotàshídì, yībù yí gè jiǎoyìn de xīnqín gēngyún, nǐ de mèngxiǎng jiù yīdìng huì zài wèilái de móu yì tiān kāihuā jiéguǒ.
Chỉ cần bạn làm việc vững vàng, từng bước từng bước chăm chỉ vun trồng, ước mơ của bạn nhất định sẽ đơm hoa kết trái vào một ngày không xa.

20 nét

HÁN VIỆT NHẤT ĐỊNH

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#626

一共

yígòng

tổng cộng, tất cả gồm có

本次国际青年科学创新大赛一共收到了来自全球五十多个国家青年学者的两千多份高质量创新成果方案。
Běncì guó jì qīng nián kē xué chuàngxīn dà sài yì gòng shōu dào le lái zì quán qiú wú shí duō gè guó jiǎ qīng nián xué zhě de liǎng qiān duǒ fēn gāo zhì liàng chuàngxīn chéngguǒ fāng'àn.
Cuộc thi Sáng tạo Khoa học Thanh niên Quốc tế lần này tổng cộng tất cả đã nhận được hơn hai ngàn phương án thành quả đổi mới sáng tạo chất lượng cao của các học giả trẻ đến từ hơn 50 quốc gia trên toàn cầu.

23 nét

HÁN VIỆT NHẤT CỘNG

HSK 2 (3.0)

Thành ngữ / Lời chúc

#627

一路平安

yílù píng'ān

thượng lộ bình an, đi đường bình an vô sự

在高铁站月台上，送行的师生们热情挥手向远赴边疆参加支教的志愿者们道别：“祝大家一路平安！”
Zài gāotiě zhàn yuè tái shàng, sòng xíng de shī shēng men rè qíng huī shǒu xiàng yuǎn fù biān jiāng cān jiā zhì jiào de zhì yuàn zhě men dào bié : "zhù dà jiā yì lù píng ān!"
Trên sân ga đường sắt cao tốc, thầy cô và học sinh đi tiễn nhiệt tình vẫy tay từ biệt các tình nguyện viên lên đường tới biên cương tham gia hỗ trợ dạy học: "Chúc mọi người thượng lộ bình an!"

35 nét

HÁN VIỆT NHẤT LỘ BÌNH AN

HSK 2 (3.0)

Thành ngữ / Lời chúc

#628

一路顺风

yílù shùnfēng

thuận buồm xuôi gió, đi đường may mắn hanh thông

在国际机场候机大厅，大家紧紧拥抱并真诚送上祝福：“祝你在海外学术交流之旅一路顺风、硕果累累！”
Zài guó jì chǎng hóu jī dà tīng, dà jiā jǐn jìn yōng bào bìng zhēn chéng sòng shàng zhù fú : "zhù nǐ zài hǎi wài xué shù jiāo liú zhī lǚ yì lù shùn fēng, shuǒ guǒ léi léi!"
Tại sảnh chờ sân bay quốc tế, mọi người ôm chặt lấy nhau và chân thành gửi trao lời chúc phúc: "Chúc bạn trong chuyến hành trình giao lưu học thuật ở nước ngoài thuận buồm xuôi gió, gặt hái bội phần thành quả!"

35 nét

HÁN VIỆT NHẤT LỘ THUẬN PHONG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#629

一生

yíshēng

cả đời, một đời, trọn cuộc đời

老一辈功勋科学家把一生毫无保留地奉献给了祖国的国防尖端科技事业，功勋永载史册。
Lǎo yì bèi gōng xūn kē xué jiā bǎ yí shēng háo wú bǎo liú dì fèng xiàn gěi le zǔ guó de guó fáng jiān duān kē jì shì yè, gōng xūn yǒng zài shǐ cè.
Các nhà khoa học tiến bối có công trạng lẫy lừng đã cống hiến trọn cuộc đời cả đời không chút giữ lại cho sự nghiệp khoa học công nghệ mũi nhọn quốc phòng của Tổ quốc, công trạng lưu danh muôn thuở trong sử sách.

22 nét

HÁN VIỆT NHẤT SINH

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#630

一直

yízhí

luôn luôn, liên tục suốt; đi thẳng

老一辈科学家几十年如一日，一直默默坚守在大西北戈壁荒漠科研试验基地，无私奉献毕生心血。
Lǎo yì bèi kē xué jiā jǐ shí nián rú yí rì, yí zhí mò mò jiān shǒu zài dà xī běi gē bì huāng mò kē yán shì yàn jī dì, wú sī fèng xiàn bì shēng xīn xuè.
Các nhà khoa học tiến bối mấy chục năm như một, luôn luôn liên tục âm thầm bám trụ tại căn cứ thử nghiệm nghiên cứu khoa học sa mạc Gobi miền Đại Tây Bắc, cống hiến quên mình trọn vẹn tâm huyết cuộc đời.

22 nét

HÁN VIỆT NHẤT TRỰC



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#631

已经
yǐ jīng

Đã rồi

我已经下班了。
 Wǒ yǐjīng xiàbān le.
 Tôi đã tan làm rồi.

25 nét

HÁN VIỆT : DĨ KINH

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#632

以后
yǐ hòu

sau này

完成硕士研究生学业以后，他立志投身于人工智能与自然语言处理的前沿科研创新工作。
 Wánchéng shuòshì yánjiūshēng xuéyè yǐhòu, tā lìzhì tóushēn yú réngōng zhīnéng yǔ zìrán yǔyán chūnlí de qiányán kēyán chuàngxīn gōngzuò.
 Sau khi hoàn thành chương trình thạc sĩ nghiên cứu sinh, anh ấy quyết tâm dẫn thân vào công tác nghiên cứu đổi mới công nghệ trí tuệ nhân tạo và xử lý ngôn ngữ tự nhiên.

18 nét

HÁN VIỆT : DĨ HẬU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#633

以前
yǐ qián

trước đây

在来到中国留学深造以前，他在本土就自学并通过了HSK四级考试，奠定了坚实的基础。
 Zài lái dào Zhōngguó liúxué shēnzào yǐqián, tā zài běntǔ jiù zìxué bìng tōngguò le HSK sì jí kǎoshì, diǎndìng le jiānshí de jīchǔ.
 Trước khi sang Trung Quốc du học nâng cao, bạn ấy đã tự học và thi đỗ HSK 4 ngay tại quê nhà, tạo lập nền tảng vô cùng vững vàng.

24 nét

HÁN VIỆT : DĨ TIỀN

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#634

以上
yǐshàng

trở lên, từ... trở lên; những điều trên

凡在国家重大关键核心技术研发攻关中作出突出贡献的科研团队，均可参评国家级以上科技表彰。
 Fán zài guó jiā zhòng dà guān jiàn hé xīn jī shù yán fā gōng guān zhòng zuò chū tǔ chū gòng xiàn de kē yán tuán duì, jūn kě cān píng guó jiā jí yǐ shàng kē jì biǎo zhāng.
 Tất cả các nhóm nghiên cứu khoa học lập nên những cống hiến kiệt xuất trong trận đánh nghiên cứu vượt khó công nghệ lõi then chốt trọng đại quốc gia đều có thể tham gia bình xét biểu dương khen thưởng khoa học công nghệ cấp quốc gia trở lên.

18 nét

HÁN VIỆT : DĨ THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#635

以外
yǐwài

ngoài... ra, bên ngoài

除了课堂上的专业理论讲授以外，导师还经常带领研究生深入国家重点实验室参与前沿实测操作。
 Chú le kè táng shàng de zhuān yè lǐ lùn jiǎng shòu yǐ wài, dǎo shī hái jīng cháng dài lǐng yán jiū shēng shēn rù guó jiā zhòng diǎn shí yàn shí cān yú qián yán shí cè cǎo zuò.
 Ngoài việc giảng dạy lý thuyết chuyên môn trên lớp ra bên ngoài, người thầy hướng dẫn còn thường xuyên dẫn dắt các nghiên cứu sinh đi sâu vào phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia tham gia tác nghiệp đo đạc thực tế tiên phong.

18 nét

HÁN VIỆT : DĨ NGOÀI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#636

以为
yǐ wéi

suy nghĩ

我们原本以为今天下午会迎来倾盆大雨，没想到傍晚的天空竟然放晴并挂起了彩虹。
 Wǒmen yuánběn yǐwéi jīntiān xiàwǔ huì yíng lái qīngpén dàyǔ, méi xiǎng dào bàngwǎn de tiānkōng jīngrán fàngqíng bìng guà qǐ le cǎihóng.
 Tụi mình vốn cứ ngỡ chiều nay sẽ có mưa rào như trút nước, ai ngờ đến hoàng hôn trời lại hửng nắng trong veo và xuất hiện dải cầu vồng rực rỡ.

24 nét

HÁN VIỆT : DĨ VÌ

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Giới từ

#637

以下
yǐxià

trở xuống, dưới; dưới đây sau đây

请全体参赛选手在正式答辩前认真仔细阅读以下几项关于答辩流程与时间控制的重要注意事项。
 Qǐng quán tǐ cān sài xuǎn shǒu zài zhèng shì dá biàn qián rèn zhēn zì xī yuè dú yǐ xià jǐ xiàng guān yú dá biàn liú chéng yǔ shí jiān kòng zhì de zhòng yào zhù yì shì xiàng.
 Xin toàn thể thí sinh tham gia cuộc thi hãy đọc thật kỹ và nghiêm túc mấy điều mục lưu ý quan trọng dưới đây sau đây về khung chế thời gian và quy trình bảo vệ trước khi chính thức bảo vệ.

19 nét

HÁN VIỆT : DĨ HẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#638

椅子
yǐ zi

cái ghế

请坐在椅子上。
 Qǐng zuò zài yǐzi shàng.
 Mời ngồi trên ghế.

24 nét

HÁN VIỆT : YỬ

HSK 2 (3.0)

Số từ

#639

亿
yì

ức, một trăm triệu (100.000.000)

十四亿多中国人民团结一心、接续奋斗，正在昂首阔步迈向以中国式现代化全面推进中华民族伟大复兴的新征程。
 Shí sì yì duō zhōng guó rén mín tuán jié yī xīn, jiē xù fèn dòu, zhèng zài áng shǒu kuò bù mài xiàng yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn zhōng guó huá mín zú wěi dà fù xīng de xīn zhēng chéng.
 Hơn một tỷ bốn trăm triệu (1,4 tỷ) người dân đồng lòng đoàn kết, tiếp nối phấn đấu, đang vững bước hiên ngang tiến vào hành trình mới thúc đẩy toàn diện sự phục hưng vĩ đại của dân tộc bằng hiện đại hóa đất nước.

14 nét

HÁN VIỆT : ỨC



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#640

意见

yì jiàn

ý kiến, quan điểm, đóng góp

在方案评审研讨会上，各位评审专家知无不言、言无不尽，提出了许多富有前瞻性的中肯修改意见。

Zài fāng àn píng shěn yán tào huì shàng, gè wèi píng shěn zhuan jiā zhī wú bù yán, yán wú bù jìn, tí chū le xǔ duō fù yǒu qián zhān xìng de zhōng kěn xiū gǎi yì jiàn.

Tại cuộc họp thẩm định phương án, các chuyên gia giám khảo đã thẳng thắn đóng góp nhiều ý kiến chỉnh sửa xác đáng, mang tầm nhìn chiến lược và giàu tính xây dựng.

📖 26 nét

HÁN VIỆT : Ý KIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#641

意思

yì si

ý nghĩa

这个词是什么意思？
 Zhè gè cí shì shén me yì si?
 Từ này có nghĩa là gì?

📖 20 nét

HÁN VIỆT : Ý TƯ

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#642

因为

yīn wèi

bởi vì

因为生病，他没去学校。
 Yīn wèi shēng bīng, tā méi qù xué xiào.
 Bởi vì bị ốm nên anh ấy không đến trường.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : NHÂN VI

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#643

阴

yīn

u ám, nhiều mây

今天天阴了。
 Jīn tiān tiān yīn le.
 Hôm nay trời âm u nhiều mây rồi.

📖 9 nét

HÁN VIỆT : ÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#644

阴天

yīn tiān

ngày nhiều mây, trời râm mát u ám

虽然今天是个微风和煦的阴天，但依然挡不住市民们前往湿地公园散步赏景的热情。
 Suī rán jīn tiān shì gè wēi fēng hé xù de yīn tiān, dàn yī rán dǎng bú zhù shì mǐn men qián wǎng shí dì gōng yuán sàn bù shǎng jǐng de rè qíng.
 Dầu cho hôm nay là một ngày nhiều mây trời râm mát gió thổi nhẹ nhàng, nhưng vẫn không thể ngăn được niềm hào hứng của người dân tới công viên đất ngập nước dạo bộ ngắm cảnh.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ÂM THIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#645

音节

yīn jié

âm tiết (ngữ âm học)

普通话的每个标准音节通常由声母、韵母和声调三个核心要素有机组合而成。
 Pǔ tōng huà de měi gè biāo zhǔn yīn jié tōng cháng yǒu shēng mǔ, yùn mǔ hé shēng diào sān gè hé xīn yào sù yǒu jī zǔ hé ér chéng.
 Mỗi một âm tiết chuẩn của tiếng Phổ thông thông thường được kết hợp hữu cơ bởi ba yếu tố then chốt: thanh mẫu, vận mẫu và thanh điệu.

📖 22 nét

HÁN VIỆT : ÂM TIẾT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#646

音乐

yīn yuè

âm nhạc

古典交响音乐具有抚慰人心、净化心灵的艺术魅力，能瞬间带走一天工作的疲倦。
 Gù diǎn jiāo xiǎng yīn yuè jù yǒu fú wèi rén xīn, jīng huà xīn líng de yì shù mèi lì, néng shùn jiān dài zǒu yì tiān gōng zuò de pí juàn.
 Những bản nhạc giao hưởng cổ điển mang sức quyến rũ nghệ thuật xoa dịu tâm can và thanh lọc tâm hồn, có thể cuốn trôi đi mọi mệt mỏi của cả ngày làm việc trong chốc lát.

📖 16 nét

HÁN VIỆT : ÂM LẠC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#647

音乐会

yīn yuè huì

buổi hòa nhạc, buổi biểu diễn âm nhạc

国家大剧院交响乐团在新年交响音乐会上精彩演奏了多部中国经典交响乐名曲。
 Guó jiā dà jù yuàn jiāo xiǎng yuè tuán zài xīn nián jiāo xiǎng yīn yuè huì shàng jīng cǎi yǎn zòu le duō bù zhōng guó jīng diǎn jiāo xiǎng yuè míng qǔ.
 Dàn nhạc Giao hưởng Nhà hát Lớn Quốc gia tại buổi hòa nhạc giao hưởng đón mừng năm mới đã diễn tấu đặc sắc nhiều bản giao hưởng danh tiếng kinh điển của Trung Hoa.

📖 30 nét

HÁN VIỆT : ÂM LẠC HỘI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#648

银行

yín háng

ngân hàng

请问距离本商业街最近的大型国有商业银行全功能人工服务营业厅在哪个方向？
 Qǐng wèn jù lí běn shāng yè jiē zuì jìn de dà xíng guó yǒu shāng yè yīn háng quán gōng néng rén gōng fú wù yīng yè tīng zài nǎ ge fāng xiàng?
 Cho em hỏi quầy giao dịch phục vụ trực tiếp đầy đủ chức năng của ngân hàng thương mại quốc doanh gần phố mua sắm này nhất nằm ở hướng nào vậy ạ?

📖 25 nét

HÁN VIỆT : NGÂN HÀNG



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#649

银行卡

yínhángkǎ

thẻ ngân hàng

国家金融管理部门全面优化境外来华人员支付服务，实现了境内重点商户全覆盖支持外卡与银行卡刷卡支付。

Guójiā jīn róng guǎn lǐ bù miàn quán miàn yōu huà jìng wài lái huà rén yuán zhī fù fú wù, shí xiàn le jìng nèi zhòng diǎn shāng hù quán fù gài zhī chí wài kǎ yǔ yín háng kǎ shuā kǎ zhī fù.

Cơ quan quản lý tài chính quốc gia đã tối ưu hóa toàn diện dịch vụ thanh toán cho người nước ngoài tới Trung Quốc, thực hiện việc bao phủ toàn diện các thương gia trọng điểm trong nước hỗ trợ thanh toán quét thẻ ngân hàng và thẻ quốc tế.

35 nét

HÁN VIỆT: NGÂN HÀNG CA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#650

应该

yīng gāi

nên

作为当代青年学子，我们应该树立远大抱负，勇于承担社会责任与历史使命。

Zuò wéi dāng dài qīng nián xué zǐ, wǒ men yīng gāi shù lì yuǎn dà bào fù, yǒng yú chéng dān shè huì zé rèn yǔ lì shǐ shǐ mìng.

Là thế hệ thanh niên học sinh đương thời, chúng ta nên gây dựng hoài bão lớn lao, dũng cảm gánh vác trách nhiệm xã hội và sứ mệnh lịch sử.

23 nét

HÁN VIỆT: ỨNG CÀI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#651

英文

Yīngwén

tiếng Anh, văn bản tiếng Anh

我国科研团队在国际顶级学术刊物上发表了高水平原创论文，并附上了详实的英文技术附录。

Wǒ guó kē yán tuán duì zài guó jì dīng jí xué shù kǎn wù shàng fā biǎo le gāo shuǐ píng yuán chuàng lùn wén, bìng fù shàng le xiáng shí de yīng wén jì shù fù lù.

Nhóm nghiên cứu khoa học nước ta đã công bố bài báo khoa học nguyên tác trình độ cao trên tạp chí học thuật hàng đầu quốc tế, đồng thời kèm theo phụ lục kỹ thuật tiếng Anh chi tiết xác thực.

21 nét

HÁN VIỆT: ANH VĂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#652

英语

Yīngyǔ

tiếng Anh (ngôn ngữ nói và giao tiếp)

在国际多边青年学者交流论坛上，中外学者们用流利的英语与中文展开了深入热烈的学术探讨。

Zài guó jì duō biān qīng nián xué zhě jiāo liú lùn tán shàng, zhōng wài xué zhě men yòng liú lì de yīng yǔ yǔ zhōng wén zhān kāi le shēn rù rè liè de xué shù tàn tǎo.

Tại Diễn đàn Giao lưu Học giả Trẻ Đa phương Quốc tế, các học giả trong và ngoài nước đã dùng tiếng Trung và tiếng Anh lưu loát để triển khai các cuộc thảo luận học thuật sâu sắc và nhiệt liệt.

23 nét

HÁN VIỆT: ANH NGỮ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#653

影片

yǐng piàn

bộ phim, tác phẩm điện ảnh

这部生动展现我国大国重器研制史诗的优秀纪录片，在全国公映后引发了全社会的强烈共鸣。

Zhè bù shēng dòng zhǎn xiàn wǒ guó dà guó zhòng qì yǎn zhì shǐ shī de yōu xiù jù lù yǐng piàn, zài quán guó gōng yǐng hòu yīn fā le quán shè huì de qiáng liè gòng míng.

Bộ phim tác phẩm tài liệu xuất sắc phổ biến sinh động thiên sử thi nghiên cứu chế tạo đại khí quốc gia của nước ta sau khi công chiếu trên toàn quốc đã tạo nên sự đồng cảm mạnh mẽ sâu sắc trong toàn xã hội.

21 nét

HÁN VIỆT: ẢNH PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#654

影响

yǐng xiǎng

ảnh hưởng

良好的原生家庭教育与阅读习惯将会深远地影响一个人一生的品格塑造与认知格局。

Liáng hǎo de yuán shēng jiā tíng yù yuàn de yuè dú xí guān huì shēn yuǎn de yǐng xiǎng yí gè rén yì shēng de pǐn gé shù zào yǔ rèn zhī gé jú.

Sự giáo dục gia đình nền tảng tốt và thói quen đọc sách sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc định hình nhân cách và tầm nhìn nhận thức của một người suốt cả cuộc đời.

21 nét

HÁN VIỆT: ẢNH HƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#655

永远

yǒng yuǎn

mãi mãi, vĩnh viễn

那些为了国家繁荣富强与人民幸福安宁而英勇奉献青春热血的先烈们，将永远被历史与后人铭记。

Nà xiē wèi le guó jiā fán róng fù qiáng yǔ rén mín xìng fú ān níng ér yǐng yǒng fèng xiàn qīng chūn rè xuè de xiān liè men, jiāng yǒng yuǎn bèi lì shǐ yǔ hòu rén míng jì.

Những anh hùng liệt sĩ đã dũng cảm cống hiến tuổi xuân và máu xương vì sự phồn vinh hưng thịnh của đất nước và bình yên của nhân dân sẽ mãi mãi được lịch sử và hậu thế khắc ghi muôn đời.

22 nét

HÁN VIỆT: VĨNH VIỄN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#656

油

yóu

dầu

老师鼓励大家积极油，勇于探索新的知识。

Lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yóu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực dầu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: DẦU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#657

游客

yóukè

du khách, khách du lịch tham quan

节假日期间，来自全球的数万名中外游客纷至沓来，亲身领略世界文化遗产故宫的博大精深。

Jié jià rì qī jiān, lái zì quán qiú de shù wàn míng zhōng wài yóukè fēn zhì zá lái, qīn shēn lǐng lù shì jiè wén huà yí chǎn gù gōng de bó dà jīng shēn.

Trong dịp ngày nghỉ lễ, hàng vạn khách du lịch du khách trong và ngoài nước từ khắp nơi trên toàn cầu nườm nượp kéo tới, đích thân thưởng ngoạn sự uyên bác sâu rộng của Di sản Văn hóa Thế giới Cố Cung.

23 nét

HÁN VIỆT: DU KHÁCH



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#658

有点儿

yǒudiǎnr

hơi, hơi một chút (hơi mệt/hơi khó)

虽然连续高强度攻坚实验让大家感到身体有点儿疲惫，但看到数据完全吻合，大家心里无比激动。

Suī rán lián xù gāo qiáng dù gōng jiān shí yàn ràng dà jiǎ gān dào shēn tǐ yǒu diǎn ér pí bèi, dàn kàn dào shù jù wán quán wěn hé, dà jiǎ xīn lǐ wú bǐ jī dòng.

Dẫu thực nghiệm vượt khó cường độ cao liên tục khiến mọi người cảm thấy cơ thể hơi một chút mệt mỏi, nhưng nhìn thấy số liệu hoàn toàn khớp nhau, trong lòng ai nấy đều xúc động vô cùng.

30 nét

HÁN VIỆT: HỮU ĐIỂM NHÂN

HSK 2 (3.0)

Cụm động từ

#659

有空儿

yǒu kòngr

rảnh rỗi, có thời gian rảnh

等周末有空儿的时候，欢迎你来我们大学校园参观，我带你去体验特色留学生文化餐厅。

Děng zhōu mò yǒu kòng er de shí hòu, huān yíng nǐ lái wǒ men dà xué yuán cān guān, wǒ dài nǐ qù tǐ yàn tè sè liú xué shēng wén huà cān tīng.

Đợi đến cuối tuần khi nào rảnh rỗi có thời gian rảnh, hoan nghênh bạn tới khuôn viên trường đại học của chúng tôi tham quan, tôi sẽ dẫn bạn đi trải nghiệm nhà hàng văn hóa lưu học sinh đặc sắc.

28 nét

HÁN VIỆT: HỮU KHÔNG NHÂN

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#660

有人

yǒu rén

có người, có ai đó

在清晨静谧的校园湖畔，有人在专注地背诵古诗文，有人在林荫道上慢跑晨练。

Zài qīng chén jìng mì de xiào yuán hú pàn, yǒu rén zài zhuān zhù dì bèi sòng gǔ shī wén, yǒu rén zài lín yīn dào shàng màn pǎo chén liàn.

Bên bờ hồ khuôn viên trường tĩnh mịch lúc sáng sớm, có người thì đang chăm chú học thuộc thơ văn cổ, có người thì đang chạy bộ tập thể dục buổi sáng trên con đường rợp bóng cây.

18 nét

HÁN VIỆT: HỮU NHÂN

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#661

有一点儿

yǒu yìdiǎnr

hơi có một chút, hơi hơi

这项前沿理论物理推导虽然有一点儿复杂抽象，但只要理清核心逻辑就能迎刃而解。

Zhè xiàng qián yán lǐ lùn wù lǐ tuī dǎo suī rán yǒu yì diǎn ér fù zá chōu xiàng, dàn zhǐ yào lǐ qīng hé xīn lóu jí jiù néng yíng rén ér jiě.

Phép suy diễn vật lý lý thuyết tiên phong này dẫu hơi có một chút phức tạp và trừu tượng, nhưng chỉ cần làm sáng tỏ mạch logic cốt lõi là sẽ có thể giải quyết dễ dàng.

35 nét

HÁN VIỆT: HỮU NHẤT ĐIỂM NHÂN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#662

有意思

yǒu yìsi

thú vị, có ý nghĩa, cuốn hút

这堂生动直观的中华传统文化互动体验课寓教于乐又非常有趣，深受外国留学生喜爱。

Zhè táng shēng dòng zhí guān de zhōng huá chuán tǒng wén huà hù dòng tǐ yàn kè jiào yú lè yòu fēi cháng yǒu qù, shēn shòu wài guó liú xué shēng xǐ ài.

Tiết học trải nghiệm tương tác văn hóa truyền thống Trung Hoa sinh động trực quan này vừa mang tính giáo dục lồng ghép giải trí lại vô cùng thú vị cuốn hút, được các bạn lưu học sinh nước ngoài hết sức yêu thích.

29 nét

HÁN VIỆT: HỮU Ý TƯ

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Liên từ

#663

又

yòu

lại, lại vừa... lại vừa...; hơn nữa

国家科技攻关重大专项又一次取得了里程碑式重大突破，全体科研人员欢欣鼓舞、倍感自豪。

Guó jiā kē jì gōng guān zhòng dà zhuān xiàng yòu yí cì qǔ dé le lǐ chéng bēi shì zhòng dà tú pò, quán tǐ kē yán rén yuán huān xīn gǔ wǔ, bèi gǎn zì háo.

Chuyên án trọng đại vượt khó khoa học công nghệ quốc gia lại một lần nữa giành được bước đột phá trọng đại mang tính cột mốc, toàn thể cán bộ nghiên cứu khoa học hân hoan phấn khởi, cảm thấy vô cùng tự hào.

8 nét

HÁN VIỆT: HỮU

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#664

友好

yǒu hǎo

hữu nghị, thân thiện

中国始终坚定不移地奉行独立自主的和平外交政策，积极同世界各国发展友好合作关系。

Zhōng guó shǐ zhōng jiān dìng bù yí dì fēng xíng dú lì zì zhǔ de hé píng wài jiāo zhèng cè, jī jí tóng shì jiè gè guó fā zhǎn yǒu hǎo hé zuò guān xì.

Trung Quốc luôn kiên định thực thi chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ, tích cực phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với tất cả các quốc gia trên thế giới.

24 nét

HÁN VIỆT: HỮU HẢO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#665

鱼

yú

cá

猫喜欢吃鱼。

Māo xǐ huān chī yú.

Mèo thích ăn cá.

14 nét

HÁN VIỆT: NGƯ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#666

语言

yǔ yán

ngôn ngữ, tiếng nói

语言不仅是人际沟通的思想载体，更是承载着一个民族悠久历史与独特哲学智慧的文化基因。

Yǔ yán bù jīn shì rén jī tōng de sī xiǎng zài tǐ, gèng shì chéng zài zhe yí gè mín zú yǒu jiǔ lì shǐ yǔ dù zhé xué zhì huì de wén huà jī yīn.

Ngôn ngữ không chỉ là phương tiện chuyên chở tư tưởng trong giao tiếp nhân sinh mà hơn thế nữa còn là mã gen văn hóa mang theo lịch sử lâu đời và trí tuệ triết học độc đáo của một dân tộc.

24 nét

HÁN VIỆT: NGỮ NGÔN



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#667

原来

yuán lái

hóa ra, vốn dĩ, ban đầu

经过深入现场调研排查，大家才恍然大悟：原来导致系统间歇性卡顿的根源是一处隐蔽的内存泄漏。

Jīng guò shēn rù xiàn chāng diào yán pái chá, dà jiā cái huǎng rán dà wù: yuán lái dǎo zhì xì tǒng jiàn xiē xìng kǎ dùn de gēn yuán shì yí chù yǐn bì de nèi cún xiè lóu.

Sau khi tiến hành khảo sát rà soát thực tế chuyên sâu, mọi người mới vỡ lẽ: hóa ra căn nguyên khiến hệ thống thỉnh thoảng bị giật lag là do một lỗi rò rỉ bộ nhớ được ẩn giấu rất kỹ.

19 nét

HÁN VIỆT: NGUYỄN LAI

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#668

原因

yuán yīn

nguyên nhân, lý do

专家组正在对事故发生现场的黑匣子数据进行全面解码分析，以尽快查明飞机失事的真正原因。

Zhuān jiǎ zài zhèng zài duì shì gù fā shēng xiàn chāng de hēi xiá zì shù jù jìn xíng quán miàn jiě mǎ fēn xī, yǐ jìn kuài chá míng fēi jī shī shì de zhēn zhèng yuán yīn.

Tổ chuyên gia đang tiến hành giải mã và phân tích toàn diện dữ liệu hộp đen tại hiện trường vụ việc nhằm nhanh chóng làm sáng tỏ nguyên nhân thực sự dẫn đến vụ tai nạn máy bay.

18 nét

HÁN VIỆT: NGUYỄN NHÂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#669

院

yuàn

viện (học viện, bệnh viện, viện nghiên cứu); sân viện

中国科学院汇聚了全国顶尖科研力量，在大科学装置与前沿基础科学研究中发挥着主力军作用。

Zhōng guó kē xué yuàn huì jù le quán guó dīng jiǎn kē yán lì liàng, zài dà kē xué zhuāng zhì yǔ qián yán jī chǔ kē xué yán jiū zhōng fā huī zhe zhǔ lì jūn zuò yòng.

Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc quy tụ lực lượng nghiên cứu khoa học đỉnh cao toàn quốc, phát huy vai trò quân chủ lực trong nghiên cứu khoa học cơ bản tiên phong và các thiết bị khoa học lớn.

13 nét

HÁN VIỆT: VIỆN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#670

院长

yuànzhǎng

viện trưởng, hiệu trưởng học viện/giám đốc bệnh viện

人工智能学院院长在开学典礼上勉励全体青年新生：“要勇于攀登科技高峰、矢志创新报国！”

Rén gōng zhì néng xué yuàn yuán zhǎng zài kāi xué diǎn lǐ shàng miǎn lì quán tǐ qīng nián xīn shēng: "yào yǒng yǔ pǎn dēng kē jì gāo fēng, shǐ zhì chuàng xīn bào guó!"

Viện trưởng Học viện Trí tuệ Nhân tạo tại lễ khai giảng đã khích lệ toàn thể tân sinh viên thanh niên: "Hãy dũng cảm trèo lên đỉnh cao khoa học công nghệ, son sắt một lòng đổi mới sáng tạo phụng sự Tổ quốc!"

23 nét

HÁN VIỆT: VIỆN TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#671

院子

yuànzi

sân, khoảng sân nhà

老北京传统四合院的院子里种着石榴树与海棠花，充满着宁静悠闲的古都人文韵味。

Lǎo běi jīng chuán tǒng sì hé yuàn de yuàn zi lǐ zhōng zhe shí liú shù yǔ hǎi táng huā, chōng mǎn zhe níng jìng yōu xián de gǔ dū rén wén yùn wèi.

Khoảng sân trong ngôi nhà Tứ Hợp Viện truyền thống Bắc Kinh xưa trồng cây thạch lựu và hoa hải đường, ngập tràn phong vị nhân văn cổ đô thanh bình thông dong.

24 nét

HÁN VIỆT: VIỆN TỬ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#672

愿意

yuàn yì

sẵn sàng

只要你发自内心愿意虚心求教、不断磨砺自我，身边的良师益友都会竭诚伸出援助之手。

Zhǐ yào nǐ fā zì nèi xīn yuàn yì xū xīn qiú jiào, bù duàn mó lì zì wǒ, shēn biān de liáng shī yì yǒu dōu huì jié chéng shēn chū yuán zhù zhī shǒu.

Chỉ cần bạn xuất phát từ đáy lòng sẵn sàng khiêm tốn học hỏi và không ngừng rèn giũa bản thân, các thầy cô và bạn tốt xung quanh đều sẽ hết lòng dang tay giúp đỡ.

23 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆN Ý

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#673

月份

yuè fèn

tháng, các tháng trong năm

金秋九月与十月份是全国农作物喜迎大面积丰收的关键月份，广袤沃野金浪翻滚。

Jīn qiū jiǔ yuè yǔ shí yuè fèn shì quán guó nóng zuò wú xī yíng dà miǎn jī fēng shòu de guān jiàn yuè fèn, guǎng mào wǒ yě jīn làng fān gǔn.

Tháng Chín và tháng Mười mùa thu vàng là những tháng then chốt để cây trồng nông nghiệp trên cả nước đón chào mùa màng bội thu trên diện rộng, đồng ruộng màu mỡ bao la sóng vàng cuộn trào.

21 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆT PHẦN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#674

月亮

yuè liang

mặt trăng

中秋佳节的静谧夜空之中，一轮皎洁如玉盘的明亮大圆月亮高悬天际，洒下满地银辉。

Zhōngqiū jiājié de jìngmì yèkōng zhīzhōng, yí lún jiǎojié rú yùpán de míngliàng dà yuán yuèliang gāoxuán tiānjì, sǎ xià mǎn dì yín huī.

Giữa bầu trời đêm tĩnh lặng của ngày Tết Trung thu, vầng trăng rằm tròn vành vạnh trong vắt tựa mâm ngọc treo cao nơi chân trời, tỏa ánh sáng bạc lung linh khắp mặt đất.

19 nét

HÁN VIỆT: NGUYỆT LƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#675

越

yuè

Yue

汉语越学越有意思，只要每天坚持练习，你就一定会爱上这门语言。

Hànyǔ yuè xué yuè yǒu yìsi, zhǐ yào měitiān jiān chí liànxí, nǐ jì yí dìng huì ài shàng zhè mén yǔyán.

Tiếng Trung càng học càng thấy hay và thú vị, chỉ cần mỗi ngày kiên trì luyện tập thì bạn nhất định sẽ say mê ngôn ngữ này.

10 nét

HÁN VIỆT: VIỆT



HSK 2 (3.0)

Phó từ

#676

越来越

yuè lái yuè

ngày càng, càng ngày càng (tăng tiến)

随着我国高水平对外开放持续扩大，国际经贸合作的朋友圈越来越大、发展韧性越来越强。

Suí zhe wǒ guó gāo shuǐ píng duì wài kāi fàng chí xù kuò dà, guó jì jīng mào hé zuò de péng yǒu quān yuè lái yuè dà, fā zhǎn rèn xìng yuè lái yuè qiáng.

Cùng với việc mở cửa đối ngoại trình độ cao của nước ta liên tục mở rộng, vòng bạn bè hợp tác kinh tế thương mại quốc tế ngày càng lớn, tính dẻo dai phát triển càng ngày càng mạnh mẽ.

30 nét

HÁN VIỆT: VIỆT LAI VIỆT

HSK 2 (3.0)

Động từ

#677

云

yún

đám mây

老师鼓励大家积极云，勇于探索新的知识。lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí yún, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực đám mây, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

10 nét

HÁN VIỆT: VÂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#678

运动

yùn dòng

thể thao, vận động

多做运动对身体好。

Duō zuò yùndòng duì shēn tǐ hǎo.

Tập thể thao nhiều tốt cho sức khỏe.

25 nét

HÁN VIỆT: VẬN ĐỘNG

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#679

咱

zán

chúng mình, bọn mình, chúng ta (thân mật)

老班长笑着对大家说：“只要咱们大家心往一处想、劲往一处使，就没有攻克不了的难关！”

Lǎo bān zhǎng xiào zhe duì dà jiā shuō: "zhǐ yào zán men dà jiā xīn wǎng yí chù xiǎng, jìn wǎng yí chù shǐ, jiù méi yǒu gōng kè bù liǎo de nán guān!"

Người lớp trưởng già mỉm cười nói với mọi người: "Chỉ cần bọn mình chúng ta lòng cùng hướng về một nơi, sức cùng dồn vào một chỗ, thì sẽ chẳng có nan đề nào là không thể chinh phục!"

10 nét

HÁN VIỆT: TA

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#680

咱们

zán men

chúng ta, chúng mình (bao gồm cả người nghe)

时间紧迫、任务艰巨，咱们大家一定要齐心协力、通力合作，争取在下周一前提前完成系统交付。

Shí jiān jǐn pò, rèn wù jiān jù, zán men dà jiā yí qí xīn xié lì, tōng lì hé zuò, zhēng qǔ zài xià zhōu yí qián tí qián wán chéng xì tǒng jiāo fù.

Thời gian gấp gáp, nhiệm vụ lại vô cùng nặng nề, chúng mình nhất định phải chung sức đồng lòng, phối hợp nhịp nhàng để phần đầu bàn giao hệ thống trước thứ Hai tuần sau.

20 nét

HÁN VIỆT: TA MÔN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#681

脏

zāng

dơ bẩn

在面对复杂的挑战时，保持脏的心态尤为重要。

zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zāng de xīn tài yóu wéi zhòng yào.

Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái dơ bẩn đặc biệt quan trọng.

14 nét

HÁN VIỆT: TANG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#682

早餐

zǎocān

bữa sáng, điểm tâm buổi sáng

营养学专家提倡早餐要包含优质蛋白质、全谷物与新鲜果蔬，为一整天注入充沛活力。

Yíng yǎng xué zhuān jiā tí yàn zǎocān yào bāo hán yōu zhì dàn bái zhì, quán gǔ wù yǔ xīn xiān guǒ shū, wèi yí zhěng tiān zhù rù chōng pèi huó lì.

Chuyên gia dinh dưỡng học đề xuất bữa sáng điểm tâm cần bao gồm rau củ quả tươi, ngũ cốc nguyên hạt và protein chất lượng cao để tiếp thêm năng lượng dồi dào cho cả ngày.

21 nét

HÁN VIỆT: TẢO XAN

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#683

早晨

zǎochén

sáng sớm, buổi sáng sớm

清晨早晨的阳光透过茂密的林荫洒在校园小道上，微风拂面，令人心旷神怡。

Qīng chén zǎo chén de yáng guāng tòu guò mào mì de lín yīn sǎ zài xiào yuán xiǎo dào shàng, wēi fēng fú miàn, lìng rén xīn kuàng shén yí.

Ánh nắng sáng sớm buổi sáng mai xuyên qua tán cây râm mát rơi xuống con đường nhỏ trong khuôn viên trường, gió nhẹ phả vào mặt khiến tâm hồn khoan khoái thư thái.

17 nét

HÁN VIỆT: TẢO THẦN

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#684

早就

zǎojiù

đã... từ lâu, sớm đã

科研攻关团队早就做好了应对各种极端工况挑战的周密应急预案，确保工程万无一失。

Kē yán gōng guān tuán duì zǎo jiù zuò hǎo le yìng duì gè zhǒng jí duǎn gōng kuàng tiǎo zhàn de zhōu mì yìng yuán àn, què bǎo gōng chéng wàn wú yí shī.

Nhóm xung kích nghiên cứu khoa học sớm đã từ lâu chuẩn bị sẵn sàng phương án ứng phó khẩn cấp chu mật để ứng phó với mọi thách thức điều kiện làm việc cực đoan, bảo đảm công trình an toàn tuyệt đối không một sai sót.

20 nét

HÁN VIỆT: TẢO TỰ



HSK 2 (3.0)

Cụm từ nghi vấn

#685

怎么办

zěnmē bàn

làm sao bây giờ, phải làm thế nào

在探索未知科学前沿遇到技术瓶颈时不要慌乱，大家沉着坐下来研讨到底该怎么办、如何破局。

Zài tàn suǒ wèi zhī kē xué qián yán yù dào jì shù píng jīng shí bú yào huāng luàn, dà jiā chén zhe zuò xià lái yán yáo dào dǐ gāi zěnmē bàn, rú hé pò jú.

Khi gặp phải nút thắt kỹ thuật trong quá trình thám hiểm khám phá các lĩnh vực khoa học tiên phong chưa biết thì đứng hoang mang lo lắng, mọi người hãy bình tĩnh ngồi lại cùng nhau thảo luận rõ cuộc phải làm thế nào làm sao bây giờ, phá vỡ bế tắc ra sao.

35 nét

HÁN VIỆT: CHẤM YÊU BIỆN

HSK 2 (3.0)

Đại từ

#686

怎么样

zěnmē yàng

như thế nào, ra sao

今天天气怎么样?

Jīntiān tiānqì zěnmeyàng?

Thời tiết hôm nay thế nào?

35 nét

HÁN VIỆT: CHẤM YÊU DẠNG

HSK 2 (3.0)

Đại từ nghi vấn

#687

怎样

zěnyàng

như thế nào, ra sao, bằng cách nào

青年科学家在主题学术论坛上深入分享了怎样利用深度学习大模型加速前沿基础科学发现。

Qīng nián kē xué jiā zài zhǐ tí xué shù lùn tán shàng shēn rù fēn xiǎng le zěnyàng lì yòng shēn dù xué xí dà mó xíng jiā sù qián yán jī chǔ kē xué fā xiàn.

Nhà khoa học trẻ tuổi tại diễn đàn học thuật chuyên đề đã chia sẻ sâu sắc về việc làm thế nào bằng cách nào như thế nào để vận dụng mô hình lớn học sâu nhằm đẩy nhanh các phát hiện khoa học cơ bản tiên phong.

24 nét

HÁN VIỆT: CHẤM DẠNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#688

占

zhàn

tính đến

老师鼓励大家积极占，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhàn, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tính đến, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

9 nét

HÁN VIỆT: CHIẾM

HSK 2 (3.0)

Động từ

#689

站住

zhànzhù

đứng lại, đứng vững

面对复杂严峻的外部挑战与风浪考验，我们必须站稳脚跟、站住阵地，保持坚如磐石的战略定力。

Miàn duì fù zá yǎn jùn de wài bù tiǎo zhàn yǔ fēng làng kǎo yàn, wǒ men bì xū zhàn wěn jiǎo gēn, zhàn zhù zhèn dì, bǎo chí jiān rú pán shí de zhàn lüè dìng lì.

Đứng trước thử thách sóng to gió lớn và thách thức hiểm nghèo phức tạp từ bên ngoài, chúng ta bắt buộc phải đứng vững gót chân, đứng vững trận địa, giữ vững định lực chiến lược kiên cố như bàn thạch.

24 nét

HÁN VIỆT: TRẠM TRÚ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#690

长

zhǎng

lớn lên, mọc

这个小孩子长得真快。

Zhè gè xiǎoháizi zhǎng de zhēn kuài.

Đứa trẻ này lớn nhanh thật.

10 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#691

长大

zhǎng dà

lớn lên, trưởng thành khôn lớn

青年一代在党和人民的悉心关怀培育下茁壮成长，正在成为担当强国建设重任的中流砥柱。

Qīng nián yí dài zài dǎng hé rén mín de xī xīn guān huái péi yù xià zhuàng huāng zhǎng dà, zhèng zài chéng wéi dāng qiáng guó jiàn shè zhòng rèn de zhōng liú dǐ zhù.

Thế hệ thanh niên dưới sự quan tâm bồi dưỡng chu đáo tận tình của Đảng và Nhân dân đã khôn lớn trưởng thành khỏe mạnh, đang trở thành rường cột trụ cột gánh vác trọng trách xây dựng đất nước giàu mạnh.

21 nét

HÁN VIỆT: TRƯỞNG ĐẠI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#692

找出

zhǎo chū

tìm hiểu

老师鼓励大家积极找出，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhǎo chū, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tìm hiểu, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

16 nét

HÁN VIỆT: TRẢO XUẤT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#693

照顾

zhào gu

chăm sóc

住院康复期间，医护人员细致入微、体贴周到的专业照顾令全家上下倍感温暖与感激。

Zhù yuàn kāng fù qī jiān, yī hù rén yuán xì zì rú wēi, tǐ tiē zhōu dào de zhuān yè zhào gu ling quán jiā shàng xià bèi gǎn wēn nuǎn yǔ gǎn jī.

Trong thời gian nằm viện phục hồi sức khỏe, sự chăm sóc chu đáo, tận tâm và chuyên nghiệp của các y bác sĩ khiến cả gia đình cảm thấy ấm lòng và biết ơn sâu sắc.

24 nét

HÁN VIỆT: CHIẾU CỐ



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#694

照片

zhàopiàn

Ảnh

翻开珍藏多年的大学毕业纪念相册，一张张泛黄的老照片瞬间勾起了无数青春的美好回忆。

Fānkāi zhēncáng duō nián de dàxué jìniàn xiàngcè, yì zhāngzhāng fànhuáng de lǎo zhàopiàn shùnjiǎn gōuqǐ le wúshù qīngchūn de měihǎo huíyì.

Lật mở cuốn album kỷ niệm tốt nghiệp đại học cất giữ nhiều năm, từng bức ảnh cũ nhuộm màu thời gian tức khắc gợi lại biết bao kỷ ức tươi đẹp của tuổi thanh xuân.

📖 20 nét

HÁN VIỆT : CHIẾU PHIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#695

照相

zhàoxiàng

chụp ảnh, chụp hình kỷ niệm

毕业典礼结束后，同学们身着庄重整齐的学士服在图书馆前合影留念，定格青春美好时光。

Bì yè diǎn lǐ jié shù hòu, tóngxué men shēn zhuāng zhòng zhěng qí de xuésì fú zài túshū guǎn qián hé yìng zhào xiàng liú niàn, dìng gé qīng chūn měi hǎo shí guāng.

Sau khi lễ tốt nghiệp kết thúc, các bạn sinh viên khoác lên mình bộ lễ phục cử nhân trang trọng ngay gần chụp ảnh chụp hình kỷ niệm trước thư viện, lưu giữ khoảnh khắc thanh xuân tươi đẹp.

📖 24 nét

HÁN VIỆT : CHIẾU TƯỢNG

HSK 2 (3.0)

Đại từ chỉ định

#696

这么

zhème

như thế này, đến mức này

看到大家在这么短的时间内就攻克了核心工艺瓶颈，总指挥由衷地竖起了大拇指。

Kàn dào dàjiā zài zhè me duǎn de shí jiān nèi jiù gōngkè le héxīn gōngyì píngjǐng, zǒngzhǐ huī yóuzhōng dì shù qǐ le dà mǔ zhǐ.

Nhìn thấy mọi người chỉ trong khoảng thời gian ngắn như thế này đến mức này đã chinh phục được nút thắt quy trình công nghệ cốt lõi, vị tổng chỉ huy đã hết lòng giơ ngón tay cái tán thưởng.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : GIÁ YÊU

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#697

这时

zhèshí

lúc này, vào lúc này, thời điểm này

就在实验进入最关键的冲刺阶段，这时监测大屏上跳出了完全符合理论预期的完美数据曲线。

Jiù zài shí yàn jìn rù zuì guān jiàn de chōngcǐ jiē duàn, zhè shí jiān cè dà píng shàng tiào chū le wán quán fú hé lǐ lùn yù qī de wán měi shù jù qū xiàn.

Ngay lúc thực nghiệm bước vào giai đoạn nước rút then chốt nhất, vào lúc này trên màn hình giám sát lớn đã nhảy ra đường cong số liệu hoàn hảo hoàn toàn phù hợp với kỳ vọng lý thuyết.

📖 27 nét

HÁN VIỆT : GIÁ THỜI

HSK 2 (3.0)

Danh từ chỉ thời gian

#698

这时候

zhèshíhòu

lúc này, thời điểm này, khi ấy

越是在面临重大挑战的紧要关头，这时候越需要我们保持从容镇定、沉着应对。

Yuè shì zài miǎn lín zhòng dà tiǎo zhàn de jǐn yào guān tóu, zhè shí hòu yuè xū yào wǒ men bǎo chí cóng róng zhèn dìng, chén zhuó yìng duì.

Càng vào thời khắc mấu chốt quan trọng đứng trước những thách thức trọng đại, lúc này thời điểm này lại càng cần chúng ta phải giữ vững sự điềm tĩnh ung dung, bình tĩnh ứng phó.

📖 35 nét

HÁN VIỆT : GIÁ THỜI HẬU

HSK 2 (3.0)

Đại từ chỉ định

#699

这样

zhèyàng

như thế này, như vậy, cách này

只有坚持走自主创新之路并把核心技术牢牢掌握在自己手中，我们才能这样有底气地傲立于世界科技之林。

Zhǐ yǒu jiān chí zì zhuān chuàng xīn zhī lù bǐng bǎ hé xīn jī shù láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men cái néng zhè yàng yǒu dǐ qì de ào lì yú shì jiè kējì zhī lín.

Chỉ có kiên trì bước đi trên con đường tự chủ đổi mới sáng tạo và nắm chắc công nghệ cốt lõi trong tay mình, chúng ta mới có thể đứng vững kiêu hãnh như thế này như vậy trong hàng ngũ khoa học kỹ thuật thế giới.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : GIÁ DẠNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#700

真正

zhēn zhèng

chân chính, thực sự, đích thực

真正的强者从来不是没有眼泪与软弱，而是在含着眼泪依然选择坚定奔跑、永不言弃。

Zhēn zhèng de qiáng zhě cóng lái bú shì méi yǎn lèi yǔ ruǎn ruò, ér shì zài hán zhuó yǎn lèi yī rán xuǎn zé jiān dìng bēn pǎo, yǒng bú yán qì.

Người thực sự mạnh mẽ chưa bao giờ là người không có những giọt nước mắt hay giây phút yếu lòng, mà là người dẫu trong khó khăn ngăn lệ vẫn kiên cường sải bước chạy về phía trước, không bao giờ bỏ cuộc.

📖 21 nét

HÁN VIỆT : CHÂN CHÍNH

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#701

正常

zhèng cháng

bình thường

在面对复杂的挑战时，保持正常的心态尤为重要。

Zài miàn duì fù zá de tiǎo zhàn shí, bǎo chí zhèng cháng de xīn tài yóu wéi zhòng yào. Khi đối mặt với những thử thách phức tạp, giữ tâm thái bình thường đặc biệt quan trọng.

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHÍNH THƯỜNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#702

正好

zhèng hǎo

vừa đúng, đúng lúc, vừa vặn

今天我刚好路过母校附近，正好碰见多年未见的高中同窗好友，真是太巧了！

Jīn tiān wǒ gāng hǎo lù guò mǔ xiào fù jìn, zhèng hǎo pèng jiàn duō nián wéi jiàn de gāo zhōng tóng chuāng hǎo yǒu, zhēn shì tài qiǎo le!

Hôm nay mình vừa hay có việc đi ngang qua gần trường xưa, đúng lúc lại tình cờ gặp lại người bạn thân thời cấp 3 gần bó nhiều năm chưa gặp, quả thực là trùng hợp vô cùng!

📖 23 nét

HÁN VIỆT : CHÍNH HẢO



HSK 2 (3.0)

Tính từ

#703

正确

zhèng què

chính xác, đúng đắn

在人生的关键十字路口，树立正确的价值观与职业发展观能够指引我们做出最无悔的抉择。

Zài rén shēng de guān jiàn shí zhí zì lù kǒu, shù lì zhèng què de jià zhí guān yǔ zhí yè fā zhǎn guān néng gōu zhǐ yīn wǒ men zuò chū zuì wú huǐ de jué zé.

Đứng trước những khúc ngoặt ngã rẽ quan trọng của cuộc đời, việc gây dựng hệ giá trị và nhân sinh quan đúng đắn sẽ dẫn đường chỉ lối giúp chúng ta đưa ra những quyết định không bao giờ phải hối tiếc.

📖 20 nét

HÁN VIỆT: CHINH XÁC

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Cụm từ

#704

正是

zhèng shì

chính là, đúng là

正是因为有无数默默无闻奉献者的坚守与奋斗，才铸就了今天祖国繁荣昌盛的壮美画卷。

Zhèng shì yīn wèi yǒu wú shù mò mò wú wén fèng xiàn zhě de jiān shǒu yǔ fèn dòu, cái zhù jiàn jīn tiān zǔ guó fán róng chāng shèng de zhuàng měi huà juǎn.

Chính là nhờ có sự phần đầu và bám trụ kiên cường của vô số những con người cống hiến thầm lặng vô danh, mới đúc nên bức tranh tráng lệ tươi đẹp phồn vinh thịnh vượng của Tổ quốc ngày hôm nay.

📖 18 nét

HÁN VIỆT: CHINH THỊ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#705

直接

zhí jiē

trực tiếp, thẳng thắn

在高效务实的现代团队沟通中，开门见山、直接聚焦核心问题往往能够大幅降低沟通协作成本。

Zài gāo xiào wù shí de xiàn dài tuán dui gōu tōng zhōng, kāi mén jiàn shān, zhí jiē jù jiāo hé xīn wèn tí wǎng wǎng néng gōu dà fú jiàng dī gōu tōng zuò chéng běn.

Trong giao tiếp làm việc nhóm hiện đại mang tính hiệu quả và thực tế, việc đi thẳng vào vấn đề và tập trung trực tiếp vào điểm cốt lõi thường sẽ giúp giảm thiểu đáng kể chi phí trao đổi, phối hợp.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TRỰC TIẾP

HSK 2 (3.0)

Lượng từ

#706

只

zhǐ

chỉ

清晨推开雕花窗棂，只见古树梢头上俏立着一只欢快歌唱的喜鹊，歌声格外悦耳动听。

Qīng chén tuī kāi diāo huā chuāng líng, zhǐ jiàn gǔ shù shāo tóu shàng qiào lì zhe yì zhī huān kuài gē chāng de xǐ què, gē shēng gé wài yuè ěr dòng tīng.

Sáng sớm đẩy then cửa sổ chạm khắc, chỉ thấy trên ngọn cây cổ thụ có một chú chim khách đang cất tiếng hót líu lo, giai điệu êm tai dễ chịu lạ kỳ.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 2 (3.0)

Phó từ / Động từ năng nguyện

#707

只能

zhǐ néng

chỉ có thể, chỉ đành

关键核心技术是要不来、买不来、讨不来的，我们只能依靠自力更生与自主创新实现突破。

Guān jiàn hé xīn jì shù shì yào bù lái, mǎi bù lái, tǎo bù lái de, wǒ men zhǐ néng yī kào zì lì gēng shēng yǔ zì zhù chuàng xīn shí xiàn tū pò.

Công nghệ lõi then chốt là thứ không thể đòi được, không thể mua được và không thể xin xỏ được, chúng ta chỉ có thể dựa vào đổi mới sáng tạo tự chủ và tự lực cánh sinh để thực hiện đột phá.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHỈ NĂNG

HSK 2 (3.0)

Liên từ

#708

只要

zhǐ yào

chỉ cần (điều kiện cần)

只要我们坚定理想信念、保持战略定力并脚踏实地奋斗，就没有任何艰难险阻能够阻挡我们前进的步伐。

Zhǐ yào wǒ men jiān dìng lǐ xiǎng xìn niàn, bǎo chí zhàn lüè dìng lì bìng jiǎo tà shí dì fèn dòu, jiù méi yǒu rèn hé jiǎn nán xiǎn zǔ néng gōu zǔ dǎng wǒ men qián jìn de bù fá.

Chỉ cần chúng ta giữ vững định lực chiến lược, kiên định lý tưởng niềm tin và chân thật vững vàng phần đầu, thì sẽ chẳng có muôn trùng gian nan hiểm trở nào có thể cản nổi bước chân tiến lên của chúng ta.

📖 27 nét

HÁN VIỆT: CHỈ YÊU

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ

#709

纸

zhǐ

giấy, tờ giấy

造纸术作为中国古代四大发明之一，对人类文明知识的传播与普及作出了不可磨灭的划时代贡献。

Zào zhǐ shù zuò wéi zhōng guó gù dài sì dà fā míng zhī yī, duì rén lèi wén míng zhī shí de chuán bō yǔ pǔ jí zuò chū le bù kě mò miè de huà shí dài gòng xiàn.

Kỹ thuật làm giấy với tư cách là một trong Tứ đại Phát minh của Trung Hoa cổ đại, đã lập nên cống hiến mang tính thời đại không thể phai mờ đối với sự phổ cập và truyền bá tri thức văn minh của nhân loại.

📖 10 nét

HÁN VIỆT: CHỈ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#710

中餐

zhōng cān

món ăn Trung Quốc, ẩm thực Trung Hoa

博大精深的中餐烹饪技艺讲究色香味俱全，在世界各地备受国际友人的赞赏与喜爱。

Bó dà jīng shēn de zhōng cān pēng rèn jì yì jiāng jiū sè xiāng wèi jù quán, zài shì jiè gè dì bèi shòu guó jì yǒu rén de zàn shàng yǔ xī ài.

Kỹ nghệ nấu nướng ẩm thực món ăn Trung Quốc uyên thâm sâu rộng rất coi trọng sắc - hương - vị vẹn toàn, được bạn bè quốc tế khắp nơi trên thế giới hết sức tán thưởng và yêu thích.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: TRUNG XAN

HSK 2 (3.0)

Tính từ / Danh từ

#711

中级

zhōng jí

trung cấp, cấp bậc trung gian

通过半年的系统学习，许多留学生顺利通过了国际中文水平中级阶段的考核评估。

Tōng guò bàn nián de xì tǒng xué xí, xǔ duō liú xué shēng shùn lì tōng guò le guó jì zhōng wén shuǐ píng zhōng jí jiē duàn de kǎo hé píng gū.

Trải qua nửa năm học tập có hệ thống, nhiều bạn lưu học sinh đã thuận lợi vượt qua kỳ khảo sát đánh giá giai đoạn trung cấp Năng lực Tiếng Trung Quốc tế.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TRUNG CẤP



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#712

中年

zhōngnián

trung niên, tuổi trung niên

中年骨干科研人员承上启下，在重大科研攻关与拔尖青年人才传帮带中发挥着中流砥柱作用。

Zhōng nián gǔ gàn kē yán rén yuán chéng shàng qǐ xià, zài zhòng dà kē yán gōng guān yǔ bá jiān qīng nián rén cái chuán bāng dài zhōng fā hūi zhe zhōng liú dǐ zhǔ zuò yòng.

Đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học cốt cán tuổi trung niên gánh vác kết nối trước sau, phát huy vai trò rường cột trụ cột trong việc diu dắt truyền nghề cho nhân tài trẻ xuất chúng và vượt khó nghiên cứu khoa học trọng đại.

18 nét

HÁN VIỆT: TRUNG NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#713

中小学

zhōngxiǎoxué

trường tiểu học và trung học

国家全面推进中小学科学教育体系建设，在广大青少年心中厚植科技创新的种子。

Guó jiā quán miàn tuī jìn zhōng xiǎo xué kē xué jiào yù tǐ xì jiàn shè, zài guāng dà qīng shào nián xīn zhōng hòu zhí kē jī chuàng xīn de zǒng zǐ.

Nhà nước đẩy mạnh toàn diện xây dựng hệ thống giáo dục khoa học trường tiểu học và trung học, gieo mầm sâu đậm hạt giống đổi mới sáng tạo khoa học công nghệ trong trái tim đồng đảo thanh thiếu niên.

33 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TIỂU HỌC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#714

中心

zhōng xīn

trung tâm, trọng tâm, hạt nhân

该综合性国家科学中心聚集了全球顶尖的战略科学家团队与数十个世界级大科学前沿装置。

Gāi zōng hé xíng guó jiā kē xué zhōng xīn jù jí le quán qiú dǐng jiān de zhàn lüè kē xué jiǎ tuán dui yǔ shù shí gè shì jiè jí dà kē xué qián yán zhuāng zhì.

Trung tâm Khoa học Quốc gia Tổng hợp này quy tụ đội ngũ các nhà khoa học chiến lược hàng đầu thế giới cùng hàng chục thiết bị khoa học lớn tiên phong tầm cỡ thế giới.

17 nét

HÁN VIỆT: TRUNG TÂM

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#715

中医

zhōngyī

Trung y, Đông y, y học cổ truyền phương Đông

中医千百年来积累了深厚的辨证施治理论与丰富临床经验，是中华优秀传统文化的璀璨瑰宝。

Zhōng yī qiān bǎi nián lái jī lěi le shēn hòu de biàn zhèng shí zhì lǐ lùn yǔ fēng fù lín chuáng jīng yàn, shì zhōng huá huà yǒu xiù chuán tǒng wén huà de cuī càn guī bǎo.

Trung y Đông y ngàn năm qua đã tích lũy lý luận biện chứng luận trị sâu sắc cùng kinh nghiệm lâm sàng phong phú, chính là báu vật rực rỡ của văn hóa truyền thống xuất sắc Trung Hoa.

22 nét

HÁN VIỆT: TRUNG Y

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#716

重点

zhòng diǎn

trọng điểm, trọng tâm, điểm mấu chốt

本阶段系统重构的技术攻关重点在于全面优化底层数据库查询索引与分布式微服务并发性能。

Běn jiē duàn xì tǒng zhòng gòu de jì shù gōng guān zhòng diǎn zài yú quán miàn yōu huà dī céng shù jù kù chá xún suǒ yǐn yǔ fēn bù shì wēi fú wù bìng fā xíng néng.

Trọng tâm đột phá kỹ thuật trong giai đoạn tái cấu trúc hệ thống này nằm ở việc tối ưu hóa toàn diện chỉ mục truy vấn cơ sở dữ liệu tầng dưới và hiệu năng xử lý đồng thời của vi dịch vụ phân tán.

20 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG ĐIỂM

HSK 2 (3.0)

Động từ / Tính từ

#717

重复

chóng fù

lặp lại, trùng lặp

通过引入自动化脚本处理流程，团队成功消除了日常运营中大量枯燥低效的重复劳动。

Tōng guò yǐn rù zì dòng huà jiǎo běn chǔ lǐ liú chéng, tuán dui chéng gōng xiāo chú le rì cháng yùn yíng zhōng dà liàng kū zào dī xiào de chóng fù láo dòng.

Thông qua việc đưa quy trình kịch bản tự động hóa vào vận hành, nhóm đã loại bỏ thành công phần lớn những công việc lặp đi lặp lại nhàm chán và kém hiệu quả trong vận hành thường nhật.

22 nét

HÁN VIỆT: TRÙNG PHỤC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#718

重视

zhòng shì

coi trọng, chú trọng, xem trọng

现代卓越企业高度重视青年科研技术人才的早期培养与职业成长通道建设。

Xiàn dài zhuó yuè qī yè gāo dù zhòng shì qīng nián kē yán jì shù rén cái de zǎo qī péi yǎng yǔ zhí yè chéng zhǎng tōng dào jiàn shè.

Các doanh nghiệp xuất sắc hiện đại coi trọng đặc biệt công tác đào tạo sớm và xây dựng lộ trình thăng tiến sự nghiệp cho đội ngũ nhân tài nghiên cứu khoa học công nghệ trẻ.

21 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG THỊ

HSK 2 (3.0)

Phó từ

#719

重新

chóng xīn

làm lại từ đầu, bắt đầu lại

遇到技术瓶颈时不要气馁，我们可以重新理清架构思路并开展新一轮方案设计。

Yù dào jì shù píng jǐng shí bú yào qì něi, wǒ men kě yǐ chóng xīn lǐ qīng jià gòu sī lù bìng kāi zhǎn xīn yī lún fāng àn shè jì.

Khi gặp nút thắt kỹ thuật đừng vội nản lòng, chúng ta hoàn toàn có thể sắp xếp lại tư duy kiến trúc và tiến hành thiết kế phương án mới từ đầu.

23 nét

HÁN VIỆT: TRỌNG TÂN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#720

周

Zhōu

tuần

老师鼓励大家积极周，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zhōu, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực tuần, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

14 nét

HÁN VIỆT: CHU



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#721

周末

zhōu mò

cuối tuần

难得偷得浮生半日闲，这个周末我们相约去郊外远离喧嚣的森林公园露营野餐、放松心情。

Nándé tōu de fúshēng bàn rì xián, zhè ge zhōumò wǒmen xiāngyuē qù jiāowài yuánlín xuānxiāo de sēnlín gōngyuan lùyíng yěcān, fàngsōng xīnqíng.

Hiếm hoi mới có được chút thành thời giữa bận bịu, cuối tuần này chúng mình hẹn nhau tới công viên rừng ngoại ô tránh xa ồn ào để cắm trại dã ngoại và thư giãn tâm hồn.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHU MẠT

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#722

周年

zhōu nián

kỷ niệm năm, tròn năm, chu niên

在迎来新中国成立七十五周年之际，全党全国各族人民满怀自豪、接续奋斗，汇聚起以中国式现代化全面推进强国建设的磅礴伟力。

Zài yíng lái xīn zhōng guó chéng lì qī shí wǔ zhōu nián zhī jì, quán dǎng quán guó gè zú rén mǐn mǎn huái zì háo, jiē xù fèn dòu, huì jù qǐ yǐ zhōng guó shì xiàn dài huà quán miàn tuī jìn qiáng guó jiàn shè de páng bó wēi lì.

Nhân dịp đón chào kỷ niệm 75 năm tròn ngày thành lập Nước Cộng hòa, toàn Đảng và nhân dân các dân tộc trên cả nước ngập tràn niềm tự hào, tiếp bước phấn đấu, hội tụ nên nguồn vĩ lực dồi non lấp biển đẩy mạnh toàn diện xây dựng đất nước giàu mạnh bằng hiện đại hóa đất nước.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: CHU NIÊN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#723

主人

zhǔ rén

chủ nhân, người làm chủ; chủ nhà

人民是历史的创造者，是国家真正的主人，一切国家权力和国家机构都属于人民、服务于人民。

Rén mín shì lì shǐ de chuàng zào zhě, shì guó jiā zhēn zhèng de zhǔ rén, yī qiè guó jiā quán lì hé guó jiā jī gòu dōu shǔ yú rén mín, fú wù yú rén mín.

Nhân dân là người sáng tạo nên lịch sử, là chủ nhân thực sự của đất nước, mọi quyền lực nhà nước và cơ quan nhà nước đều thuộc về nhân dân, phụng sự nhân dân.

📖 17 nét

HÁN VIỆT: CHỦ NHÂN

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#724

主要

zhǔ yào

chính

本期学术培训课程的主要目标在于系统化夯实学员们的高级中文口语沟通与商务洽谈能力。

Běn qī xuéshù péixùn kèchéng de zhǔyào mùbiāo zài yú xìtǒnghuà hángshí xuéyuánmen de gāoji Zhōngwén kǒuyǔ gōutōng yǔ shāngwù qiàntán nénglì.

Mục tiêu then chốt của khóa đào tạo học thuật kỳ này là củng cố vững chắc có hệ thống năng lực giao tiếp khẩu ngữ tiếng Trung cao cấp và đàm phán thương mại cho học viên.

📖 21 nét

HÁN VIỆT: CHỦ YÊU

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#725

住房

zhù fáng

nhà ở, điều kiện nhà ở

国家大力推进保障性住房建设与城中村改造，切实解决青年人和新市民的安居住房问题。

Guó jiā dà lì tuī jìn bǎo zhàng xìng zhù fáng jiàn shè yǔ chéng cūn gǎi zào, qiè shí jiě jué qīng nián rén hé xīn shì mǐn de ān jū zhù fáng wèn tí.

Nhà nước ra sức đẩy mạnh xây dựng nhà ở bảo đảm xã hội và cải tạo các làng trong đô thị, giải quyết thiết thực vấn đề nhà ở an cư lạc nghiệp cho thanh niên và cư dân đô thị mới.

📖 19 nét

HÁN VIỆT: TRÚ PHÒNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#726

住院

zhù yuàn

nằm viện, nhập viện điều trị

国家医保跨省异地就医直接结算政策全面落实，极大减轻了群众异地住院就医的垫资负担。

Guó jiā yī bǎo kuà shěng yì dì jiù yī zhí jiē jié suàn zhèng cè quán miàn luò dì, jí dà jiǎn qīng le qún zhòng yì dì zhù yuàn jiù yī de diàn zī fù dān.

Chính sách thanh toán trực tiếp bảo hiểm y tế khám chữa bệnh ngoại tỉnh liên tỉnh đã được triển khai toàn diện, giảm nhẹ vượt bậc gánh nặng ứng tiền trước khi nằm viện nhập viện khám chữa bệnh nơi khác của người dân.

📖 24 nét

HÁN VIỆT: TRÚ VIỆN

HSK 2 (3.0)

Động từ / Danh từ

#727

装

zhuāng

lắp đặt, trang bị; đóng gói; giả vờ; trang phục

技术人员在万米级深海载人潜水器耐压球舱外部精准安装了高灵敏度高清深海彩色摄像机与机械作业手。

Jì shù rén yuán zài wàn mǐ jí shēn hǎi zài rén qián shuǐ qì nàì yā qiú cāng wài bù jīng zhǔn ān zhuāng le gāo lǐng mǐn dù gāo qīng shēn hǎi cǎi sè shè xiàng jī yǔ jī xié zuò yè shǒu.

Cán bộ kỹ thuật đã lắp đặt chuẩn xác camera màu biển sâu độ nét cao độ nhạy cao cùng cánh tay thao tác cơ khí bên ngoài khoang cầu chịu áp lực của tàu lặn có người lái vạn mét biển sâu.

📖 14 nét

HÁN VIỆT: TRANG

HSK 2 (3.0)

Tính từ

#728

准确

zhǔn què

chuẩn xác, chính xác

在实时气象卫星遥感预警与台风路径模拟推演中，精准准确的各项数值计算关乎万千民众的生命财产安全。

Zài shí shí qì xiàng wēi xīng yǎng wǎng yù jǐng yǔ tái fēng lù jīng mō nǐ tuī yǎn zhōng, jīng zhǔn zhǔn què de gè xiàng shù zhí suàn guān hū wàn qiān mǐn zhòng de shēng mìng cái chǎn ān quán.

Trong công tác cảnh báo viễn thám vệ tinh khí tượng thời gian thực và mô phỏng đường đi của bão, các phép tính toán số liệu chuẩn xác tuyệt đối liên quan mật thiết tới an toàn tính mạng và tài sản của hàng vạn người dân.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: CHUẨN XÁC

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#729

字典

zì diǎn

từ điển

遇到不熟悉的古汉语生僻字词时，随时翻阅权威的新华字典或现代汉语词典是治学严谨的好习惯。

Yù dào bù shú xī de gǔ Hànyǔ shēngpì zì cí shí, suí shí fānyuē quánwēi de Xīnhuá Zìdiǎn huò Xiàndài Hànyǔ Cìdiǎn shì zhìxué yánjīn de hào xíguàn.

Khi gặp các từ ngữ cổ hoặc chữ Hán lạ chưa biết, việc tra cứu từ điển Tân Hoa hoặc Từ điển tiếng Hán hiện đại là một thói quen học thuật chuẩn mực đáng quý.

📖 22 nét

HÁN VIỆT: TỰ ĐIỂN



HSK 2 (3.0)

Đại từ

#730

自己

zìjǐ

bản thân, tự mình, chính mình

关键技术必须牢牢掌握在自己手中，我们必须坚定不移走中国特色自主创新道路。

Guān jiàn hé xīn jì shù bì xū láo láo zhǎng wò zài zì jǐ shǒu zhōng, wǒ men bì xū jiǎn dìng bù yí zǒu zhōng guó tè sè zì zhǔ chuàng xīn dào lù.

Công nghệ lõi then chốt bắt buộc phải nắm chắc trong tay của chính mình bản thân mình, chúng ta phải kiên định không ngừng bước đi trên con đường đổi mới sáng tạo tự chủ mang đặc sắc Trung Quốc.

21 nét

HÁN VIỆT: TỰ KỶ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#731

自行车

zì xíng chē

xe đạp

我骑自行车去学校。

Wǒ qí zì xíng chē qù xué xiào.

Tôi đi xe đạp đến trường.

31 nét

HÁN VIỆT: TỰ HÀNH XA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Tính từ

#732

自由

zì yóu

tự do

法律既充分保障每一位公民依法享有的广泛民主权利与自由，也明确规定了行使自由不得损害国家与集体利益。

Fǎ lǜ jì chōng fēn bǎo zhàng měi yí wèi gōng mín yǐ fǎ xiǎng yǒu de guǎng fàn mǐn zhǔ quán lì yǔ zì yóu, yě míng què guī dìng le xíng shǐ zì yóu bù dé sǔn hài guó jiā yǔ jí tǐ lì yì.

Pháp luật vừa bảo đảm đầy đủ các quyền dân chủ và tự do sâu rộng mà mỗi công dân được hưởng theo luật định, lại vừa quy định rõ ràng rằng việc thực thi tự do không được làm tổn hại đến lợi ích của Nhà nước và tập thể.

23 nét

HÁN VIỆT: TỰ DO

HSK 2 (3.0)

Động từ

#733

走过

zǒu guò

đi qua, bước qua, vượt qua (chặng đường)

走过波澜壮阔的世纪奋斗征程，中华民族迎来了从站起来、富起来到强起来的伟大飞跃。

Zǒu guò bō lán zhuàng kuò de shì jì fèn dòu zhēng chéng, zhōng huá mín zú yíng lái le cóng zhàn qǐ lái, fù qǐ lái dào qiáng qǐ lái de wēi dà fēi yuè.

Đi qua bước qua chặng đường phấn đấu thế kỷ cuộn sóng dạt dào, dân tộc ta đã đón chào bước nhảy vọt vĩ đại từ đứng lên, giàu lên cho đến mạnh lên.

21 nét

HÁN VIỆT: TỬ QUÁ

HSK 2 (3.0)

Động từ

#734

走进

zǒu jìn

bước vào, đi vào trong (không gian, thế giới)

当我们走进国家重大前沿物理实验室时，映入眼帘的是排列整齐的高精尖科研仪器装备。

Dāng wǒ men zǒu jìn guó jiā zhòng dà qián yán wù lǐ shí yàn shì shì, yǐng rù yǎn lián de shì pái liè zhěng qí de gāo jīng jiān kē yán yí qì zhuāng bèi.

Khi chúng tôi bước vào đi vào trong phòng thí nghiệm vật lý tiên phong trọng đại quốc gia, đập vào mắt là các trang thiết bị dụng cụ nghiên cứu khoa học mũi nhọn tinh vi tối tân xếp đặt ngay ngắn.

20 nét

HÁN VIỆT: TỬ TIẾN

HSK 2 (3.0)

Động từ

#735

走开

zǒu kāi

bước ra chỗ khác, đi ra xa

在特种高压电气实验作业期间，现场安全员提醒无关人员请迅速走开、保持安全距离。

Zài tè zhǒng gāo yǎ diàn qì shí yàn zuò yè qī jiān, xiàn chǎng ān quán yuán tí xǐng wú guān rén yuán qǐng xùn sù zǒu kāi, bǎo chí ān quán jù lí.

Trong thời gian tác nghiệp thực nghiệm điện cao áp đặc chủng, nhân viên an toàn tại hiện trường nhắc nhở những người không có nhiệm vụ xin hãy nhanh chóng đi ra xa bước ra chỗ khác, giữ cự ly an toàn.

22 nét

HÁN VIỆT: TỬ KHAI

HSK 2 (3.0)

Động từ

#736

租

zū

thuê, cho thuê, tiền thuê

刚步入职场的年轻毕业生们在交通便利的地铁站附近合租了一套温馨明亮的三居室公寓。

Gāng bù rù zhí chǎng de nián qīng bì yè shēng men zài jiāo tōng biàn lì de dì tiě zhàn fù jìn hé zū le yí tào wēn xīn míng liàng de sān jū shì gōng yú.

Các bạn trẻ mới tốt nghiệp bước vào đời đã cùng nhau thuê chung một căn hộ 3 phòng ngủ ấm cúng và sáng sủa ở gần ga tàu điện ngầm giao thông thuận tiện.

8 nét

HÁN VIỆT: TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Lượng từ / Động từ

#737

组

zǔ

tổ, nhóm, bộ linh kiện; tổ chức hợp thành

由两院院士领衔的国家重大科技项目专家攻关组，进驻工程核心现场开展全天候技术指导。

Yóu liǎng yuàn yuán shì lǐng xián de guó jiā zhòng dà kē jì xiàng mù zhuān jiā gōng guān zǔ, jìn zhù gōng chéng hé xīn xiàn chǎng kāi zhǎn quán tiān hòu jì shù zhǐ dǎo.

Tổ nhóm xung kích chuyên gia dự án khoa học công nghệ trọng đại quốc gia do các viện sĩ Viện Hàn lâm hai viện dẫn đầu đã đóng chốt tại hiện trường cốt lõi của công trình để triển khai hướng dẫn kỹ thuật 24/24.

8 nét

HÁN VIỆT: TỔ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#738

组成

zǔ chéng

tạo thành, cấu thành, hợp thành

这支朝气蓬勃的深空探测青年科研突击队，由来自航天工程、微电子以及人工智能等多个学科的拔尖学者共同组成。

Zhè zhī zhào qì péng bó de shēn kōng tàn cè qīng nián kē yán tǔ jī duì, yóu lái zì háng tiān gōng chéng, wēi diàn zǐ yǐ jì rén gōng zhì néng děng duō gē xué kē de bá jiān xué zhě gòng tóng zǔ chéng.

Đội xung kích nghiên cứu khoa học trẻ khám phá không gian sâu tràn đầy sức sống này được hợp thành bởi các học giả xuất sắc đến từ nhiều chuyên ngành như kỹ thuật hàng không vũ trụ, vi điện tử và trí tuệ nhân tạo.

18 nét

HÁN VIỆT: TỔ THÀNH



HSK 2 (3.0)

Danh từ

#739

组长

zǔzhǎng

tổ trưởng, trưởng nhóm phụ trách

重大科研攻关项目课题组组长带领全体科研骨干昼夜奋战，按期高质量交付了核心研发任务。

Zhòng dà kē yán gōng guān xiàng mù kè tí zǔ zhǎng dài lǐng quán tǐ kē yán gǔ gàn zhòu yè fèn zhàn, àn qī gāo zhì liàng jiāo fù le hé xīn yán fā rèn wù.

Tổ trưởng trưởng nhóm để tài dự án nghiên cứu khoa học vượt khó trọng đại đã dẫn dắt toàn thể cán bộ nghiên cứu cốt cán ngày đêm chiến đấu, bàn giao nhiệm vụ nghiên cứu phát triển cốt lõi chất lượng cao đúng kỳ hạn.

18 nét

HÁN VIỆT: TỔ TRƯỞNG

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#740

嘴

zuǐ

miệng, mồm, cái miệng

在实验室开展高精度化学试剂滴加操作时，实验员必须严格佩戴防护口罩，严禁用嘴直接吹吸移液管。

Zài shí yàn shì kāi zhǎn gāo jīng dù huà xué shì jì dī jiā cǎo zuò shí, shí yàn yuán bì xū yán gé pèi dài fáng hù kǒu zhào, yán jìn yòng zuǐ zhí jiē chuī xī yí yè guǎn.

Khi triển khai thao tác nhỏ giọt hóa chất thuốc thử độ chính xác cao trong phòng thí nghiệm, thí nghiệm viên bắt buộc phải đeo khẩu trang bảo hộ nghiêm ngặt, nghiêm cấm dùng miệng mồm trực tiếp thổi hút ống hút pipet.

12 nét

HÁN VIỆT: CHUỖ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#741

最近

zuì jìn

Gần đây

最近随着气温显著回升，各大府与城市园林景区内已是一派杨柳依依、春和景明的繁荣景象。

Zuì jìn suí zhe qì wēn xiǎn zhù huí shēng, gè dà xué fǔ yǔ chéng shì yuán lín jìng qū nèi yí shì yí pài yáng liú yī yī, chūn hé jǐng míng de fán róng jǐng xiàng.

Đạo gần đây khi nhiệt độ tăng dần lên rõ rệt, khắp các khuôn viên trường đại học và danh lam thắng cảnh đô thị đã ngập tràn sắc xuân ấm áp, đường liễu xanh mượt reo vui trong gió.

26 nét

HÁN VIỆT: TỐI CẬN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#742

作家

zuòjiā

nhà văn, tác giả văn học

著名人民作家深入基层农村扎根生活数年，创作出了一部深刻反映新时代乡村振兴史诗的传世巨著。

Zhù míng rén mín zuò jiā shēn rù jī céng nóng cūn zhā gēn shēng huó shù nián, chuàng zuò chū le yí bù shēn kè fǎn yǐng xīn shí dài xiāng zhèn xīng shǐ shī de chuán shì jù zhù.

Vị nhà văn nhân dân nổi tiếng đã đi sâu xuống cắm bản ở nông thôn cơ sở suốt nhiều năm, sáng tác nên một bộ kiệt tác để đời phản ánh sâu sắc thiên sử thi chấn hưng nông thôn thời đại mới.

18 nét

HÁN VIỆT: TÁC GIA

HSK 2 (3.0)

Danh từ / Động từ

#743

作文

zuò wén

bài văn, tập làm văn; làm văn

语文老师课堂上指导同学们在写作文时要善于观察生活细节、抒发真情实感，切忌虚假空洞的辞藻堆砌。

Yǔ wén lǎo shī kè táng shàng zhǐ dǎo tóng xué men zài xiě zuò wén shí yào shàn yú guān chá shēng huó xì jié, shū fā zhēn qíng shí gǎn, qì jì xū jiǎ kōng dòng de cí zǎo duī qì.

Thầy giáo dạy Ngữ văn tại lớp học đã hướng dẫn các bạn học sinh khi viết bài tập làm văn cần giới quan sát các chi tiết trong đời sống, bộc bạch cảm xúc và tình cảm chân thật, tuyệt đối tránh việc chấp vớ và từ ngữ sáo rỗng giả tạo.

18 nét

HÁN VIỆT: TÁC VĂN

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#744

作业

zuò yè

bài tập về nhà

每天放学回到家中，他都会自觉在书桌前专心致志地完成老师布置的各学科课后作业。

Mèi tiān fàng xué huí dào jiā zhōng, tā dōu huì zì jué zài shū zhuō qián zhuān xīn zhì zhì de wán chéng lǎo shī bù zhì de gè kē kè hòu zuò yè.

Mỗi ngày tan học về nhà, bạn ấy đều tự giác ngồi trước bàn học chăm chú hoàn thành trước tiên toàn bộ bài tập về nhà các môn mà thầy cô giao.

20 nét

HÁN VIỆT: TÁC NGHIỆP

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#745

作用

zuò yòng

tác dụng

保持科学合理的膳食结构与规律适度的有氧运动对增强人体综合抵抗力起着至关重要的积极促进作用。

Bǎo chí kē xué hé lǐ de shàn shí jié gòu yǔ guī lǚ shí dù de yǒu àng yùn dòng duì zēng qiáng rén tǐ zōng hé dǐ kàng lì qǐ zhe zhòng yào de jī jí cù jìn zuò yòng.

Việc duy trì cơ cấu ăn uống khoa học hợp lý cùng chế độ tập thể dục cardio đều đặn vừa sức đóng vai trò thúc đẩy tích cực tối quan trọng trong việc nâng cao sức đề kháng của cơ thể.

22 nét

HÁN VIỆT: TÁC DỤNG

HSK 2 (3.0)

Động từ

#746

座

zuò

tòa, ngọn, cây cầu (lượng từ cho công trình, núi, cầu); chỗ ngồi

在这座依山傍水、风景如画的江南古城中，保留着数十座历经数百年的古石拱桥。

Zài zhè zuò yǐ shān bàng shuǐ, fēng jǐng rú huà de jiāng nán gǔ chéng zhōng, bǎo liú zhe shù shí zuò jīng shù bǎi nián de gǔ shí gǒng qiáo.

Trong tòa thành cổ Giang Nam tựa núi nhìn sông đẹp như tranh vẽ này vẫn còn lưu giữ hàng chục cây cầu vòm đá cổ kính trải qua hàng trăm năm lịch sử.

12 nét

HÁN VIỆT: TOẠ

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#747

座位

zuò wèi

chỗ ngồi, ghế ngồi

在乘坐公共汽车与城市地铁出行时，请主动将爱心座位让给老弱病残孕以及怀抱婴儿的乘客。

Zài chéng zuò gōng gòng qì chē yǔ chéng shì dì tiě chū xíng shí, qǐng zhǔ dòng jiāng ài xīn zuò wèi ràng gěi lǎo ruò bìng cán yùn yì jī huái bào yīng ér de chéng kè.

Khi đi xe buýt công cộng và tàu điện ngầm trong thành phố, xin vui lòng tự giác nhường ghế ưu tiên cho người cao tuổi, người khuyết tật, bệnh nhân, phụ nữ mang thai và người bế con nhỏ.

21 nét

HÁN VIỆT: TOẠ VỊ



HSK 2 (3.0)

Động từ

#748

做到

zuò dào

làm điều đó

老师鼓励大家积极做到，勇于探索新的知识。

lǎo shī gǔ lì dà jiā jī jí zuò dào, yǒng yú tàn suǒ xīn de zhī shì.

Thầy giáo khuyến khích mọi người tích cực làm điều đó, dũng cảm khám phá kiến thức mới.

25 nét

HÁN VIỆT TỐ ĐÁO

HSK 2 (3.0)

Danh từ

#749

做法

zuò fǎ

cách làm, phương pháp thực hiện; cách chế biến

这种将大数据智能化分析与传统农业精细化管理相结合的创新做法，在全国各省市得到了大力推广。

Zhè zhǒng jiāng dà shù jù zhì néng huà fēn xī yǔ chuán tǒng nóng yè jīng xì guǎn lǐ xiāng jié hé de chuàng xīn zuò fǎ, zài quán guó gè shěng qū dé dào le dà lì tuī guǎng.

Cách làm phương pháp thực hiện đổi mới sáng tạo kết hợp giữa quản lý tỉ mỉ nông nghiệp truyền thống và phân tích thông minh hóa dữ liệu lớn này đã được nhân rộng mạnh mẽ tại các tỉnh thành khu vực trên cả nước.

21 nét

HÁN VIỆT TỐ PHÁP

HSK 2 (3.0)

Động từ

#750

做饭

zuò fàn

nấu cơm, nấu ăn

周末闲暇时光，全家人分工协作在厨房里开心地做饭烹饪，充满了浓浓的家庭温馨。

Zhōu mò xián xiá shí guāng, quán jiā rén fēn gōng xié zuò zài chú fáng lǐ kāi xīn de zuò fàn pēng rèn, chōng mǎn le nóng nóng de jiā tíng wēn xīn.

Thời gian rảnh rỗi cuối tuần, cả gia đình phân công phối hợp cùng nhau vui vẻ nấu cơm nấu ăn trong gian bếp, ngập tràn sự ấm áp đầm nồng của mái ấm gia đình.

20 nét

HÁN VIỆT TỐ PHẠM

🎉 CHÚC MỪNG BẠN ĐÃ HOÀN THÀNH TOÀN BỘ 750 TỪ HSK 2 (3.0)!

- ☐ Đã đọc thuộc lòng 100% phiên âm Pinyin
- ☐ Đã nhớ trọn vẹn âm Hán Việt để hiểu gốc từ
- ☐ Đã quét mã QR nghe giọng đọc chuẩn Bắc Kinh
- ☐ Đã thi thử trực tuyến đạt điểm mục tiêu



Sẵn sàng tiến tới HSK 3 (3.0)! 🚀

LỘ TRÌNH CHINH PHỤC HÁN NGỮ FOXHSK

Đồng hành cùng hàng vạn học viên Việt Nam bứt phá chứng chỉ HSK & HSKK với phương pháp học tập cá nhân hóa chuẩn thể hệ mới.

BẬC SƠ CẤP

HSK 1 – 2 – 3

Xây dựng nền tảng phát âm chuẩn Bắc Kinh, nắm chắc bộ thủ, cấu trúc ngữ pháp cơ bản và phản xạ giao tiếp đời sống thường nhật.

BẬC TRUNG CẤP

HSK 4 – 5

Mở rộng 1.200 – 2.500 từ vựng thực chiến, rèn luyện kỹ năng đọc hiểu chuyên sâu, chinh phục học bổng du học toàn phần Trung Quốc.

BẬC CAO CẤP

HSK 6 & HSK 7–9

Làm chủ văn phong học thuật, thương mại và dịch thuật song ngữ. Đạt ngưỡng ngôn ngữ tinh thông như người bản xứ.



Phòng Thi Thử HSK Trực Tuyến

Bộ đề thi thật có bấm giờ, chấm điểm tự động & giải thích chi tiết



Học Từ Vựng Thông Minh SRS

Thuật toán ghi nhớ ngắt quãng tối ưu theo đường cong quên lãng



Tập Viết Chữ Hán Động Chuẩn Nét

Mô phỏng thứ tự nét bút chuẩn giáo khoa kèm quy tắc bút thuận



Trợ Lý AI Cáo Foxi 24/7

Giải đáp ngữ pháp, dịch song ngữ và chỉnh sửa lỗi sai bài thi

Tham Gia Hệ Sinh Thái Học Tập FoxHSK

Truy cập website chính thức để thi thử đề HSK miễn phí, tra cứu hơn 11.000 từ vựng và tải trọn bộ tài liệu học tập độc quyền.

[TRUY CẬP FOXHSK.COM →](https://foxhsk.com)

